ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Phạm Thu Hà

SỰ BIẾN ĐỔI CỦA Ý THỨC ĐẠO ĐỨC THANH NIÊN DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA KINH TẾ THỊ TRƯỜNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

HÀ NỘI - 2026

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Phạm Thu Hà

SỰ BIẾN ĐỔI CỦA Ý THỨC ĐẠO ĐỨC THANH NIÊN DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA KINH TẾ THỊ TRƯỜNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Chuyên ngành: Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử
Mã số: 9229001.01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
1. PGS. TS. Nguyễn Thị Thúy Vân
2. TS. Trần Thị Điểu

XÁC NHẬN NCS ĐÃ CHỈNH SỬA THEO QUYẾT NGHỊ
CỦA HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN

Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án Tiến sĩ

PGS. TS. Nguyễn Anh Tuấn

Người hướng dẫn khoa học

1. PGS.TS. Nguyễn Thị Thúy Vân

2. TS. Trần Thị Điểu

HÀ NỘI – 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi, dưới sự hướng dẫn của PGS.TS. Nguyễn Thị Thúy Vân và TS. Trần Thị Điểu. Các số liệu, tài liệu trong luận án là trung thực, đảm bảo tính khách quan. Các tài liệu tham khảo có nguồn gốc rõ ràng. Kết quả nghiên cứu của luận án chưa được công bố ở công trình nghiên cứu khoa học nào khác.

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

NGƯỜI CAM ĐOAN

Phạm Thu Hà

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên, tôi xin trân trọng cảm ơn Ban Giám hiệu, Phòng Đào tạo và quý thầy cô giảng viên Khoa Triết học - Quản lý thuộc Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội đã tận tâm trao truyền tri thức và tạo điều kiện cho tôi trong suốt quá trình tôi học tập, nghiên cứu và giúp đỡ tôi hoàn thành luận án này.

Đặc biệt, tôi xin trân trọng bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới PGS.TS. Nguyễn Thị Thúy Vân và TS. Trần Thị Điểu đã tận tình chỉ bảo, hướng dẫn, hỗ trợ tôi trong suốt quá trình thực hiện luận án.

Tôi cũng xin được gửi lời cảm ơn chân thành tới các cán bộ, giảng viên và đồng nghiệp đã tạo điều kiện cho tôi thực hiện nghiên cứu đề tài.

Cuối cùng, tôi xin được bày tỏ sự tri ân tới gia đình, cơ quan, đồng nghiệp, bạn bè đã tạo mọi điều kiện giúp đỡ và động viên tôi trong suốt quá trình tôi thực hiện luận án.

Xin trân trọng cảm ơn!

TÁC GIẢ LUẬN ÁN

Phạm Thu Hà

DANH MỤC CÁC KÍ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu	Nội dung
1.	CNXH	Chủ nghĩa Xã hội
2.	KTTT	Kinh tế thị trường
3.	NXB	Nhà xuất bản
4.	TBCN	Tư bản chủ nghĩa
5.	TN	Thanh niên
6.	TNCS	Thanh niên cộng sản
7.	XHCN	Xã hội Chủ nghĩa
8.	YTĐĐ	Ý thức đạo đức
9.	YTĐĐTN	Ý thức đạo đức thanh niên

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN ..... **i**
LỜI CẢM ƠN ..... **ii**
DANH MỤC CÁC KÍ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT ..... **iii**
MỤC LỤC **1**
MỞ ĐẦU **5**
1. Lý do chọn đề tài ***5***
2. Mục đích nghiên cứu và nhiệm vụ nghiên cứu ***7***
3. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu ***8***
4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu ***9***
5. Đóng góp khoa học của luận án ***11***
6. Ý nghĩa của luận án ***11***
7. Kết cấu của luận án ***12***
NỘI DUNG **13**
CHƯƠNG 1 ..... **13**
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU **13**
1.1. Những công trình nghiên cứu lý luận về đạo đức, ý thức đạo đức, ý thức đạo đức thanh niên dưới tác động của kinh tế thị trường ***13***
1.2. Những công trình nghiên cứu về thực trạng biến đổi đạo đức thanh niên và biến đổi ý thức đạo đức thanh niên dưới tác động của kinh tế thị trường ***20***
1.3. Những công trình nghiên cứu về định hướng và giải pháp thúc đẩy biến đổi tích cực của đạo đức thanh niên và ý thức đạo đức thanh niên dưới tác động của kinh tế thị trường ***29***
1.4. Khái quát kết quả các công trình nghiên cứu đã được tổng quan và hướng tiếp cận nghiên cứu của luận án ***36***
1.4.1. Đánh giá chung các công trình nghiên cứu đã được tổng quan *36*
1.4.2. Hướng tiếp cận nghiên cứu của luận án *38*
Tiểu kết chương 1 ..... **40**
CHƯƠNG 2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ SỰ BIẾN ĐỔI Ý THỨC ĐẠO ĐỨC THANH NIÊN DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA KINH TẾ THỊ TRƯỜNG Ở VIỆT NAM **41**

2.1. Ý thức đạo đức thanh niên - một bộ phận của ý thức đạo đức xã hội 41
2.1.1. Quan niệm về đạo đức và ý thức đạo đức 41
2.1.2. Khái niệm và đặc điểm của ý thức đạo đức thanh niên 50
2.1.3. Cấu trúc và biểu hiện của ý thức đạo đức thanh niên..... 58
2.2. Sự tác động của kinh tế thị trường đến ý thức đạo đức thanh niên Việt Nam 64
2.2.1. Kinh tế thị trường ở Việt Nam..... 64
2.2.2. Chiều hướng và cơ chế tác động của kinh tế thị trường đến ý thức đạo đức thanh niên 70
2.3. Tính tất yếu, đặc điểm và những biểu hiện của sự biến đổi ý thức đạo đức thanh niên dưới tác động của kinh tế thị trường ở Việt Nam.....78
2.3.1. Tính tất yếu của sự biến đổi ý thức đạo đức thanh niên dưới tác động của kinh tế thị trường ở Việt Nam..... 78
2.3.2. Đặc điểm của sự biến đổi ý thức đạo đức thanh niên dưới tác động của kinh tế thị trường ở Việt Nam..... 82
2.3.3. Những biểu hiện của sự biến đổi ý thức đạo đức thanh niên dưới tác động của kinh tế thị trường ở Việt Nam 84
Tiểu kết chương 2 88
CHƯƠNG 3. THỰC TRẠNG SỰ BIẾN ĐỔI Ý THỨC ĐẠO ĐỨC THANH NIÊN DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA KINH TẾ THỊ TRƯỜNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA 89
3.1. Khái quát tình hình thanh niên Việt Nam hiện nay 89
3.2. Thực trạng biến đổi ý thức đạo đức thanh niên dưới tác động của kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay.....92
3.2.1. Thực trạng biến đổi tri thức đạo đức của thanh niên..... 92
3.2.2. Thực trạng biến đổi tình cảm đạo đức của thanh niên 106
3.2.3. Thực trạng biến đổi niềm tin đạo đức của thanh niên..... 116
3.2.4. Thực trạng biến đổi lý tưởng đạo đức của thanh niên 121
3.3. Đánh giá thực trạng, nguyên nhân và một số vấn đề đặt ra từ thực trạng biến đổi ý thức đạo đức thanh niên dưới tác động của kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay 125

3.3.1. Đánh giá thực trạng biến đổi ý thức đạo đức thanh niên dưới tác động của kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay 125

3.3.2. Nguyên nhân của thực trạng biến đổi ý thức đạo đức thanh niên dưới tác động của kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay 132

3.3.3. Một số vấn đề đặt ra từ thực trạng biến đổi ý thức đạo đức thanh niên dưới tác động của kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay 141

Tiểu kết chương 3 145

CHƯƠNG 4. QUAN ĐIỂM ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẰM THÚC ĐẨY NHỮNG BIẾN ĐỔI TÍCH CỰC VÀ HẠN CHẾ NHỮNG BIẾN ĐỔI TIÊU CỰC CỦA Ý THỨC ĐẠO ĐỨC THANH NIÊN DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA KINH TẾ THỊ TRƯỜNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY 146

4.1. Một số quan điểm định hướng 147

4.1.1. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm tạo tiền đề thúc đẩy biến đổi tích cực của ý thức đạo đức thanh niên 147

4.1.2. Tăng cường sự phối hợp giữa các thiết chế xã hội và truyền thông trong định hướng giá trị, giáo dục đạo đức cho TN, đặc biệt coi trọng phát triển năng lực tự giáo dục đạo đức của TN 151

4.1.3. Bám sát mục tiêu xây dựng hệ giá trị văn hóa, con người Việt Nam nói chung và xây dựng hình mẫu thanh niên thời kì mới nói riêng để định vị phương hướng xây dựng, phát triển ý thức đạo đức tiến bộ cho thanh niên 158

4.2. Một số giải pháp cụ thể 163

4.2.1. Xây dựng, hoàn thiện các cơ chế, chính sách kinh tế - xã hội nhằm tạo môi trường thuận lợi thúc đẩy biến đổi tích cực, hạn chế biến đổi tiêu cực trong ý thức đạo đức thanh niên 163

4.2.2. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác giáo dục đạo đức cho thanh niên hiện nay trong sự phối kết hợp chặt chẽ, đồng bộ của cả hệ thống chính trị, các hiệp hội, gia đình, nhà trường, và các lực lượng khác trong xã hội 176

4.2.3. Xây dựng cơ chế tự giáo dục, tự rèn luyện và khuyến khích tính tự giác học tập, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của thanh niên trong bối cảnh mới 197

Tiểu kết chương 4 207

KẾT LUẬN CHUNG 208

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN.....210
TÀI LIỆU THAM KHẢO 211
PHỤ LỤC CÁC BẢNG BIỂU.....232

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế, Việt Nam đang từng bước xây dựng và hoàn thiện nền KTTT định hướng XHCN. Quá trình này đã tạo ra những chuyển biến sâu sắc trong đời sống kinh tế, quan hệ lợi ích và những biến động đa chiều của đời sống xã hội. Cùng với những biến đổi về kinh tế và thể chế, đời sống tinh thần của xã hội cũng có nhiều thay đổi, đặc biệt là sự vận động và biến đổi của hệ giá trị và chuẩn mực đạo đức.

Với tư cách là một hình thái ý thức xã hội đặc thù, YTĐĐ phản ánh tồn tại xã hội và đóng vai trò điều chỉnh hành vi của con người thông qua hệ thống các chuẩn mực và giá trị được xã hội thừa nhận. Tuy nhiên, các giá trị và chuẩn mực đạo đức không phải là những yếu tố bất biến mà luôn gắn với những điều kiện lịch sử - xã hội cụ thể. Khi các quan hệ kinh tế và lợi ích xã hội thay đổi, hệ giá trị đạo đức cũng có sự điều chỉnh nhất định để thích ứng với bối cảnh mới. Trong điều kiện KTTT, sự phát triển của quan hệ hàng hóa - tiền tệ, quá trình toàn cầu hóa và sự đa dạng hóa các quan hệ xã hội đã làm cho hệ giá trị đạo đức trở nên phong phú hơn, đồng thời cũng đặt ra những thách thức đối với việc duy trì và phát triển các chuẩn mực đạo đức truyền thống. Các nghiên cứu về biến đổi giá trị trong xã hội hiện đại cho thấy quá trình hiện đại hóa và phát triển KTTT thường kéo theo sự chuyển dịch đáng kể trong hệ giá trị và chuẩn mực đạo đức của các nhóm xã hội, đặc biệt là thế hệ trẻ [176, tr. 19-25].

TN là lực lượng xã hội có vị trí đặc biệt quan trọng luôn chịu tác động mạnh mẽ từ những biến đổi kinh tế - xã hội. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, TN Việt Nam trong độ tuổi từ 16 đến 30 hiện chiếm khoảng hơn một phần ba lực lượng lao động của cả nước [118]. Với đặc điểm tâm lý năng động, khả năng thích ứng nhanh và mức độ tham gia cao vào nhiều lĩnh vực, TN thường là nhóm xã hội tiếp nhận nhanh nhất các giá trị và chuẩn mực đạo đức mới. Ở Việt Nam, TN được coi là "rường cột của nước nhà", không chỉ là lực lượng lao động chủ yếu trong quá trình hội nhập và phát triển đất nước mà còn là chủ thể tích cực trong việc sáng tạo và lan tỏa các giá trị văn hóa, đạo đức trong đời sống xã hội. Do đó, ở phương diện xã hội,

sự biến đổi trong YTĐĐTN không chỉ phản ánh những chuyển biến của đời sống kinh tế, chính trị, xã hội mà còn thể hiện những xu hướng biến đổi cơ bản của đời sống đạo đức, tinh thần của xã hội, và ở phương diện cá nhân, sự biến đổi này cũng trực tiếp chi phối hành vi, quan hệ đạo đức của TN, qui định hướng phát triển nhân cách của người trẻ - những chủ nhân tương lai của đất nước.

Qua 40 năm đất nước đổi mới, yêu cầu xây dựng con người Việt Nam trong đó có TN mang gốc nhân cách là nền tảng đạo đức tiến bộ luôn được Đảng ta hết sức chú trọng. Văn kiện Đại hội Đảng khóa XIII đã yêu cầu phải tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống và lý tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ nhằm xây dựng thế hệ TN Việt Nam phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức và nhân cách [24, tr.168-169]. Bước vào kỉ nguyên mới, Nghị quyết Đại hội khóa XIV của Đảng tiếp tục nhấn mạnh: "Phát triển toàn diện con người Việt Nam về đạo đức, trí tuệ, ý thức dân tộc, trách nhiệm công dân, thượng tôn pháp luật, năng lực sáng tạo, thẩm mỹ, thể lực, kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng số" [192].

Tuy nhiên, thực tiễn xã hội Việt Nam thời gian qua nổi lên những biểu hiện phức tạp của đời sống kinh tế xã hội: KTTT càng phát triển càng tạo ra nhiều cơ hội mới cho TN không ngừng hoàn thiện nhân cách, đồng thời KTTT cũng đặt ra nhiều vấn đề đáng lo ngại về mặt đạo đức xã hội khi điều kiện cạnh tranh kinh tế và sự đa dạng hóa lợi ích xã hội ngày càng rõ nét, đặc biệt trong bối cảnh nền KTTT ở Việt Nam hiện nay gắn chặt với hội nhập quốc tế và phát triển khoa học công nghệ, bùng nổ trí tuệ nhân tạo, đẩy mạnh kinh tế số, kinh tế chia sẻ, kinh tế xanh,…. Chúng ta đã và đang chứng kiến những biến động đa dạng trong đời sống người trẻ, đặc biệt là những biến đổi trái chiều của YTĐĐTN. Bên cạnh thế hệ TN đề cao lối sống có lý tưởng, hoài bão, khát khao sáng tạo, cống hiến, trách nhiệm, sẵn sàng bảo vệ lẽ phải, đề cao công bằng, dân chủ, tự trọng, ý chí vươn lên và ý thức tự lập,… còn một bộ phận không nhỏ TN sống thiếu lý tưởng, giảm sút niềm tin, thờ ơ với đời sống chính trị - xã hội, xa rời truyền thống văn hóa dân tộc, đề cao lối sống thực dụng, sùng bái vật chất, sống gấp một cách vô cảm, theo đuổi chủ nghĩa cá nhân vị kỷ, chuộng hình thức, sống ảo mà xem nhẹ giá trị thực chất bên trong, sẵn sàng đánh đổi liêm chính chạy theo lợi ích kinh tế, tình trạng thiếu

ý thức chấp hành pháp luật, tội phạm và tệ nạn xã hội trong TN đang gia tăng và diễn biến ngày càng phức tạp,…

Thực trạng này cho thấy mặt đối lập phức tạp của các vấn đề xã hội, giữa một bên là yêu cầu xây dựng, bảo tồn và định hướng, phát triển hệ giá trị đạo đức tiến bộ cho TN phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững con người Việt Nam trong kỉ nguyên mới và một bên là những diễn biến đa chiều của YTĐĐTN dưới tác động của KTTT. Mâu thuẫn đó đặt ra yêu cầu phải nhận diện để nghiên cứu một cách có hệ thống và cập nhật về sự biến đổi của YTĐĐTN dưới tác động của KTTT ở Việt Nam hiện nay. Theo đó, việc nghiên cứu này có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn, góp phần làm rõ thực trạng biến đổi của YTĐĐTN, đồng thời cung cấp cơ sở khoa học cho việc xây dựng các định hướng và giải pháp nhằm thúc đẩy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi lệch chuẩn ở TN, qua đó góp phần xây dựng thế hệ TN Việt Nam phát triển toàn diện trong giai đoạn mới.

Với những lí do trên, tác giả lựa chọn vấn đề nghiên cứu: ***"Sự biến đổi của ý thức đạo đức thanh niên dưới tác động của kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay"*** làm đề tài luận án tiến sĩ triết học của mình.

2. Mục đích nghiên cứu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở phân tích, làm rõ những nội dung lý luận và thực trạng biến đổi YTĐĐTN dưới tác động của KTTT ở Việt Nam hiện nay, luận án đề xuất một số quan điểm định hướng và giải pháp nhằm góp phần thúc đẩy những biến đổi tích cực và hạn chế những biến đổi tiêu cực của YTĐĐTN ở Việt Nam hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu trên, luận án cần thực hiện các nhiệm vụ cụ thể:

- Tổng quan những công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài, đánh giá những đóng góp và khoảng trống nghiên cứu của các công trình về mặt lý luận, thực tiễn và giải pháp, từ đó chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tiếp tục nghiên cứu.

- Hệ thống hóa, xây dựng những nội dung lý luận về YTĐĐTN và sự biến đổi YTĐĐTN dưới tác động của KTTT ở Việt Nam hiện nay.

- Phân tích và đánh giá thực trạng sự biến đổi của YTĐĐTN dưới tác động của KTTT ở Việt Nam, chỉ ra những nguyên nhân cơ bản và những vấn đề đặt ra từ thực trạng biến đổi đó.

- Đề xuất một số quan điểm định hướng và giải pháp cơ bản nhằm nhằm thúc đẩy những biến đổi tích cực và hạn chế những biến đổi tiêu cực trong YTĐĐTN dưới tác động của KTTT ở Việt Nam thời gian tới.

3. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu:

Sự biến đổi của YTĐĐTN dưới tác động của KTTT ở Việt Nam hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu:

- *Về nội dung nghiên cứu:*

Thứ nhất, từ góc độ tiếp cận triết học trong mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, mối quan hệ giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng, luận án chỉ tập trung nghiên cứu sự biến đổi YTĐĐTN dưới tác động của KTTT.

Thứ hai, Luận án khảo cứu sự biến đổi YTĐĐTN theo cấu trúc của YTĐĐTN (gồm tri thức đạo đức, tình cảm đạo đức, niềm tin đạo đức, lý tưởng đạo đức của TN), đồng thời phân tích những biểu hiện của sự biến đổi YTĐĐTN thể hiện ở ba mối quan hệ đạo đức chủ đạo của TN: (1) Sự biến đổi YTĐĐTN trong mối quan hệ của TN với chính bản thân; (2) Sự biến đổi YTĐĐTN trong mối quan hệ của TN với gia đình và xã hội; (3) Sự biến đổi YTĐĐTN trong mối quan hệ của TN với môi trường sống tự nhiên.

- *Về thời gian nghiên cứu*:

Luận án tập trung khảo sát sự biến đổi YTĐĐTN trong khoảng thời gian từ năm 2001 đến nay bởi các lí do cơ bản sau:

Việt Nam chính thức bước vào giai đoạn Đổi mới, chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế từ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp sang cơ chế thị trường định hướng XHCN từ năm 1986. Đến năm 2001, lần đầu tiên văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc khóa IX đã chính thức đưa ra thuật ngữ "KTTT định hướng XHCN". Đây cũng là thời kì Việt Nam đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập

quốc tế, phát triển nền KTTT gắn liền với phát triển kinh tế tri thức. Đến nay nền KTTT Việt Nam đang bước vào kỉ nguyên số, phát triển kinh tế tri thức gắn liền với kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ với tác động sâu rộng của toàn cầu hóa và khoa học công nghệ. Điều đó đã làm biến đổi mạnh mẽ đời sống người trẻ trong đó có YTĐĐTN. Mặt khác tính từ năm 2001 đến nay trải qua hơn 20 năm, cũng là quãng thời gian tương đối phù hợp để định hình những nét cơ bản chân dung lớp TN mới với những biến đổi rõ nét về nhận thức, thái độ và hành động so với lớp TN sống trong thời gian trước đó.

- *Về khách thể nghiên cứu*: Các tài liệu mà Luận án khảo cứu chủ yếu tập trung nghiên cứu ở bốn nhóm TN phân chia theo nghề nghiệp điển hình là: (1) Thanh niên nông dân; (2) Thanh niên công nhân; (3) Thanh niên học sinh, sinh viên; (4) Thanh niên công chức, viên chức. Về cơ bản, đây là bốn nhóm TN có tính đại diện cao, luôn chiếm số lượng đông đảo trong lực lượng TN, có trình độ nhận thức nhất định, có sự tham gia tương đối sâu rộng trong các lĩnh vực đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội…

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được thực hiện dựa trên cơ sở phương pháp luận của Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử, Tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách, pháp luật của Nhà nước về TN, về đạo đức TN và giáo dục đạo đức TN trong điều kiện phát triển KTTT ở Việt Nam hiện nay.

Luận án vận dụng các quan điểm, nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, đặc biệt là quan điểm về sự vận động, phát triển, nguyên lý tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội, mối quan hệ biện chứng giữa các hình thái ý thức xã hội trong đó chú ý đến mối quan hệ giữa ý thức đạo đức và các hình thái ý thức xã hội khác, mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng (các quan hệ kinh tế) và kiến trúc thượng tầng (đạo đức). Các quan điểm và nguyên lý này được vận dụng chủ yếu trong xây dựng khung lý thuyết về YTĐĐTN, về sự tác động của KTTT đến YTĐĐTN, sự biến đổi của

YTĐĐTN dưới tác động của KTTT, trong quá trình khái quát thực trạng và lý giải tính tất yếu, những biểu hiện và nguyên nhân của sự biến đổi này, đồng thời các giải pháp đưa ra cũng được căn cứ trên cơ sở quán triệt, vận dụng những nguyên lý nền tảng này.

4.2. Các phương pháp nghiên cứu cụ thể

Luận án sử dụng kết hợp các phương pháp: phân tích và tổng hợp, thống nhất lịch sử - logic, so sánh, liên ngành (triết học, xã hội học, tâm lý học, giáo dục học,…), phương pháp khảo cứu số liệu, thống kê, so sánh, tổng kết thực tiễn,v.v…

** Phương pháp phân tích và tổng hợp*

Luận án phân tích, tổng hợp các tư liệu khoa học nhằm làm rõ các vấn đề lý luận về YTĐĐTN và sự biến đổi của YTĐĐTN dưới tác động của KTTT ở Việt Nam.

Luận án khảo sát, tổng hợp, phân tích các tài liệu thứ cấp gồm các công trình nghiên cứu, các báo cáo, bài viết của các cơ quan, tổ chức, cá nhân về đời sống của TN ở các khía cạnh, lĩnh vực,… Các số liệu, kết quả nghiên cứu, nhận định…có tính khoa học khi trích dẫn đã được thẩm định, công bố từ các nguồn, các kênh thông tin uy tín, chính thống… Từ đó luận án phân tích, so sánh, đối chiếu, và tổng kết, đánh giá để tìm hiểu thực trạng biến đổi YTĐĐTN dưới tác động của KTTT ở Việt Nam hiện nay và đề xuất các giải pháp phù hợp.

** Phương pháp thống nhất lịch sử - logic*

Luận án áp dụng phương pháp này nhằm nghiên cứu sự biến đổi YTĐĐTN trong tiến trình lịch sử, bám sát các số liệu, dữ kiện về sự biến đổi để từ đó chỉ ra tính tất yếu cũng như những vấn đề có tính quy luật của sự biến đổi YTĐĐTN dưới tác động của KTTT ở Việt Nam hiện nay.

** Phương pháp so sánh - đối chiếu, khảo cứu số liệu, tổng kết thực tiễn*

Luận án sử dụng các phương pháp như khảo cứu số liệu, tổng kết thực tiễn trên cơ sở các tài liệu thứ cấp cung cấp các số liệu về TN nói chung và YTĐĐTN nói riêng, từ đó, khái quát, tổng kết, đánh giá các số liệu để minh họa cho các nội dung luận điểm trình bày trong luận án.

Phương pháp so sánh, đối chiếu được sử dụng nhằm làm rõ sự biến đổi YTĐĐTN giữa các giai đoạn lịch sử khác nhau.

** Phương pháp liên ngành*

Luận án áp dụng phương pháp liên ngành kết hợp triết học với xã hội học, tâm lý học, giáo dục học,… để tiếp cận vấn đề một cách toàn diện.

5. Đóng góp khoa học của luận án

- Từ góc độ tiếp cận triết học, luận án góp phần làm rõ và hoàn thiện những vấn đề lý luận về YTĐĐTN dưới tác động của KTTT trên cơ sở phân tích mối quan hệ phổ quát giữa tồn tại xã hội (ở đây là yếu tố kinh tế) với ý thức xã hội (cụ thể là ý thức đạo đức), từ đó chỉ ra tính tất yếu và biểu hiện biến đổi YTĐĐTN dưới tác động của KTTT.

- Trên cơ sở các dữ liệu và các phân tích thực tiễn, luận án đã đưa ra một bức tranh tương đối cập nhật về thực trạng biến đổi YTĐĐTN dưới tác động của KTTT ở Việt Nam hiện nay, từ đó có những đánh giá về thực trạng và chỉ ra những nguyên nhân cùng những vấn đề đặt ra từ thực trạng biến đổi đó.

- Luận án đã đề xuất một số quan điểm định hướng và giải pháp mang tính đồng bộ, gắn với điều kiện KTTT, nhằm định hướng sự biến đổi YTĐĐTN theo hướng kết hợp hài hòa giữa phát triển cá nhân và phát triển xã hội.

6. Ý nghĩa của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận án góp phần bổ sung, hoàn thiện lý luận triết học về mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, cụ thể là giữa KTTT và YTĐĐ xã hội, đặc biệt là YTĐĐTN và sự biến đổi của YTĐĐTN dưới tác động của KTTT ở Việt Nam.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

- Luận án góp phần làm rõ thực trạng biến đổi của YTĐĐTN dưới tác động của KTTT ở Việt Nam hiện nay.

- Luận án góp phần gợi mở các giải pháp khả thi nhằm định hướng, nâng cao YTĐĐ cho TN phù hợp với yêu cầu xây dựng con người Việt Nam trong bối cảnh phát triển KTTT định hướng XHCN gắn liền hội nhập quốc tế, chuyển đổi số hiện nay.

- Luận án góp phần cung cấp những phân tích, luận giải khoa học làm cơ sở cho việc hoạch định chính sách công tác thanh niên, đề ra phương hướng giáo dục đạo đức TN trong thời kì mới.

- Luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho giảng dạy, nghiên cứu về đạo đức học, triết học xã hội, công tác thanh niên.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, Danh mục các công trình khoa học đã công bố của tác giả, Phụ lục, luận án bao gồm 4 chương và 13 tiết.

NỘI DUNG

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Những công trình nghiên cứu lý luận về đạo đức, ý thức đạo đức, ý thức đạo đức thanh niên dưới tác động của kinh tế thị trường

Liên quan đến hướng nghiên cứu này có nhiều công trình trong nước và ở nước ngoài đã luận giải, phân tích, đánh giá ở các góc độ khác nhau.

** Về các công trình nghiên cứu trong nước:*

Hướng nghiên cứu về nguồn gốc, bản chất của đạo đức, YTĐĐ, YTĐĐTN có thể kể đến các công trình như*:*

Nhóm tác giả Phạm Khắc Chương, Nguyễn Thị Yến Phương (2010) với cuốn "*Đạo đức học*" [14] đã xem xét đạo đức là một hình thái ý thức đặc biệt của xã hội loài người phản ánh các mối quan hệ hiện thực bắt nguồn từ bản thân cuộc sống con người, từ đó các tác giả đã làm rõ chức năng của đạo đức trong các mối quan hệ của con người. Ở đây, đạo đức được hiểu là tổng hợp các quy tắc, chuẩn mực xã hội mà nhờ nó con người tự giác điều chỉnh hành vi của mình trong các mối quan hệ cho phù hợp với lợi ích, sự tiến bộ chung của xã hội. Các mối quan hệ của con người chịu sự chi phối của đạo đức được các tác giả chỉ ra là: mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, với cộng đồng, với chính bản thân mình. Khái quát tương đối toàn diện lý luận chung về đạo đức và đạo đức học Mác - Lênin còn có cuốn "*Đạo đức học Mác - Lênin*" [102] của nhóm tác giả Trần Đăng Sinh và Nguyễn Thị Thọ (2018) đã phân tích nguồn gốc, bản chất, chức năng của đạo đức và các phạm trù cơ bản của đạo đức học (lẽ sống, thiện, ác, hạnh phúc, nghĩa vụ…). Điểm nhấn của công trình là các tác giả bàn thêm về lý luận giáo dục đạo đức như mục tiêu, chủ thể, nội dung giáo dục đạo đức khá rõ. Đây là những căn cứ lý thuyết quan trọng giúp tác giả luận án luận giải về phương hướng giáo dục đạo đức cho TN trong thời kì mới. Cùng với đó, những vấn đề lý luận này cũng được tác giả luận án chú trọng kế thừa để xây dựng khung lí thuyết quan niệm về đạo đức, YTĐĐ, làm tiền đề khái quát lên quan niệm về YTĐĐTN.

Đi sâu nghiên cứu về bản chất, các thành tố cấu trúc của đạo đức, của YTĐĐ, từ đó có bàn đến quan niệm về YTĐĐ, YTĐĐTN trong sự tương tác với điều kiện kinh tế: Tác giả Lê Thị Tuyết Ba (2010) với cuốn "*Ý thức đạo đức trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay*" [5] đã phân tích và cho thấy YTĐĐ là một trong số các hình thái ý thức xã hội, cùng với các hình thái ý thức xã hội khác như ý thức chính trị, ý thức khoa học, ý thức thẩm mỹ, ý thức pháp luật, ý thức tôn giáo…. phản ánh tồn tại xã hội ở những khía cạnh nhất định. Căn cứ vào cấp độ phản ánh tác giả đưa ra quan niệm về thành tố cấu trúc của YTĐĐ: ở cấp độ phản ánh cảm tính thì trong YTĐĐ có nhu cầu đạo đức và tình cảm đạo đức, ở cấp độ phản ánh lý tính thì trong YTĐĐ có tri thức đạo đức, chuẩn mực đạo đức, và lý tưởng đạo đức. Từ đó, tác giả lập luận lý giải sự tác động của KTTT đến YTĐĐ theo hai chiều hướng tích cực và tiêu cực. Trong luận án Tiến sĩ triết học của tác giả Diệp Minh Giang (2011) với đề tài "*Xây dựng đạo đức của TN Việt Nam trong nền KTTT định hướng XHCN*" [31], tác giả đã nêu lên hướng tiếp cận YTĐĐTN cùng với hành vi đạo đức của TN và quan hệ đạo đức của TN hợp thành cấu trúc của đạo đức TN. Từ đó, tác giả đã làm rõ bản chất, đặc điểm của đạo đức TN và cấu trúc của YTĐĐTN bao gồm: Tri thức đạo đức của TN, tình cảm đạo đức của TN, ý chí đạo đức của TN. Trên cơ sở lí luận đó, tác giả phân tích sự tác động qua lại giữa đạo đức TN và nền KTTT định hướng XHCN. Có thể nói, những nghiên cứu này đã định hướng trực tiếp cho tác giả luận án xây dựng những vấn đề lý luận về các thành tố cấu trúc của YTĐĐ nói chung và YTĐĐTN nói riêng và nghiên cứu cơ chế, chiều hướng tác động của KTTT đến YTĐĐTN.

Hướng nghiên cứu về các mối quan hệ của đạo đức, các nhân tố tác động đến đạo đức, đến YTĐĐTN, trong đó nổi bật là sự tác động của KTTT đến đạo đức, đến YTĐĐTN, có thể kể đến các công trình như:

Tác giả Huỳnh Khái Vinh (2001) trong cuốn "*Một số vấn đề về lối sống, đạo đức, chuẩn giá trị xã hội*" [148] đã đề cập dưới góc độ lý luận về lối sống, đạo đức và chuẩn giá trị xã hội; từ đó phân tích sự tác động của các nhân tố chính trị, kinh tế, xã hội và xu hướng chuyển đổi lối sống, đạo đức, chuẩn giá trị xã hội. Qua đó,

sự tác động của KTTT đến xu hướng biến đổi đạo đức đã được tác giả luận giải. Đây đều là những tư liệu quan trọng góp phần định hướng việc tiếp cận, phân tích, đánh giá mối quan hệ, sự tác động giữa KTTT và đạo đức, lối sống, chuẩn mực giá trị trong các nghiên cứu ở Việt Nam sau này, và được tác giả luận án kế thừa xây dựng những vấn đề lý thuyết về sự tác động KTTT làm biến đổi YTĐĐTN. Đề cập đến mối quan hệ kinh tế và đạo đức, làm rõ nội hàm của KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam và tác động của nó đối với đạo đức, tác giả Trịnh Duy Huy (2009) có nghiên cứu: "*Xây dựng đạo đức mới trong nền KTTT định hướng XHCN"* [50]. Sau khi khái quát các quan niệm, học thuyết khác nhau về sự tác động của KTTT đến đạo đức, như "Thuyết trượt dốc"; "Thuyết leo dốc"; "Thuyết thúc đẩy" hay "Thuyết trả giá" của các học giả Trung Quốc, tác giả cho rằng sự tác động của KTTT đến lĩnh vực đạo đức chủ yếu theo hai chiều hướng: tích cực và tiêu cực. Những luận giải của tác giả trong cuốn sách là tài liệu tham khảo quan trọng để nghiên cứu sự tác động của KTTT đến sự biến đổi YTĐĐTN ở Việt Nam hiện nay.

Trong cuốn "Mấy vấn đề đạo đức học Mácxít và xây dựng đạo đức trong điều kiện KTTT ở Việt Nam hiện nay" [55], từ việc khái quát nội hàm, các quy luật vận động của đạo đức, tác giả Nguyễn Thế Kiệt (2012) đã phân tích những nguyên nhân làm biến đổi thang giá trị đạo đức hiện nay. Về mặt lý luận, tác giả đã chỉ rõ chính sự biến đổi của điều kiện kinh tế xã hội tất yếu làm biến đổi thang giá trị đạo đức, một trong số đó có nguyên nhân từ sự chuyển đổi sang cơ chế thị trường, ngoài ra còn do yếu tố hội nhập mở cửa giao lưu, sự tấn công của các thế lực thù địch,… Cũng đặt vào bối cảnh phát triển KTTT, tác giả Nguyễn Thị Thúy Vân (2011) (2017) đã có những nghiên cứu làm rõ mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật trong nền KTTT, điển hình như: "*Mối quan hệ giữa pháp luật và đạo đức trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam hiện nay - nhìn từ góc độ tính nhân văn của lý luận cánh tả*" [135], "*Vận dụng phương pháp luận biện chứng duy vật trong nghiên cứu kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay*" [136**]**. Các nghiên cứu này là nguồn cung cấp cơ sở lí luận trực tiếp cho luận án về những tác động của KTTT đến đạo đức xã hội, trong đó

cần có cách tiếp cận và xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa pháp luật và đạo đức để định hướng phát triển YTĐĐ tiến bộ cho TN.

Có thể nói, các công trình nghiên cứu trên đã cung cấp tư liệu quan trọng về cơ sở lí luận cho nghiên cứu của tác giả luận án khi xây dựng lý thuyết về mối quan hệ giữa KTTT và sự biến đổi của đạo đức xã hội nói chung và biến đổi YTĐĐTN nói riêng.

** Về các công trình nghiên cứu ở nước ngoài:*

Hướng tới nghiên cứu những vấn đề lý thuyết, nội hàm, bản chất, các mối quan hệ của đạo đức và YTĐĐ của giới trẻ, có thể kể đến như:

Đã có nhiều công trình khoa học, sách chuyên khảo và tạp chí chuyên ngành đóng góp vào việc hình thành khung lý thuyết, xác lập các khái niệm trung tâm và mở rộng các hướng nghiên cứu mới về đạo đức trong bối cảnh kinh tế xã hội hiện đại. Có thể kể đến như: Trong cuốn "*The Oxford Handbook of Ethical Theory"* (Cẩm nang Oxford về Lý thuyết Đạo đức) [171], nhóm tác giả Mandelbaum & Stears, eds. (2015) đã tổng hợp và phân tích các lý thuyết đạo đức chính như vị lợi, đức hạnh, hợp đồng xã hội, và mở rộng các hướng mới như đạo đức chăm sóc (ethics of care) và đạo đức phát triển (developmental ethics). Bên cạnh đó, cuốn sách "*The Elements of Moral Philosophy* (Các yếu tố của triết học đạo đức) [174] của Rachels,J. & Rachels,S. (2023) cũng được coi như tài liệu chính thống sử dụng rộng rãi để giảng dạy khái quát lý thuyết về đạo đức, bàn đến những vấn đề chủ đạo trong triết học đạo đức như chủ nghĩa vị lợi, đạo đức Kant, lý thuyết đức hạnh, đạo đức tương đối.

Khái quát các quan niệm về YTĐĐ và các yếu tố ảnh hưởng đến YTĐĐ, có những công trình điển hình như: Nghiên cứu của Reynolds (2006) với nhan đề "*Moral awareness and ethical predispositions: Investigating the role of individual differences in the recognition of moral issues*" (Ý thức đạo đức và khuynh hướng đạo đức: Nghiên cứu vai trò của sự khác biệt cá nhân trong việc nhận biết các vấn đề đạo đức) [175], Nghiên cứu của Reynolds & Miller (2015)

với bài viết "*The recognition of moral issues: Moral awareness, moral sensitivity and moral attentiveness*" (Sự nhận thức về các vấn đề đạo đức: Tri thức đạo đức, sự nhạy cảm đạo đức và sự chú tâm đạo đức) [176]. Có thể nói các nghiên cứu này đã góp phần định hình khái niệm về YTĐĐ, đồng thời mở rộng phạm vi nghiên cứu sang các khía cạnh như *moral sensitivity* (nhạy cảm đạo đức) và *moral attentiveness* (chú tâm đạo đức), thường được hiểu là khả năng nhận diện rằng một tình huống, hành vi hoặc quyết định có chứa yếu tố đạo đức, từ đó khởi động chuỗi quá trình tiếp theo như phán đoán đạo đức (moral judgment), ý định đạo đức (moral intention) và hành vi đạo đức (moral behavior).

Hướng nghiên cứu về mối quan hệ giữa đạo đức, YTĐĐ với sự phát triển kinh tế, về bản chất sự tác động của KTTT làm biến đổi đạo đức của người trẻ, có các học giả như:

Theo lý thuyết về phát triển đạo đức của Kohlberg (1984) trong nghiên cứu "*The psychology of moral development: The nature and validity of moral stages*" (Tâm lý học về sự phát triển đạo đức: Bản chất và tính hợp lệ của các giai đoạn đạo đức) [167], tác giả đã chỉ ra trong thời đại hiện nay, nền KTTT đóng vai trò then chốt trong việc hình thành các chuẩn mực xã hội và hành vi cá nhân. Các cá nhân tiến bộ thông qua các giai đoạn lý luận đạo đức khác nhau chịu ảnh hưởng của các yếu tố xã hội. Trong bối cảnh xã hội theo định hướng thị trường, các giai đoạn này có thể bị ảnh hưởng đáng kể. Nghiên cứu của Arnett (2000) trong bài viết "*Emerging adulthood: A theory of development from the late teens through the twenties*" (Giai đoạn trưởng thành mới nổi: Một lý thuyết về sự phát triển từ cuối tuổi thiếu niên đến tuổi đôi mươi) [153] đã nhấn mạnh khái niệm về tuổi trưởng thành mới nổi, một giai đoạn mà các cá nhân trẻ định hướng khám phá bản sắc và trải qua quá trình chuyển đổi kéo dài sang tuổi trưởng thành. Arnett cho rằng giai đoạn này chịu ảnh hưởng rất lớn bởi các yếu tố kinh tế xã hội, bao gồm nhu cầu và áp lực của nền KTTT, có thể hình thành nhận thức đạo đức và quá trình ra quyết định.

Bàn đến những thách thức đối với sự phát triển đạo đức trong nền KTTT, trong bài nghiên cứu "*The ethics of authenticity*" (Đạo đức của tính xác thực) [180], một thách thức nổi bật được Taylor (2012) nhấn mạnh là sự xói mòn các giá trị chung do tính chất cạnh tranh của nền KTTT. Theo tác giả, việc tập trung vào thành công và cạnh tranh của cá nhân có thể dẫn đến suy giảm sự tham gia của TN với cộng đồng và làm suy yếu mối quan hệ đạo đức trong giới trẻ. Gần đây, có nhiều học giả nghiên cứu về ảnh hưởng của công nghệ và truyền thông theo đà phát triển của KTTT hiện đại cũng gây tác động lớn làm biến đổi đạo đức, YTĐĐ giới trẻ. Điển hình như nghiên cứu của Van Bavel và cộng sự (2024) với bài viết "*Social media and morality"* (Truyền thông xã hội và đạo đức) [181] đã nhận định rằng các nền tảng mạng xã hội đang đóng vai trò như một "chất xúc tác" khuếch đại các động lực đạo đức sẵn có trong xã hội, nhất là trong giới trẻ. Bối cảnh trực tuyến làm giảm "chi phí" xã hội của một số hành vi đạo đức nhất định - chẳng hạn như việc phê phán hay trừng phạt người khác trở nên dễ dàng hơn - qua đó dẫn đến sự bùng nổ của các cơn phẫn nộ đạo đức trên mạng và xung đột gay gắt giữa các nhóm quan điểm. Ngược lại, mạng xã hội cũng mở rộng cơ hội để TN huy động hành động tập thể vì mục đích đạo đức và hỗ trợ lẫn nhau trên quy mô lớn, thể hiện qua nhiều phong trào xã hội tích cực do giới trẻ khởi xướng trực tuyến. Nhìn chung, ảnh hưởng đa chiều của mạng xã hội đối với đạo đức TN là một chủ đề mới nổi và còn nhiều tranh luận.

Nghiên cứu của nhóm tác giả Wang, LX.(2025) và cộng sự trên tờ *Journal of Youth and Adolescence* [182] đã thực hiện phân tích dọc (longitudinal study) tại Trung Quốc, phát hiện rằng cảm nhận bất bình đẳng kinh tế gia tăng trong môi trường thị trường làm giảm đáng kể lòng tin xã hội và hành vi vị tha (prosocial behaviour) của TN. Tác động này diễn ra qua hai cơ chế: (1) giảm niềm tin vào công bằng xã hội, khiến TN trở nên thờ ơ hơn với chuẩn mực đạo đức tập thể; và (2) tăng cảm giác cạnh tranh tiêu cực, làm suy yếu các hành vi hợp tác. Kết quả nghiên cứu nhấn mạnh rằng nền KTTT, nếu không có cơ chế điều tiết công bằng, có thể làm xói mòn vốn xã hội đạo đức (moral capital) ở thế hệ trẻ.

Ngoài ra, gần đây nhiều nhà khoa học đã dần quan tâm đến hướng nghiên cứu về biến đổi của đạo đức tiêu dùng của TN do tác động của phát triển KTTT hội nhập quốc tế. Đại diện có thể kể đến như Kutaula et al. (2024) trong bài viết "*Ethical Consumerism in Emerging Markets"* (Chủ nghĩa tiêu dùng có đạo đức tại các thị trường mới nổi) [168] đã chỉ ra rằng trong bối cảnh toàn cầu hóa, thanh niên ở các thị trường mới nổi - như Ấn Độ, Brazil hay Việt Nam - ngày càng đối diện với mâu thuẫn giữa động lực tiêu dùng vật chất và lý tưởng đạo đức. Mặc dù nhiều TN ý thức hơn về tiêu dùng xanh, công bằng xã hội, hay trách nhiệm môi trường, nhưng "áp lực thành công trong KTTT" khiến các giá trị đạo đức này bị thương mại hóa và không bền vững.

Trái ngược với những lo ngại trên, các học giả như Schwartz (2012) với nghiên cứu về "*Theory of Basic Values*" (Lý thuyết về các giá trị cơ bản) [179] lại ủng hộ sự kiên cường của đạo đức, của YTĐĐ trước những ảnh hưởng của thị trường. Ông gợi ý rằng trong khi các yếu tố bên ngoài có thể định hình những cân nhắc về đạo đức, thì các giá trị nội tại và khuôn khổ đạo đức bắt nguồn từ quá trình giáo dục và kinh nghiệm cá nhân có thể đóng vai trò như một đối trọng. Đặc biệt nghiên cứu của Malti, Galarneau & Peplak (2021) với bài viết " *Moral development in adolescence*" (Sự phát triển đạo đức ở thanh thiếu niên) [170] đã nhấn mạnh ở người trẻ có khả năng phát triển năng lực phản tư và tự điều chỉnh hành vi theo chuẩn mực đạo đức. Các học giả cho rằng quá trình này được thúc đẩy bởi sự phát triển nhận thức (như khả năng tư duy trừu tượng, lý luận đạo đức), cảm xúc (như sự thấu cảm, cảm giác tội lỗi) và các mối quan hệ xã hội (gia đình, bạn bè, cộng đồng) - và chính sự kết hợp đa chiều này tạo nên nền tảng cho YTĐĐ của người trẻ.

Như vậy, tổng quan chung các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đều bàn về những vấn đề lý luận cơ bản của đạo đức nói chung, YTĐĐTN, và cũng cho thấy YTĐĐTN biến động theo hai chiều hướng tích cực và tiêu cực do tác động từ nền KTTT, đặc biệt là do nền KTTT hiện đại luôn gắn liền với tính phức hợp của hội nhập quốc tế, phát triển khoa học công nghệ và chịu sự tác động qua lại phức tạp của nhiều yếu tố xã hội, và cá nhân. Trong khi thị trường có ảnh hưởng đáng kể đến việc định

hình các giá trị và quá trình ra quyết định đạo đức của người trẻ, thì các khuôn khổ tự ý thức nội tại và các biện pháp can thiệp giáo dục vẫn đóng vai trò then chốt trong việc nuôi dưỡng khả năng phục hồi đạo đức trong giới trẻ.

1.2. Những công trình nghiên cứu về thực trạng biến đổi đạo đức thanh niên và biến đổi ý thức đạo đức thanh niên dưới tác động của kinh tế thị trường

Có thể nói, tùy theo mục đích nghiên cứu, các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước đều đã quan tâm khái quát theo mức độ khác nhau bức tranh phong phú về sự biến đổi của đạo đức TN nói chung và sự biến đổi của YTĐĐTN nói riêng dưới tác động của nền KTTT hiện đại gắn liền với hội nhập quốc tế và đẩy mạnh khoa học công nghệ ngày nay.

** Về các công trình nghiên cứu trong nước:*

Hướng nghiên cứu tổng quan biến đổi của đạo đức xã hội, của YTĐĐ và các yếu tố tác động đến sự biến đổi trong bối cảnh phát triển KTTT.

Trong hướng nghiên cứu này, các tác giả tập trung vào bối cảnh chung của sự vận động đạo đức xã hội, sự vận động của YTĐĐ trong điều kiện phát triển KTTT, từ đó cung cấp cho tác giả luận án nền tảng lý luận và thực tiễn cho các nghiên cứu cụ thể về sự biến đổi YTĐĐTN dưới tác động của KTTT, điển hình có thể kể đến các công trình nghiên cứu như:

Trên cơ sở khẳng định sự cần thiết phải chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế ở nước ta trong thời kì Đổi mới, tác giả Nguyễn Trọng Chuẩn (2001) với bài viết "*Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay và những biến động trong lĩnh vực đạo đức*" [12] đã đi sâu phân tích nguyên nhân dẫn đến những biến động trong lĩnh vực đạo đức ở nước ta hiện nay ở các lực lượng xã hội, bao gồm có TN, trong đó tác động của KTTT là một trong những nguyên nhân chính được đề cập.

Tác giả Nguyễn Duy Quý (2006) trong cuốn sách: "*Đạo đức xã hội ở nước ta hiện nay - vấn đề và giải pháp"* [100] đã đề cập đến những vấn đề đạo đức được quan tâm của toàn cầu. Ở Việt Nam, trên cơ sở phân tích bối cảnh hiện thực xã hội dưới tác động của KTTT tác giả đã khái quát khá toàn diện hiện

trạng đạo đức xã hội Việt Nam hiện nay trên cả hai phương diện tích cực và tiêu cực. Với những số liệu điều tra xã hội học phong phú, tác giả đã làm rõ bức tranh thực trạng đạo đức của xã hội ở các khía cạnh trong lao động, giao tiếp, đạo đức trong gia đình. Trên cơ sở đó tác giả đã chỉ ra nguyên nhân khách quan và chủ quan của sự suy thoái đạo đức trong bối cảnh phát triển KTTT và đề xuất phương hướng, giải pháp xây dựng đạo đức xã hội Việt Nam hiện nay, trong đó có xây dựng đạo đức cho thanh niên.

Tác giả Lê Thị Tuyết Ba (2010) [6] trong cuốn "*Ý thức đạo đức trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay*" đã tập trung nghiên cứu sự vận động, biến đổi của YTĐĐ trong điều kiện KTTT theo hướng biến đổi tích cực và tiêu cực và nguyên nhân của sự vận động, biến đổi. Tác giả đã nêu một số biểu hiện biến đổi điển hình trong YTĐĐ người Việt Nam như: Biến đổi tích cực thể hiện ở lòng yêu nước hiện nay không còn dừng ở đánh đuổi giặc ngoại xâm mà là cống hiến làm đất nước thoát nghèo đói và lạc hậu; biến đổi ở việc ngày càng đề cao lợi ích kinh tế và tiêu dùng vật chất; tư duy đạo đức con người và xã hội đang chuyển theo chiều hướng lấy hiệu quả kinh tế làm tiêu chuẩn đánh giá năng lực; tri thức đạo đức trong lao động ngày càng đề cao tính sáng tạo, trách nhiệm,...; thay đổi về quan niệm thiện, ác, lương tâm, trách nhiệm...gắn liền với công bằng, bình đẳng, tôn trọng pháp luật,.... Biến đổi tiêu cực thể hiện như nổi lên tình trạng lừa đảo, chiếm dụng vốn, áp dụng "luật rừng" trong sản xuất kinh doanh, mối quan hệ cá nhân với cá nhân với cộng đồng bị suy yếu, tâm lý chạy theo đồng tiền, tệ nạn xã hội làm tổn hại đến thuần phong mỹ tục,...

Có thể nói, các nghiên cứu này tuy không đề cập trực tiếp đến sự biến đổi của YTĐĐ của riêng lực lượng TN nhưng phần lý luận chung và thực tiễn biến đổi tổng quan của đạo đức, YTĐĐ xã hội cùng một số hướng giải pháp nói chung như: "Hoàn thiện cơ chế thị trường định hướng XHCN với tính cách là cơ sở kinh tế của ý thức đạo đức", hay "Giáo dục đạo đức để góp phần xây dựng YTĐĐ trong điều kiện KTTT" cũng là sự gợi mở, định hướng và cung cấp những cơ sở lí luận và thực tiễn liên quan trực tiếp đến hướng nghiên cứu mà luận án lựa chọn.

Hướng nghiên cứu về thực trạng chuyển biến trong đạo đức, lối sống của TN với các xu hướng biến đổi của đạo đức TN và yếu tố tác động đến sự biến đổi:

Đây là nhóm các công trình nghiên cứu tập trung trực tiếp vào đối tượng TN, đánh giá các biểu hiện biến đổi tích cực, tiêu cực và dự báo các xu hướng biến đổi đạo đức, lối sống của TN trong giai đoạn từ khi Việt Nam phát triển KTTT đến nay, điển hình như:

Trong cuốn sách: "*Thanh niên và lối sống của thanh niên Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế*" [124] của tác giả Phạm Hồng Tung (2011), từ việc đưa ra những cơ sở lí luận mang tính khoa học cho việc tiếp cận đặc thù đối với nghiên cứu TN, lối sống TN cùng những quan điểm lý luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh về TN và công tác thanh niên, tác giả tiến tới tập trung phân tích thực trạng biến đổi và chỉ ra một số xu hướng biến đổi trong lối sống của TN Việt Nam trong thập niên đầu thế kỷ XXI, trong đó có những xu hướng tiêu cực như: lối sống buông thả bản thân; hành xử hung bạo, bất chấp pháp luật; thờ ơ, vô cảm, thiếu trách nhiệm; tiếp thu thiếu chọn lọc ảnh hưởng văn hóa từ bên ngoài. Nguyên nhân của những biểu hiện đó điển hình là do ưu điểm, hạn chế của đường lối, chính sách và pháp luật đối với TN. Tác giả đã đưa ra những khuyến nghị khoa học và đề xuất các nhóm giải pháp nhằm xây dựng lối sống của TN Việt Nam phù hợp với tiến trình đổi mới đất nước trong bối cảnh đó như: nhóm giải pháp liên quan đến đường lối, chính sách TN của Đảng và Nhà nước; xây dựng các tổ chức, đoàn thể của thanh niên; vai trò gia đình và giáo dục gia đình đối với TN; giáo dục học đường đối với TN; truyền thông đại chúng; vai trò của bản thân TN. Có thể nói, những phân tích và dữ liệu điển hình về lối sống của TN trong thời kì đầu đổi mới của công trình là thực trạng sinh động để tác giả luận án kế thừa, khái quát lên diện mạo đạo đức TN giai đoạn này, là những căn cứ lí luận và thực tiễn quan trọng để tác giả luận án tìm hiểu và đánh giá thực trạng biến đổi YTĐĐTN.

Tác giả Nguyễn Thị Thu Vân (2019) với đề tài "*Tổng quan tình hình thanh niên, công tác Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam và phong trào thanh niên giai đoạn 2014-2019*" [137] đã tổng quan thực trạng tình hình TN trong một nhiệm kì

hoạt động của Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam khóa VII, theo đó có nêu thực trạng đạo đức của TN trên cơ sở kết quả điều tra tổng quan, công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi và qua các hoạt động của Đoàn thanh niên và Hội sinh viên Việt Nam, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, từ đó đề xuất một số kiến nghị với Đảng, Nhà nước và các cấp các ngành nhằm đề cao vai trò và đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức TN, công tác Đoàn, công tác Hội. Những số liệu tổng quan này được thu thập từ kết quả khảo sát trên diện rộng đa dạng các thành phần TN Việt Nam trong giai đoạn này, là căn cứ thực tiễn đáng tin cậy và điển hình để tác giả luận án khái quát vấn đề nghiên cứu.

Đi sâu vào đánh giá phân tích, so sánh quá trình chuyển đổi định hướng giá trị của TN, từ trước thời kì đổi mới (1986) đến sau khi đất nước bước vào thời kì đổi mới, tác giả Nguyễn Thị Quỳnh Hoa (2018) trong đề tài nghiên cứu cấp Bộ đã lập luận về "*Sự chuyển đổi định hướng giá trị của thanh niên hiện nay"* [42]. Từ kết quả nghiên cứu của tác giả, có thể thấy được được sự chuyển đổi, những diễn biến mới của thực tiễn đời sống TN khi họ kế thừa, lựa chọn, xây dựng những hệ giá trị sống mới cho mình ở nhiều cấp độ lĩnh vực (giá trị bản thân, giá trị cộng đồng, giá trị quốc gia, giá trị toàn cầu, giá trị văn hóa, giá trị thẩm mỹ....) Đặc biệt, tác giả cũng phản ánh sự thay đổi trong việc định hướng, lựa chọn những giá trị đạo đức của TN thời kì này do chuyển đổi kinh tế từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền KTTT. Tiếp nối hướng nghiên cứu trên, năm 2021 tác giả Quỳnh Hoa (2021) cùng nhóm nghiên cứu đề tài "*Nghiên cứu những xu thế mới của thanh niên Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*" [43] cũng làm rõ nhiều xu thế sống mới của TN, trong đó có những xu thế về biến đổi đạo đức, lối sống thời kì KTTT phát triển sang giai đoạn chuyển đổi số. Những kết quả điều tra về tình hình nhận thức, lựa chọn giá trị của TN tương đối cập nhật, thực trạng những xu thế mới của TN trực tiếp cung cấp những cơ sở thực tiễn phục vụ cho nghiên cứu của luận án.

Hướng tới làm rõ những biến đổi tiêu cực của đạo đức TN Việt Nam, tác giả Đỗ Ngọc Hà (2019) có đề tài cấp quốc gia với chủ đề: *"Những sai lệch xã hội trong thanh niên - Thực trạng và giải pháp"* [36]. Trên cơ sở khái quát những đặc điểm cơ bản của TN Việt Nam trên các khía cạnh về dân số; trình độ học vấn, chuyên môn;

lao động, việc làm; quan niệm, định hướng giá trị; văn hóa, giải trí; nhu cầu và nguyện vọng của TN, tác giả đã minh họa và đánh giá thực trạng biểu hiện sai lệch xã hội trong TN hiện nay bao gồm cả về hành vi và nhận thức, cũng như tác động của những sai lệch này đến tư tưởng, đạo đức và lối sống của TN; đồng thời phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến biểu hiện sai lệch xã hội trong TN. Những kết quả nghiên cứu này là nguồn tham khảo giúp tác giả luận án nghiên cứu thực trạng biến đổi tiêu cực trong YTĐĐTN, là căn cứ đề xuất giải pháp về cơ chế chính sách tác động tới TN trong thời gian tới.

Với những số liệu có tính cập nhật trong quá trình khảo sát, tổng hợp đa dạng các mặt hoạt động trên diện rộng các thành phần TN cả nước (về học tập, lao động,việc làm, giải trí, ý thức chính trị - xã hội, sự tham gia của TN,...)., tác giả Đặng Vũ Cảnh Linh (2022) trong đề tài cấp Nhà nước "*Nghiên cứu dự báo tình hình thanh niên giai đoạn 2022 - 2026 và những vấn đề đặt ra đối với công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi*" [62] đã phân tích thực trạng tình hình TN, một số lĩnh vực, các xu thế mới nổi bật trong đời sống của TN hiện nay và đưa ra dự báo tình hình TN giai đoạn 2022 – 2026, nhằm định hướng hoạt động trong công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi giai đoạn mới. Đặc biệt, đề tài đã làm rõ bối cảnh tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, những vấn đề đặt ra trong công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi giai đoạn 2022 – 2026. Các kết quả nghiên cứu là nguồn tài liệu có tính thời sự giúp hình dung bức tranh tổng thể tình hình TN gần nhất hiện nay, giúp tác giả luận án làm rõ thực trạng YTĐĐTN và đề xuất giải pháp phù hợp mục tiêu nghiên cứu.

Tác giả Nguyễn Tuấn Anh (2022) với đề tài "*Nghiên cứu quan niệm về giá trị của thanh niên thế hệ Z*" [3] đã giúp nhận diện và cung cấp các thông tin về thực trạng quan niệm về giá trị của TN thế hệ Z thời kì cách mạng 4.0; từ đó nghiên cứu đã góp phần cung cấp thông tin mang tính khoa học cho các tổ chức TN, đặc biệt là Đoàn TN trong việc định hướng, giáo dục giá trị, tư tưởng, lối sống cho TN thế hệ mới. Các kết quả nghiên cứu này cũng là những gợi ý cho tác giả luận án tìm ra những xu hướng mới trong YTĐĐTN thời kì chuyển đổi số hiện nay.

Các nghiên cứu kể trên trong quá trình khái quát thực tiễn về xu thế mới trong đời sống TN đều đưa ra các góc nhìn và lập luận ở mức độ khác nhau về sự

ảnh hưởng, tác động của môi trường kinh tế đến đạo đức và YTĐĐTN. Đi sâu vào nghiên cứu các tác động chuyên biệt của các yếu tố trong môi trường, hoàn cảnh sống của TN gây ra chuyển biến lối sống và đạo đức TN, cũng có nhiều tác giả quan tâm nghiên cứu. Điển hình như một số nghiên cứu tập trung bóc tách những nhân tố cụ thể như cách mạng khoa học công nghệ, môi trường giải trí hiện đại vừa là yếu tố hữu cơ vừa là bối cảnh của nền KTTT ngày nay đang tác động làm biến đổi định hướng giá trị xã hội nói chung và làm biến đổi đạo đức TN, YTĐĐTN nói riêng, có thể kể đến các công trình sau:

Tác giả Đoàn Thu Nguyệt (2021) với đề tài "*Ảnh hưởng của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đến lối sống của thanh niên Việt Nam hiện nay*" [94 đã tập trung bàn về những tác động của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đến lối sống của TN giai đoạn hiện nay ở bốn phương diện cơ bản như: ảnh hưởng đến nhu cầu TN, ảnh hưởng đến hoạt động lao động của TN, ảnh hưởng đến sinh hoạt văn hóa, tinh thần của TN, tức là về tổng thể đều ảnh hưởng đến định hướng giá trị của TN. Qua đó thấy được thực trạng biến đổi đạo đức, lối sống của TN dưới tác động của cách mạng khoa học công nghệ, điều này cũng phần nào phản ảnh sự biến đổi của YTĐĐTN trong bối cảnh nền KTTT chịu ảnh hưởng sâu sắc của cuộc cách mạng khoa học công nghệ như hiện nay.

Tác giả Vũ Thị Bích Thảo (2022) trong đề tài *"Nghiên cứu xu hướng giải trí của thanh niên hiện nay*" [106] đã góp phần nhận diện quan niệm, nhu cầu, nội dung, phương thức giải trí của TN hiện nay; từ đó tác giả khái quát lên xu hướng giải trí của TN và những nhân tố tác động đến xu hướng giải trí của TN trong điều kiện phát triển của công nghệ thông tin, truyền thông hiện đại và hội nhập quốc tế. Kết quả nghiên cứu góp phần giúp tác giả luận án có sự cập nhật về tình hình giải trí và YTĐĐTN trong đời sống cá nhân của TN trước sự xâm nhập tác động ngày càng sâu sắc của nền KTTT vào nhiều lĩnh vực xã hội.

Có thể nói, với số liệu tương đối cập nhật khảo sát trên diện rộng có tính đại diện cao trong TN, các nghiên cứu trên đã góp phần cung cấp căn cứ lý luận và thực tiễn để luận giải các nguyên nhân tác động đến sự biến đổi YTĐĐTN dưới tác động của KTTT gắn với bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

Hướng nghiên cứu thực trạng biến đổi YTĐĐTN ở từng nhóm TN cụ thể:

Hướng nghiên cứu này đi vào chi tiết từng thành phần TN trong cơ cấu xã hội (sinh viên, công chức trẻ, thanh niên trí thức…) để làm rõ đặc thù biến đổi đạo đức của từng đối tượng TN này. Điển hình có các nghiên cứu như:

Luận án Tiến sĩ triết học "*Ý thức đạo đức sinh viên Việt Nam hiện nay*" [122] của tác giả Võ Minh Tuấn (2004) đã hệ thống những vấn đề lí luận về YTĐĐ của nhóm TN là sinh viên, đưa ra các chuẩn mực đánh giá YTĐĐ sinh viên hiện nay, khái quát thực trạng những mặt tích cực và tiêu cực của YTĐĐ sinh viên Việt Nam những năm 2000 và những nguyên nhân cơ bản tác động đến thực trạng đó. Mặc dù tác giả chưa làm rõ các biểu hiện biến đổi trong từng thành tố cấu trúc của YTĐĐ của sinh viên nhưng tác giả đã khái quát ba xu hướng vận động chính của YTĐĐ sinh viên Việt Nam thời điểm đầu những năm 2000 là: Tiếp thu có chọn lọc các giá trị đạo đức truyền thống; Hướng đến sự hòa hợp với các giá trị nhân loại; Hướng đến tính cá nhân trong sự hòa hợp với cộng đồng. Có thể nói, những vấn đề lí luận và khái quát thực trạng, xu hướng vận động của YTĐĐ sinh viên Việt Nam những năm 2000 là một kênh dữ liệu thực tiễn quan trọng giúp tác giả luận án có căn cứ so sánh sự biến đổi của YTĐĐ nói chung và của sinh viên nói riêng - lực lượng TN vốn có nền tảng và điều kiện nhận thức, hiểu biết vượt trội hơn cả.

Ngoài ra có thể kể đến các tác giả như Vũ Thị Ngọc Tú (2016) với bài viết "*Thực trạng sự lựa chọn các giá trị đạo đức của sinh viên sư phạm hiện* nay" [126], tác giả Nguyễn Thị Phương Hoa (2014) với bài viết "*Bàn về đạo đức, lối sống của thanh niên trí thức nước ta hiện nay* [40],...Thông qua việc phân tích các số liệu điều tra dưới góc độ xã hội học, tâm lí học trên các lĩnh vực đời sống xã hội của TN (chính trị, đời sống vật chất, tinh thần, nghề nghiệp, việc làm, học tập,…), các tác giả đã phân tích, đánh giá thực trạng những mặt biểu hiện tích cực, hạn chế về đạo đức, lối sống của TN là sinh viên nói riêng, TN nói chung trong điều kiện KTTT, hội nhập quốc tế. Từ đó, các tác giả đề xuất những nhóm giải pháp về xây dựng môi trường xã hội lành mạnh, chủ động ngăn chặn và khắc phục những tác động tiêu cực từ môi trường xã hội (trong đó có yếu tố kinh tế) đến TN; nhóm giải pháp về nâng cao chất lượng, nội dung và hình thức công tác tuyên truyền, giáo dục đạo đức lối

sống; kết hợp giữa tự giáo dục và giáo dục; kết hợp giữa xây dựng hệ thống giá trị và định hướng giá trị cho TN; đặc biệt là đề cao giải pháp giáo dục TN thông qua thực tiễn và các phong trào hành động của tuổi trẻ, nhấn mạnh phát huy vai trò của các tổ chức TN trong đó có Đoàn Thanh niên. Bên cạnh đó, có tác giả Trương Thị Phương Thảo (2020) với đề tài: "*Sự biến đổi của đạo đức công vụ của đội ngũ công chức dưới tác động của KTTT ở Việt Nam hiện nay*" [105] đã đi sâu nghiên cứu đạo đức công vụ của một nhóm nghề nghiệp là cán bộ công chức, trong đó có đạo đức của bộ phận TN là công chức dưới tác động của nền KTTT hiện nay, chỉ ra những biến đổi tích cực và biến đổi tiêu cực,…

Gần đây cũng có nhiều tác giả quan tâm đến diễn biến tình hình YTĐĐTN Việt Nam, ở những góc nhìn khác nhau. Có thể kể đến như tác giả Nguyễn Hải Chi (2021) có bài viết đăng trên tạp chí quốc tế Universal Journal of Educational Research với nhan đề "*Vietnamese Students' Perceptions of Moral Values: An Assessment by Students at An Giang University*" (Nhận thức về giá trị đạo đức của sinh viên Việt Nam: Khảo sát do sinh viên Đại học An Giang thực hiện) [156]. Bài viết chủ yếu khảo sát ở góc độ nhận thức về giá trị đạo đức (Tri thức đạo đức) của một bộ phận TN Việt Nam là sinh viên.

Có thể thấy, các công trình trên nghiên cứu dưới các góc độ khoa học chuyên ngành khác nhau, nghiên cứu các nhóm đối tượng TN khác nhau về trình độ, đặc điểm vùng miền, môi trường sinh sống, học tập, công tác,... Những kết quả tổng hợp phân tích đánh giá, các kết quả điều tra xã hội học, tâm lí học, văn hóa học, triết học,… đáng tin cậy đã đóng góp không nhỏ vào việc nghiên cứu thực trạng đạo đức của TN qua từng giai đoạn từ khi đất nước đổi mới, phát triển KTTT. Đây là nguồn tư liệu tham khảo có ý nghĩa lí luận và thực tiễn quí báu cho nghiên cứu của tác giả luận án.

** Về các công trình nghiên cứu của nước ngoài:*

Các nghiên cứu về tình hình biến đổi giá trị trong đó có biến đổi các giá trị đạo đức của TN, giới trẻ trong bối cảnh xã hội có sự thay đổi sang nền KTTT cũng được triển khai trên nhiều quốc gia.

Điển hình như ở Nga với nghiên cứu của Kuznesov (1995) [Dẫn theo: 32] đã phân tích mức độ tham gia vào xã hội qua sự công nhận các giá trị cơ bản của xã hội

trong đó có giá trị đạo đức của lớp trẻ Nga trong bối cảnh xã hội Nga chuyển từ chủ nghĩa xã hội theo cơ chế tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường; ở Trung Quốc với nghiên cứu của Wang Lu và Xie Weihe (1996) [Dẫn theo: 32] đã đề cập đến sự thay đổi giá trị đạo đức của TN Trung Quốc từ sau quá trình cải cách và được xem xét trên ba khía cạnh: đánh giá của thanh niên về ý nghĩa, mục đích cuộc sống, giá trị đạo đức trong cuộc sống hằng ngày và những giá trị đạo đức xã hội;…Điểm chung, các nghiên cứu đều chỉ ra những thay đổi lớn trong giá trị đạo đức của TN trong bối cảnh xã hội mới (KTTT, hiện đại hóa, hội nhập hóa,...). Các nghiên cứu kể trên đều hướng tới mục tiêu định hướng, giáo dục TN trong bối cảnh xã hội mới.

Đi sâu nghiên cứu sự dịch chuyển hệ giá trị và nguyên nhân trong nhận thức của thế hệ Gen Z, nhóm nghiên cứu Yanitskiy (2020) và các cộng sự với bài viết "*Generation Z Value Preferences And Their Sociocultural Determinants*" (Sở thích về giá trị của thế hệ Z và các yếu tố văn hóa xã hội quyết định) [183] đã xác định hệ thống giá trị cốt lõi của thế hệ Z (Gen Z) trong bối cảnh xã hội hậu hiện đại trong nền KTTT hiện nay, đồng thời đánh giá sự ảnh hưởng của các yếu tố nhân khẩu học và văn hóa - xã hội đến các giá trị này. So với thế hệ trước (Gen Y), ở thế hệ Gen Z có một sự dịch chuyển rõ nét khi thế hệ Z giảm bớt sự coi trọng các mối quan hệ giữa các cá nhân (socialization) và có xu hướng gia tăng tính tự chủ cá nhân. Đặc biệt, sự gia tăng đáng kể của nhóm "chưa xác định rõ" cho thấy trạng thái "vô hướng" (anomie) - sự mất định hướng giá trị đang trở nên phổ biến hơn so với thế hệ trước đó. Bài báo kết luận Gen Z đang trải qua một sự chuyển dịch giá trị mạnh mẽ hướng tới chủ nghĩa cá nhân và phải đối mặt với tình trạng khủng hoảng, chưa xác định được hệ giá trị. Tuy nhiên, điểm rất đáng chú ở đây là: mặc dù các yếu tố giới tính, tôn giáo hay vùng miền vẫn có tác động tạo ra sự khác biệt về giá trị, nhưng mức độ khác biệt giữa các nhóm thanh niên Gen Z hiện nay đã ít rõ rệt hơn rất nhiều so với các thế hệ đi trước (Gen Y). Bởi quá trình toàn cầu hóa đang có xu hướng "san phẳng" và làm lu mờ dần các ranh giới đặc thù về văn hóa - xã hội giữa các nhóm TN trên toàn thế giới.

Gần đây, nghiên cứu về tình hình TN Châu Á trong đó có thanh niên Việt Nam, có thể kể đến Báo cáo nghiên cứu TN trong khu vực Asean của tổ chức VERO-

ASEAN (2024) với chủ đề "*Empowering Southeast Asia's Youth Through Policy Change"* (Tăng cường năng lực cho TN Đông Nam Á thông qua thay đổi chính sách) [223]. Trên cơ sở khảo sát hơn 2.700 người thuộc thế hệ Gen Z (nhóm TN sinh trong khoảng năm 1997-2012) và Millennials (nhóm TN sinh trong khoảng năm 1981-1996) tại sáu quốc gia Đông Nam Á (Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore, Thái Lan và Việt Nam), báo cáo hướng tới thảo luận giải pháp về ưu tiên chính sách cho TN trong bối cảnh KTTT. Trong báo cáo, diễn biến về nhận thức, thái độ, mong muốn của TN Việt Nam đã được thể hiện trong bức tranh chung của TN khu vực. Báo cáo với các số liệu thuyết phục đã phản ánh sự chuyển dịch hệ giá trị, chuẩn mực và đạo đức của TN Việt Nam hiện nay theo ba hướng chủ đạo: Tiếp tục giữ gìn các chuẩn mực đạo đức truyền thống (lòng yêu nước, hiếu thảo, đoàn kết, nhân ái…), hình thành các chuẩn mực đạo đức và lối sống mới gắn với bối cảnh KTTT hiện đại (ham học hỏi, tôn trọng đa dạng văn hóa, ý thức trách nhiệm, kỷ luật, bình đẳng giới…), suy giảm lòng tin giữa con người với con người trong cộng đồng.

Tóm lại, bức tranh về sự biến đổi đạo đức, sự biến đổi YTĐĐTN đã được khái quát ở nhiều góc nhìn khác nhau từ các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước. Đây đều là những công trình nghiên cứu công phu, số liệu được phân tích và khái quát đa dạng theo nhiều góc độ nghiên cứu của xã hội học, tâm lý học, triết học…, là những tài liệu thứ cấp, là minh chứng thực tiễn sinh động, phong phú, thuyết phục để tác giả luận án dẫn luận có căn cứ khoa học. Từ đó, tác giả đã lý giải, phân tích, đánh giá một cách khách quan nhất, và cập nhật tương đối rõ nét về sự biến đổi YTĐĐTN dưới tác động KTTT hiện nay ở Việt Nam.

1.3. Những công trình nghiên cứu về định hướng và giải pháp thúc đẩy biến đổi tích cực của đạo đức thanh niên và ý thức đạo đức thanh niên dưới tác động của kinh tế thị trường

Bàn về giải pháp nhằm thúc đẩy, phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế biến đổi tiêu cực trong YTĐĐTN nói chung và trong YTĐĐTN Việt Nam nói riêng, có nhiều công trình nghiên cứu trong và ngoài nước tiếp cận ở các góc độ khác nhau

** Về các công trình nghiên cứu trong nước:*

Hướng nghiên cứu giải pháp liên quan đến giải quyết đúng đắn mối quan hệ biện chứng giữa truyền thống và hiện đại:

Ở hướng nghiên cứu này, nhìn chung các tác giả đều cho rằng việc kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa, đạo đức truyền thống, giá trị dân tộc là sức mạnh nội sinh đảm bảo cho việc hội nhập vào quá trình toàn cầu hóa một cách thành công, đồng thời là yếu tố góp phần xây dựng nhân cách con người mới XHCN, trong đó có việc xây dựng đạo đức cho thế hệ trẻ. Do đó cần thiết phải kế thừa giá trị đạo đức truyền thống nhằm định hướng biến đổi tích cực cho đạo đức TN, nhằm giáo dục đạo đức, lối sống cho TN thời kì mới. Các công trình nghiên cứu điển hình có thể kể đến như:

Từ việc nêu lên thực trạng biến đổi các giá trị xã hội theo hướng xa rời giá trị đạo đức truyền thống khi đất nước chuyển sang nền KTTT định hướng XHCN, nghiên cứu của Nguyễn Văn Lý (2000) với nhan đề: "*Kế thừa và đổi mới các giá trị đạo đức truyền thống trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay"* [63] đã đưa ra các căn cứ, lập luận về tính cần thiết và cấp bách của việc bảo vệ, kế thừa giá trị đạo đức truyền thống, coi trọng việc giáo dục đạo đức truyền thống cho các lực lượng xã hội, nhất là cho người trẻ. Đây là vấn đề cần phải nhìn nhận nghiêm túc và có sự quan tâm đặc biệt cùng với quá trình xây dựng và phát triển KTTT ở nước ta.

Trên cơ sở phân tích mối quan hệ giữa truyền thống và hiện đại trong sự phát triển của đạo đức với những đặc trưng riêng của nó, thể hiện truyền thống là nền tảng của hiện đại, là cơ sở của "hiện đại hóa, tác giả Lê Thị Hoài Thanh (2003) trong nghiên cứu của mình: "*Quan hệ biện chứng giữa truyền thống và hiện đại trong giáo dục đạo đức cho thanh niên Việt Nam hiện nay*" [104] đã chỉ ra trong hoạt động giáo dục đạo đức, nhất là giáo dục đạo đức cho TN, cần phải luôn nắm vững và giải quyết hài hòa mối quan hệ đó. Luận án đã đưa ra phương hướng và một số giải pháp chủ yếu được đặt trong một thể thống nhất, đồng bộ, có sự quản lý chặt chẽ, đó là: Gắn bó chặt chẽ hoạt động giáo dục đạo đức với công cuộc đổi mới, với sự nghiệp CNH, HĐH đất nước; quán triệt quan điểm Chủ nghĩa Mác - Lênin và

Tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng ta về vấn đề này; kết hợp giáo dục truyền thống và hiện đại ở cả gia đình, nhà trường và xã hội - tạo môi trường thống nhất và lành mạnh cho hoạt động giáo dục; kết hợp giáo dục đạo đức với giáo dục pháp luật; không những phải kết hợp giáo dục về nội dung, mà còn cần phải kết hợp các phương pháp giáo dục truyền thống và các phương pháp giáo dục hiện đại...

Nghiên cứu của Ngô Thị Thu Ngà (2011): "*Giá trị đạo đức truyền thống với việc xây dựng đạo đức mới cho thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay*" [91] đã đề cập và phân tích vấn đề đạo đức mới và vai trò của giá trị đạo đức truyền thống trong việc xây dựng đạo đức mới cho thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay. Tác giả đã luận giải sâu sắc tính cấp bách phải phát huy mạnh mẽ vai trò của giáo dục đạo đức truyền thống trong việc xây dựng đạo đức mới cho thế hệ trẻ, nhằm hình thành và dần hoàn thiện cho họ bản lĩnh, lối sống, nhân cách vừa mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, vừa hiện đại, hội nhập theo hướng nhân văn, đủ sức là lực lượng chủ lực trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, với những phẩm chất đạo đức mới như: yêu nước, hăng say, nhiệt tình, năng động, sáng tạo, biết yêu quý và có ý thức gìn giữ truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Những giải pháp chủ yếu được nêu ra trong luận án đều hướng vào nhằm phát huy hơn nữa vai trò của giá trị truyền thống trong việc xây dựng đạo đức mới cho thế hệ trẻ Việt Nam. Cùng theo hướng này, từ việc mở rộng phân tích một số nhân tố tác động đến đạo đức lối sống của TN Việt Nam như: tác động của toàn cầu hóa, KTTT, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tình hình chính trị thế giới,... tác giả Mai Thị Như Hoa (2014) hướng tới tập trung luận giải các giải pháp về giáo dục giá trị đạo đức truyền thống dân tộc trong xây dựng lối sống cho thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay, coi đó như là việc xây nền móng, điểm tựa cội nguồn cho sự phát triển đạo đức của TN trong thời kì mới [41].

Gần đây, nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Như Huế (2024) về "*Educating a New Generation: Blending Traditional and Contemporary Standards for Vietnamese Youth"* ("Giáo dục thế hệ trẻ Việt Nam: Sự dung hòa giữa chuẩn mực truyền thống và hiện đại") [161] đã đưa thêm những khám phá sự hòa quyện giữa giá trị truyền thống và hiện đại dưới ảnh hưởng của toàn cầu hóa. Đây là những

quan điểm có tính thời sự trong bối cảnh Việt Nam phát triển KTTT và hội nhập mạnh mẽ hiện nay. Tác giả tập trung vào tìm hiểu thế hệ Gen Z, những người tiếp cận nhanh với công nghệ nhưng cũng cần giữ vững các giá trị truyền thống. Nghiên cứu cho thấy sự cần thiết phải cân bằng giữa các chuẩn mực truyền thống (như hiếu thảo, tôn sư trọng đạo) và các chuẩn mực hiện đại (như tư duy phản biện, kỹ năng số, sáng tạo). Điều này góp phần nuôi dưỡng thế hệ chủ nhân tương lai của Việt Nam, những người vừa hiểu rõ di sản văn hóa, vừa có khả năng hội nhập quốc tế. Những số liệu và cách tiếp cận cập nhật này đã được tác giả luận án tham khảo để luận giải về các giải pháp của đề tài.

Hướng nghiên cứu giải pháp liên quan đến giải quyết mối quan hệ giữa đạo đức với các lĩnh vực như chính trị, tư tưởng, pháp luật, tôn giáo, triết học,... có thể kể đến các nghiên cứu tiêu biểu như:

Nghiên cứu của Trần Minh Đoàn (2002): "*Giáo dục đạo đức cho thanh niên học sinh theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở nước ta hiện nay*" [25]; Nghiên cứu của Dương Tự Đam (2008): "*Giáo dục thanh niên kế thừa nhân cách Hồ Chí Minh để trưởng thành và phát triển*" [17]; Nghiên cứu của tác giả Trần Thị Điều (2020): "*Giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh" - Vì tương lai phát triển bền vững của đất nước*" [26].

Nghiên cứu của Phạm Văn Đức (2002): "*Mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân và đạo đức xã hội trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay*" [30] đã phân tích về mặt lí luận và khái quát thực tiễn mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân và đạo đức xã hội trong sự tác động của KTTT ở nước ta. TN là lực lượng có nhiều nét đặc trưng về tâm sinh lý, trong đó có tâm lý thích thể hiện, thích khẳng định giá trị bản thân, đề cao cái tôi, có nhu cầu, lợi ích đặc thù. Vì thế tuy nghiên cứu không bàn trực tiếp đến đối tượng TN nhưng bài viết góp phần định hướng việc đề xuất giải pháp cho tác giả luận án nhằm giải quyết mối quan hệ giữa nhu cầu lợi ích của TN trong nền KTTT và giáo dục YTĐĐTN vì sự phát triển của cộng đồng xã hội.

Bên cạnh đó, còn những nghiên cứu bàn đến giải pháp xây dựng hệ giá trị đạo đức mới, kết hợp giáo dục đạo đức và giáo dục pháp luật cho TN như: Nghiên cứu của Trần Sỹ Phán (2011): "*Vấn đề định hướng giá trị đạo đức cho thanh niên*

Việt Nam hiện nay" [96]; Nghiên cứu của Đào Văn Minh (2014): "*Kết hợp giữa giáo dục pháp luật với giáo dục đạo đức cho thanh niên quân đội hiện nay"* [88].

Đề tài cấp quốc gia của tác giả Đỗ Ngọc Hà (2019) ngoài việc công phu làm rõ thực trạng sai lệch tiêu cực ở đạo đức TN, ở phần giải pháp, đề tài chú trọng đến công tác định hướng giá trị, giáo dục chuẩn mực, đạo đức cho TN trong bối cảnh hiện đại hóa và hội nhập quốc tế hiện nay [36]. Đáng chú ý, đề tài đã nghiên cứu kinh nghiệm của nước ngoài, nhất là các nước phát triển và những nước có điều kiện địa lý, văn hóa gần với Việt Nam trong chính sách phát triển TN, công tác quản lý, định hướng, giáo dục TN; phân tích những kinh nghiệm có thể vận dụng, học tập đối với Việt Nam trong thời gian tới.

Hướng nghiên cứu giải pháp liên quan đến phát huy vai trò của các thiết chế xã hội trong giáo dục đạo đức TN, điển hình như:

Tập trung vào giải pháp phát huy vai trò, trách nhiệm của Đảng, hệ thống chính trị, của gia đình trong việc giáo dục bồi dưỡng đạo đức cách mạng cho thế hệ trẻ có thể kể đến các công trình nghiên cứu như: Nghiên cứu của Hà Thị Bắc (2015): "*Giáo dục đạo đức trong gia đình Việt Nam hiện nay*" [7]; Nghiên cứu của Lê Ngọc Anh (2002): "*Vấn đề giáo dục đạo đức và nếp sống gia đình truyền thống trong nền KTTT ở nước ta hiện nay*" [1], Nghiên cứu của Trần Văn Miều (2007): "*Bồi dưỡng đạo đức cách mạng cho thế hệ trẻ"* [73], Nghiên cứu của Đặng Kim Oanh (2015): "*Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong xây dựng đạo đức, lối sống văn hoá cho thanh niên hiện nay"* [95],... Bàn cụ thể hơn về YTĐĐ của TN, tác giả Võ Minh Tuấn (2004) trong Luận án Tiến sĩ Triết học "*Ý thức đạo đức sinh viên Việt Nam hiện nay*" [122] cũng góp tiếng nói đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục YTĐĐ cho TN trong nhà trường, phát huy vai trò kết hợp đồng bộ giữa nhà trường với gia đình, các tổ chức đoàn thể của TN, trong đó vấn đề tác động của KTTT và giải pháp về kiện toàn cơ chế thị trường được đề cập đến như một yếu tố góp phần xây dựng môi trường lành mạnh cho phát triển đạo đức TN.

Bên cạnh đó, đã có nhiều công trình nghiên cứu quan tâm đến giải pháp phát huy vai trò của các tổ chức thanh niên mà Đoàn TNCS Hồ Chí Minh là tổ chức nòng cốt, tiêu biểu như:

Nghiên cứu của Đỗ Ngọc Hà (2004): "*Đoàn thanh niên với việc xây dựng lối sống cho thanh niên trong giai đoạn hiện nay*" [33] đã hướng vào nghiên cứu những đặc trưng và xu hướng biến đổi về lối sống của TN; đánh giá tình hình thực trạng công tác giáo dục đạo đức lối sống của Đoàn thanh niên trong giai đoạn hiện nay; đề xuất phương hướng giáo dục đạo đức, lối sống cho TN Việt Nam trong tình hình mới. Cũng theo hướng giải pháp này tác giả Đỗ Ngọc Hà (2014) có nghiên cứu chuyên sâu về phát huy vai trò của Đoàn Thanh niên trong giáo dục đạo đức cách mạng cho TN trong cuốn "*Giải pháp của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh về giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước*" [34]. Cùng với đó, nghiên cứu của Phan Thanh Nguyệt (2015):*"Nâng cao hiệu quả công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho TN thông qua hoạt động của Đoàn"* [93] đã đề cập vấn đề trách nhiệm của tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh với việc giáo dục đạo đức, lối sống cho TN; định hướng vận dụng phương pháp khoa học và công nghệ giáo dục, phát huy các mô hình, phương thức hoạt động của Đoàn để giáo dục thanh niên một cách thích hợp.

Đặc biệt, nghiên cứu của Bùi Quang Huy (2022) trong ba năm từ 2022 - 2025 với đề tài: "*Nghiên cứu đổi mới nội dung phương thức hoạt động của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và các tổ chức thanh niên Việt Nam trong tình hình mới*" [51] là một trong những công trình nghiên cứu cấp quốc gia công phu, hệ thống, với những bài học kinh nghiệm trong nước và quốc tế về việc phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể TN trong giáo dục và phát huy TN một cách toàn diện trong thời kì mới khi nền KTTT ở Việt Nam đang tiến nhanh vào kỉ nguyên số và hội nhập ngày càng sâu rộng. Đề tài đã luận giải sâu sắc những quan điểm khoa học biện chứng trong tiếp cận TN, và giáo dục, phát triển TN, phân tích cụ thể vai trò của các tổ chức TN và sự cần thiết phải đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của các tổ chức TN thời kì hiện nay, coi đó là một trong những hướng giải pháp hữu hiệu để giáo dục, phát huy TN một cách toàn diện. Đồng thời đề tài cũng làm rõ bức tranh tình hình TN và nhu cầu, lợi ích của các đối tượng TN hiện nay. Những nghiên cứu, tổng kết về TN trong đề tài đã cung cấp cơ sở lí luận và thực tiễn quan trọng để tác giả luận án nghiên cứu thực trạng biến đổi YTĐĐTN và đề xuất giải pháp phù hợp trong giáo dục YTĐĐTN nhằm phát huy những biến đổi đạo đức tích cực của TN hiện nay.

Có thể nói, tùy theo góc độ nghiên cứu về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... với các mục đích nghiên cứu khác nhau, các công trình, bài viết của các tác giả đã tổng hợp, khái quát bức tranh về tình hình đạo đức TN khá phong phú, đề xuất các hệ thống giải pháp khác nhau. Những kết quả được công bố đều có những nội dung tham khảo rất hữu ích, phục vụ trực tiếp giúp tác giả luận án định hình hướng tiếp cận, luận giải về lý luận và thực tiễn tình hình đạo đức của TN dưới tác động của KTTT, từ đó góp phần gợi mở để tác giả luận án đề xuất giải pháp trong nghiên cứu của mình.

** Về các công trình nghiên cứu của nước ngoài*

Thực tế, có nhiều công trình nghiên cứu trên thế giới quan tâm bàn luận về các giải pháp định hướng sự biến đổi đạo đức tích cực cho giới trẻ trong bối cảnh áp lực chi phối của KTTT, toàn cầu hóa và chuyển đổi số mạnh mẽ như hiện nay, điển hình là nhấn mạnh vai trò của hoạt động giáo dục, của gia đình, và các chính sách quốc gia. Có thể điểm ra một số nghiên cứu như sau:

Hướng đến giải pháp phát huy tự giáo dục đạo đức trong phát triển YTĐĐTN, nghiên cứu của Alieksieieva (2006) bàn đến những vấn đề về trạng thái tự ý thức đạo đức của TN [152]. Tác giả nhấn mạnh, trong quá trình tư vấn tâm lý, nhà tâm lý học nên chú ý đến cả những vấn đề cá nhân và giữa các cá nhân gây ra vấn đề về nhận thức đạo đức. Các nhà nghiên cứu đã tiến hành một thí nghiệm theo kế hoạch, cho thấy rằng trong thời gian tư vấn tâm lý, khả năng tự phân tích, lòng trắc ẩn, sự đồng cảm của TN đã được cải thiện, mức độ tự nhận thức về đạo đức ngày càng cao.

Mang tính thời sự hiện nay, bàn về giải pháp liên quan đến ứng xử có đạo đức khi sử dụng các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI), nhóm tác giả Johnston, H., Wells, R.F., Shanks, E.M. *et al.* (2024) đã nhấn mạnh vai trò can thiệp chủ động của nhà trường đối với TN. Trong bài viết "*Student perspectives on the use of generative artificial intelligence technologies in higher education*" (Quan điểm của sinh viên về việc sử dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo tạo sinh trong giáo dục đại học) [166], nhóm tác giả đã nghiên cứu tìm hiểu góc nhìn, mức độ hiểu biết và thói quen sử dụng của sinh viên đối với các công nghệ Trí tuệ nhân tạo tạo sinh (GAI), qua đó phản ảnh hiểu biết đạo đức trong học tập của sinh viên với AI (tính công bằng và

liêm chính học thuật). Từ góc độ thừa nhận xu thế tất yếu của việc sử dụng AI để hỗ trợ người học, nghiên cứu đã đề xuất giải pháp làm chủ AI một cách có đạo đức bằng việc thay vì cấm đoán, các nhà trường cần chấp nhận, hướng dẫn và đào tạo sinh viên cách sử dụng GAI một cách hiệu quả, minh bạch và có đạo đức.

Nhấn mạnh đến vấn đề định hướng chính sách của từng quốc gia và định hướng chính sách hợp tác các quốc gia trên bình diện toàn cầu để hỗ trợ, chăm lo phát triển TN và đạo đức TN, nghiên cứu của tổ chức VERO-ASEAN (2024) trong báo cáo tựa đề "*Empowering Southeast Asia's Youth Through Policy Change"* (Tăng cường năng lực cho TN Đông Nam Á thông qua thay đổi chính sách) [223] đã cung cấp góc nhìn khách quan là một tham khảo quan trọng, có tính thời sự.

Tóm lại, ở các góc nhìn khác nhau, từ các khảo sát điển hình với từng nhóm đối tượng TN khác nhau, các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đều đưa ra phong phú các giải pháp định hướng sự biến đổi đạo đức tích cực cho TN thế giới, TN khu vực nói chung và cho TN Việt Nam nói riêng, trong đó ngoài việc tạo lập môi trường kinh tế xã hội giáo dục từ các lực lượng trong xã hội, các nghiên cứu đều ưu tiên giải pháp lấy TN là trung tâm, là nhân tố quyết định sự biến đổi tiến bộ đạo đức. Với những tổng quan này, tác giả luận án đã tiếp thu xây dựng những quan điểm định hướng và các giải pháp cụ thể phù hợp với vấn đề nghiên cứu của đề tài.

1.4. Khái quát kết quả các công trình nghiên cứu đã được tổng quan và hướng tiếp cận nghiên cứu của luận án

1.4.1. Đánh giá chung các công trình nghiên cứu đã được tổng quan

Tổng quan kết quả nghiên cứu của các công trình liên quan đến đề tài của luận án, có thể khái quát một số kết quả đã đạt được như sau:

Thứ nhất, những công trình nghiên cứu đã góp phần làm sáng tỏ ở các mức độ khác nhau các vấn đề lý luận liên quan đến đạo đức, YTĐĐ, TN, KTTT và tác động của KTTT đến đạo đức nói chung, đến đạo đức TN và YTĐĐTN nói riêng,… Một số công trình cũng đã khảo sát và phân tích thực trạng đạo đức của TN Việt

Nam với những biến động nhiều chiều cạnh từ khi đất nước đổi mới, phát triển KTTT. Các nghiên cứu cũng chỉ ra rằng các quan điểm, tư tưởng về đạo đức của các nhà kinh điển Chủ nghĩa Mác - Lênin và của Hồ Chí Minh là những chỉ dẫn định hướng nền tảng, đồng thời tùy theo mục đích và phạm vi nghiên cứu các hướng giải pháp khác nhau cũng được đề xuất để xây dựng đạo đức mới, lối sống tích cực lành mạnh cho TN ở Việt Nam hiện nay.

Thứ hai, những nghiên cứu về sự biến đổi của đạo đức và YTĐĐ trong sự biến đổi của đời sống xã hội đã được một số công trình đề cập đến. Với tư cách là yếu tố quan trọng, quy định sự biến đổi của đạo đức và YTĐĐ, nguyên nhân kinh tế, đặc biệt là KTTT đã được các tác giả mổ xẻ và phân tích thông qua thực trạng đạo đức của các tầng lớp khác nhau trong xã hội, đặc biệt là TN.

Thứ ba, một số công trình cũng đã làm rõ xu hướng biến đổi cũng như định hướng giá trị nói chung của TN Việt Nam dưới tác động của các yếu tố kinh tế, xã hội, văn hóa, hội nhập, khoa học công nghệ, v.v.. từ đó, đề xuất những giải pháp cho các chủ thể như gia đình, nhà trường, Đoàn thanh niên, và các tổ chức chính trị, đoàn thể khác,... để định hướng giá trị, giáo dục chuẩn mực, đạo đức cho TN trong bối cảnh mới.

Như vậy, các kết quả nghiên cứu của những công trình đã công bố đã phần nào đề cập tới một số nội dung liên quan về lý luận và thực tiễn của đề tài nghiên cứu, đây là những nội dung quan trọng giúp tác giả trang bị một số kiến thức nền tảng về lý luận và thực tiễn cho đề tài nghiên cứu. Tuy nhiên, từ góc độ nghiên cứu của mình, tác giả thấy ***một số khoảng trống của các nghiên cứu trong nước hiện nay*** như sau:

- Chưa có nhiều các công trình nghiên cứu trước đây đi sâu phân tích, khái quát cơ chế tác động của KTTT đến YTĐĐTN, đặc biệt là vai trò trung gian của các thiết chế xã hội như Đảng, Nhà nước, gia đình, nhà trường, tổ chức thanh niên, truyền thông số, các quan điểm dư luận xã hội trong mối liên hệ giữa cơ chế thị trường và YTĐĐTN.

- Các công trình nghiên cứu về YTĐĐ nói chung và YTĐĐTN nói riêng chủ yếu có tính mô tả, quy mô nhỏ lẻ, tập trung ở đô thị lớn (điển hình như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh); thiếu khảo sát và khái quát mang tính đại diện TN trên cả nước.

- Chưa có nhiều công trình nghiên cứu kết hợp giữa lý thuyết triết học Mác - Lênin với kết quả khảo sát, điều tra hiện đại để làm rõ thực trạng biểu hiện biến đổi của từng thành tố cấu trúc trong YTĐĐTN hiện nay gắn với các mối quan hệ chủ đạo của TN.

- Còn thiếu những nghiên cứu dài hạn, có hệ thống nhằm theo dõi sự biến đổi YTĐĐTN qua thời gian dưới tác động của nền KTTT, trong đó hướng đến nghiên cứu tập trung về các biểu hiện biến đổi (cụ thể là ở mức độ, các khía cạnh biến đổi, chiều hướng biến đổi,...) để khái quát, đánh giá về xu hướng biến đổi của YTĐĐTN Việt Nam, từ đó đề xuất các giải pháp cơ bản góp phần thúc đẩy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực của YTĐĐTN dưới tác động của KTTT ở Việt Nam hiện nay, đặc biệt là trong giai đoạn Việt Nam phát triển nền KTTT hiện đại gắn liền với hội nhập quốc tế và đẩy mạnh khoa học công nghệ, bước vào thời kì chuyển đổi số.

1.4.2. Hướng tiếp cận nghiên cứu của luận án

Trên cơ sở kế thừa có chọn lọc các kết quả nghiên cứu đã được công bố, tác giả xác định hướng nghiên cứu của luận án là:

Một là, từ cách tiếp cận triết học, có thể thấy mối quan hệ giữa kinh tế và đạo đức suy một cách sâu xa là mối quan hệ giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng, mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội. YTĐĐ, với tư cách là một bộ phận của ý thức xã hội không thể tách rời tồn tại xã hội đã làm nó nảy sinh, tồn tại và biến đổi, đặc biệt là yếu tố kinh tế. Do đó, Luận án hướng đến nghiên cứu sự biến đổi của YTĐĐTN dưới tác động của KTTT trên cơ sở xem xét sự tác động biện chứng, đa chiều với những mặt đối lập của mối quan hệ giữa kinh tế và đạo đức, từ đó chỉ ra tính tất yếu, đặc điểm, biểu hiện, nguyên nhân của sự biến đổi này trong tiến trình phát triển của nó.

Hai là, nghiên cứu sự biến đổi YTĐĐTN Việt Nam hiện nay là cách nhìn sự vật trong quá trình vận động, phát triển, ở đó, từ trạng thái hiện thời của đối tượng

để thấy những nguyên nhân, tính tất yếu và xu hướng của sự biến đổi YTĐĐTN Việt Nam dưới tác động của KTTT hiện nay. Ngoài ra, Luận án bước đầu luận giải cơ chế tác động của KTTT, trong đó có vai trò của các yếu tố trung gian (gia đình, nhà trường, tổ chức thanh niên Đoàn, Hội, môi trường truyền thông số, các quan điểm dư luận xã hội) trong giáo dục, định hướng sự biến đổi tích cực của YTĐĐTN dưới tác động của cơ chế thị trường. Đây là những nội dung mới, trọng tâm mà luận án muốn hướng tới làm rõ.

Ba là, đề xuất giải pháp chủ yếu gắn với cơ chế thị trường nhằm thúc đẩy, phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực trong YTĐĐTN dưới tác động của KTTT ở Việt Nam hiện nay, đặc biệt trong bối cảnh phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế xanh góp phần xây dựng hình thành nhân cách, xây dựng hình mẫu TN vững vàng, tự tin bước vào kỉ nguyên mới.

Tiểu kết chương 1

Qua việc tổng quan tình hình nghiên cứu các tài liệu trong và ngoài nước về các vấn đề lý luận, về thực trạng biến đổi YTĐĐTN dưới tác động của KTTT cũng như các nghiên cứu về giải pháp giáo dục đạo đức TN, giáo dục YTĐĐTN nhằm thúc đẩy biến đổi tích cực, hạn chế biến đổi tiêu cực trong YTĐĐTN dưới tác động của KTTT ở Việt Nam cho đến nay đã có nhiều công trình nghiên cứu với nhiều cách tiếp cận khác nhau, các công trình đã đề cập đến nhiều nội dung luận án cần làm sáng tỏ như: các vấn đề lí luận liên quan đến đạo đức, YTĐĐ, TN, KTTT và tác động của KTTT đến đạo đức nói chung và đạo đức, YTĐĐTN nói riêng; khái quát thực trạng đạo đức của TN Việt Nam và của một số thành phần TN cụ thể trong xã hội với những biến động từ khi đất nước đổi mới, phát triển KTTT; những chỉ dẫn định hướng nền tảng nghiên cứu về TN, giáo dục TN nói chung và giáo dục đạo đức TN nói riêng từ các quan điểm mácxit, Tư tưởng Hồ Chí Minh,...

Vì thế việc tổng hợp các công trình nghiên cứu có ý nghĩa rất thiết thực tạo tiền đề về lý luận và thực tiễn giúp tác giả tiếp tục nghiên cứu vấn đề mình lựa chọn. Tuy nhiên, với sự khảo luận tương đối toàn diện có thể thấy chưa có một công trình nào nghiên cứu dưới góc độ triết học một cách chuyên biệt, hệ thống về sự biến đổi của YTĐĐTN Việt Nam nói chung dưới tác động của KTTT hiện nay, đặc biệt là đi sâu làm rõ thực trạng, nguyên nhân của những biểu hiện biến đổi trong từng thành tố cấu trúc của YTĐĐTN với sự kết hợp phương pháp nghiên cứu liên ngành khảo luận triết học với các tài liệu thứ cấp, các kết quả điều tra hiện đại của xã hội học, tâm lý học...

Trên cơ sở đó, tác giả luận án đã đề xuất các hướng nghiên cứu của mình góp phần giải quyết những khoảng trống nghiên cứu trên, từ đó đề xuất giải pháp nhằm thúc đẩy, phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực trong YTĐĐTN dưới tác động của KTTT ở Việt Nam hiện nay, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam phát triển nền KTTT hiện đại bước vào kỉ nguyên mới. Vì vậy, đề tài của luận án không bị trùng lặp và góp phần làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn như mục tiêu đã đặt ra.

CHƯƠNG 2
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ SỰ BIẾN ĐỔI Ý THỨC ĐẠO ĐỨC THANH NIÊN DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA KINH TẾ THỊ TRƯỜNG Ở VIỆT NAM

2.1. Ý thức đạo đức thanh niên - một bộ phận của ý thức đạo đức xã hội

2.1.1. Quan niệm về đạo đức và ý thức đạo đức

**** Quan niệm về đạo đức***

Đạo đức là một hiện tượng của xã hội loài người. Danh từ "đạo đức" xuất phát từ tiếng La tinh là "moris" nghĩa là có liên quan đến lề thói, đạo nghĩa. Bàn về nguồn gốc và bản chất của đạo đức, từ thời cổ đại đến nay, các nhà tư tưởng đều có nhiều quan điểm tiếp cận khác nhau. Ở phương Đông, "Đạo" là một trong những phạm trù quan trọng nhất của triết học Trung Quốc cổ đại, có nghĩa là đường đi, trong triết học để chỉ con đường của tự nhiên, con đường sống của con người trong xã hội. "Đức" dùng để nói đến nhân đức, đức tính và nhìn chung "đức" là biểu hiện của "đạo", là đạo nghĩa, là nguyên tắc luân lý. Như vậy có thể hiểu "đạo đức" của người Trung Quốc cổ đại chính là những yêu cầu, những nguyên tắc do cuộc sống đặt ra mà mỗi người phải tuân theo.

Ở phương Tây, các nhà triết học lớn trước Mác như Xôcrat, Platôn, Aristôt, Cantơ, Phoi-ơ-bắc, Hêghen, Đác-uyn,… đã có những đóng góp to lớn vào sự phát triển của đạo đức học. Mặc dù vậy, do xuất phát từ lập trường duy tâm hoặc những quan niệm còn sơ khai, phiến diện hay theo thuyết tiến hóa tầm thường nên những quan niệm này chưa giải thích một cách thực sự khoa học vấn đề nguồn gốc và bản chất của đạo đức xuất phát từ điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội.

Theo quan điểm của C. Mác, Ph. Ăngheh, đạo đức có nguồn gốc từ lao động sản xuất và đời sống vật chất của xã hội loài người, sự phát sinh và phát triển của đạo đức xét đến cùng là một quá trình do sự phát triển của phương thức sản xuất quyết định. Ph. Ăngghen đã khẳng định: " Xét cho đến cùng, mọi thuyết về đạo đức đã có từ trước đến nay đều là sản phẩm của tình hình kinh tế - xã hội lúc bấy giờ"

[67, tr.137]. Các ông quan niệm đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, phản ánh hiện thực xã hội của con người, chịu sự chi phối của tồn tại xã hội.

Hồ Chí Minh đã tiếp thu và vận dụng sáng tạo quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin. Theo Người, đạo đức là cái gốc của con người, là nguồn cội nuôi dưỡng, phát triển nhân cách, cũng giống như sông có nguồn thì mới có nước, cây không có gốc thì cây héo [78, tr.252-253]. Tư tưởng Hồ Chí Minh luôn đề cao đạo đức hành động, đức gắn với tài, nói phải đi đôi với làm, gắn liền với hành động thực tiễn.

Trong khoa học xã hội Việt Nam, khái niệm đạo đức được tiếp cận tương đối thống nhất trên nền tảng của triết học Mác - Lênin. Về cơ bản, các nhà khoa học đều bàn luận về bản chất, vai trò, cấu trúc của đạo đức, coi đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, bao gồm hệ thống các nguyên tắc, chuẩn mực và giá trị điều chỉnh hành vi con người trong các quan hệ xã hội bằng cơ chế tự giác. Trong *Giáo trình "Đạo đức học*", các tác giả Nguyễn Thế Kiệt, Nguyễn Ngọc Long khẳng định: "Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, là tập hợp những nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực xã hội, nhằm điều chỉnh và đánh giá cách ứng xử của con người trong quan hệ với nhau và quan hệ với xã hội, chúng được thực hiện bởi niềm tin cá nhân, bởi truyền thống và sức mạnh của dư luận xã hội" [54, tr.8]. Trong cuốn *"Đạo đức học",* tác giả Phạm Khắc Chương, Nguyễn Thị Yến Phương nhấn mạnh: "Đạo đức là một hình thái của ý thức xã hội, là tổng hợp những quy tắc, nguyên tắc, chuẩn mực xã hội, nhờ đó con người tự giác điều chỉnh hành vi của mình sao cho phù hợp với hạnh phúc của con người và tiến bộ xã hội giữa con người với con người, giữa cá nhân với xã hội" [14, tr.6]. Các cách tiếp cận này nhấn mạnh ba phương diện cơ bản của đạo đức: tính ý thức xã hội, tính chuẩn mực, tính tự nguyện tự giác và chức năng điều chỉnh hành vi.

Phát triển theo hướng tiếp cận nhân cách, tác giả Phạm Minh Hạc trong cuốn "*Vấn đề con người trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa*" cho rằng đạo đức không chỉ là hệ thống chuẩn mực bên ngoài mà còn là yếu tố cốt lõi cấu thành nhân cách con người, thể hiện ở hệ giá trị, động cơ và lý tưởng sống;

ông viết: "Đạo đức là hạt nhân của nhân cách, quy định phương hướng và động cơ hành vi của con người trong đời sống xã hội" [37, tr. 115). Bổ sung từ góc độ văn hóa học, tác giả Trần Ngọc Thêm trong cuốn sách "*Hệ giá trị Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại*" coi đạo đức là một thành tố của hệ giá trị văn hóa dân tộc, gắn với các chuẩn mực ứng xử hình thành trong lịch sử; theo ông: "Đạo đức là bộ phận quan trọng của hệ giá trị văn hóa, phản ánh những chuẩn mực ứng xử mà cộng đồng thừa nhận và duy trì" [109, tr. 88]. Hướng đến luận giải quan niệm về cấu trúc của đạo đức, tiêu biểu có nhà nghiên cứu Hà Huy Thành đưa ra cách tiếp cận: đạo đức bao gồm ý thức đạo đức, quan hệ đạo đức và hành vi đạo đức [108, tr.227].

Như vậy, mặc dù có những cách diễn đạt khác nhau, các quan niệm của các nhà khoa học đều gặp nhau ở điểm cốt lõi: đạo đức là một hệ thống giá trị - chuẩn mực mang tính xã hội, thực hiện chức năng điều chỉnh hành vi con người một cách tự giác, qua đó bảo đảm sự hài hòa giữa cá nhân và xã hội.

Trên cơ sở kế thừa các quan niệm trên, tác giả khái quát lại như sau: *Đạo đức là hệ thống các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực xã hội có vai trò định hướng, điều chỉnh, đánh giá một cách tự giác hành vi con người trong các mối quan hệ xã hội (mối quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với cộng đồng, giữa con người với tự nhiên) ở các giai đoạn lịch sử nhất định.*

Về nguồn gốc: Đạo đức là một hiện tượng xã hội thuộc lĩnh vực tinh thần, có nguồn gốc xã hội, chịu sự quyết định của các điều kiện kinh tế – xã hội.

Về nội dung và hình thức biểu hiện: Đạo đức bao gồm hệ thống các giá trị biểu hiện phẩm chất tốt đẹp, đạo lý cao quý trong nhận thức, tính nết, tư cách, hành động, lối sống của con người. Hệ thống giá trị đạo đức là một nội dung hợp thành hệ thống giá trị xã hội [55, tr.9-18]. Các giá trị đạo đức được biểu hiện dưới hình thức khẳng định hoặc phủ nhận lợi ích chính đáng hoặc không chính đáng đối với cộng đồng xã hội. Đạo đức thể hiện sự tán thành hay phản đối trước thái độ hoặc hành vi ứng xử của các cá nhân, giữa cá nhân với cộng đồng trong một xã hội nhất định.

Về vai trò và đặc điểm: Với vai trò là một trong số các phương thức điều chỉnh hành vi của con người trong các mối quan hệ xã hội, đặc điểm của đạo đức là được thực hiện dựa vào sức mạnh dư luận xã hội, niềm tin cá nhân, tập quán, truyền thống dân tộc và giáo dục (bao gồm cả tự giáo dục) để tác động điều chỉnh ý thức, hành vi, các mối quan hệ của con người, do đó đạo đức được thực hiện thông qua sự tự nguyện, tự giác, khác với pháp luật - một phương thức điều chỉnh hành vi của con người thông qua sự bắt buộc, cưỡng chế. Các giá trị đạo đức không phải là những giá trị siêu hình, bất biến, sự biến đổi của đạo đức chịu sự qui định từ sự biến đổi của hiện thực xã hội mà trước hết là từ cơ sở kinh tế. Đạo đức có tính lịch sử, tính giai cấp, tính dân tộc, tính nhân loại. C.Mác và Ph.Ăngghen đã từng nhấn mạnh: "từ dân tộc này sang dân tộc khác, từ thời đại này sang thời đại khác, những quan niệm về thiện và ác đã biến đổi nhiều đến mức chúng thường trái ngược hẳn nhau" [67, tr.135], "Và vì cho tới nay xã hội đã vận động trong sự đối lập giai cấp, cho nên đạo đức cũng luôn là đạo đức giai cấp, hoặc là biện hộ cho sự thống trị và lợi ích của giai cấp thống trị, hoặc là khi giai cấp bị trị đã trở nên khá mạnh thì nó tiêu biểu cho sự nổi dậy chống lại sự thống trị nói trên và tiêu biểu cho lợi ích tương lai của những người bị áp bức" [67, tr. 137]. Theo qui luật khách quan của sự vận động phát triển xã hội loài người nói chung, xã hội cộng sản chủ nghĩa với bản chất ưu việt, nhân văn không còn bóc lột, không còn giai cấp sẽ thay thế xã hội tư bản, theo đó đạo đức cộng sản chủ nghĩa trong đó có đạo đức XHCN là đạo đức tiến bộ nhất trong lịch sử, mang bản chất tốt đẹp, chân chính nhân văn thực sự vì con người.

Về cấu trúc: Luận án thống nhất cách hiểu như sau: Nếu coi đạo đức là một nội dung hoạt động của con người thông qua các hành vi cụ thể thì đạo đức bao gồm YTĐĐ, hành vi đạo đức và quan hệ đạo đức. Như vậy, đạo đức không chỉ là những biểu hiện bên ngoài mà còn là phẩm chất tốt đẹp bên trong của mỗi con người, mỗi cộng đồng, được hình thành qua quá trình tu dưỡng và tự nguyện, tự giác điều chỉnh hành vi của mỗi người.

**** Quan niệm về ý thức đạo đức***

C. Mác và Ph. Ăngghen đã có công lao to lớn xây dựng quan điểm duy vật về lịch sử. Theo các ông, tồn tại xã hội bao gồm toàn bộ đời sống vật chất và điều kiện sinh hoạt vật chất cùng những quan hệ vật chất của xã hội, trong đó phương thức sản xuất vật chất (yếu tố kinh tế) là yếu tố cơ bản, cốt lõi nhất của toàn bộ tồn tại xã hội. Từ đó, các ông đã chứng minh và khẳng định rằng ý thức xã hội là toàn bộ đời sống tinh thần của xã hội, được hình thành và phát triển trên cơ sở của đời sống vật chất, tức là tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội: "ý thức không bao giờ có thể là cái gì khác hơn là sự tồn tại được ý thức" [71, tr.37]. "không phải ý thức của con người quyết định tồn tại của họ; trái lại, tồn tại xã hội của họ quyết định ý thức của họ" [65, tr.15]. Khi khẳng định tính quyết định của tồn tại xã hội với ý thức xã hội, các nhà mác xít đồng thời chỉ rõ tính độc lập tương đối của ý thức xã hội và mối quan hệ của các hình thái ý thức xã hội: ý thức xã hội có thể lạc hậu hơn, hoặc vượt trước tồn tại xã hội, có tính kế thừa trong sự phát triển của mình, và đặc biệt có thể tác động trở lại tồn tại xã hội. Ph. Ăngghen viết: "Sự phát triển của chính trị, pháp luật, triết học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, v.v...đều dựa trên cơ sở sự phát triển kinh tế. Nhưng tất cả cũng có ảnh hưởng lẫn nhau và ảnh hưởng đến cơ sở kinh tế" [70, tr. 271].

Trên nền tảng triết học Mác - Lênin, các nhà khoa học sau này cũng đã luận giải về bản chất, biểu hiện của ý thức xã hội đặt trong mối quan hệ với tồn tại xã hội, đều thống nhất quan điểm coi YTĐĐ là một trong những hình thái đặc thù của ý thức xã hội. Nhà triết học M.M. Rodentan đã chỉ rõ: "Ý thức xã hội - đó là những quan điểm, những quan niệm, những tư tưởng, những lý luận chính trị, pháp luật, thẩm mỹ, luân lý, v.v...., triết học, đạo đức, tôn giáo và những hình thái ý thức khác" [101, tr. 590]. Ở Việt Nam, trong cuốn "Giáo trình Triết học Mác - Lênin", các nhà khoa học cũng đưa ra quan niệm: "Ý thức xã hội với tư cách là mặt tinh thần của đời sống xã hội bao gồm những quan điểm, tư tưởng, cùng những tình cảm, tâm trạng, truyền thống …nảy sinh từ tồn tại xã hội và phản ánh tồn tại xã hội trong những giai đoạn phát triển nhất định [46, tr. 567, 568].... Trên cơ sở xem xét YTĐĐ là một hình thái đặc thù của ý thức xã hội, các nhà nghiên cứu đã chỉ ra rằng YTĐĐ

phản ánh đời sống xã hội dưới góc độ các quan niệm về *thiện – ác, tốt – xấu, công bằng – bất công, nghĩa vụ – lương tâm*, giúp con người tự giác điều chỉnh các hành vi cho phù hợp với các quy tắc, chuẩn mực xã hội: " YTĐĐ là toàn bộ những quan niệm về thiện, ác, tốt, xấu, lương tâm, trách nhiệm, hạnh phúc, công bằng… và về những quy tắc đánh giá, điều chỉnh hành vi ứng xử giữa cá nhân với xã hội, giữa cá nhân với cá nhân trong xã hội" [46, tr. 586 - 590].

Xét về mặt cấu trúc, các nghiên cứu cũng chỉ ra rằng YTĐĐ không chỉ gồm hệ thống các chuẩn mực, nguyên tắc điều chỉnh hành vi giữa con người với con người và với cộng đồng, mà còn bao gồm những thành tố khác được hình thành trong quá trình lịch sử - xã hội: "YTĐĐ bao gồm hệ thống tri thức về giá trị, và định hướng giá trị đạo đức, tình cảm và lý tưởng đạo đức, trong đó tình cảm đạo đức là yếu tố quan trọng nhất, nếu thiếu nó thì những khái niệm, phạm trù đạo đức và mọi tri thức đạo đức thu nhận được bằng con đường lý tính không thể chuyển hóa thành hành vi đạo đức" [46, tr. 591]. "YTĐĐ bao hàm trong mình những yếu tố quan trọng: tri thức về giá trị đạo đức, tình cảm đạo đức, niềm tin đạo đức và lý tưởng đạo đức. Trong đó tình cảm đạo đức là yếu tố cơ bản - mắt xích "trung gian" chuyển hóa tri thức về giá trị đạo đức thành niềm tin và hành vi đạo đức của con người" [146, tr. 689].

Như vậy, với tư cách là một bộ phận của ý thức xã hội, YTĐĐ vừa bị quy định bởi tồn tại xã hội (điều kiện kinh tế, cấu trúc xã hội, lợi ích giai cấp), vừa có tính độc lập tương đối, thể hiện ở khả năng tác động trở lại đời sống xã hội thông qua việc định hướng, đánh giá và điều chỉnh hành vi con người. Chính vì vậy, trong cấu trúc của ý thức xã hội, YTĐĐ giữ vai trò đặc biệt trong việc duy trì trật tự xã hội, củng cố các quan hệ xã hội và định hình hệ giá trị của mỗi cộng đồng trong những giai đoạn lịch sử cụ thể.

Trên cơ sở kế thừa các quan điểm của các nhà nghiên cứu, tác giả Luận án thống nhất theo quan niệm đó là: *YTĐĐ là một hình thái ý thức xã hội phản ánh tồn tại xã hội, bao gồm hệ thống những tri thức, tình cảm, niềm tin và lý tưởng về các quy tắc, chuẩn mực trong xã hội, qua đó thể hiện quan niệm về cái thiện, ác, tốt, xấu, lương tâm, trách nhiệm, hạnh phúc, công bằng,..., có chức năng định hướng,*

điều chỉnh, đánh giá các hành vi ứng xử và các mối quan hệ của cá nhân trong xã hội, được thực hiện một cách tự giác nhờ niềm tin cá nhân, tập quán, truyền thống, dư luận xã hội.

Như vậy, có thể khái quát:

+ Về nguồn gốc và bản chất: YTĐĐ là một hình thái ý thức xã hội, mang đầy đủ các đặc điểm của ý thức xã hội, phản ánh và chịu sự qui định của tồn tại xã hội. YTĐĐ bao gồm tổng thể các giá trị, chuẩn mực đạo đức được con người tiếp nhận, nắm bắt, ủng hộ, tin tưởng hướng đến, có vai trò chi phối, điều chỉnh, đánh giá hành vi và các mối quan hệ của con người trong xã hội. YTĐĐ thể hiện thái độ, nhận thức của con người về hành vi của mình trong sự đối chiếu với hệ thống chuẩn mực hành vi, qui tắc đạo đức xã hội đặt ra, nó giúp con người điều chỉnh hành vi và hoàn thành một cách tự giác, tự nguyện những nghĩa vụ đạo đức của mình. YTĐĐ là yếu tố bên trong, không tự bộc lộ mà được thể hiện qua hành vi, lối sống, các mối quan hệ của con người. YTĐĐ thường biểu hiện dưới hình thức khẳng định hoặc phủ định. Ẩn giấu đằng sau YTĐĐ là vấn đề lợi ích, có thể là một lợi ích chính đáng hoặc không chính đáng, tán thành hay phản đối nào đó, qua đó khuyến khích, thúc đẩy, hay ngăn chặn, kiềm chế các hành vi đạo đức của con người.

+ Về đặc điểm:

YTĐĐ có *tính xã hội - lịch sử,* tức là được hình thành và biến đổi cùng với những điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể. YTĐĐ không phải là một thực thể siêu hình bất biến, mà luôn có sự vận động theo sự biến đổi của hiện thực xã hội. Sự vận động, biến đổi của YTĐĐ chịu tác động của các qui luật chủ yếu đó là: Quy luật tồn tại xã hội quyết định ý thức đạo đức, Qui luật kế thừa trong sự phát triển của đạo đức, Qui luật tương tác giữa các hình thái ý thức xã hội khác đối với hình thái YTĐĐ xã hội, Quy luật tiến bộ đạo đức trong lịch sử, Quy luật đấu tranh của hai nền đạo đức trong xã hội có giai cấp [55, tr.48 - 58].

YTĐĐ có *tính chuẩn mực,* bởi nó là những giá trị được con người và cộng đồng thừa nhận phổ biến một cách công khai, được lựa chọn và áp dụng một cách rộng rãi vào đời sống, có ý nghĩa như những khuôn mẫu, tiêu chuẩn, định lượng cho việc xem xét, đánh giá hành vi của con người trong xã hội;

YTĐĐ có *tính hai mặt*: vừa mang yếu tố khách quan (phản ánh quan hệ xã hội), vừa mang yếu tố chủ quan (thể hiện niềm tin, thái độ, tình cảm cá nhân);

YTĐĐ có *tính dân tộc, giai cấp và tính nhân loại*, vừa phản ánh lợi ích, quan hệ của từng giai cấp, vừa thể hiện khát vọng chung về cái thiện, công bằng, nhân văn, tốt đẹp của mỗi dân tộc và toàn nhân loại;

+ Về các mối quan hệ của YTĐĐ:

Xét trong mối quan hệ với tồn tại xã hội, YTĐĐ chịu sự quyết định của tồn tại xã hội, khi tồn tại xã hội thay đổi thì sớm hay muộn YTĐĐ cũng thay đổi theo, đồng thời YTĐĐ có tính độc lập tương đối với tồn tại xã hội, và có mối quan hệ biện chứng với các hình thái ý thức xã hội còn lại khi chúng cùng phản ánh tồn tại xã hội. Khi thừa nhận tính độc lập tương đối của YTĐĐ, có nghĩa là YTĐĐ có thể tác động trở lại tồn tại xã hội một cách tích cực hoặc tiêu cực. Mức độ và hiệu quả tác động của YTĐĐ đối với sự phát triển kinh tế xã hội phụ thuộc vào điều kiện lịch sử cụ thể, vào tính đúng đắn khách quan, khoa học mà YTĐĐ phản ánh tồn tại xã hội, vào mức độ thâm nhập của YTĐĐ vào quần chúng nhân dân, vào mức độ vận dụng đúng đắn, sáng tạo YTĐĐ của chủ thể lãnh đạo, quản lý.

Xét trong cấu trúc của đạo đức - một nội dung hoạt động của đời sống con người, YTĐĐ cùng hành vi đạo đức và quan hệ đạo đức là những thành tố tạo nên cấu trúc đạo đức và các thành tố này có mối quan hệ biện chứng với nhau, trong đó:

YTĐĐ là hệ thống các quan niệm, tri thức, các trạng thái tâm lý về quy tắc, chuẩn mực đạo đức có vai trò điều chỉnh hành vi đạo đức và các mối quan hệ đạo đức của con người trong cộng đồng xã hội. YTĐĐ được thể hiện ra bên ngoài qua thực tiễn đạo đức (gồm hành vi đạo đức và quan hệ đạo đức), nếu không được thể hiện qua thực tiễn đạo đức thì YTĐĐ sẽ không đạt tới giá trị, sẽ rơi vào trừu tượng. YTĐĐ thể hiện khả năng nhận thức, cảm xúc của con người trước hành vi của mình trong sự đối chiếu với hệ thống chuẩn mực, nguyên tắc đạo đức xã hội đã được đề ra, xác định rành mạch một cách tự nguyện, tự giác những giới hạn cho hành vi trong các mối quan hệ của mỗi người cũng như giới hạn những giá trị đạo đức hướng tới của mỗi người. Các chuẩn mực của YTĐĐ được hình thành và tác động trực tiếp trong thực tiễn hành vi mỗi người, trong quá trình mọi người giao tiếp với

nhau. Chúng là sự phản ánh kinh nghiệm sống của con người, giá trị của chúng được củng cố do sự công nhận bởi các nhóm, cộng đồng người nhất định dựa trên lợi ích phổ biến mà không có sức mạnh cưỡng chế của luật pháp. Khả năng và hoạt động đạo đức tích cực, đúng đắn của con người phụ thuộc rất nhiều ở ý thức của họ. Khi YTĐĐ đúng đắn, tích cực sẽ giúp cho mỗi người rút ngắn được thời gian và quãng đường đi tới mục tiêu hoàn thiện nhân cách bản thân mà mình lựa chọn. Vì vậy, YTĐĐ là cơ sở bên trong của hành vi, có vai trò định hướng, điều chỉnh, đánh giá, kiểm tra hành vi đạo đức, quan hệ đạo đức của con người.

Hành vi đạo đức là những hành động mang tính tự nguyện, tự giác được thực hiện bởi sự chi phối của ý thức và động cơ đạo đức, thể hiện qua cách ứng xử, lời nói và lối sống hằng ngày, nhằm thực hiện các chuẩn mực đạo đức xã hội có lợi cho cộng đồng. Hành vi đạo đức là quá trình hiện thực hóa YTĐĐTN, là sự phục tùng tự nguyện YTĐĐTN. Hành vi đạo đức mang tính tự nguyện, tự giác cao thì không vụ lợi, là hành vi vì người khác, vì cộng đồng xã hội chứ không phải vì mình và cho mình. Đồng thời, khi mỗi người có những hành vi chứa đựng giá trị đạo đức cao, hy sinh vì người khác thì đó cũng chính là lúc họ khẳng định giá trị làm người của họ, họ tìm thấy bản thân họ trong sự hy sinh vì người khác

Quan hệ đạo đức là hệ thống những quan hệ xác định về mặt đạo đức giữa cá nhân con người với nhau, giữa cá nhân với cộng đồng xã hội, giữa con người với môi trường sống, ở đó YTĐĐ và hành vi đạo đức của con người được bộc lộ. Quan hệ đạo đức được hình thành và phát triển trong quá trình con người hoạt động, thực hiện hành vi đạo đức và các quan hệ đạo đức đều chịu sự ảnh hưởng chi phối của YTĐĐ. Ở đâu có hoạt động của con người thì ở đó xuất hiện quan hệ đạo đức của họ. Thực chất, quan hệ đạo đức không biểu hiện ra như một quan hệ riêng lẻ thuần túy mà nó tiềm ẩn trong các quan hệ xã hội ở các lĩnh vực như quan hệ kinh tế, quan hệ dân tộc, quan hệ gia đình, quan hệ pháp luật,…[14, tr. 14,15].

+ *Về cấu trúc của YTĐĐ*: YTĐĐ bao gồm tri thức đạo đức, tình cảm đạo đức, niềm tin đạo đức và lý tưởng đạo đức. Các thành tố trong cấu trúc của YTĐĐ đều có vai trò tiền đề, định hướng, dẫn dắt đối với hành vi và quan hệ đạo đức. Trong đó, tri thức đạo đức xác định giới hạn cho hành vi, quan hệ đạo đức; tình cảm

đạo đức là động cơ chủ yếu của hành vi, quan hệ đạo đức; ý chí, niềm tin đạo đức là sức mạnh bên trong thúc đẩy con người thực hiện hành vi đạo đức, xây dựng các mối quan hệ đạo đức; còn lý tưởng đạo đức định hướng phấn đấu hoàn thiện cho hành vi, quan hệ đạo đức.

Có thể nói, YTĐĐ là yếu tố bên trong của đạo đức, thể hiện lương tâm, trách nhiệm, danh dự và lòng tự trọng,...và phản ánh khả năng tự chủ, tự giác của con người, là nét cơ bản qui định gương mặt đạo đức của con người, cũng là biểu hiện bản chất xã hội của con người. Với ý nghĩa đó, sự phát triển YTĐĐ là nhân tố biểu hiện tiến bộ xã hội.

2.1.2. Khái niệm và đặc điểm của ý thức đạo đức thanh niên

** Khái niệm thanh niên*

Có nhiều cách định nghĩa về TN, tùy vào góc độ tiếp cận hoặc nội dung nghiên cứu. Có thể thống kê một số quan niệm chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, ở góc độ sinh lý gắn với độ tuổi: TN được coi là một giai đoạn tuổi nhất định trong quá trình sống của con người. Theo Từ điển Tiếng Việt, "thanh niên" được giải thích là: "Người còn trẻ, đang ở độ tuổi trưởng thành" [145, tr. 913].

Về độ tuổi cụ thể của TN cũng có quan niệm khác nhau. UNESCO có đưa ra quan điểm của Liên Hợp Quốc và chỉ dẫn cách tiếp cận: “Liên Hợp Quốc định nghĩa "thanh niên" là những người trong độ tuổi từ 15 đến 24. Tuy nhiên, định nghĩa này không mang tính phổ quát. Vì trải nghiệm khi còn trẻ có thể khác nhau đáng kể trên toàn thế giới, giữa các quốc gia và khu vực, chúng tôi coi "thanh niên" là một phạm trù linh hoạt. Do đó, bối cảnh luôn là một hướng dẫn quan trọng trong định nghĩa về thanh niên của UNESCO” [179]. Ở Việt Nam, Bộ Nội vụ đã dẫn ra quan điểm tiếp cận trên cơ sở đối chiếu với quan điệm của thế giới như sau: "Cũng theo xu hướng định nghĩa TN theo tuổi, Tổ chức Y tế thế giới (WHO) cho rằng: “TN là tất cả các thành viên của xã hội ở tuổi giữa 15 và 34”. Ở Việt Nam, Bộ Nội vụ cùng Quỹ Dân số Liên hiệp quốc tại Việt Nam cùng thống nhất theo quan điểm của Luật Thanh niên (2005) quy định: “Thanh niên là những người từ đủ 16 đến 30 tuổi”. Theo cách tiếp cận này thì tuổi TN Việt Nam cũng được phân theo nhóm tuổi để nghiên cứu so sánh, cụ thể phân tổ theo ba nhóm tuổi TN là: giai đoạn đầu tuổi TN từ

16 đến 19 tuổi, giai đoạn giữa tuổi TN từ 20 đến 24 tuổi và giai đoạn cuối tuổi TN từ 25 đến 30 tuổi" [09, tr. 5]. Đến nay, Việt Nam vẫn giữ nguyên qui định tuổi như trên theo Luật Thanh niên (2020). Với khoảng tuổi đó, có thể hiểu tuổi TN là giai đoạn quá độ tiếp nối sau tuổi thiếu niên và tiệm cận tuổi trung niên (người trưởng thành).

Thứ hai, ở góc độ tâm lý: Tuổi TN là giai đoạn phát triển tâm lý quan trọng với những biểu hiện đặc trưng như: sự phát triển mạnh của năng lực tự ý thức (tự quan sát, phân tích, kiểm tra đánh giá về những hành động của bản thân, về tư tưởng, tình cảm, đạo đức,... để phát triển và hoàn thiện nhân cách), có phẩm chất hăng hái, nhiệt tình, vô tư, khẳng khái, ưa cái mới, thích cái đẹp, có xu hướng bênh vực lẽ phải, ủng hộ sự công bằng, đề cao tính chính nghĩa nhưng cũng dễ dao động, dễ sa ngã. Trong quan hệ xã hội, TN có nhu cầu cao về phát triển, xây dựng các mối quan hệ xã hội đặc biệt là các quan hệ đồng đẳng, cùng nhóm, song có cái tôi lớn, tính tự trọng cao, đề cao sự bình đẳng, dân chủ, mong muốn được lắng nghe, ghi nhận, tôn trọng. Về nhận thức, tuổi TN gắn với môi trường xã hội hóa từ gia đình, nhà trường đến giao tiếp xã hội. Ở TN có năng lực nhận thức cao, có nhu cầu cao học hỏi, khám phá, nhạy bén, tiếp thu cái mới, khả năng sáng tạo cao, có nhiều khát vọng, ước mơ đem lại lợi ích cá nhân và công bằng xã hội. Song cũng ở độ tuổi này, TN cũng có những biểu hiện mặt trái: chủ quan, thiếu chín chắn và kinh nghiệm, còn bồng bột, khả năng kiềm chế kiểm soát cảm xúc chưa cao, dễ bị kích động, dễ bị kẻ xấu lợi dụng, lôi kéo vào những vấn đề tiêu cực.

Thứ ba, ở góc độ xã hội học: TN được coi là một lực lượng xã hội, một nhóm cộng đồng người, một thành phần dân cư trong cơ cấu xã hội có nhiều đặc thù về tâm sinh lý, có tính phổ biến cao và đa đạng về thành phần. Báo cáo quốc gia về TN năm 2015 đã tổng quan: "TN là nhóm dân số đặc thù, có mặt trong tất cả các nhóm dân tộc, giai cấp, các thành phần xã hội và địa bàn trong cả nước. Theo cách quản lý và phân loại đối tượng TN của Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, TN Việt Nam được chia thành các nhóm sau: TN nông thôn, TN công nhân, TN công chức và viên chức, TN đô thị, TN học sinh và sinh viên, TN trong các lực lượng vũ trang. Các nhóm TN đặc thù bao gồm: TN dân tộc thiểu số, TN có đạo, TN đang học tập, lao động ở nước ngoài. Các nhóm TN yếu thế bao gồm: TN bị nhiễm HIV/AIDS, TN khuyết tật, TN sau cai nghiện và sau cải tạo trở về tái hòa nhập với cộng đồng" [9, tr. 9].

Nhìn nhận tính đặc thù của TN, các nhà nghiên cứu còn coi TN là một "tiểu văn hóa", nhấn mạnh đến những đặc trưng văn hóa của họ. Họ cho rằng có một nền văn hóa TN và coi đó như một tiểu văn hóa gắn với phong cách ngôn ngữ, giao tiếp, trang phục, các loại hình âm nhạc, thậm chí là thị hiếu thẩm mỹ, thị hiếu âm nhạc hay quan niệm về cái đẹp của TN… qua đó thấy được những khác biệt của nhóm tuổi TN trong việc lựa chọn các giá trị và khuôn mẫu hành vi so với "văn hóa người lớn" [Dẫn theo: 36, tr. 45 - 46].

Thứ tư, ở góc độ chính trị - kinh tế - xã hội: TN được coi là một bộ phận của lực lượng quần chúng nhân dân, có vị trí, vai trò quan trọng đối với tương lai, vận mệnh của quốc gia, dân tộc và sự nghiệp cách mạng, đồng thời là nguồn nhân lực trẻ giàu tiềm năng có đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế, xã hội. Đảng Cộng sản Việt Nam đánh giá: "TN là rường cột của nước nhà, chủ nhân tương lai của đất nước, là lực lượng xung kích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, một trong những nhân tố quyết định sự thành bại của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, hội nhập quốc tế và xây dựng chủ nghĩa xã hội" [188]. Đánh giá cao tiềm năng to lớn của TN, Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc Antonio Guterres đã coi TN "là nguồn lực khổng lồ của sự đổi mới, ý tưởng và giải pháp", là những người đang thúc đẩy những thay đổi cần thiết trong lĩnh vực công nghệ, hành động bảo vệ khí hậu, sự công bằng xã hội, Tổng Thư ký nhấn mạnh rằng cần phải trao quyền cho TN, hỗ trợ họ và đảm bảo chắc chắn rằng họ có thể phát huy hết tiềm năng [204].

Dựa trên các hướng tiếp cận, trong phạm vi nghiên cứu này, tác giả quan niệm: "*Thanh niên là một nhóm nhân khẩu xã hội đặc thù với những biểu hiện đặc trưng về tâm sinh lý, ở độ tuổi từ đủ 16 tuổi đến 30 tuổi; đang trong quá trình hoàn thiện nhân cách; chiếm số lượng đông đảo và phổ biến trong các lực lượng xã hội, có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của mỗi quốc gia, dân tộc trong cả hiện tại và tương lai".*

Như vậy, khách thể TN trong nghiên cứu này có khoảng tuổi khá rộng. Vì thế, đặc điểm về tâm sinh lý, xã hội của khách thể là khá đa dạng, đôi khi có cả những đối lập về suy nghĩ, quan điểm, thái độ,… đối với các vấn đề của cuộc sống ngay giữa các giai đoạn tuổi trong lứa tuổi TN. Với những ưu điểm nổi trội và hạn chế vốn có của TN, cần có quan điểm biện chứng về đối tượng đặc thù này.

**** Khái niệm ý thức đạo đức thanh niên***

Trên cơ sở khái niệm về YTĐĐ và khái niệm TN như trên, luận án rút ra khái niệm YTĐĐTN như sau: YTĐĐTN *là một bộ phận thuộc ý thức đạo đức xã hội phản ánh tồn tại xã hội, bao gồm toàn bộ những quan niệm, tri thức, tình cảm, lý tưởng của TN về các giá trị, qui tắc, chuẩn mực xã hội, qua đó phản ánh quan niệm của TN về cái thiện, ác, cái tốt, xấu, lẽ phải, lương tâm, trách nhiệm, hạnh phúc, sự công bằng,... , có chức năng định hướng, điều chỉnh, đánh giá hành vi ứng xử và các mối quan hệ của TN, được người TN thực hiện một cách tự giác nhờ niềm tin cá nhân, tập quán, truyền thống, dư luận xã hội.*

Thực tế, hệ thống các giá trị, qui tắc, chuẩn mực được dư luận xã hội và mỗi cộng đồng, quốc gia, dân tộc thừa nhận luôn tồn tại phong phú, đa dạng ở các cấp độ khác nhau, thể hiện ở nhiều lĩnh vực, khía cạnh khác nhau trong đời sống xã hội. Đó có thể là các hệ giá trị của con người nói chung, hệ giá trị cộng đồng, hệ giá trị nhân loại, hệ giá trị truyền thống, hệ giá trị thời đại, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị đạo đức, hệ giá trị thẩm mỹ,…Khi các hệ giá trị, chuẩn mực này được dư luận cộng đồng xã hội thừa nhận vì đem lại lợi ích, sự phát triển, sự tiến bộ thì chúng được coi là cái đúng, cái tốt, cái đẹp, cái văn minh, là lẽ phải, và dư luận xã hội sẽ đặt ra yêu cầu về chuẩn mực ứng xử là phải ủng hộ, tôn trọng, giữ gìn, phát triển các giá trị đó. Khi mỗi cá nhân, trong đó có TN thể hiện sự hiểu biết và trạng thái tâm lý khẳng định hoặc phủ định những yêu cầu chuẩn mực này tức là thể hiện các mức độ YTĐĐ của mình, vì ở đó, người TN đang bộc lộ mức độ hiểu biết, thái độ, lương tâm, trách nhiệm của mình với những cái tốt, cái tiến bộ hoặc cái xấu, cái phản tiến bộ trong sự đối chiếu với yêu cầu chuẩn mực xã hội đã được đề ra.

YTĐĐTN kết hợp với hành vi đạo đức của TN và quan hệ đạo đức của TN tạo thành cấu trúc đạo đức của người TN. Hành vi đạo đức TN là biểu hiện của YTĐĐTN, là sự ứng xử của TN trong các hoạt động sống thông qua thái độ, hành động, tác phong, ánh mắt, nụ cười, lời nói... Quan hệ đạo đức của TN là những quan hệ có nội dung đề cập đến trách nhiệm và bổn phận của TN. Thông qua hành vi và quan hệ đạo đức của TN thì YTĐĐTN mới được bộc lộ ra ngoài. Trong đó:

YTĐĐTN có mối quan hệ biện chứng với hành vi đạo đức và quan hệ đạo đức của TN: *Thứ nhất*, YTĐĐTN hình thành, phát triển, hoàn thiện thông qua việc phản ánh quan hệ đạo đức của TN và khi đã hình thành, YTĐĐTN quay trở lại chi phối, điều chỉnh quan hệ đạo đức TN. Quan hệ đạo đức của người TN có bền vững hay không tùy thuộc trình độ của YTĐĐTN, vào sự lựa chọn lời nói, cử chỉ, hành vi của người TN trong mối quan hệ ở từng hoàn cảnh nhất định có phù hợp hay không. YTĐĐTN càng cao thì quan hệ đạo đức của TN càng được củng cố, bền chặt và ngược lại. Đồng thời, quan hệ đạo đức TN càng đa dạng, phức tạp càng là môi trường thuận lợi cho TN hình thành YTĐĐ sâu sắc và toàn diện. *Thứ hai*, YTĐĐTN là điều kiện để thực hiện hành vi đạo đức, là yếu tố định hướng, dẫn dắt, thúc đẩy thực hiện hành vi đạo đức, và kiểm tra đánh giá hành vi đạo đức của TN. Đồng thời, người TN có đạo đức hay không phải căn cứ vào những hành vi cụ thể, hành vi đạo đức của TN là quá trình hiện thực hóa YTĐĐTN trong cuộc sống, đem lại giá trị thực tiễn cho YTĐĐTN trong xã hội. Thông qua quá trình thực hiện những hành vi đạo đức thường xuyên, liên tục, YTĐĐ của mỗi người TN sẽ ngày càng được bồi dưỡng, củng cố trở nên hoàn thiện hơn.

Như vậy, YTĐĐTN là yếu tố tiềm ẩn bên trong, chỉ có giá trị khi nó được hiện thực hóa, bộc lộ ra, biến thành hành vi và thể hiện trong hành vi, quan hệ đạo đức của TN. Đến lượt mình hành vi và quan hệ đạo đức của TN lại làm sâu sắc hơn YTĐĐTN, từ đó YTĐĐTN ngày càng được củng cố, tiếp tục đóng vai trò chức năng định hướng, chức năng điều chỉnh, kiểm tra đánh giá hành vi và quan hệ đạo đức của TN một cách đúng đắn, hiệu quả hơn. Mọi sự tách rời giữa YTĐĐ với hành vi và quan hệ đạo đức đều làm suy yếu vai trò, ý nghĩa xã hội của từng thành tố.

Tóm lại, với tư cách là một bộ phận của ý thức xã hội, YTĐĐTN cũng có các đặc điểm của YTĐĐ xã hội, chịu tác động của tồn tại xã hội, có tính độc lập tương đối với tồn tại xã hội, có mối quan hệ tác động qua lại với các hình thái ý thức xã hội khác của TN, và chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố của truyền thống dân tộc, yếu tố của thời đại cũng như các yếu tố chủ quan của người TN. Nhờ có YTĐĐ, người TN xác định rành mạch những giới hạn cho hành vi, và tự nguyện, tự giác điều chỉnh

hành vi của mình trong các mối quan hệ của bản thân sao cho phù hợp với lợi ích, hạnh phúc của cá nhân, và con người nói chung, vì sự tiến bộ của xã hội.

**** Đặc điểm ý thức đạo đức thanh niên***

TN vốn là một lực lượng trong xã hội, có vai trò quan trọng đối với tương lai quốc gia, dân tộc nên YTĐĐTN tất yếu mang những nét phẩm chất chung của YTĐĐ xã hội, phản ánh những yếu tố của thời đại và những nét truyền thống của đạo đức dân tộc. Đồng thời, với những đặc thù về tâm sinh lý của tuổi TN, ở YTĐĐTN có những điểm đặc trưng nổi trội về các phẩm chất sau:

Thứ nhất, tính lý tưởng và giàu khát vọng dấn thân: YTĐĐTN thường có xu hướng ủng hộ, háo hức, nhiệt tình với cái mới, có khát vọng lớn về cải biến, đổi mới, sáng tạo, có niềm tin vào cái mới, thích tìm kiếm sự thay đổi và không ngừng thay đổi, chịu ảnh hưởng của các giá trị hiện đại nhiều hơn giá trị đạo đức truyền thống. Trong quá trình biến chuyển, hướng đến cái mới, YTĐĐTN thiên về xu hướng ủng hộ, đề cao những giá trị tốt đẹp, lành mạnh, lẽ phải, sự công bằng, tính chính nghĩa, lương thiện, tiến bộ, nhân văn trong đời sống xã hội, đồng thời thường thể hiện sự e ngại, không ủng hộ, thậm chí bất bình với những điều cũ kĩ, lạc hậu, bảo thủ, cái ác, cái phản tiến bộ,...

YTĐĐTN thường ấp ủ nhiều ước mơ, hoài bão vươn tới tương lai, luôn sẵn tinh thần nhiệt huyết và khát vọng cống hiến, không ngại khó ngại khổ đóng góp cho xã hội, cộng đồng. Ở TN cũng giàu tính vô tư và thẳng thắn, không ngại ủng hộ và bảo vệ cái đúng, cái tốt đẹp, sẵn sàng đấu tranh với những thói hư tật xấu của xã hội cũng như những yếu tố lạc hậu, bảo thủ. Chính vì luôn ấp ủ nhiều dự định, hoài bão, lý tưởng lại có nhu cầu cao về sáng tạo, vươn lên để tự khẳng định bản thân, nên ở YTĐĐTN luôn có nguồn nhiệt huyết, động lực hành động mạnh mẽ, khát khao, mong mỏi đạt được ước vọng, mục tiêu lý tưởng của mình. Tức là ở YTĐĐTN vấn đề nhu cầu hành động, động lực hành động, ý chí hành động, niềm tin vào khả năng hành động của bản thân rất rõ nét.

Tuy nhiên do TN còn chưa chín chắn trong nhận thức, chưa có nhiều kinh nghiệm thực tế, nên tính lý tưởng hóa này trong YTĐĐTN cũng dễ rơi vào chủ

quan, cảm tính, lệch lạc trong việc ủng hộ, lựa chọn, đặt niềm tin vào các giá trị đạo đức và trong quá trình phấn đấu thực hiện hành vi đạo đức, tức là TN dễ rơi vào tình trạng phấn đấu vươn tới cả những mục tiêu đạo đức chưa đúng, không phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội do suy nghĩ chủ quan nghĩ mặc định là đúng.

Thứ hai, tính tự chủ cao: Trong YTĐĐTN, ý thức về cá nhân "cái tôi" khá nổi trội, bởi ở TN luôn sẵn có sự khát khao được thể hiện chính kiến, thể hiện bản thân, mong muốn được tôn trọng, được ghi nhận. Càng về giai đoạn cuối tuổi TN, lý tưởng và chuẩn mực đạo đức ở TN càng được khát quát hóa và cá thể hóa thành hệ thống giá trị của cá nhân. Bởi cái tôi cao nên YTĐĐTN thường không phải là sự phản ánh sao chép nguyên mẫu mà là kết quả của quá trình tự thân lựa chọn, phân tích và tự định hướng. Điều này dẫn đến việc định hình củng cố niềm tin đạo đức ở TN tạo động lực hành động ở TN không đơn giản chỉ là sự truyền dạy, khuyên răn bề ngoài hay do nhờ áp lực đám đông chi phối mà đòi hỏi cần có sự truyền cảm hứng đánh thức nội lực, và đòi hỏi cả sự kiểm nghiệm thực chứng một cách thuyết phục. Họ thường chỉ thực hiện hành vi đạo đức khi họ thấy điều đó là "đúng" về mặt logic và lương tâm, chứ không đơn thuần chỉ vì sợ bị phạt hay lạc điệu số đông. Cũng chính bởi tính tự chủ cao nên YTĐĐTN có nhiều ước mơ, kì vọng về bản thân, có nhu cầu cao về tự hoàn thiện bản thân, đặc biệt là khả năng tự giáo dục của TN cũng lớn. Có thể nói, sự tự nhận thức, tự giáo dục có vai trò nổi trội trong quá trình hoàn thiện đạo đức TN.

Thứ ba, tính xung đột giá trị: YTĐĐTN đang trong quá trình hình thành và phát triển, dần hoàn thiện, dần tiến tới định hình ổn định, chắc chắn. Về mặt tâm sinh lý, TN không còn là đứa trẻ, nhưng cũng chưa thực sự hoàn thiện nhân cách, đang dần tiệm cận người trưởng thành. Do đó trong YTĐĐTN luôn tồn tại song song, đan xen giữa các giá trị đạo đức cũ - mới, tích cực - tiêu cực do tiếp xúc đa môi trường (gia đình, nhà trường, thị trường, hội nhập, nhóm bạn, cộng đồng, mạng xã hội,..). Mặt khác, trong YTĐĐTN có cả yếu tố non nớt, cảm tính, bộc trực, bột phát, cả tin, do dự, thiếu chắc chắn... xen lẫn cả tinh thần cứng cỏi, vững vàng, chín chắn, quyết đoán, có cả sự nhạy cảm bởi tác động ngoại cảnh xen lẫn tính tự chủ cao,....dẫn đến YTĐĐTN cũng thường phát triển theo cả hướng tích cực và ngược

lại họ cũng dễ bị ảnh hưởng bởi những nhân tố đạo đức tiêu cực hoặc rơi vào khủng hoảng, mất phương hướng, dẫn đến nguy cơ hình thành YTĐĐ lệch chuẩn. Đồng thời, TN thường có thái độ tự nguyện, chủ động, hăng hái xông pha cống hiến cho cộng đồng, đất nước, nhưng cũng dễ bị tác động của ngoại cảnh nên cũng dễ nản chí, bỏ cuộc trước những khó khăn, thử thách... Đôi khi ở TN sự nhiệt huyết, hăng hái đi liền với sự thiếu hiểu biết, kinh nghiệm sống, bản lĩnh không vững vàng, lại dễ nhạy cảm với cái mới khiến TN dễ bị kích động, lợi dụng, lôi kéo, mua chuộc nên YTĐĐTN có thể không chỉ tiêu cực, thậm chí có thể có tư tưởng chống phá, thù địch, đi ngược lại lý tưởng đạo đức tốt đẹp. Như vậy, ý thức của TN thường xuyên rơi vào trạng thái giằng co, mâu thuẫn, đấu tranh do xung đột giá trị là không tránh khỏi, và rất cần sự định hướng, hỗ trợ tháo gỡ từ các lực lượng trong xã hội.

Thứ tư, tính động: YTĐĐTN dễ biến đổi, dao động, lung lay, nhạy cảm với các biến động của tình hình kinh tế - chính trị - xã hội. Sự thiếu bền vững, dễ biến động này trong nhận thức, tình cảm, ý chí, niềm tin, mục tiêu phấn đấu về đạo đức ở người TN chịu ảnh hưởng nhiều từ tác động của các điều kiện ngoại cảnh (môi trường tự nhiên, môi trường kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, các quan điểm, tư tưởng, dư luận xã hội) và do chính đặc trưng tâm sinh lý của tuổi TN chi phối. Nếu như ở giai đoạn tuổi ấu thơ, niên thiếu, trẻ em được sinh ra và lớn lên chủ yếu trong sự nuôi dưỡng che chở, bao bọc, giáo dục và phụ thuộc mọi mặt vào gia đình, nhà trường, môi trường đầu đời này khá ổn định về tính chất và phương thức ảnh hưởng đến ý thức và hành vi của trẻ. Khi bước vào tuổi TN, đây là giai đoạn con người đang hình thành và dần tiến tới định hình hoàn thiện nhân cách, tiệm cận tuổi trưởng thành, những quan hệ xã hội được mở rộng, TN không chỉ kết nối với gia đình, với thầy cô bạn bè trong nhà trường như trước mà còn có xu hướng kết nối với môi trường sống, môi trường xã hội phức tạp đa dạng xung quanh. Do đó, vào độ tuổi TN diễn ra sự chuyển biến về chất trong các quan hệ xã hội, đan xen nhiều nhân tố và phương thức ảnh hưởng đa chiều làm nên tính động trong YTĐĐTN. Tuy nhiên do đang trong quá trình hoàn thiện nhân cách, TN chưa có nhiều kinh nghiệm, vốn sống và bản lĩnh vững vàng, lại có xu hướng bộc trực, hiếu thắng,... nên có tình trạng ở YTĐĐTN có

nhiều biến đổi mạnh mẽ về động cơ, về thang giá trị đạo đức xã hội, bao gồm cả biến đổi tích cực và tiêu cực, hình thành cả cái mới đúng đắn và cái tưởng là mới nhưng lạc hậu không còn phù hợp, cái mới lệch chuẩn giá trị.

2.1.3. Cấu trúc và biểu hiện của ý thức đạo đức thanh niên

** Cấu trúc của ý thức đạo đức thanh niên*

Khi xem xét YTĐĐTN với tư cách là một bộ phận của YTĐĐ xã hội, có thể xác định cấu trúc YTĐĐTN gồm bốn thành tố cơ bản sau: *(1) Tri thức đạo đức của thanh niên, (2) Tình cảm đạo đức của thanh niên, (3) Niềm tin đạo đức của thanh niên, (4) Lý tưởng đạo đức của thanh niên*. Bốn thành tố này có mối quan hệ tương tác qua lại với nhau và cùng chi phối cũng như được thể hiện qua hành vi, quan hệ đạo đức của TN. Trong đó, tri thức đạo đức của TN xác định giới hạn cho hành vi đạo đức, tình cảm đạo đức của TN là động cơ chủ yếu thúc đẩy hành vi; ý chí, niềm tin đạo đức của TN là sức mạnh bên trong củng cố, dẫn dắt thực hiện hành vi đạo đức, còn lý tưởng đạo đức của TN định hướng, mục tiêu phấn đấu hoàn thiện cho hành vi đạo đức. Thiếu một trong những thành tố của YTĐĐ trên thì TN không thể thực hiện hành vi đạo đức hoàn thiện theo chuẩn mực đề ra.

[1]. Tri thức đạo đức của thanh niên

Tri thức đạo đức của TN được coi là hạt nhân của YTĐĐTN, là sự hiểu biết của người TN về cái thiện, cái ác, thiện, ác, tốt, xấu, lương tâm, trách nhiệm, bổn phận, hạnh phúc, công bằng,.. và về các chuẩn mực đạo đức xã hội quy định hành vi của TN trong các mối quan hệ xã hội của họ. Ở đây, hiểu chuẩn mực đạo đức xã hội là tổng hợp các quy tắc, yêu cầu, đòi hỏi đặt ra từ phía xã hội đối với mỗi cá nhân TN hay nhóm xã hội TN.

Trong tri thức đạo đức TN, mức độ nắm vững các chuẩn mực đạo đức xã hội, và khả năng biến các chuẩn mực ấy thành động cơ thôi thúc bên trong để thực hiện hành vi theo những yêu cầu của các chuẩn mực đạo đức chính là sự thể hiện trình độ phát triển đạo đức của TN. Do đó, việc giáo dục tri thức đạo đức cho TN có nhiệm vụ trang bị cho TN những chuẩn mực đạo đức của xã hội để họ có căn cứ đúng đắn, tạo tiền đề hình thành động lực tích cực tham gia vào đời sống đạo đức của xã hội.

Cũng như tri thức đạo đức nói chung, tri thức đạo đức của TN thể hiện ở hai cấp độ: kinh nghiệm và lý luận. Tri thức đạo đức kinh nghiệm là những hiểu biết về các giá trị, chuẩn mực đạo đức đáp ứng yêu cầu điều chỉnh hành vi và quan hệ đạo đức của thanh niên trong cuộc sống thường nhật. Tri thức đạo đức lý luận là những quan điểm khoa học, tư tưởng, học thuyết được luận chứng về đạo đức. Thực tế, trong bối cảnh phát triển KTTT và toàn cầu hóa, thực tiễn đời sống đạo đức luôn có sự chuyển biến đa dạng, phức tạp. Điều này đòi hỏi mỗi cá nhân TN phải có quan điểm, lập trường khoa học, cách mạng làm cơ sở lý luận cho việc nhận thức và đánh giá các hiện tượng, các quan hệ đạo đức trong xã hội. Như vậy, việc trang bị tri thức đạo đức lí luận cho TN rất quan trọng. Đảng ta đã xác định lấy Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động, là cơ sở lý luận khoa học cho việc xây dựng nền đạo đức mới của xã hội Việt Nam. Việc trang bị những tri thức lý luận có tính khoa học và cách mạng của đạo đức học Mác - Lênin, đạo đức theo Tư tưởng Hồ Chí Minh sẽ làm phát triển khả năng nhận thức, lựa chọn, sáng tạo các giá trị, chuẩn mực đạo đức mới tiến bộ, khả năng xác lập một cách đúng đắn các quan hệ đạo đức cho con người, nhất là cho TN trong điều kiện hiện nay.

[2]. Tình cảm đạo đức của thanh niên

Tình cảm đạo đức của TN là sự thể hiện trạng thái cảm xúc, thái độ của TN trước các hiện tượng đạo đức, là động lực thực hiện hành vi đạo đức của cá nhân mỗi thanh niên. Trước các hiện tượng đạo đức, biểu hiện thái độ đạo đức của thanh niên ở đây có thể là theo các mức độ khác nhau như: là coi trọng, đề cao hay xem nhẹ, coi thường; là quan tâm hay thờ ơ; là cảm động, yêu mến, tán thành, đồng tình ủng hộ hay căm ghét, phủ nhận, lên án, phẫn nộ, tức giận; là tự giác, hào hứng hay miễn cưỡng, khó chịu; là quyết tâm đến cùng hay sẵn sàng thỏa hiệp, nhân nhượng,...

Những cung bậc cảm xúc trong tình cảm đạo đức ở TN là sự thống nhất giữa những tác động từ bên ngoài và sự biểu hiện thái độ từ nội tâm của chủ thể đạo đức là TN. Tức là, tình cảm đạo đức TN biểu hiện ra vừa như là sự nhận thức - đánh giá các hiện tượng đạo đức của TN vừa như là sự biểu hiện thái độ chủ quan của người TN đối

với các hiện tượng đó. Vì vậy, tình cảm đạo đức không chỉ biểu hiện trạng thái tình cảm, trạng thái xúc động của TN trước các hiện tượng đạo đức mà còn thể hiện như là năng lực và động lực thực hiện hành vi đạo đức của TN [198]. Trong YTĐĐTN, tình cảm đạo đức là mắt xích, yếu tố quan trọng nhất giúp chuyển hóa tri thức về giá trị đạo đức thành niềm tin và hành vi đạo đức của TN. Nếu không có tình cảm đạo đức thì tri thức, niềm tin, lý tưởng đạo đức không trở thành động cơ bên trong của hành vi cá nhân. Đúng như A.G. Xpirkin - nhà triết học, tâm lý học của Liên Xô đã từng chỉ ra "Tình cảm đạo đức có thể hoặc là thôi thúc, hoặc là kìm hãm sự thực hiện những hành động nhất định; nó tựa như là một khí áp kế nhạy cảm chỉ ra cho cá nhân thấy tính chấp nhận được hay không chấp nhận được của cơ sở đạo đức của một ý đồ nào đó và một cách thực hiện ý đồ ấy. Chỉ có liên hệ một cách hữu cơ với tình cảm đạo đức, các chuẩn mực và nguyên tắc đạo đức mới có thể quyết định động cơ và toàn bộ phương hướng hành vi của cá nhân trong mối quan hệ với nghĩa vụ xã hội" [151, tr. 91].

Tình cảm đạo đức của TN có đặc điểm nổi bật là rất phong phú, có cơ sở lý tính khá vững vàng. Tình cảm đạo đức của TN gắn liền với sự hiểu biết những nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức. Ở lứa tuổi này, tình cảm nghĩa vụ và tình cảm trách nhiệm của TN trước xã hội và những người xung quanh, khả năng đồng cảm, nhu cầu về tình bạn, tình yêu, tình đồng chí và những tình cảm chính trị - đạo đức phát triển một cách rõ rệt. Tuy nhiên, tình cảm đạo đức của TN mà nhất là TN mới lớn dễ bị kích động, không ổn định. Ở đó, tính hai mặt thể hiện rõ ràng, có khi biểu hiện nhiệt tình phấn đấu vì lý tưởng, có lúc lại từ cuồng nhiệt biến thành nản chí.

Do đó, cần coi trọng việc giáo dục tình cảm đạo đức thường xuyên, liên tục cho TN, giúp TN lành mạnh hóa, nhân đạo hóa các quan hệ xã hội, kích thích ở TN sự lương thiện, lòng trắc ẩn, bao dung, vị tha cũng như thẳng thắn lên án, đấu tranh, bài trừ cái ác, vô lương tâm, vô trách nhiệm, cùng các hiện tượng đạo đức tiêu cực khác trong xã hội. Giáo dục tình cảm đạo đức còn có thể khắc phục sự lạnh lùng, thờ ơ, vô cảm về mặt xã hội cũng như các biểu hiện tiêu cực khác, tạo điều kiện tâm lý cho con người kế thừa và phát huy những tình cảm truyền thống tốt đẹp của dân tộc, có khả năng đề kháng trước sự thâm nhập ảnh hưởng của các luồng văn hóa, đạo đức tiêu cực.

[3]. Niềm tin đạo đức của thanh niên

Niềm tin đạo đức của TN là sự tin tưởng một cách sâu sắc và vững chắc của thanh niên vào tính đúng đắn, tính hợp lí, tính chính nghĩa, tính chân lí, vào lợi ích, giá trị của các chuẩn mực đạo đức. Niềm tin đạo đức của thanh niên thể hiện sự thừa nhận tính tất yếu phải tôn trọng triệt để các chuẩn mực ấy, sự tự giác thực hiện những chuẩn mực đạo đức theo sự thúc đẩy bởi động cơ bên trong. Trước các hiện tượng đạo đức, biểu hiện niềm tin đạo đức của thanh niên ở đây có thể theo các mức độ, phạm vi khác nhau như tin tuyệt đối, tin tương đối, tin một phần, tin hoàn toàn, hay có nghi ngại, băn khoăn, do dự, không tin một phần, hoàn toàn mất niềm tin, ...

Niềm tin đạo đức của TN là một trong những yếu tố thúc đẩy hành vi đạo đức của TN, là cơ sở làm bộc lộ những phẩm chất ý chí của đạo đức TN như lòng dũng cảm cứu người bị nạn, lòng quả cảm hi sinh quên mình vì nước vì dân, tinh thần tự nguyện xung phong hiến máu cứu người, tinh thần quyết tâm bảo vệ lẽ phải, sự công bằng, tính kiên quyết đấu tranh chống thói hư tật xấu, sự sai trái, phản động,... Việc phát triển tri thức và niềm tin đạo đức cho TN có thể giúp TN đối phó, giải quyết tốt hơn với các tình huống đạo đức trong cuộc sống.

Niềm tin đạo đức được hình thành dựa trên sự kết hợp giữa trải nghiệm thực tế, giáo dục, môi trường sống cùng những tác động từ cộng đồng và dư luận xã hội, giá trị cá nhân và cảm xúc. Nó là quá trình liên tục và có thể thay đổi theo thời gian, phản ánh sự biến đổi của nhận thức, kiến thức và trải nghiệm sống. Với TN, đối tượng vốn còn ít vốn sống, bản lĩnh không vững vàng, dễ bị tác động bởi ngoại cảnh thì việc xây dựng, duy trì niềm tin đạo đức cho TN cần sự kiên trì, quyết tâm lớn ở mọi lực lượng giáo dục TN và đặc biệt cần giúp TN sớm tự xây dựng được mục tiêu, lý tưởng sống đúng đắn, cao đẹp để định hướng dẫn dắt họ, có ý chí vững vàng vượt qua những thách thức, không đánh mất niềm tin để đạt được ước mơ, hoài bão của mình.

[4]. Lý tưởng đạo đức của thanh niên

Lý tưởng đạo đức của con người nói chung và của người TN nói riêng là những quan niệm, tri thức đạo đức chuẩn mực mà cá nhân TN và xã hội mong muốn, khát khao vươn tới như là mục tiêu, đích đến tối cao để hoàn thiện đạo đức của mình. Nếu những chuẩn mực đạo đức xã hội được thể hiện là những yêu cầu ở

mức thông thường đối với tất cả các thành viên của xã hội, thì những chuẩn mực trong lý tưởng đạo đức có mức độ yêu cầu cao hơn, hoàn thiện hơn. Nếu các chuẩn mực đạo đức phản ánh trạng thái hiện tại của yêu cầu xã hội, thì lý tưởng đạo đức vừa phản ánh hiện tại vừa phản ánh xu thế phát triển của yêu cầu xã hội, phản ánh cái có thể có, cái cần phải có, phản ánh khát vọng của con người về mặt xã hội tốt đẹp với những nhân cách đạo đức cao thượng. Lý tưởng đạo đức thường được hình thành từ văn hóa, tôn giáo, triết lý, và kinh nghiệm sống. Trong các xã hội có đối kháng giai cấp thì quan niệm về sự hoàn thiện đạo đức của các giai tầng cơ bản là hoàn toàn khác nhau. "Với tính cách là một phạm trù giá trị, lý tưởng đạo đức không chỉ là sự phản ánh thực tại, là quan niệm về sự hoàn thiện đạo đức mà còn biểu hiện ra như là động cơ chủ đạo, mục đích tối cao của hoạt động con người trong một khoảng thời gian xác định về mặt lịch sử. Với tư cách là sự phản ánh những yêu cầu lý tưởng của xã hội, lý tưởng đạo đức giữ vai trò động cơ chủ đạo, mục đích tối cao của hoạt động con người trong thời đại lịch sử nhất định. Đồng thời, lý tưởng đạo đức cũng giữ vai trò là tiêu chuẩn cao nhất để đánh giá hành vi và nhân cách đạo đức" [5, tr. 39,40].

Lý tưởng đạo đức của TN chính là những nguyên tắc, giá trị và chuẩn mực đạo đức mà cá nhân TN quan niệm là tốt đẹp, thích hợp và xứng đáng theo đuổi, khao khát, mong mỏi, quyết tâm vươn tới trong suy nghĩ và hành vi của TN nhằm hoàn thiện đạo đức của TN. Lý tưởng đạo đức của TN giúp hướng dẫn người TN trong việc phân biệt đúng sai, tạo ra các chuẩn mực ứng xử, là tiêu chuẩn cao nhất để đánh giá hành vi và nhân cách đạo đức. Lý tưởng đạo đức của TN biểu hiện mức độ yêu cầu về sự hoàn thiện đạo đức của TN trong cả hiện tại và tương lai, là cái dẫn dắt hướng TN đạt tới những chuẩn mực đạo đức cao nhất.

Đặc điểm lý tưởng đạo đức TN thường có xu hướng chọn cho mình một mô hình nhân cách, một mẫu người lý tưởng để noi theo. Họ thường học tập những đức tính điển hình, những nét tính cách độc đáo từ những mẫu người lý tưởng họ hâm mộ, nể phục. Trong quá trình theo đuổi lý tưởng của mình, TN thường chăm lo đến việc tu dưỡng bản thân đạt được những phẩm chất của mẫu người lý tưởng. Đó vừa là ưu thế vừa là hạn chế của TN, nhất là TN mới lớn. Họ chưa xây dựng cho mình

một hệ thống nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức xác định mà thường phải dựa vào những khuôn mẫu có sẵn, những mẫu người lý tưởng. Do trình độ hiểu biết và kinh nghiệm sống chưa sâu sắc nên trong việc lựa chọn lý tưởng của TN dễ bị ảnh hưởng bởi trào lưu xã hội và rất dễ sa vào xu hướng chuộng hình thức mà sao lãng nội dung. Mặt khác, do sự từng trải xã hội còn ít, thanh niên thường có xu hướng lý tưởng hóa. Khi "thần tượng" sụp đổ, TN dễ rơi vào trạng thái thất vọng, mất niềm tin, mất định hướng, đi vào con đường lầm lạc.

**** Những biểu hiện của ý thức đạo đức thanh niên trong các mối quan hệ chủ đạo của thanh niên***

YTĐĐTN bao gồm các thành tố cấu trúc (tri thức đạo đức, tình cảm đạo đức, niềm tin đạo đức, lý tưởng đạo đức của người TN) được thể hiện qua hành vi và các mối quan hệ đạo đức của TN. Theo phạm vi nghiên cứu, luận án tập trung làm rõ các thành tố cấu trúc của YTĐĐTN thể hiện ở ba mối quan hệ chủ đạo của người TN, đó là:

YTĐĐTN trong mối quan hệ giữa TN với môi trường sống tự nhiên: Điển hình là YTĐĐTN về xây dựng, giữ gìn chất lượng cuộc sống lành mạnh, văn minh; về việc ứng xử, trách nhiệm, bổn phận của cá nhân và cộng động với môi trường thiên nhiên; về hoạt động bảo vệ, giữ gìn, phát huy, cải tạo môi trường sống tự nhiên tốt đẹp, lành mạnh, vì sự phát triển bền vững,…

YTĐĐTN trong mối quan hệ giữa TN với bản thân (trong đời sống cá nhân của TN): Điển hình là YTĐĐTN về tầm quan trọng, giá trị, ý nghĩa, động cơ của học tập, lao động, vui chơi, giải trí,…; về thái độ ứng xử, trách nhiệm, nghĩa vụ, mục tiêu phấn đấu của bản thân TN đối với việc học tập, lao động, nghề nghiệp, việc làm, sự nghiệp, giải trí,…; về ước mong, khát vọng hoàn thiện đạo đức và giá trị bản thân để lập thân, lập nghiệp, …

YTĐĐTN trong mối quan hệ giữa TN với cộng đồng:

Trước hết, trong mối quan hệ đạo đức với gia đình, điển hình là: YTĐĐTN về trách nhiệm, bổn phận với gia đình, về chuẩn mực đạo đức, khuôn mẫu ứng xử trong gia đình, về giá trị và chuẩn mực đạo đức trong tình yêu, hôn nhân, hạnh phúc gia đình,…

Trong mối quan hệ đạo đức với xã hội, điển hình là: YTĐĐTN về trách nhiệm, bổn phận của bản thân với cộng đồng xã hội, ý thức về chuẩn mực đạo đức làm người, ý thức về chuẩn mực đạo đức cách mạng,… Trong đó, chuẩn mực đạo đức với cộng đồng, xã hội điển hình như: tinh thần đoàn kết, tương trợ, sự chia sẻ khó khăn, cảm thông, sự hợp tác, tôn trọng sự khác biệt, giữ gìn liêm chính, ngay thẳng,…; đề cao bổn phận, trách nhiệm xây dựng đóng góp cho sự phát triển của tập thể, cộng đồng thông qua tinh thần thượng tôn pháp luật, bảo vệ công lý, lẽ phải, cái thiện, cái đẹp, bảo vệ giữ gìn sự dân chủ công bằng, về tinh thần đấu tranh với cái ác, cái xấu, sự bất công, bất bình đẳng,…

Theo đó, YTĐĐTN về các chuẩn mực đạo đức làm người điển hình như: YTĐĐTN về lòng yêu nước, lòng nhân ái, hiếu thảo, khoan dung, vị tha, tính trung thực, trung thành, tinh thần hiếu học, tôn sư trọng đạo, kính trên nhường dưới, hiếu thảo, lòng tự trọng, khiêm tốn, cầu thị, yêu lao động, tinh thần vượt khó, tinh thần sáng tạo, tính kỉ luật, cần cù, tiết kiệm, lòng biết ơn, chuẩn mực ứng xử với giá trị truyền thống, với thế hệ đi trước,…

YTĐĐTN về các chuẩn mực đạo đức cách mạng điển hình như: YTĐĐTN về sự kiên định, vững vàng với mục tiêu lý tưởng cách mạng, trung thành với Đảng, ý thức trách nhiệm bảo vệ Đảng, nhà nước, lãnh tụ,…; ý thức trách nhiệm đấu tranh chống các thế lực thù địch, phản động; tinh thần trung với nước, hiếu với dân, quyết tâm phấn đấu hi sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc nhân dân, ý chí độc lập tự cường,…; ý thức trách nhiệm của thế hệ trẻ đối với nhiệm vụ Đảng, Nhà nước, nhân dân giao phó, ý thức trách nhiệm cống hiến cho sự nghiệp cách mạng, ý thức trách nhiệm giữ gìn và thúc đẩy tình đoàn kết hợp tác quốc tế,…

2.2. Sự tác động của kinh tế thị trường đến ý thức đạo đức thanh niên Việt Nam

2.2.1. Kinh tế thị trường ở Việt Nam

Lịch sử phát triển của nhân loại đã và đang trải qua hai kiểu tổ chức kinh tế thích ứng với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và phân công lao động xã hội, đó là thời đại kinh tế tự nhiên, tự cung - tự cấp và thời đại kinh tế hàng hóa, mà giai đoạn cao của nó là KTTT. KTTT là một thành quả văn minh của nhân loại, là

giai đoạn phát triển tất yếu của xã hội loài người, không phải là riêng có của một thời đại kinh tế - xã hội nào, của một thể chế xã hội nào. Các chuyên gia nghiên cứu KTTT đã đánh giá "KTTT là phương thức kinh tế năng động nhất của nhân loại đã tìm ra cho đến nay" [12, tr. 17]. Trong nền KTTT, mục tiêu của sản xuất là tạo ra các sản phẩm được đem trao đổi trên thị trường. Các qui luật cơ bản chi phối trong nền KTTT là: Quy luật giá trị, quy luật cạnh tranh, quy luật cung cầu, quy luật lưu thông tiền tệ, quy luật giá trị thặng dư.

Đặc điểm của KTTT thể hiện ở những khía cạnh chủ yếu sau:

Thứ nhất, tôn trọng và thừa nhận tính độc lập, tự chủ của các chủ thể kinh tế (các cá nhân, doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế và phi kinh tế). Các chủ thể kinh tế độc lập, tự chủ trên tất cả các khâu như sở hữu, sản xuất và các quan hệ giao dịch thương mại.

Thứ hai, hoạt động sản xuất và kinh doanh tuân theo quy luật của thị trường. Thị trường là môi trường để thực hiện các quan hệ kinh tế như trao đổi, mua bán và dịch vụ giữa nhà sản xuất và người tiêu dùng, giữa người mua và người bán. Thị trường là nơi thực hiện giá trị hàng hóa, thể hiện các quy luật kinh tế (quy luật cung cầu, quy luật giá trị, quy luật cạnh tranh,...). Các hoạt động sản xuất, kinh doanh phải theo yêu cầu của thị trường về số lượng, chất lượng, thể loại, giá cả của hàng hóa.

Thứ ba, KTTT phát triển trong điều kiện có nhiều chủ thể kinh tế, nhiều thành phần kinh tế tồn tại đan xen trong sự hợp tác và cạnh tranh đồng thời có sự điều tiết của nhà nước. KTTT tất yếu phải có sự quản lý của nhà nước nhằm mục đích làm cho thị trường vận động một cách ổn định, hạn chế tối đa thị trường tự phát, các tác động xấu, các khuyết tật của KTTT như suy thoái, khủng hoảng kinh tế, đảm bảo thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội của từng quốc gia.

Thứ tư, xu thế phát triển của nền KTTT hiện đại là luôn gắn liền với quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ. Sự vận động của nền KTTT nhắm đến sự cân bằng động về cơ cấu các ngành, các lĩnh vực sản xuất, về tổng lượng hàng hóa... theo hướng ngày càng hợp lý hơn. Khi lực lượng sản xuất ngày càng hiện đại thì KTTT cũng trở nên càng hiện đại. Trong nền KTTT hiện đại ngày nay, các mô hình kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế

xanh, kinh tế tuần hoàn phát triển bền vững đang là xu thế chủ đạo, con người từ thế thụ động chuyển sang thế chủ động sáng tạo.

Trên cơ sở tổng kết lý luận và thực tiễn, nắm bắt xu thế khách quan của lịch sử, đúc rút kinh nghiệm phát triển KTTT trên thế giới, căn cứ vào mục tiêu và đặc điểm tình hình đất nước, Việt Nam đã khẳng định nền KTTT định hướng XHCN là mô hình kinh tế tổng quát của đất nước trong thời kì quá độ đi lên CNXH. Qua 40 năm đổi mới, quá trình nhận thức, tư duy về mô hình phát triển KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam ngày càng hoàn thiện. Đại hội Đảng khóa VI (1986) đã đặt nền móng đổi mới tư duy kinh tế chuyển từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung bao cấp sang bước đầu thừa nhận sự tồn tại khách quan của quan hệ hàng hóa - tiền tệ, và đưa ra chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. Đại hội Đảng khóa VII (1991) và tại Cương lĩnh năm 1991 đã khẳng định con đường đi lên CNXH ở Việt Nam là: phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng XHCN, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Đại hội Đảng khóa IX (2001) lần đầu tiên đã chính thức nêu khái niệm đầy đủ "KTTT định hướng xã hội chủ nghĩa" và Cương lĩnh năm 2011 tiếp tục khẳng định đây là mô hình kinh tế tổng quát trong suốt thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam và gắn nền KTTT nước ta với nền kinh tế thế giới. Đại hội Đảng khóa XI (2011) và khóa XII (2016) đã làm rõ hơn với đặc trưng đây là nền kinh tế hiện đại, hội nhập quốc tế. Đại hội Đảng khóa XIII (2021) tiếp tục bổ sung, nêu lên những mục tiêu then chốt của nền kinh tế: Hướng tới dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; Quan hệ giữa Nhà nước – Thị Trường – Xã hội là trọng tâm để hoàn thiện thể chế; Gắn phát triển kinh tế với bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường. Đại hội Đảng khóa XIV (2026) đã nêu rõ định hướng phát triển nền kinh tế bước vào kỉ nguyên mới: Đẩy mạnh phát triển nền KTTT định hướng XHCN hiện đại, hội nhập quốc tế, dưới sự lãnh đạo của Đảng, có sự quản lý của Nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển lực lượng sản xuất mới; phát triển kinh tế nhà nước thực sự giữ vai trò chủ đạo, phát triển kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế; lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính, thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất

và phương thức sản xuất mới, trọng tâm là phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, xây dựng xã hội số, thân thiện với môi trường [192].

Có thể khái quát một số đặc điểm cơ bản của KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam như sau:

Thứ nhất, KTTT Việt Nam là nền KTTT định hướng XHCN.

Quá trình đổi mới tư duy lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam đã có những đột phá lớn khi nhận ra xu thế phát triển khách quan của nền kinh tế thế giới, đó là sự phát triển dựa trên KTTT hiện đại, mở cửa để hội nhập và phát triển. Để khắc phục những khiếm khuyết của mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung đang kìm hãm sự phát triển kinh tế trong xã hội, cùng với những thay đổi chín muồi trong nhận thức, mô hình KTTT định hướng XHCN đã được Đảng và nhà nước ta xác lập. Chủ trương thực hiện: "Nền KTTT định hướng XHCN ở nước ta là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Đây là hình thái KTTT vừa tuân theo quy luật của KTTT, vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của CNXH " [22, tr.204- 205]. Đây là quá trình điều chỉnh quan hệ sản xuất, đặc biệt là quan hệ sở hữu cho phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Sự phát triển kinh tế đó đã tạo ra những tiền đề quan trọng và cần thiết về kinh tế - xã hội cho quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội như: giải phóng sức lao động và năng lực sáng tạo của các cá nhân, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân, đảm bảo dân chủ, tiến bộ xã hội và công bằng trong xã hội, phát triển bền vững.v.v..

Thứ hai, nền KTTT định hướng XHCN vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước

Với quan điểm xây dựng và phát triển KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam trên tinh thần tiếp thu có chọn lọc thành tựu của văn minh nhân loại, khai thác tối đa những yếu tố tích cực của KTTT thế giới, đồng thời hạn chế đến mức thấp nhất những khuyết tật của KTTT, đặc biệt là rút kinh nghiệm từ những diễn biến trong phát triển kinh tế ở các quốc gia đi trước để xảy ra khủng hoảng chính là lỗi mất cân

đối nghiêm trọng giữa nhà nước và thị trường, Đảng và Nhà nước ta xác định mô hình KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam là mô hình phát triển kinh tế có sự tham gia quản lý, điều tiết của nhà nước trong phát triển kinh tế: "Nhà nước đóng vai trò định hướng, xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch và lành mạnh. Sử dụng các công cụ, chính sách và các nguồn của nhà nước để định hướng và điều tiết nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất kinh doanh và bảo vệ môi trường; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển. Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong phát triển kinh tế- xã hội" [23, tr.102-103].

Tuy nhiên, mức độ can thiệp của nhà nước vào thị trường được xác định thông qua các công cụ như chính sách, pháp luật, các nguồn vốn nhà nước nhằm đảm bảo không làm ảnh hưởng đến sức sáng tạo, môi trường cạnh tranh bình đẳng và sự tự do kinh tế trong thị trường.

Sự kết hợp hài hòa giữa vai trò của nhà nước với sự phát triển tự do của thị trường trong khuôn khổ của pháp luật và chính sách của nước ta trong nhiều năm qua đã tỏ rõ sức sống và tính hiệu quả của đặc điểm này khi chúng ta từng bước ứng phó thành công với cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, đưa nền kinh tế lên những bước phát triển mới.

Thứ ba, nền KTTT định hướng XHCN có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế cùng phát triển

Để đảm bảo vận động theo quy luật của KTTT, KTTT Việt Nam trước hết phải tuân thủ các quy luật của KTTT: "Phát triển nền KTTT định hướng XHCN trước hết là phát triển một nền KTTT đầy đủ, theo hướng văn minh, hiện đại (do đó có tính hội nhập cao), cho phép các nguồn lực của đất nước được phân bổ và sử dụng một cách có hiệu quả và nền kinh tế có khả năng duy trì được sự tăng trưởng có chất lượng, bền vững" [48, tr. 150]. Đó là nền kinh tế đa hình thức sở hữu, đa thành phần kinh tế: "trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là động lực quan trọng của nền kinh tế. Các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật; thị trường đóng vai trò chủ yếu

trong huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực phát triển, là động lực chủ yếu để giải phóng sức sản xuất" [23, tr.102 - 103]. Để khai thác tối đa các nguồn lực trong thị trường, Đảng và nhà nước ta tiếp tục hoàn thiện thể chế về sở hữu, phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp, khuyến khích và tạo điều kiện cho quá trình khởi nghiệp, cơ cấu lại các doanh nghiệp nhà nước, tạo điều kiện tốt nhất để phát triển mạnh kinh tế tư nhân, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác xã, phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường.v.v..

Mặc dù khuyến khích và tạo điều kiện cho nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, đặc biệt là kinh tế tư nhân cùng tồn tại và phát triển, nhưng mục tiêu XHCN trong phát triển kinh tế và xã hội vẫn được đảm bảo. Yếu tố định hướng XHCN trong KTTT ở nước ta không phải là sự gán ghép chủ quan vào KTTT, mà là tính chất của nền KTTT. Nó được quy định bởi mục đích phát triển kinh tế, tính chất của các bộ phận cấu thành, đặc biệt là bản chất và xu hướng vận động của nền kinh tế. Nó được coi là yếu tố "nội sinh" trong quá trình phát triển kinh tế. Tính định hướng XHCN được xác định đó là nền kinh tế do nhân dân lao động làm chủ, sự phát triển kinh tế phục vụ lợi ích của mọi người dân trong xã hội, với mục đích vì sự tiến bộ, tự do, công bằng và phát triển toàn diện của mỗi cá nhân: "định hướng XHCN cho thấy mô hình KTTT mà chúng ta lựa chọn phải có *tính ưu tiên cao với các mục tiêu xã hội*, trong chừng mực các mục tiêu này được xác lập vừa tầm với trình độ phát triển hiện thực của nền kinh tế: giải phóng con người, đảm bảo sự phát triển và thịnh vượng chung của tất cả mọi người một cách công bằng" [48, tr. 150].

Có thể thấy, nền KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam hiện nay đang bước vào giai đoạn mới với những đặc trưng nổi bật là: gắn liền với hội nhập quốc tế sâu rộng; đẩy mạnh một cách đột phá phát triển khoa học công nghệ và chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI); hướng tới phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tri thức, kinh tế chia sẻ; và mở rộng không gian văn hóa – xã hội trên nền tảng truyền thông đa phương tiện. Rõ ràng, chính thành tựu phát triển đất nước về mọi mặt sau 40 năm đổi mới, mở cửa phát triển KTTT định hướng XHCN đã khẳng

định sự lựa chọn, lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Đảng và nhà nước ta trên con đường xây dựng phát triển đất nước theo mô hình kinh tế này.

2.2.2. Chiều hướng và cơ chế tác động của kinh tế thị trường đến ý thức đạo đức thanh niên

Từ bản chất của nền KTTT có thể thấy tính hai mặt của KTTT:

Ưu điểm cơ bản của KTTT thể hiện ở những khía cạnh như: Tạo điều kiện cho sự tự do, giao lưu, học hỏi kinh doanh và khởi nghiệp; Khuyến khích cải tiến, đổi mới, không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, cung cấp giá cả cạnh tranh; Giúp tăng hiệu quả kinh tế, tạo ra nhiều của cải vật chất cho xã hội; Tạo cơ hội đa dạng hóa nền kinh tế, và kích thích sự linh hoạt, năng động, chủ động, sáng tạo của các thành phần kinh tế; Thúc đẩy sự phát triển khoa học - kỹ thuật; Thúc đẩy quá trình liên doanh, giao lưu quốc tế,…

Hạn chế cơ bản của KTTT thể hiện ở những khía cạnh như: Gia tăng sự bất bình đẳng, phân tầng xã hội, phân hóa giàu nghèo; Nguy cơ kinh tế độc quyền; Nguy cơ gia tăng nạn thất nghiệp và lạm phát; Nguy cơ hủy hoại môi trường, xem nhẹ phát triển bền vững; Nguy cơ suy giảm lợi ích chung của xã hội, tạo ra cơ hội phát triển chủ nghĩa vật chất, chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa vị kỉ, xem thường đạo lý, coi nhẹ giá trị tinh thần, giá trị cộng đồng trong xã hội,…

Tính hai mặt này của nền kinh tế có tác động sâu sắc, mạnh mẽ đến các mặt khác nhau của đời sống xã hội, trong đó có YTĐĐTN.

**** Chiều hướng tác động của KTTT đến YTĐĐTN***

Với ưu điểm và hạn chế vốn có, với khả năng thẩm thấu sâu rộng của cơ chế thị trường đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, nền KTTT có thể có những tác động mạnh mẽ đến YTĐĐTN theo những chiều hướng chủ đạo như:

(1) Nền KTTT có thể bảo tồn, củng cố thêm các yếu tố hiện có trong YTĐĐTN

(2) Nền KTTT có thể thúc đẩy hình thành, phát triển các yếu tố mới trong YTĐĐTN (bao gồm cả cái mới tiến bộ, tích cực và cái mới phản tiến bộ, tiêu cực)

(3) Nền KTTT có thể kìm hãm, phá vỡ, phủ nhận các yếu tố cũ trong YTĐĐTN (bao gồm cả cái cũ tiến bộ, tích cực và cái cũ phản tiến bộ, tiêu cực)

Như vậy, khi nền KTTT tác động đến bốn thành tố cấu trúc YTĐĐTN, ở mỗi thành tố đều có thể biến đổi theo tính hai mặt của nó. Một mặt, chiều hướng thúc đẩy hình thành, ngày càng củng cố, gia tăng những hệ giá trị đạo đức mới gắn liền với đặc điểm của cơ chế thị trường, mặt khác là chiều hướng lấn át, làm suy giảm, phá vỡ, phủ nhận.... hệ giá trị đạo đức truyền thống. Điển hình như: KTTT thúc đẩy tính cá nhân hóa giá trị đạo đức, khẳng định vai trò tự chủ, sáng tạo, tự do, vượt khó của mỗi cá nhân TN; đồng thời KTTT cũng tạo ra xu hướng thực dụng và duy lợi ích, dễ dẫn tới lối sống đề cao giá trị, lợi ích vật chất, xem nhẹ giá trị tinh thần, giá trị cộng đồng trong đời sống đạo đức của TN; KTTT mở rộng giao lưu, hội nhập quốc tế, qua đó vừa du nhập các giá trị đạo đức tiến bộ, mang tính hiện đại, toàn cầu (bảo vệ nhân quyền, bình đẳng giới, đề cao trách nhiệm xã hội…), vừa đưa vào những yếu tố giá trị đạo đức tiêu cực, lai căng, mất bản sắc (chủ nghĩa vị kỷ, chủ nghĩa hưởng thụ, chủ nghĩa tiêu dùng, lối sống phóng túng, tự do buông thả, tâm lý sính ngoại…); KTTT làm gia tăng sự đa dạng, phân hóa các thang giá trị đạo đức, khiến chuẩn mực đạo đức của TN trở nên linh hoạt, thậm chí mâu thuẫn, xung đột.

**** Cơ chế tác động trực tiếp thông qua các yếu tố của nền KTTT:***

Nền KTTT chứa đựng các quy luật kinh tế, các hoạt động kinh tế và động lực kinh tế. Các yếu tố nội tại này của KTTT khi thẩm thấu vào đời sống xã hội, đã trở thành những tác nhân trực tiếp qui định ý thức, hành vi và quan hệ kinh tế của các lực lượng xã hội, chi phối việc định hình hệ giá trị và chuẩn mực đạo đức xã hội trong đó có YTĐĐTN.

***Thứ nhất**, tác động bởi các quy luật KTTT:*

Quy luật giá trị đòi hỏi quá trình sản xuất kinh doanh đẩy mạnh năng suất chất lượng, thúc đẩy TN có động lực rèn luyện tri thức, kỹ năng, tinh thần sáng tạo. Tuy nhiên, khi tuyệt đối hóa lợi ích, giá trị vật chất, có thể khiến TN coi nhẹ chuẩn mực đạo đức, dẫn đến gian lận, chụp giật.

Quy luật cung cầu giúp TN nhạy bén nắm bắt cơ hội, phát triển khả năng thích ứng, song cũng khiến TN dễ bị lôi kéo theo đuổi thị hiếu nhu cầu nhất thời,

coi trọng hưởng thụ vật chất hơn giá trị tinh thần, thúc đẩy lối tư duy thương mại hóa các quan hệ xã hội, đề cao cơ chế trao đổi mua bán trong giải quyết các quan hệ đạo đức.

Quy luật cạnh tranh: Nền KTTT với ưu thế thúc đẩy cạnh tranh, không ngừng đổi mới có thể phá vỡ những rào cản cổ hủ, giải phóng cá nhân khỏi sự trói buộc của cộng đồng khép kín. Trong môi trường cạnh tranh, TN buộc phải nâng cao năng lực tự lập, tự chủ, không ỷ lại, không trông chờ bao cấp, buộc phải rèn luyện ý chí, sống có mục tiêu. Từ đó thúc đẩy TN hình thành và đề cao các phẩm chất, giá trị tiến bộ như: tự lập, tự trọng, tự chủ, thượng tôn pháp luật, bình đẳng, minh bạch, sáng tạo, đề cao ý chí, lòng dũng cảm sẵn sàng vượt qua thử thách, tinh thần vượt khó,... đồng thời đề cao tính nguyên tắc, sự trung thực và khiêm tốn, cầu tiến. Nhưng nếu cạnh tranh không lành mạnh, có thể dẫn tới sự coi thường pháp luật, các chuẩn mực đạo đức, TN dễ nảy sinh lối sống ích kỷ vụ lợi, bất chấp pháp luật, coi thường đạo lý, hay có tâm lý ỷ nại, thậm chí mất niềm tin vào công lý, lẽ phải.

Quy luật lợi nhuận tối đa khuyến khích TN có ý chí khát vọng khởi nghiệp làm giàu chính đáng, góp phần hình thành đức tính cần cù, trách nhiệm..., ngược lại có thể khiến TN đề cao chủ nghĩa thực dụng, coi trọng tiền bạc, phai nhạt ý thức cộng đồng. Khi mục tiêu lợi nhuận được coi là tối thượng, có thể lấn át các giá trị đạo đức khác trong tâm trí con người, khiến các chuẩn mực về đạo đức cũng có sự dịch chuyển. Những hành vi từng bị coi là phi đạo đức có nguy cơ được hợp thức hóa nếu chúng mang lại lợi ích kinh tế. Dư luận xã hội có thể trở nên khoan dung hơn với việc nói dối hay gian lận nếu đó là chuyện có thể chấp nhận để kinh doanh thành công. Khi đồng tiền có sức mạnh chi phối sẽ dễ dàng làm mờ ranh giới đúng - sai, thiện - ác, miễn sao có lợi ích và lợi nhuận, những giá trị như trung thực, vị tha,… có thể bị xem là thiếu thực tế, ảnh hưởng mạnh mẽ đến định hướng đạo đức TN.

***Thứ hai**, tác động từ các hoạt động kinh tế:*

Quá trình lao động, sản xuất kinh doanh tạo điều kiện để TN rèn luyện tinh thần trách nhiệm, tính kỷ luật cao, năng lực hợp tác, giữ vững đạo đức kinh doanh,... *Hoạt động khởi nghiệp lập nghiệp* giúp nhiều bạn trẻ nuôi dưỡng khát

vọng cống hiến, đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ dám làm,… góp phần hình thành củng cố những phẩm chất đạo đức mới. Tuy nhiên, tình trạng *gian lận thương mại, kinh doanh bất chính* chạy theo lợi nhuận trong môi trường KTTT sẽ khiến một bộ phận TN dễ bị cuốn theo, dẫn đến suy thoái về YTĐĐ coi nhẹ các giá trị truyền thống như trung thực, nhân ái, nghĩa tình...

***Thứ ba**, tác động từ các động lực kinh tế, điển hình như*: *Lợi ích kinh tế* là động lực trực tiếp thúc đẩy TN học tập, lao động khát vọng làm giàu; nếu lợi ích gắn với trách nhiệm xã hội, nó sẽ củng cố YTĐĐTN, ngược lại dễ làm nảy sinh tư tưởng vụ lợi cá nhân chủ nghĩa. *Cạnh tranh* là động lực phát triển, rèn luyện ý chí cho TN, song cũng có thể làm nảy sinh sự ganh đua không lành mạnh, gian lận, làm phai mờ các chuẩn mực đạo đức ở người trẻ. *Hội nhập và giao lưu quốc tế, tiến bộ của khoa học công nghệ* là động lực giúp TN mở rộng tầm nhìn, nâng cao ý thức, trách nhiệm của công dân toàn cầu, mở ra cho TN cơ hội tiếp thu, nâng cao hơn ý thức thực hiện các giá trị mới như đạo đức sinh thái, đạo đức số, liêm chính học thuật,... nhưng đồng thời cũng khiến một bộ phận TN bị ảnh hưởng bởi lối sống thực dụng, xa rời bản sắc văn hóa, đạo đức dân tộc, hoặc trở nên suy thoái dần nhân cách, khả năng dám chịu trách nhiệm, ý thức tự lực, trung thực, tăng tính ỷ nại lệ thuộc công nghệ,...

**** Cơ chế tác động gián tiếp thông qua các thiết chế xã hội và hệ thống các quan điểm, ý thức trong xã hội***

YTĐĐ với tư cách là một hình thái ý thức xã hội, là một bộ phận cốt lõi của kiến trúc thượng tầng, do đó, tất yếu bị quy định bởi cơ sở hạ tầng kinh tế. Tuy nhiên, sự tác động này không đơn thuần là một quá trình cơ học, trực tiếp, cơ sở hạ tầng không tự động làm nảy sinh, biến đổi các chuẩn mực đạo đức xã hội, mà nó tác động thông qua một hệ thống phức tạp với các yếu tố trung gian điển hình đó là các thiết chế xã hội và hệ thống các quan điểm tồn tại trong xã hội (quan điểm triết học, chính trị, pháp luật, thẩm mỹ, tôn giáo, khoa học,...)

***Thứ nhất**, tác động truyền dẫn thông qua các thiết chế xã hội:*

Nền KTTT tác động gián tiếp đến YTĐĐTN thông qua các yếu tố của các thiết chế xã hội, điển hình như các cơ chế, chính sách, pháp luật, môi trường văn

hóa, truyền thống, hoạt động giáo dục, truyền thông ….Khi nền KTTT phát triển, yếu tố thị trường thấm sâu vào các lĩnh vực của đời sống xã hội có thể làm thay đổi cấu trúc, chức năng và sự vận hành của các thiết chế xã hội như Nhà nước, gia đình, nhà trường, các tổ chức xã hội, hệ thống các kênh truyền thông…. Các thiết chế này được hình thành là sản phẩm của cơ sở hạ tầng, đồng thời là cầu nối, tác nhân chủ yếu để chuyển hóa các yếu tố kinh tế vào các chuẩn mực đạo đức xã hội, định hướng, thiết lập chuẩn mực đạo đức xã hội, trong đó có YTĐĐTN.

Thực vậy, trong nền KTTT, với tư cách là một thiết chế xã hội có sức mạnh chính trị, mệnh lệnh, thông qua hệ thống các cơ chế, chính sách, điều luật được ban hành, nhà nước vận hành vai trò song song vừa là người dẫn truyền sự áp đặt của logic thị trường thẩm thấu vào đạo đức xã hội, vừa là người điều tiết, định hướng, kiến tạo sân chơi cho thị trường theo mục tiêu đạo đức hướng đến. Do đó, sự tiến bộ hay xuống cấp của chuẩn mực đạo đức xã hội nói chung và YTĐĐTN nói riêng phụ thuộc vào bản chất và mức độ văn minh của Nhà nước, phụ thuộc vào tính khoa học, đồng bộ, tiên tiến, nhân văn và mức độ nghiêm minh trong các cơ chế chính sách, pháp luật quản lý xã hội của Nhà nước. Nhà nước pháp quyền XHCN mà Việt Nam đang xây dựng là một mô hình nhà nước tiến bộ, luôn hướng tới mục tiêu không để thị trường vận hành một cách hoàn toàn tự phát, mà chủ động can thiệp bằng các cơ chế chính sách để khắc phục những mặt trái của cơ chế thị trường và bảo vệ các giá trị đạo đức XHCN, từ đó giáo dục đạo đức nhân văn cho TN.

Bên cạnh đó, gia đình và nhà trường vẫn luôn là những thiết chế xã hội nền tảng tác động trước hết đến đạo đức TN. Nền KTTT thông qua cơ chế truyền dẫn là gia đình, nhà trường vừa có những tác động tích cực, vừa có thể gây áp lực tiêu cực lên YTĐĐTN. Với những nề nếp, gia phong, giá trị đạo đức được tích lũy qua các thế hệ dòng tộc, sức mạnh cảm hóa bởi quan hệ huyết thống, với những nội dung và phương thức giáo dục được thiết kế khoa học, bài bản trong nhà trường, gia đình và nhà trường vẫn là những thiết chế vững chắc giúp TN từ sớm vừa giữ gìn, rèn giũa được những phẩm chất đạo đức truyền thống quý báu, vừa có cơ hội cập nhật những giá trị đạo đức mới trong thời đại phát triển KTTT. Mặt khác, do áp lực của KTTT

như việc làm, mưu sinh, thời gian … có thể làm suy yếu chức năng giáo dục đạo đức truyền thống của gia đình. Nhiều bậc cha mẹ không dành đủ thời gian, hoặc thiếu kiến thức và năng lực làm gương, quan tâm, giáo dục con cái một cách sâu sát. Sự bùng nổ của gia đình hạt nhân thay cho gia đình nhiều thế hệ cũng có nguy cơ làm suy giảm sự kế thừa các giá trị truyền thống liên thế hệ,... Áp lực cạnh tranh, hiệu quả kinh tế cũng có thể khiến giáo dục của nhà trường ngày càng bị "thương mại hóa", chạy theo nhu cầu của thị trường, mắc bệnh "thành tích", gian lận, thiếu thực chất,… Những điều này đều gây nguy cơ tổn hại đến sự phát triển YTĐĐTN.

Cùng với đó, các tổ chức đoàn thể xã hội cũng là những thiết chế xã hội có sức mạnh tác động, ảnh hưởng lớn đến đạo đức TN. Các tổ chức TN được coi là những thiết chế văn hóa - xã hội đặc thù của TN. Các tổ chức TN tồn tại trong cộng đồng được hình thành dựa trên nhu cầu lợi ích đặc trưng của từng nhóm thành phần TN khác nhau, có thể kể đến như Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp TN Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam, các hội nhóm, tổ đội, câu lạc bộ TN,... Với tính chính thống, hợp pháp, và sức mạnh của môi trường tập thể hoạt động có tổ chức bài bản, đặc biệt là sự trẻ trung, năng động, sáng tạo, dân chủ, đề cao tính tự nguyện tự giác, các tổ chức TN chính là những cánh tay nối dài giúp Đảng, Nhà nước chỉ đạo, điều tiết những tác động của KTTT trong quá trình giáo dục đạo đức TN. Các tổ chức TN lành mạnh, tiến bộ có thể chủ động can thiệp, định hướng và đấu tranh, nhằm hạn chế sự tha hóa đạo đức do cơ chế thị trường gây ra và bồi đắp các giá trị đạo đức XHCN cho TN. Song ở TN vốn luôn có những hạn chế đặc trưng dễ bị cuốn theo vòng xoáy của cơ chế thị trường như tâm lý dễ nản chí, ỷ nại, ngại vượt khó, ham hưởng thụ, chuộng hình thức, đề cao cái tôi, hiếu thắng… Nếu các hội nhóm TN hoạt động tự phát, kém lành mạnh, chạy theo nhu cầu, thị hiếu tầm thường của giới trẻ hoặc hoạt động bất hợp pháp, bị lợi dụng, mua chuộc bởi các thế lực phản động cũng có thể trở thành môi trường truyền dẫn, thúc đẩy, tiếp tay cho những ảnh hưởng tiêu cực của KTTT, từ đó làm phai nhạt đạo đức làm người, đạo đức cách mạng trong TN. Vì vậy cần đầu tư xây dựng, phát huy vai trò của các tổ chức TN tiến bộ, cách mạng để tạo môi trường giáo dục đạo đức gần gũi, lành mạnh, đáp ứng thiết thực thị hiếu của TN trong bối cảnh phát triển KTTT hiện nay.

Đặc biệt, trong xu thế tất yếu của nền KTTT hiện đại, phát triển khoa học công nghệ và chuyển đổi số là động lực trực tiếp thúc đẩy hiệu quả kinh tế và lợi nhuận, song điều này có thể làm suy yếu sức ảnh hưởng của các thiết chế giáo dục đạo đức truyền thống (gia đình, nhà trường, tổ chức đoàn thể) và tạo ra những kênh ảnh hưởng mới đến YTĐĐTN, điển hình như internet, mạng xã hội - những thiết chế truyền thông đang chiếm thị phần ảnh hưởng mạnh mẽ đến giới trẻ. Các kênh truyền thông lúc này không đơn thuần là phương tiện truyền đạt thông tin, mà còn là một loại hình thiết chế xã hội có khả năng định hướng, phản ánh các giá trị, chuẩn mực trong xã hội, và tái cấu trúc nhận thức và tổ chức lại trật tự xã hội, ảnh hưởng đến đạo đức xã hội trong đó có đạo đức TN.

Thực tế cho thấy, với những ưu thế về sự tiện lợi, tốc độ lan tỏa, và khả năng tương tác hai chiều, tính cá nhân hóa cao, lại vận hành theo nhu cầu thị trường gắn liền logic lợi nhuận, mạng xã hội đang lên ngôi, nhận được sự quan tâm theo dõi, sử dụng vượt trội của giới trẻ, từ đó trở thành môi trường đang có phần lấn át, ảnh hưởng hai mặt đến đạo đức TN. Thông qua kênh này, TN liên tục và dễ dàng tiếp xúc với những thông điệp giáo dục, những hình ảnh lý tưởng hóa về sự giàu có, thành công, điều này có thể truyền cảm hứng lan tỏa về ý chí vượt khó vươn lên thành đạt, nhưng cũng có thể kích thích trong TN cảm giác bất mãn, tự ti và một áp lực xã hội vô hình, bởi cơ chế tâm lý so sánh có thể làm biến đổi thế giới quan và bản chất nhân văn của con người, thậm chí còn khuếch đại các biểu hiện lệch chuẩn. Chưa kể do bản chất hoạt động theo logic chạy theo thị hiếu đại chúng vì lợi nhuận, thông qua các thuật toán công nghệ, kênh truyền thông này cũng dễ dàng truyền tải tự động và thúc đẩy thẩm thấu những nội dung phản cảm, dung tục, bạo lực, phản giáo dục, phi văn hóa vào công chúng trẻ, làm suy giảm, xói mòn đạo đức của TN.

***Thứ hai**, tác động truyền dẫn thông qua hệ thống các quan điểm, ý thức trong xã hội*

Có thể nói, bên cạnh YTĐĐ, trong đời sống tinh thần của xã hội còn tồn tại hệ thống các quan điểm được hình thành từ sự tập hợp, tương tác lẫn nhau giữa các hình thái ý thức xã hội khác như ý thức triết học, pháp quyền, tôn giáo, nghệ thuật,

khoa học,.... Khi vận hành, các yếu tố của KTTT, kể cả sự tác động từ chính các thiết chế xã hội, sẽ thâm nhập vào các quan hệ xã hội và chi phối định hình các quan điểm, tâm lý, cách nghĩ của cộng đồng. Hệ thống các quan điểm này tạo thành môi trường tâm lý, văn hóa, dư luận xã hội, tồn tại như một "bầu khí quyển" tinh thần với các chuẩn mực cộng đồng, tiếp tục gây ra áp lực tác động lên YTĐĐ nói chung và YTĐĐTN nói riêng. Điển hình như sự khen, chê, hay tiêu chí đánh giá lương tâm, trách nhiệm, thành đạt và các nhiều chuẩn mực đạo đức từ bạn bè, họ hàng, xã hội sẽ tạo thành môi trường tâm lý cộng đồng, dư luận xã hội tiếp tục tác động lên việc hình thành và phát triển YTĐĐTN. Sống trong bầu khí quyển tinh thần đó, người TN có thể nuôi dưỡng khát vọng vươn lên thoát nghèo, tôn vinh cống hiến, tẩy chay cái ác và sự gian dối, hoặc có thể rơi vào tư tưởng "trọng phú khinh bần", giá trị nhân cách của một người TN đôi khi bị dư luận xung quanh quy giản thành các chỉ số vật chất về lương, thu nhập, lượng tài sản sở hữu,…hay TN cũng có nguy cơ cao rơi vào khủng hoảng tự ti bởi áp lực đồng trang lứa, hoặc chạy theo đồng tiền bất chấp thủ đoạn,…

Có thể nói, hai cơ chế tác động trực tiếp và gián tiếp của KTTT vừa thúc đẩy vừa kìm hãm nhau tạo ra những biến đổi đa chiều, phức tạp của đạo đức xã hội trong đó có sự biến đổi YTĐĐTN. Trong đó cơ chế tác động trực tiếp diễn ra một cách trực diện, song cơ chế tác động gián tiếp thông qua các kênh truyền dẫn diễn ra phức hợp, không phải là sự truyền dẫn thụ động, cơ học, một chiều, mà có tính khúc xạ và phân hóa, thanh lọc. Các yếu tố truyền dẫn trung gian như những "khớp nối" chuyển hóa các yếu tố kinh tế khách quan thành các chuẩn mực, giá trị và hành vi đạo đức chủ quan của TN. Các yếu tố nội tại của nền KTTT khi đi qua kênh truyền dẫn (các thiết chế xã hội và môi trường tâm lý dư luận xã hội) sẽ được "mã hóa" lại dưới dạng các chuẩn mực ứng xử, quan niệm về thành đạt, danh dự, hạnh phúc, bổn phận trách nhiệm và nghĩa vụ để đi vào nhận thức, tình cảm, hành vi đạo đức của TN. Mức độ văn minh, tiến bộ của các kênh truyền dẫn này cũng có thể khuếch đại hoặc triệt tiêu sự phát triển của đạo đức TN. Tùy theo chức năng, nhiệm vụ, ưu thế của từng kênh truyền dẫn mà quá trình này ưu tiên vận dụng các phương thức

truyền dẫn lên đạo đức TN theo mức độ khác nhau, điển hình như: áp đặt mệnh lệnh hành chính, nêu gương, cảm hóa, giáo dục, tuyên truyền, áp lực chuẩn mực nhóm, so sánh xã hội, số hóa biểu tượng, sử dụng thuật toán công nghệ,…

Yêu cầu đặt ra là nhận diện rõ mức độ tác động của các cơ chế và không ngừng củng cố các cơ chế điều tiết mang tính định hướng XHCN để đảm bảo KTTT phát triển nhưng không làm xói mòn, mà ngược lại, có thể tạo sân chơi văn minh làm giàu thêm các giá trị đạo đức cốt lõi của dân tộc, thúc đẩy biến đổi tích cực trong YTĐĐTN.

2.3. Tính tất yếu, đặc điểm và những biểu hiện của sự biến đổi ý thức đạo đức thanh niên dưới tác động của kinh tế thị trường ở Việt Nam

2.3.1. Tính tất yếu của sự biến đổi ý thức đạo đức thanh niên dưới tác động của kinh tế thị trường ở Việt Nam

Dưới góc độ phương pháp luận của triết học Mác – Lênin, tính tất yếu của sự biến đổi YTĐĐTN Việt Nam trong điều kiện phát triển KTTT định hướng XHCN không phải là một hiện tượng ngẫu nhiên hay có sự can thiệp chủ quan của các chủ thể xã hội. Đây là kết quả tất yếu của sự biến đổi YTĐĐ trước những thay đổi của mô hình kinh tế mới. Trước hết, cần khẳng định rằng sự chuyển đổi mô hình kinh tế từ kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang KTTT đã làm biến đổi căn bản mọi mặt của đời sống xã hội, từ đó dẫn đến sự thay đổi trong hệ thống giá trị đạo đức và chuẩn mực đạo đức trong điều chỉnh hành vi con người. Khi lợi ích cá nhân được thừa nhận như một động lực phát triển, khi cạnh tranh và hiệu quả kinh tế trở thành nguyên tắc phổ biến, thì YTĐĐ - với tư cách là một hình thái ý thức xã hội - tất yếu phải tái cấu trúc để phản ánh và thích ứng với những điều kiện tồn tại mới ấy. TN với tư cách là lực lượng xã hội năng động, nhạy cảm với cái mới và trực tiếp tham gia vào các quan hệ kinh tế - xã hội đang biến đổi, trở thành chủ thể biểu hiện rõ nét nhất quá trình biến đổi này.

Tính tất yếu biến đổi này được xem xét từ các khía cạnh cốt lõi như sau:

*Thứ nhất***,** sự phát triển KTTT đã làm thay đổi căn bản các quan hệ xã hội từ phương diện kinh tế và kéo theo nó là các quan hệ xã hội khác, đặc biệt là các quan

hệ đạo đức. KTTT làm xuất hiện và phổ biến kiểu quan hệ xã hội mang tính lợi ích rất rõ nét. Trong kiểu quan hệ này, các cá nhân không còn gắn bó chủ yếu bằng các ràng buộc truyền thống (gia đình, cộng đồng làng xã), mà thông qua trao đổi lợi ích. Điều đó dẫn đến sự chuyển hóa căn bản trong tiêu chuẩn đánh giá hành vi: từ chỗ lấy chuẩn mực cộng đồng làm trung tâm sang việc thừa nhận tính chính đáng của lợi ích cá nhân. Sự chuyển hóa này không phải là lựa chọn đạo đức tùy ý, mà là hệ quả tất yếu của việc các quan hệ xã hội đã mang hình thái mới.

Thứ hai, KTTT tạo ra sự phân hóa lợi ích và đa dạng hóa vị thế xã hội. Khác với các xã hội có cấu trúc tương đối thuần nhất, xã hội thị trường làm xuất hiện nhiều nhóm lợi ích, nhiều chuẩn mực hành vi tương ứng với các vị trí khác nhau trong hệ thống kinh tế – xã hội. Điều này phá vỡ tính đơn nhất của hệ chuẩn mực đạo đức truyền thống và dẫn tới sự hình thành một môi trường đa giá trị của đạo đức. Trong không gian đó, TN không chỉ đối diện với một hệ giá trị duy nhất, mà với nhiều hệ quy chiếu cùng tồn tại. Sự biến đổi YTĐĐ vì thế không hẳn là sự "lệch chuẩn", mà còn là sự biến đổi tất yếu của các chuẩn mực và hành vi đạo đức trong bối cảnh mới.

Thứ ba, trong điều kiện KTTT hiện đại gắn chặt với quá trình toàn cầu hóa và cách mạng khoa học - công nghệ, TN Việt Nam không chỉ chịu tác động của các quan hệ kinh tế trong nước mà còn chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của các hệ giá trị ngoại sinh. Điều này làm cho YTĐĐ không còn bị giới hạn trong khuôn khổ truyền thống, mà trở thành một không gian mở của sự lựa chọn, so sánh và tái định hình giá trị. Đặc biệt nền KTTT hiện đại gắn liền với công nghệ số, dữ liệu lớn, ,… được triển khai cả không gian thực và không gian ảo. Môi trường ảo vô hạn, xuyên biên giới được mở ra nhờ sự phát triển vũ bão của internet, mạng xã hội, trí tuệ nhân tạo,…luôn liên tục chi phối, cuốn hút mạnh mẽ sự gia nhập và hoạt động của giới trẻ - những người vốn ưa thích và có năng lực làm chủ tốt công nghệ. Chính sự mở rộng không gian và mối liên hệ mật thiết khách quan này tất yếu dẫn đến sự đa dạng hóa chuẩn mực và phương thức thể hiện đạo đức của TN - hệ quả không thể tránh khỏi của quá trình biến đổi cho phù hợp với hiện thực.

Thứ tư, từ góc độ phép biện chứng duy vật, KTTT tất yếu làm nảy sinh những mâu thuẫn nội tại trong đời sống xã hội, đặc biệt là mâu thuẫn giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội, giữa hiệu quả kinh tế và công bằng xã hội. Chính các mâu thuẫn này buộc YTĐĐ phải vận động để tìm kiếm những hình thức điều chỉnh mới phù hợp hơn. Nói cách khác, nếu không có biến đổi trong YTĐĐ thì các mâu thuẫn do chính KTTT tạo ra sẽ không thể được điều tiết, hóa giải từ phương diện đạo đức.

Đồng thời, trên cơ sở quan điểm duy vật lịch sử về mối quan hệ biện chững giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng, mối quan hệ giữa các hình thái ý thức xã hội, YTĐĐTN tất yếu chịu tác động từ các thiết chế xã hội (Nhà nước, nhà trường, gia đình, tổ chức xã hội, kênh truyền thông,…) và các yếu tố văn hóa, thẩm mỹ, khoa học, tôn giáo,…Trong bối cảnh KTTT, các thiết chế xã hội và các yếu tố này đều chịu sự chi phối bao trùm của cơ chế thị trường, tác động dẫn truyền theo mức độ, phương thức khác nhau đến YTĐĐTN tạo nên những biến đổi đa chiều trong YTĐĐTN.

Trước hết, Đảng và Nhà nước giữ vai trò định hướng giá trị ở tầm vĩ mô thông qua hệ tư tưởng, pháp luật và chính sách. Trong điều kiện KTTT, phương thức tác động của các thiết chế này cũng có sự điều chỉnh cho phù hợp: từ áp đặt chuẩn mực sang định hướng, từ giáo huấn sang tạo môi trường và cơ chế khuyến khích. Chính sự điều chỉnh này góp phần làm cho YTĐĐTN biến đổi theo hướng chủ động và thích ứng nhanh với điều kiện mới.

Gia đình cũng là thiết chế nền tảng có ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự biến đổi của YTĐĐTN. Dưới tác động của KTTT, cấu trúc và chức năng của gia đình cũng biến đổi: quan hệ quyền uy truyền thống giảm dần, tính đối thoại và cá nhân hóa tăng lên. Điều đó làm thay đổi cách thức truyền thụ giá trị đạo đức: từ khuôn mẫu mang tính áp đặt sang sự đối thoại, thuyết phục. Điều này tạo nên những sắc thái rất linh hoạt của YTĐĐTN, đặc biệt là những thay đổi trong tình cảm và niềm tin đạo đức.

Nhà trường cũng là tác nhân quan trọng trong sự biến đổi ý thức đạo đức của thanh niên. Trong bối cảnh phát triển kinh tế, giáo dục đạo đức không chỉ dừng ở việc truyền đạt chuẩn mực, mà phải hình thành năng lực đánh giá, lựa chọn và chịu trách nhiệm. Khi giáo dục chuyển từ mô hình "truyền thụ tri thức đạo đức" sang "phát triển năng lực đạo đức", thì chính sự thay đổi trong phương thức giáo dục đã góp phần làm biến đổi nội dung và cấu trúc của YTĐĐTN.

Cuối cùng, môi trường xã hội rộng lớn (các kênh truyền thông, mạng xã hội, cộng đồng, các tổ chức xã hội, thị trường văn hóa…) tạo ra không gian thực tiễn nơi các giá trị được kiểm nghiệm và tái định hình hằng ngày. Đây là thiết chế phi chính thức nhưng có sức tác động trực tiếp và mạnh mẽ, bởi nó cung cấp không chỉ thông tin mà còn cả các "mô hình hành vi" để TN tham chiếu. Trong điều kiện này, YTĐĐ trở thành kết quả của sự tương tác liên tục giữa nhiều nguồn ảnh hưởng khác nhau, và do đó, sẽ liên tục biến đổi.

Thứ năm, xét từ phương diện nhận thức, YTĐĐ của TN không phải là sự tiếp nhận thụ động các chuẩn mực có sẵn, mà là kết quả của quá trình chủ thể hóa các giá trị thông qua hoạt động nhận thức và trải nghiệm thực tiễn. Trong điều kiện KTTT và xã hội mở, TN đứng trước một môi trường xã hội đa dạng, nhiều giá trị với các chuẩn mực liên tục được định hình và thay đổi, do đó, nhận thức đạo đức không còn vận hành theo mô hình một chiều tiếp nhận và tự giác thực hiện, mà chuyển sang mô hình lựa chọn - đánh giá - tái cấu trúc. Chính sự chuyển dịch trong phương thức nhận thức đạo đức này là nguyên nhân chủ quan trực tiếp làm cho YTĐĐ biến đổi: TN ngày nay liên tục đặt câu hỏi về cái gọi là chuẩn mực đạo đức trong tương quan với các yếu tố và hiện thực xã hội, muốn so sánh, nhận dạng và "định nghĩa lại" các chuẩn mực này trên cơ sở của sự biến đổi xã hội, kinh nghiệm và hệ quy chiếu cá nhân. Khi năng lực phản tư tăng lên, thì tính ổn định của hệ chuẩn mực truyền thống tất yếu bị phá vỡ, nhường chỗ cho những cấu trúc giá trị linh hoạt hơn.

Như vậy, sự biến đổi YTĐĐ của TN Việt Nam trong bối cảnh KTTT là một quá trình mang tính tất yếu khách quan với những yếu tố khách quan và chủ quan

xét từ tính quy định của tồn tại xã hội đến ý thức xã hội và bản thân sự biến đổi của ý thức xã hội. Những biến đổi này mang tính hai mặt, như là quá trình giải quyết các mâu thuẫn của đời sống đạo đức thể hiện thông qua YTĐĐ.

2.3.2. Đặc điểm của sự biến đổi ý thức đạo đức thanh niên dưới tác động của kinh tế thị trường ở Việt Nam

Thứ nhất, sự biến đổi YTĐĐTN dưới tác động KTTT luôn diễn ra trong sự tương tác, phát triển mâu thuẫn *(tính mâu thuẫn)*. Nền KTTT hiện đại với những quy luật kinh tế nội tại vốn tác động hai chiều tích cực xen lẫn tiêu cực, dễ làm gia tăng sự phân tầng xã hội, lại tạo ra môi trường giao thoa giữa bản sắc và hội nhập, dân tộc và thời đại, giữa cái cũ và cái mới, giữa "cái tôi" và "cái ta". Bản thân TN đang trong quá trình hoàn thiện nhân cách, thiếu chín chắn, trải nghiệm, lại nhạy cảm nhanh chóng với những biến động. Do đó, quá trình biến đổi YTĐĐTN luôn chứa đựng trong nó những mâu thuẫn, đấu tranh giữa giá trị đạo đức truyền thống và hiện đại, giá trị nội sinh và ngoại sinh, giá trị cá nhân và cộng đồng, giá trị tích cực và tiêu cực; đồng thời có cả những xung đột, khác biệt về chuẩn mực đạo đức giữa từng nhóm thành phần TN; và trong từng cá nhân người TN cũng có những giằng co, bất nhất, thậm chí rơi vào khủng hoảng, mất phương hướng, mất niềm tin trong lựa chọn, ủng hộ chuẩn mực giá trị đạo đức. Mục tiêu là cần định hướng những mâu thuẫn này thành những động lực thúc đẩy sự phát triển tiến bộ của YTĐĐTN trên cơ sở giải quyết hài hòa các xung đột, khác biệt.

Thứ hai, sự biến đổi YTĐĐTN dưới tác động KTTT luôn chịu sự chi phối tổng hòa và đồng thời từ nhiều nhân tố như kinh tế, chính trị, pháp lý, khoa học công nghệ, đời sống văn hóa, hoạt động giáo dục và tự giáo dục,... Điều này tạo nên sự biến đổi mang tính biện chứng phức tạp (*tính tương tác đa chiều).* Tức là trong quá trình biến đổi YTĐĐTN, mọi chuẩn mực lề lối đạo đức đã và đang tồn tại sẽ không bị đảo lộn ngay lập tức hay bị xóa bỏ hoàn toàn một cách cơ học, mà ở đó diễn ra một quá trình gạn lọc, đan xen, cọ xát và tái cấu trúc liên tục, tạo ra những hệ quả đa chiều, vừa thúc đẩy sự tiến bộ văn minh, vừa tiềm ẩn những nguy cơ suy thoái, lệch chuẩn đạo đức sâu sắc. Từ đây, cũng đặt ra yêu cầu đòi hỏi phải có giải

pháp tác động kịp thời, đồng bộ, toàn diện, tạo thành hợp lực đồng chiều của nhiều lực lượng, chủ thể trong xã hội trong đó có cả TN để kiểm soát, điều tiết những biến đổi này theo hướng tích cực, hạn chế biến đổi tiêu cực. Các giải pháp này vừa phải tôn trọng các quy luật vận động khách quan của sự phát triển xã hội, vừa phải phù hợp với đặc thù của TN Việt Nam.

Thứ ba, sự biến đổi YTĐĐTN dưới tác động KTTT phản ánh mức độ thích ứng với yêu cầu chuẩn mực đạo đức xã hội *(tính thích ứng).* Khi tồn tại xã hội vận động, biến đổi thì chuẩn mực đạo đức xã hội cũng thay đổi và đặt ra những yêu cầu mới. Trong sự biến đổi YTĐĐTN vừa có sự vận động phù hợp với chuẩn mực đạo đức mới đặt ra, vừa có sự bảo thủ, lạc hậu thậm chí lệch chuẩn, không đạt yêu cầu. Nhìn vào biểu hiện và xu hướng biến đổi của YTĐĐTN có thể thấy được thành tựu hay nguy cơ của sự biến đổi và thấy được mức độ thích ứng tích cực hay suy thoái tiêu cực của YTĐĐTN so với chuẩn mực đạo đức đề ra.

Thứ tư, sự biến đổi YTĐĐTN thường diễn ra với tốc độ nhanh và nhạy cảm vượt trội dưới sự tác động của môi trường khách quan (*tính nhạy cảm).* YTĐĐTN dễ dàng tiếp nhận nhanh cái mới nhưng cũng dễ rơi vào tổn thương, lệch lạc, khủng hoảng trước các giá trị phản văn hóa. Điều này xuất phát từ đặc trưng tâm sinh lý lứa tuổi TN so với các lứa tuổi khác. So với những người trưởng thành vốn đã có sự bám rễ vững chắc về nhân cách, tuổi TN gắn với việc xã hội hóa mạnh mẽ nhân cách, TN đang trong giai đoạn hoàn thiện bản sắc cá nhân và luôn ham thích khám phá những điều mới lạ. Tuy nhiên, sự nhạy cảm, đôi khi bồng bột, kết hợp với khoảng trống về kinh nghiệm sống khiến TN trở thành nhóm đối tượng dễ bị tổn thương nhất trước những mặt trái của nền KTTT.

Có thể nói, sự biến đổi YTĐĐTN dưới tác động của KTTT không phải là một hiện tượng ngẫu nhiên, trong đó mọi sự tiến bộ hay, khủng hoảng, suy thoái không đơn thuần mang tính chủ quan từ phía TN hay do yếu kém về cơ chế, chính sách trong giáo dục, quản lý TN. Các biến đổi này là những hệ quả tất yếu từ nhiều nhân tố tác động và diễn ra có tính đặc thù, cần được xem xét và điều tiết một cách toàn diện, thấu đáo, và đồng bộ.

2.3.3. Những biểu hiện của sự biến đổi ý thức đạo đức thanh niên dưới tác động của kinh tế thị trường ở Việt Nam

** Về nội dung và phạm vi biến đổi*

Trên cơ sở phạm vi nghiên cứu, Luận án tập trung làm rõ sự biến đổi YTĐĐTN thể hiện tập trung ở bốn thành tố cấu trúc của YTĐĐTN: (1) sự biến đổi của tri thức đạo đức TN, (2) sự biến đổi của tình cảm đạo đức TN, (3) sự biến đổi của niềm tin đạo đức TN, (4) sự biến đổi của lý tưởng đạo đức TN.

Trong từng thành tố của YTĐĐTN sự biến đổi này được xem xét ở ba mối quan hệ đạo đức chủ đạo của TN (mối quan hệ của TN với chính bản thân, mối quan hệ của TN với cộng đồng xã hội, mối quan hệ của TN với thiên nhiên). Bởi thực tế mỗi cá nhân trong đó có người TN đồng thời sống và có quan hệ sâu sắc với cả ba môi trường: tự nhiên (vật lý, sinh vật), xã hội (quan hệ với người khác) và nội tâm (trong quan hệ với chính mình). Theo đó, ba mối quan hệ cơ bản này đã thúc đẩy hình thành : YTĐĐTN liên quan đến môi trường sống tự nhiên; YTĐĐTN liên quan đến quan hệ giữa cá nhân thanh niên với gia đình, cộng đồng, đất nước; YTĐĐTN liên quan đến các khía cạnh cơ bản, điển hình trong đời sống cá nhân thanh niên (như giá trị bản thân, học tập, nghề nghiệp, việc làm, giải trí,…).

Như vậy các nội dung và phạm vi biến đổi có thể biểu hiện ở các phương diện bao gồm cả biến đổi trong các thành tố cấu trúc của YTĐĐTN, biến đổi ở các mối quan hệ đạo đức của TN, hoặc ở các lĩnh vực của đời sống XH mà YTĐĐTN quan tâm hướng tới.

** Về mức độ và chiều hướng biến đổi*

Trong từng mối quan hệ của TN, ở các thành tố của YTĐĐTN, sự biến đổi YTĐĐTN thể hiện mức độ vận động của các giá trị chuẩn mực đạo đức: tức là ổn định, duy trì, có thay đổi ít hay có thay đổi nhiều, có thay đổi vừa phải, chuyển mình hay thay đổi mạnh mẽ, triệt để; có chuyển hóa trật tự, vị trí lựa chọn các giá trị chuẩn mực đạo đức (tức là sự thay đổi tầm quan trọng của các giá trị chuẩn mực đạo đức) trong YTĐĐTN; vận động thay đổi tích lũy về lượng dẫn đến thay đổi về chất trong YTĐĐTN (tức là định hình ngày càng rõ nét những giá trị đạo đức mới,

mở rộng những lĩnh vực đạo đức mới gồm cả tích cực và tiêu cực, thậm chí có thể hình thành diện mạo đạo đức mới).

Theo đó, chiều hướng biến đổi của YTĐĐTN dưới tác động của KTTT có thể biểu hiện điển hình như: vừa duy trì, củng cố, phát huy, làm gia tăng, đậm nét hơn những chuẩn mực giá trị đạo đức đã và đang có; vừa xuất hiện chuyển biến với những chuẩn mực giá trị đạo đức mới, với phương thức biểu hiện mới trên nền tảng kế thừa, tiếp biến; đồng thời xuất hiện và gia tăng những biểu hiện lệch lạc, tiêu cực trong YTĐĐTN.

** Về xu hướng biến đổi*

Sự biến đổi của YTĐĐTN dưới tác động của KTTT ở Việt Nam thuộc lĩnh vực vận động, biến đổi trong xã hội. Xu hướng biến đổi của YTĐĐTN được xem xét, phân loại theo mức độ tích cực, tiến bộ và không tích cực, không tiến bộ của YTĐĐTN ở thời điểm sau so với thời điểm trước. YTĐĐTN ở thời điểm sau so với thời điểm trước có thể là tiến bộ nhiều hơn, tiến bộ ít hơn, tiến bộ không nhiều hơn và không ít hơn, hoặc là thoái bộ.

Cơ sở đánh giá xu hướng biến đổi: Xu hướng biến đổi tích cực hay tiêu cực của YTĐĐTN dưới tác động của KTTT ở Việt Nam được thể hiện ở các thành tố cấu trúc của YTĐĐTN, bộc lộ qua các hành vi đạo đức và mối quan hệ đạo đức cơ bản của TN. Trong đó:

Sự biến đổi YTĐĐTN tích cực là quá trình thay đổi của YTĐĐTN hướng tới sự tốt đẹp hơn, tiên tiến hơn, mang lại lợi ích cho môi trường xung quanh, cho bản thân người TN, cộng đồng, xã hội, quốc gia, thế giới,… và đáp ứng yêu cầu phát triển đạo đức của xã hội, đạo đức nhân loại. Sự biến đổi "tiến bộ" ở đây thể hiện YTĐĐTN có sự cải thiện, sự phát triển theo hướng tốt hơn, hướng tới cái hoàn thiện hơn. Nó bao hàm sự thay đổi theo chiều hướng tích cực, loại bỏ những yếu tố tiêu cực, hạn chế, và hướng tới những điều tốt đẹp hơn mà chuẩn mực đạo đức xã hội mong muốn, kì vọng,...Như vậy, sự biến đổi tiến bộ cũng có thể hiểu là sự phát triển trong YTĐĐTN. Sự phát triển của YTĐĐTN thể hiện ở sự tăng trưởng về số lượng,

cải thiện về chất lượng, hoặc sự thay đổi theo hướng phức tạp hơn của YTĐĐTN ngày càng tiệm cận dần đến mục tiêu chuẩn mực đạo đức đặt ra.

Sự biến đổi YTĐĐTN tiêu cực là sự thay đổi theo hướng xấu, có tác động không tốt, có biểu hiện bảo thủ, trì trệ, lạc hậu, lệch lạc gây ra những hậu quả làm tổn hại đến môi trường xung quanh, đến lợi ích cá nhân người TN, lợi ích cộng đồng, quốc gia, quốc tế, làm xói mòn hay đi ngược lại hoặc không đáp ứng yêu cầu phát triển của chuẩn mực đạo đức xã hội, của nhân loại,...

Quan điểm này là phù hợp bởi thực tế cho thấy, trong YTĐĐTN, có những chuẩn mực, qui tắc, những giá trị đạo đức mà TN đang hướng tới là những giá trị mà bản thân TN cho là quan trọng và đúng đối với họ. Tuy nhiên, những chuẩn mực, qui tắc, giá trị đó có thể phù hợp với cá nhân hoặc số đông TN nhưng cũng có thể có những giá trị TN lựa chọn chưa phù hợp với chuẩn mực xã hội, song theo quan niệm của TN lại là đúng và phù hợp, hoặc cũng có những chuẩn mực, qui tắc đạo đức mà trước đây TN cho là đúng nhưng hiện tại lại không còn phù hợp với chuẩn mực xã hội song họ vẫn muốn giữ nguyên, duy trì; hoặc cũng có những chuẩn mực, qui tắc đạo đức TN sáng tạo mới nhưng không phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội, không phù hợp xu thế phát triển xã hội, song TN vẫn muốn đi theo hưởng ứng. Do vậy, trong sự biến đổi của YTĐĐTN dưới tác động của KTTT có thể có những biểu hiện biến đổi tiêu cực, xu hướng biến đổi sai lệch, phản tiến bộ bên cạnh những biểu hiện, xu hướng biến đổi đúng đắn, tích cực, tiến bộ.

Như vậy, thông qua xem xét bản chất của nền KTTT ở Việt Nam hiện nay và cơ chế tác động đa chiều của nền KTTT đến YTĐĐTN**,** có thể hiểu khái quát: *Sự biến đổi YTĐĐTN dưới tác động của KTTT ở Việt Nam thực chất là sự vận động chuyển hóa tất yếu của các thành tố trong cấu trúc YTĐĐ của TN Việt Nam (bao gồm sự biến đổi của tri thức đạo đức, tình cảm đạo đức, niềm tin đạo đức, lý tưởng đạo đức của TN), được bộc lộ trong các mối quan hệ của TN và chi phối định hướng quá trình nhận thức và hành vi của TN, qua đó thể hiện mức độ thích ứng của YTĐĐTN với các chuẩn mực yêu cầu của xã hội dưới tác động của KTTT ở Việt Nam.*

Sự biến đổi YTĐĐTN mang tính tất yếu, suy cho cùng được quy định bởi sự vận động biến đổi của đời sống vật chất, kinh tế, văn hóa, xã hội và đời sống đạo đức của TN khi chịu sự tác động của nền KTTT ở Việt Nam. Sự biến đổi này diễn ra trong sự đan xen, giao thoa giữa các giá trị truyền thống và hiện đại, cá nhân và xã hội, dân tộc và quốc tế. Trong đó, các yếu tố truyền thống, dân tộc cung cấp nền tảng đạo đức, các giá trị hiện đại bao gồm cả các giá trị gắn với khoa học công nghệ giúp bổ sung các chuẩn mực đạo đức mới, yếu tố hội nhập quốc tế vừa tạo cơ hội tiếp biến giá trị đạo đức phổ quát nhân loại, vừa gây ra nguy cơ lai căng, lệch chuẩn trong giá trị đạo đức của TN, yếu tố cá nhân giúp TN thể hiện cá tính đạo đức giới trẻ, yếu tố xã hội giúp TN thể hiện khả năng thích ứng với các chuẩn mực đạo đức xã hội . Muốn YTĐĐTN phát triển bền vững, cần gắn kết các trụ cột: Giữ gìn giá trị truyền thống - Phát huy giá trị hiện đại - Chủ động hội nhập quốc tế có chọn lọc - Hài hòa lợi ích chung riêng.

Tiểu kết chương 2

Trong bối cảnh phát triển nền KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam, chúng ta chứng kiến nhiều diễn biến đa dạng và phức tạp trong đời sống đạo đức TN hiện nay, nhất là tình trạng suy giảm về lí tưởng cách mạng, xa rời truyền thống văn hóa, lệch lạc trong đạo đức và lối sống của một bộ phận không nhỏ TN, vấn đề tìm hiểu những biểu hiện biến đổi trong YTĐĐTN là rất cần thiết, và điều này cần dựa trên cơ sở lý luận khoa học. Từ những khái niệm công cụ: đạo đức, thanh niên, ý thức đạo đức, Luận án đã góp phần làm rõ những khái niệm, vấn đề nội hàm cốt lõi, trọng tâm theo hướng nghiên cứu của đề tài như: nội hàm YTĐĐTN với những đặc điểm, cấu trúc hình thành, và biểu hiện của nó trong các mối quan hệ chủ đạo của TN, đặc điểm của nền KTTT ở Việt Nam cùng những cơ chế tác động và chiều hướng chủ yếu của sự tác động KTTT đến YTĐĐTN. Đặc biệt Luận án đã đi tới khái quát tính tất yếu, đặc điểm và những biểu hiện cơ bản của sự biến đổi YTĐĐTN dưới tác động của KTTT ở Việt Nam,....

Những vấn đề lí luận cốt lõi này là cơ sở định hướng để tìm hiểu thực trạng biểu hiện sự biến đổi YTĐĐTN dưới tác động của KTTT ở Việt Nam hiện nay và là căn cứ lý luận, khung lý thuyết để luận án đưa ra đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp góp phần thúc đẩy sự biến đổi tích cực, tiến bộ, hạn chế biến đổi tiêu cực trong YTĐĐTN Việt Nam hiện nay. Khi đó, YTĐĐTN sẽ giúp định hướng hành vi đạo đức cho TN, góp phần xây dựng thế hệ TN Việt Nam thời kì mới vừa "hồng", vừa "chuyên", tự tin, bản lĩnh, nhiệt huyết, sáng tạo và cống hiến trong kỉ nguyên vươn mình của dân tộc.

CHƯƠNG 3
THỰC TRẠNG SỰ BIẾN ĐỔI Ý THỨC ĐẠO ĐỨC THANH NIÊN DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA KINH TẾ THỊ TRƯỜNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.1. Khái quát tình hình thanh niên Việt Nam hiện nay

Trong bối cảnh KTTT định hướng XHCN ở nước ta hiện nay với nhiều biến động sâu sắc cả về kinh tế, chính trị và xã hội, tình hình TN đã có những thay đổi đáng kể về số lượng và chất lượng, được biểu hiện qua các mặt chủ yếu là:

Một là, về cơ cấu dân số TN:

Theo số liệu của Tổng Cục Thống kê, dân số thanh niên và tỉ lệ dân số thanh niên Việt Nam năm 2021 là 22.169.712, chiếm 22,5% dân số cả nước, năm 2024, dân số của thanh niên (16 - 30 tuổi) là 20.041.000 người, chiếm 19,8% dân số cả nước [144, tr. 10]. Mới đây văn kiện Đại hội Đoàn toàn quốc khóa XIII nhiệm kì 2026-2031 đã cập nhật tình hình dân số TN năm 2025 là 21.658.101 người, chiếm 20,26% dân số cả nước. Trước đó, Tổng cục Thống kê đã tổng hợp về dân số TN Việt Nam giai đoạn 5 năm 2018 – 2022 thể hiện ở bảng 3.1 (Phụ lục) cho thấy cơ cấu dân số TN chiếm khoảng 1/4 so với tổng dân số cả nước vào năm 2018. Như vậy, trong những năm gần đây dân số TN bắt đầu có xu hướng giảm dần, cho thấy tốc độ già hoá ngày càng diễn ra nhanh chóng. Trong đó, tỉ lệ TN giới tính nam có xu hướng tăng còn TN giới tính nữ có xu hướng giảm. TN ở khu vực nông thôn ngày càng chuyển dịch ra khu vực thành thị dưới tác động của nền KTTT. Cơ cấu TN theo nhóm tuổi có sự chênh lệch giữa nhóm đầu và nhóm cuối, độ tuổi từ 25 – 30 có tỉ lệ gần gấp đôi độ tuổi từ 16 – 19 tuổi. Tuy vậy, thực trạng này vẫn cho thấy sự ổn định tương đối trong cơ cấu dân số của TN, họ vẫn giữ vị trí quan trọng trong tổng dân số của cả nước, luôn được Đảng xác định là lực lượng nòng cốt trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Hai là, về trình độ học vấn, chuyên môn của TN:

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, trình độ học vấn phổ thông của TN hiện nay được thể hiện ở Biểu đồ 3a và Bảng 3.3 (Phụ lục). Biểu đồ 3a cho thấy

trình độ học vấn phổ thông của TN Việt Nam giai đoạn 2018 – 2022 ngày càng được nâng cao. Trong đó, tỉ lệ TN chưa đi học có xu hướng giảm (từ 1,9% xuống còn 0,98%). Tỉ lệ học tập ở các bậc học ngày càng tăng với TN tốt nghiệp trung học phổ thông từ 46,2% lên 54,6%. Đến năm 2024, số lượng TN đã tốt nghiệp bậc trung học phổ thông là 11.069.000, chiếm 64% dân số. Kết quả này là tín hiệu tích cực cho thấy sự tiến bộ về trình độ học vấn, tạo nền tảng cho sự nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn, và là yếu tố thuận lợi thúc đẩy mỗi cá nhân TN có sự chuyển biến tích cực về YTĐĐ.

Bên cạnh đó, trình độ chuyên môn kỹ thuật của TN gắn với nhu cầu nghề nghiệp giai đoạn 2018 – 2022 được thể hiện ở Bảng 3.2 (Phụ lục) cho thấy sự gia tăng qua các năm, tiếp tục tiến bộ trên nền tảng nâng cao về trình độ học vấn phổ thông. Xu hướng này về cơ bản đáp ứng nhu cầu về lao động và việc làm ngày càng cao của TN trong bối cảnh KTTT, việc nâng cao trình độ trở thành tất yếu khách quan để TN có khả năng thích ứng với yêu cầu nghề nghiệp. Điều này cũng đặt ra yêu cầu ngày càng cao về rèn luyện đạo đức nghề nghiệp ở TN theo từng bậc học.

Đến năm 2023, theo Tổng cục Thống kê thì tỉ lệ TN được đào tạo chuyên môn kỹ thuật là 41,0%, trong đó tỉ lệ nam TN cao hơn nữ TN, tỉ lệ TN ở khu vực thành thị cao hơn khu vực nông thôn; tỉ lệ TN có trình độ chuyên môn kỹ thuật từ đại học trở lên chiếm gần 15,0% và cao đẳng là trên 7%, tỉ lệ TN có trình độ đại học trở lên ở khu vực thành thị cao hơn 2,7 lần khu vực nông thôn; nữ TN có trình độ chuyên môn kỹ thuật từ đại học trở lên cao hơn 1,3 lần nam TN. Cũng năm đó, hơn ½ TN chưa được đào tạo về chuyên môn kỹ thuật (59,0%). Trong số những TN được đào tạo thì trình độ bậc đại học trở lên chiếm 14,8%. Như vậy, so với thời gian trước, trình độ được đào tạo về chuyên môn kỹ thuật đã được cải thiện đáng kể (tỉ lệ này năm 2022 là 73,7%). Trong khi đó, số TN được đào tạo ở trình độ đại học trở lên (so với năm 2022) cũng tiếp tục tăng thêm 2,4% [144, tr. 12-13]. Điều này đặt ra nhu cầu cao về việc trang bị đạo đức nghề nghiệp cho TN hiện nay.

Bốn là, về tình trạng lao động, việc làm của TN

Trong bối cảnh KTTT, tình trạng lao động, việc làm của TN có xu hướng diễn ra năng động, gắn với nhu cầu về thu nhập, thể hiện ở Biểu đồ 3b (Phụ lục). Nhìn chung, tình hình lao động và việc làm của TN giai đoạn 2018 – 2022 không ổn định do sự tác động của dịch bệnh Covid 19, tác động mạnh mẽ nhất vào giai đoạn 2020 – 2021. Tỉ lệ thất nghiệp năm 2020 tăng cao, gấp 2.6 lần so với năm 2019 và tiếp tục tăng vào năm 2021. Năm 2022 tỉ lệ thất nghiệp có xu hướng giảm dần sau khi nước ta kiểm soát được dịch bệnh, củng cố lại nền kinh tế, tỉ lệ TN có việc làm tăng trở lại, góp phần trở thành động lực phát triển nền KTTT ở Việt Nam sau thời điểm dịch bệnh. Tính đến thời điểm năm 2022, có đến 52.2% TN lao động có mức thu nhập từ 5 triệu/tháng đến 10 triệu/tháng, tỉ lệ có thu nhập dưới 5 triệu giảm xuống còn 28.1% [141, tr. 27]. Đến năm 2024, thực trạng này biến chuyển rõ rệt, Báo cáo của Viện Nghiên cứu thanh niên (2024) đã dẫn ra số liệu: Theo Tổng cục Thống kê (2024), tỉ lệ TN có việc làm (từ 15 - 24 tuổi) năm 2024 là 92,17%, trong đó, tỉ lệ có việc làm của TN khu vực thành thị là 90,65%; khu vực nông thôn là 93,03%. Tỉ lệ thất nghiệp của TN (từ 15 - 24 tuổi) năm 2024 là 7,83%, tăng 0,30 điểm phần trăm so với năm trước. Trong đó, tỉ lệ thất nghiệp của TN khu vực thành thị là 9,35%, giảm 0,45 điểm phần trăm; khu vực nông thôn là 6,97%, tăng 0,61 điểm phần trăm [144, tr. 12].

Thực trạng này cho thấy sự cải thiện về mặt lao động, việc làm, thu nhập, giúp cho TN có nhiều cơ hội cải thiện chất lượng cuộc sống, có khả năng chủ động hơn về kinh tế nhưng cũng kéo theo sự biến đổi về mặt đạo đức, xuất hiện cả những giá trị tích cực và những biểu hiện tiêu cực trong nền KTTT hiện nay.

Như vậy, qua các số liệu thống kê, có thể thấy: Trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ thuật của TN Việt Nam ngày càng tăng, gắn với nhu cầu về nghề nghiệp để nâng cao chất lượng cuộc sống. Tỉ lệ TN có việc làm có xu hướng tăng. Mặt khác, dân số TN Việt Nam hiện nay có xu hướng giảm mạnh, nhóm TN từ 16 – 19 tuổi giảm dần và nhóm 25 – 30 tuổi lại tăng lên. Điều này đặt ra thách thức về nguồn nhân lực trẻ trong nền KTTT hiện nay, tăng nhanh tỉ lệ dân số phụ thuộc. Đồng

thời, trình độ học vấn, xu hướng lựa chọn nghề nghiệp, việc làm dưới tác động của nền KTTT cũng tác động nhất định đến nhận thức và nhu cầu của TN, trở thành yếu tố ảnh hưởng đến sự biến đổi về YTĐĐTN trong giai đoạn hiện nay.

3.2. Thực trạng biến đổi ý thức đạo đức thanh niên dưới tác động của kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay

3.2.1. Thực trạng biến đổi tri thức đạo đức của thanh niên

****** *Một là, tri thức đạo đức thanh niên về giá trị cái tôi cá nhân ngày càng định hình rõ nét và có những nội dung, cách thức biểu hiện mới*

Xu thế đang cho thấy người TN thời đại hiện nay ngày càng nhận diện sâu sắc, mới mẻ hơn về bản chất và vị thế của cái tôi trong các mối quan hệ. Về bản chất, họ khát khao hướng tới xây dựng, phát triển một "cái tôi" cấp tiến giàu tính độc đáo, tính khác biệt, rõ bản sắc và không ngừng đòi hỏi, kì vọng được ủng hộ thừa nhận, được tôn trọng. Giá trị cái tôi hiện đại này gắn liền với đề cao sự thành đạt, có trách nhiệm, có tự trọng, có tính kỉ luật. Cái tôi này của người TN gắn với tinh thần sáng tạo, thể hiện tính thích ứng, cập nhật. Biểu đồ 3c và 3e (Phụ lục) cho thấy trong YTĐĐTN hiện nay, khi họ ý thức về quá trình xây dựng và công nhận giá trị của cái tôi cá nhân, có một số lượng không hề nhỏ TN không quá đề cao cái tôi giáo điều, vị kỉ, cô lập, tách biệt; trái lại cái tôi mà người TN hiện đang đề cao, mong muốn hướng tới một cái tôi đặt trong mối quan hệ kết nối, hợp tác giữa các cá nhân với nhau, giữa cá nhân và tập thể, với họ một trong những tiêu chí đánh giá giá trị cá nhân là sự hiệu quả hành động, là sự thành đạt, làm giàu cống hiến, là sự đóng góp thiết thực của cá nhân đó cho xã hội, cho cộng đồng.

Để cái tôi này được thừa nhận, được bảo vệ thì ở TN có nhu cầu lớn đòi hỏi đảm bảo nhận được sự coi trọng, công bằng, bình đẳng, dân chủ, liêm chính, minh bạch, thượng tôn pháp luật. Kết quả khảo sát của Viện Nghiên cứu Thanh niên (2024) cho thấy tỉ lệ TN ủng hộ những giá trị đạo đức mới này không hề nhỏ, tỉ lệ TN lựa chọn những giá trị quan trọng nhất, cần thiết giúp ích cho việc xây dựng và vận hành một xã hội hiện đại, văn minh trong bối cảnh hiện nay, bao gồm: tích cực hội nhập quốc tế (75,5%); giữ gìn liêm chính, minh bạch (63,4%); tôn trọng quyền cá nhân, tôn trọng sự khác biệt (62,8%); ý thức kỷ luật (61,9%) [213].

Đáng lưu ý, trong khi vẫn coi trọng hài hòa kết nối giữa cái tôi và cái chung của cộng đồng thì đã xuất hiện biểu hiện mới là TN ưu tiên ủng hộ hướng đến bảo vệ lợi ích cá nhân trước khi tính đến lợi ích cộng đồng, xã hội. Theo đề tài của Quỳnh Hoa (2018) tổng kết từ các nghiên cứu trước đó: Nghiên cứu của Đỗ Ngọc Hà (2012) và Trần Thanh Giang (2013) đều cho thấy tỉ lệ khoảng trên 40% TN được hỏi đã thừa nhận có thực trạng trong TN "quyền lợi cá nhân được đề cao hơn trách nhiệm xã hội của mỗi cá nhân", và có khoảng từ 65%-68% TN được hỏi cho rằng "có lợi ích cá nhân, gia đình, mới có được lợi ích quốc gia, dân tộc"; và nghiên cứu của Quỳnh Hoa (2018) cũng cho thấy chỉ có khoảng 37,2% TN khi được hỏi đã lựa chọn giá trị "Đặt lợi ích cộng đồng, tập thể lên trên lợi ích cá nhân", bình luận về quan điểm này, đã có ý kiến TN cho rằng "*Cái "ta" chung đã qua rồi, từ cái "tôi" hôm nay, làm giàu cho bản thân, mưu cầu hạnh phúc cho bản thân từ đó có thể làm giàu cho xã hội. Cũng từ cái "tôi" muốn chứng minh mình với mọi người, tôi đã cố gắng học, rồi bắt đầu viết sách. Như vậy sống bằng cái "tôi" đâu phải là xấu"* (Nam, 24 tuổi, sinh viên, thành phố Hồ Chí Minh) [42, tr. 72]. Tức là ở TN không còn hoàn toàn sẵn sàng hi sinh tuyệt đối cá nhân cho tập thể, cộng đồng như trước mặc dù xét về xu hướng chung, ý thức của TN về các giá trị quốc gia, dân tộc, giá trị tập thể, cộng đồng vẫn được đề cao.

Thậm chí, đã và đang xuất hiện ý thức TN tăng cường bảo vệ "cái tôi" trước áp lực của cơ chế thị trường. Báo chí truyền thông gần đây cho thấy trong đời sống giới trẻ hiện đại, nhiều TN gen Z ủng hộ trào lưu đang thịnh hành toàn cầu sau đại dịch Covid -19 là "Sống bình tĩnh nhưng không buông xuôi", TN đang sẵn sàng lựa chọn biến mình thành "Chill Guy/ Chill Girl" (Anh chàng/ Cô nàng thư giãn) [208]. Trước những éo le của cuộc sống, nhằm xoa dịu áp lực nhiều khi đến kiệt sức về mưu sinh, cạnh tranh trong KTTT, để bảo vệ bản thân, mặc dù chưa giàu có, thành đạt, nhưng nhiều bạn trẻ sẵn sàng tạm thời tìm cách buông bỏ, bình thản, tìm về sự cân bằng, tối giản, thư giãn. Đi liền với trào lưu sống này là những thông điệp cảnh tỉnh giới trẻ cần tỉnh táo để không biến tinh thần "thư giãn" thành cái cớ cho việc buông xuôi, trốn tránh trách nhiệm. Đây không chỉ là biểu hiện ý thức bảo vệ giá trị "cái tôi" ngày càng mạnh mẽ mà còn cho thấy một thế hệ trẻ hiện đại ngày càng có

ý thức ủng hộ lối sống lành mạnh, cân bằng lợi ích vật chất và tinh thần, biết yêu thương, chăm sóc bản thân.

Bên cạnh đó, hiện nay xu hướng không ít TN lựa chọn, ưa thích quảng bá, thể hiện, khẳng định đạo đức của "cái tôi" trên các kênh truyền dẫn mới - không gian số ngày càng phổ biến, thậm chí được ưu tiên hàng đầu. Điều này đã được chỉ ra trong Báo cáo điều tra của Hội đồng Anh về thế hệ trẻ Việt Nam (2020): "Đối với những đáp viên được khảo sát, gần một phần ba (35%) cho biết mạng xã hội đóng vai trò định hình họ là ai ngày nay…. Với nhiều đáp viên thảo luận nhóm, cuộc sống không có Internet hay mạng xã hội là không thể tưởng tượng nổi. Internet đã hoàn toàn tích hợp vào cuộc sống của họ. Như một đáp viên ở Nghệ An đã nói, "một ngày mà không có Internet và mạng xã hội cảm giác dài như một thế kỉ" (Nữ giới, thảo luận nhóm tập trung, nhóm tuổi 20–24 tuổi) [11, tr. 21, 22].

Tức là, TN ngày nay ý thức rằng internet, mạng xã hội không chỉ là môi trường hiệu quả giúp học tập, cập nhật thông tin, thư giãn, giải toả căng thẳng, kết bạn, mở rộng mối quan hệ, tìm kiếm cơ hội, gia tăng thu nhập,… mà còn là công cụ đắc lực để thể hiện chính kiến của bản thân, đấu tranh chống những điều tiêu cực, phản động, lan tỏa những điều tích cực, nhân văn. Với họ, đây là biện pháp hữu hiệu, ưu tiên khai thác tận dụng để xây dựng hình ảnh bản thân, thể hiện giá trị đạo đức nhân cách của cái tôi trong thời đại số. Minh chứng là hiện nay trên mạng xã hội (Facebook, Zalo, Instagram, Tiktok, Linkedln,…) có sự gia tăng các nhóm TN làm nội dung số với thông điệp tích cực, lan tỏa tri thức, giá trị sống đẹp (qua các kênh học tập, podcast giáo dục, chia sẻ sách, kỹ năng sống, chăm sóc sức khỏe, giải trí lành mạnh, thành lập cộng đồng cùng sở thích lành mạnh, thể hiện tài năng, tìm kiếm việc làm và cơ hội…). Nhiều người trẻ cũng tận dụng việc sản xuất nội dung số để thể hiện ý thức tích cực phản biện xã hội có văn hóa, lên tiếng vì sự công bằng nhưng không cực đoan, thậm chí chủ động tự giác đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch để định hướng dẫn dắt dư luận đúng đắn, kịp thời.

Rõ ràng, trong bối cảnh mạng xã hội dễ gây phân cực, việc TN duy trì lối sống tích cực trên không gian số, biết tận dụng lợi thế không gian số như một kênh

mới để thể hiện quảng bá giá trị đạo đức cái tôi là biểu hiện đạo đức hiện đại rất cần được cổ vũ. Không thể phủ nhận, nền KTTT hiện đại đã và đang tạo điều kiện cho sự kết hợp giữa tri thức, thái độ và công nghệ - là những yếu tố cốt lõi của một công dân trẻ toàn cầu có đạo đức. KTTT đã thực sự tác động, tạo lập môi trường, điều kiện thuận lợi cho việc phát triển và lan tỏa YTĐĐ tích cực, tiến bộ ở TN.

Như vậy, ngay trong quá trình định hình, gia tăng, nâng cấp các giá trị đạo đức về "cái tôi" với những phẩm chất mới đáp ứng yêu cầu thời đại thì TN ngày càng thể hiện rõ quan điểm ưu tiên bảo vệ, thỏa mãn "cái tôi" cá nhân, coi đó như là một yếu tố tiền đề để có được "cái ta" cộng đồng, và chủ động khai thác mọi không gian sáng tạo để quảng bá giá trị cái tôi mới mẻ hiện đại, tức là TN có ý thức đạo đức ngày càng rõ nét về trách nhiệm xây dựng, phát triển và bảo vệ bản thân. Đây chính là những biểu hiện TN có hiểu biết mới về giá trị đạo đức bản thân; đồng thời sự nhận thức, giải thích cũng như thái độ về mối quan hệ của cá nhân - xã hội trên phương diện đạo đức đã thay đổi phù hợp với diễn biến xã hội đang chịu sự chi phối ngày càng sâu sắc của cơ chế thị trường. Việc TN biết sống có trách nhiệm trước hết với chính bản thân mình là một biểu hiện đáng khích lệ trong YTĐĐTN, khi từng cá nhân TN ý thức chăm lo, không ngừng hoàn thiện, nâng cấp bản thân sẽ góp phần xây dựng nguồn nhân lực trẻ chất lượng cho xã hội.

** Hai là, tri thức đạo đức TN ngày càng đề cao tính thực tế, hữu dụng, hiệu quả kinh tế, chi phối việc lựa chọn các chuẩn mực đạo đức, định hướng hành vi đạo đức của TN*

Trong học tập, điển hình như TN có xu hướng ủng hộ, lựa chọn động cơ, mục đích của học tập là nhằm nâng cao thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống. Các kết quả khảo sát của Viện Nghiên cứu Thanh niên năm 2020 đã cho thấy xu hướng: tỷ lệ TN quan niệm học là để có một công việc tốt trong tương lai (83,9%) và để nuôi sống bản thân và gia đình (80,6%) chiếm cao nhất, học để thành đạt (68,9%), học để thăng tiến (33,9%), để giàu có (42,2%), để được nhiều người tôn trọng (37,7%). Bên cạnh đó học để cống hiến, đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng địa phương và của đất nước là những mục đích hướng đến tiếp theo của TN [Dẫn theo: 62].

Trong nghề nghiệp, ở TN cũng thể hiện rõ quan điểm làm giàu, tạo ra giá trị kinh tế trong công việc, lấy hiệu quả kinh tế là tiêu chí ưu tiên, không thể xem nhẹ nhằm tạo động lực, ý chí phấn đấu định hướng quá trình học tập, khởi nghiệp, lập nghiệp, đồng thời họ mong muốn có được sự ổn định của nghề nghiệp và phù hợp với sở thích cá nhân, coi đó là cơ sở để phát huy năng lực, sở trường của bản thân,...Những biểu hiện này là phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế tri thức trong nền KTTT ở Việt Nam hiện nay.

Trong hôn nhân, ở những tình huống cụ thể, một bộ phận TN có biểu hiện quan điểm sẵn sàng thay đổi khuôn mẫu ứng xử xã hội theo điều kiện kinh tế của bản thân, gia đình, xã hội. Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Bộ của Viện Nghiên cứu thanh niên (2022) về kết quả điều tra nhóm TN đã kết hôn cho thấy, khi được hỏi về tiêu chuẩn lựa chọn bạn đời, bên cạnh phần đa TN đề cao tiêu chí về nhân cách, lối sống, sự hòa hợp thì vẫn còn tỉ lệ đáng kể TN đề cao tiêu chí gia đình của bạn đời là "gia đình giàu có, có địa vị" (29,4%) hay "gia đình môn đăng hộ đối" (23,5%). Tỉ lệ TN được hỏi lựa chọn tiêu chuẩn bạn đời có công việc, thu nhập ổn định là 65,6%, cao hơn lựa chọn tiêu chuẩn về học thức, học vấn (47,3%), Bên cạnh đó, TN cũng mong muốn người bạn đời của mình biết kiếm tiền, làm giàu (55%) và có điều kiện về nhà ở, xe ô tô (42,1%). Như vậy, TN cũng rất thẳng thắn và thực tế khi ủng hộ những tiêu chuẩn liên quan đến thu nhập và những yếu tố kinh tế khác trong quá trình lựa chọn bạn đời. [62, tr. 81, 90]. Những số liệu này cũng hoàn toàn phù hợp với kết luận tại Báo cáo điều tra của Hội đồng Anh (2020): "Sự cởi mở với tăng trưởng dựa trên thị trường và các chính sách phát triển đã dẫn tới chuẩn sống tăng - nhưng đồng thời cũng khiến thế hệ trẻ tiếp cận nhiều hơn với các giá trị vật chất….. Khi có nhiều ham muốn vật chất hơn, hôn nhân thường được định hướng bởi "những thứ vật chất mà quyết định tất cả, bởi không có tiền, không có nghề, bọn em không thể kiếm được vợ" (Nam giới, thảo luận nhóm, nhóm tuổi 20 - 24)" [11, tr. 20].

Có thể thấy, với các biểu hiện tri thức đạo đức như trên, nếu nhìn ở góc độ tích cực, hướng tới phát triển TN thì các quan điểm này giúp gia tăng và đẩy nhanh cơ hội cho TN bộc lộ, phát huy thế mạnh bản thân, giúp họ tăng tốc vượt qua những

rào cản, ràng buộc của những giá trị đạo đức cũ lỗi thời để khẳng định bản thân. Nếu nhìn ở góc độ tiêu cực, các quan điểm này có thể làm trầm trọng thêm bệnh "sùng bái vật chất, chạy theo đồng tiền" ở TN, khiến họ lún sâu thêm vào lối sống của chủ nghĩa thực dụng.

** Ba là, tri thức đạo đức TN có sự bổ sung, tiếp nhận, coi trọng các giá trị sống mới phù hợp với yêu cầu phát triển nền KTTT hiện đại nhằm duy trì sự bình đẳng, ổn định, phát triển cộng đồng, giải quyết hài hòa lợi ích cá nhân - cộng đồng*

Biểu đồ 3c và Biểu đồ 3e (Phụ lục) cho thấy bên cạnh những giá trị đạo đức truyền thống tiếp tục được coi trọng, nhận thức của TN có sự bổ sung cập nhật thêm giá trị và ưu tiên ủng hộ, đề cao những giá trị sống tốt đẹp của thời đại, điều này thể hiện sự thay đổi của tri thức đạo đức TN và tình cảm đạo đức. Những giá trị sống tích cực trong đó có giá trị đạo đức xã hội của thời đại hiện nay được TN tiếp thu và đánh giá cao trên 50% gồm: "Bình đẳng, công bằng" (63%) và "tinh thần thượng tôn pháp luật" (58.8%). Ngoài ra, những giá trị khác được trên 1/3 TN lựa chọn gồm: "Tự do, dân chủ" (37.1%); "Kỷ luật" (35%); "Liêm chính, minh bạch" (33.7%). Một số ít có đưa ra quan điểm đối với các giá trị: "Cống hiến cho xã hội" (27.7%); "Tôn trọng sự khác biệt" (23.9%); "Khoa học, sáng tạo" (23.3%); "Hợp tác" (18.1%); "Tự trọng" (13.4%). Bên cạnh đó, với những giá trị sống mới của cá nhân theo thời đại thì 57% lựa chọn lý tưởng "trách nhiệm" và 51.7% lựa chọn "có tri thức, kỹ năng", tiếp sau TN có khát khao vươn tới những giá trị sống tích cực khác như "ý chí vươn lên", "thành đạt", "bản lĩnh, tự chủ".

Đến năm 2024, Báo cáo của Viện nghiên cứu thanh niên cũng cho hay: theo quan niệm của TN, những giá trị quan trọng nhất tạo nên một xã hội hiện đại và phát triển bao gồm: hội nhập quốc tế (75,5%); liêm chính, minh bạch (63,4%); tôn trọng quyền cá nhân, tôn trọng sự khác biệt (62,8%); ý thức kỷ luật (61,9%). Đây là những giá trị thanh niên cho là cần thiết cho việc xây dựng và vận hành một xã hội hiện đại, văn minh trong bối cảnh hiện nay. Đáng chú ý, so với năm 2023, ngoài các giá trị về hội nhập quốc tế; ý thức kỷ luật; tôn trọng quyền cá nhân và sự khác biệt vẫn được thanh niên đề cao, hiện nay thanh niên còn coi trọng cả giá trị liên quan đến liêm chính, minh bạch. Điều này cho thấy, thanh niên đã có sự quan tâm và coi

liêm chính, minh bạch là nền tảng xây dựng ý thức, đạo đức của mỗi cá nhân và xã hội. Thông điệp mạnh mẽ xuất phát từ quan niệm này của thanh niên là xây dựng xã hội hướng tới môi trường đề cao sự minh bạch và công bằng, làm giảm đi những cám dỗ và cơ hội cho những việc làm không đúng, không phù hợp, tạo động lực lan tỏa những giá trị tốt đẹp trong xã hội [144, tr.42-43].

Sự gia tăng hiểu biết và coi trọng những giá trị mới này không chỉ thể hiện qua số liệu khảo sát, thực tiễn hoạt động của TN cũng đã cho thấy điều này. Minh chứng là hàng loạt phong trào của TN những năm qua đã được dư luận xã hội đánh giá cao, thể hiện thương hiệu của người trẻ đóng góp cho kinh tế xã hội: Phong trào "Thanh niên tình nguyện", "Tuổi trẻ sáng tạo", "Tuổi trẻ xung kích xây dựng và bảo vệ Tổ quốc", "Tôi yêu Tổ quốc tôi", "Sinh viên 5 tốt"… Thêm nữa, ngày càng nhiều người trẻ có những hoạt động khởi nghiệp sáng tạo vì xã hội, các mô hình khởi nghiệp xanh vì sự phát triển bền vững (Sử dụng nguyên liệu tái chế, giảm thiểu năng lượng tiêu thụ, ít phát thải, không độc hại, có thể phân hủy sinh học,…), xuất hiện nhiều cá nhân trẻ khởi xướng dự án xã hội, các chiến dịch môi trường, lan tỏa năng lượng tích cực. Việc những startup trẻ Việt Nam ngày càng ưu tiên lựa chọn hướng khởi nghiệp tạo tác động xã hội, đi vào giải quyết những tồn tại của xã hội như ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, công ăn việc làm cho người yếu thế,… là những biểu hiện của tinh thần kinh doanh có đạo đức trách nhiệm.

Những giá trị sống mới trên được bổ sung trong tri thức đạo đức TN là hệ quả tất yếu của xã hội vận hành theo cơ chế thị trường bởi bối cảnh sự cạnh tranh kinh tế ngày càng khốc liệt đòi hỏi phải có ý chí, bản lĩnh, tinh thần thượng tôn pháp luật, uy tín mới có thể đảm bảo sự tồn tại và phát triển; đồng thời chính sự trao đổi ngang giá minh bạch và sự thừa nhận quyền sở hữu tài sản thúc đẩy mạnh mẽ sự bình đẳng trong các quan hệ xã hội, phá vỡ các cấu trúc thứ bậc phong kiến và quan liêu cũ, đòi hỏi nâng cao văn hóa pháp luật và văn hóa dân chủ trong xã hội.

Mặt khác, khi những giá trị mới này xuất hiện, điển hình là những giá trị sống mới như "trách nhiệm","thành đạt", "tự chủ", "bản lĩnh", 'hợp tác",… gắn liền với tri thức, hiểu biết… được TN đề cao lên trước thể hiện tri thức đạo đức TN vừa không ngừng cập nhật, nâng cấp vừa theo hướng nhận thức ưu tiên phát

triển giá trị, vị thế cá nhân đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nền kinh tế tri thức trong cơ chế thị trường.

Đồng thời, khi có tỉ lệ cao TN lựa chọn các giá trị "liêm chính", "thượng tôn pháp luật",.. cũng là biểu hiện ở tri thức đạo đức TN có quan điểm ủng hộ lối sống có trách nhiệm của công dân thời đại mới đối với cộng đồng, họ đã có ý thức sâu sắc hơn về quyền lợi hợp pháp và nghĩa vụ công dân của mình. Bởi lẽ khi ý thức tôn trọng sự đa dạng khác biệt, đề cao tinh thần phản biện mang tính hợp tác, xây dựng và có xu hướng giải quyết các xung đột lợi ích, hài hòa mối quan hệ chung - riêng thông qua các lăng kính pháp lý thay vì dựa vào thói quen "lệ làng" hay quan hệ xin - cho như trước đây là những nền tảng tri thức đạo đức then chốt để hình thành nên những công dân toàn cầu có trách nhiệm, hiểu rõ luật chơi của nền KTTT chung trên thế giới.

Cũng nhằm hướng tới xây dựng mối quan hệ cộng đồng bình đẳng, hài hòa lợi ích chung - riêng trong cơ chế thị trường, tri thức đạo đức TN cũng có sự bổ sung, cập nhật giá trị mới theo xu thế hiện đại đó là: Trong quan điểm về tình yêu, hạnh phúc của con người, hạnh phúc gia đình, song song với việc tiếp tục duy trì những giá trị truyền thống đạo đức tốt đẹp như đề cao sự bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau và thuỷ chung, đồng thời TN cũng ngày càng coi trọng tính cởi mở, phóng khoáng, độc lập trong hôn nhân, trong mối quan hệ gia đình và trong quan niệm về giới (đề cao tinh thần tự do, tôn trọng giới, bình đẳng giới và cởi mở trong việc chấp nhận tình yêu, hôn nhân của người đồng tính,...).

Điều này đã được phản ánh ở các điều tra của tổ chức quốc tế như Hội đồng Anh (2020) đánh giá: Thế hệ trẻ Việt Nam tự hào về tình hình bình đẳng giới được cải thiện và cho rằng đây là một điều quan trọng cần phải đề cập. Khi được khảo sát, bốn phần mười (39%) đáp viên xếp bình đẳng giới vào danh sách năm vấn đề ưu tiên hàng đầu. …Nhiều người trẻ nhận thấy sự cởi mở gia tăng đối với tính dục so với trước đây. Khi nói về các vấn đề quan hệ tình dục trước hôn nhân hay việc chấp nhận những người thuộc LGBTI, các giá trị dường như đang dịch chuyển. Theo các phỏng vấn sâu với các thanh niên LGBTI, họ rất lạc quan về tương lai khi

Việt Nam đã xóa bỏ lệnh cấm với hôn nhân đồng giới, dù vẫn chưa có các lựa chọn pháp lí cho các kết hợp dân sự đồng giới [11, tr.20].

Quả thực, không ít TN hiện nay sẵn sàng bỏ qua những định hướng ràng buộc của quan niệm đạo đức truyền thống về hôn nhân, về giới để ưu tiên đạt được sự thỏa mãn, toại nguyện, bảo vệ hạnh phúc cho bản thân. Họ cũng có thể bất chấp khuôn phép, sẵn sàng thẳng thắn lên tiếng bảo vệ chính kiến, giữ gìn danh dự và giá trị bản thân trong quá trình tìm kiếm hạnh phúc cho mình. Với họ, hạnh phúc đích thực là đạt được những điều mình muốn, được sống theo cách mình muốn, là công khai được sống thật với chính giới tính con người mình. Một cách khách quan, những biểu hiện ý thức này ở người trẻ sâu sa có nguồn gốc tác động từ yếu tố môi trường kinh tế, xã hội. Nền KTTT đã tạo điều kiện mở ra không gian kinh tế và không gian sống hội nhập, bình đẳng, thông thoáng, thực chất để khẳng định giá trị và cạnh tranh. Bản thân TN luôn khao khát khẳng định cái tôi, sẵn sàng đổi mới bứt phá khỏi các rào cản. Tính năng động của nền kinh tế đã tạo cơ hội cho ý thức của những người trẻ vốn ưa phóng khoáng càng dễ dàng có những hiểu biết, lựa chọn, thái độ, ước mơ về tình yêu và hạnh phúc một cách tự do, khác biệt, bay bổng, vượt khỏi những khuôn mẫu quen thuộc.

Các kết quả trên cũng phù hợp với các dữ liệu từ dự án khảo sát giá trị toàn cầu (World Values Survey - WVS) – một trong những cuộc khảo sát uy tín và quy mô nhất thế giới về sự thay đổi niềm tin và giá trị con người qua các thập kỷ – đã cung cấp những minh chứng định lượng sắc nét cho xu hướng này. Các báo cáo chỉ ra rằng TN tại các quốc gia đang phát triển như Việt Nam có sự gia tăng mạnh mẽ trong việc ủng hộ các giá trị dân chủ, tinh thần khoan dung với người nước ngoài và các nhóm dân tộc thiểu số, sự ủng hộ đối với bình đẳng giới, cũng như sự nhạy bén đối với các vấn đề an ninh phi truyền thống toàn cầu [225]. Có thể nói, đây là những quan niệm đạo đức tích cực, cần được bổ sung, phát huy, là minh chứng cho những thay đổi tiến bộ trong tri thức đạo đức TN đáp ứng yêu cầu chuẩn mực xã hội.

** Bốn là, tri thức đạo đức TN định hình ngày càng rõ nét những giá trị mới và có những điều chỉnh thứ tự các giá trị ưu tiên trong mối quan hệ với môi trường sống tự nhiên*

Thực tế, trong hiểu biết đạo đức của TN vẫn đề cao việc bảo vệ, giữ gìn môi trường sống, mong cầu đạt được hạnh phúc thông qua nâng cao chất lượng cuộc sống theo hướng hài hòa, gần gũi, thân thiện với thiên nhiên,…song khi nhìn nhận về môi trường sống, không gian sống, điều kiện sống, chất lượng sống, để phù hợp với cuộc sống trong guồng quay áp lực kinh tế cạnh tranh, nhiều biến cố, rủi ro và khó đoán định,… nhận thức của TN hiện nay có xu hướng gắn kết tính lành mạnh, văn minh, hiện đại gắn với sự trang nhã, tối giản, tiện lợi, tối ưu hóa công năng, giải phóng sức lao động, đề cao cân bằng giữa lợi ích sức khỏe thể chất và sức khỏe tinh thần, cân bằng giữa làm việc, cống hiến và giải trí, hưởng thụ…

Các nghiên cứu cũng cho thấy tỉ lệ khá cao TN không đơn thuần chỉ ưa thích việc sống gắn bó với thiên nhiên cây cỏ xanh tươi, thoáng đãng (84,2%), hài hòa với hàng xóm láng giềng (69.8%), mà hơn thế họ nhận thức rõ và chủ động ưu tiên lựa chọn giữ gìn được chất lượng nguồn nước (93,2%) và chất lượng không khí trong khu vực sinh sống (86,0%), các giá trị về an ninh, an toàn vật chất được TN đặt lên hàng đầu như: an toàn thực phẩm (95,5%); vệ sinh môi trường (93,0%); an ninh, trật tự xã hội (91,2%) [42, tr. 100]. Báo cáo điều tra của Hội đồng Anh (2020) cũng khẳng định: Khi có 13 lựa chọn, những người trẻ đã xếp năm vấn đề quan trọng nhất trong cuộc sống của họ với tỉ lệ ủng hộ cao trong TN là công việc ổn định (70%), tiếp cận giáo dục (44%), điều kiện sống đầy đủ (58%), an ninh lương thực (70%), nước sạch và vệ sinh (58%)… [11, tr.20]. Gần đây, Báo cáo của Viện nghiên cứu thanh niên (2024) cũng phản ánh tỉ lệ khá cao ý kiến của TN đồng tình với lối sống phổ biến của giới trẻ hiện nay là: lối sống xanh (lối sống thân thiện, gần gũi với thiên nhiên, môi trường) (74,5%); tăng cường sức khỏe tinh thần (yoga, thiền định, coi trọng giấc ngủ, các hoạt động giảm căng thẳng, cân bằng cuộc sống, du lịch "chữa lành"…) (77,6%); và xu hướng gia tăng kết nối trực tiếp, thể hiện ở việc giảm thiểu sự phụ thuộc vào các thiết bị điện tử di động, tìm kiếm cơ hội kết nối trực tiếp với người thân, bạn bè và thiên nhiên…) (73,6%) được nhiều thanh niên hướng đến,...ngoài ra, xu hướng sống tối giản (tập trung vào những điều quan trọng, cốt lõi…) (47,1%) hay xu hướng "tiết

kiệm ồn ào" (sống tiết kiệm và tự hào về điều đó) (34,6%) cũng là xu hướng mới của TN trong năm 2024 [144, tr.44-46].

Thêm nữa, thực tế qua các kênh truyền thông những năm gần đây cho thấy, cùng với cộng đồng xã hội, ở nhiều bạn trẻ đã bắt đầu quen thuộc với khái niệm "Tiêu dùng xanh" và có quan điểm coi các quyết định mua sắm và tiêu dùng xanh, thân thiện với môi trường không chỉ là hành vi kinh tế, mà là một hành vi đạo đức [211]. Khái niệm "đạo đức tiêu dùng xanh" đang nổi lên mạnh mẽ thông qua các xu hướng như: phong trào TN sản xuất và sử dụng sản phẩm từ rác thải tái chế, sản phẩm thân thiện môi trường, hoạt động tẩy chay các doanh nghiệp vi phạm trách nhiệm xã hội (CSR-boycott), tẩy chay các sản phẩm hủy hoại môi trường (Eco-boycott) và ưu tiên tiêu dùng xanh. Không ít TN sẵn sàng thể hiện thái độ quay lưng với những thương hiệu bóc lột lao động hoặc tàn phá thiên nhiên, cho thấy họ đang dùng quyền lực của thị trường để thực thi phán xét đạo đức cá nhân.

Đặc biệt, trong mối quan hệ với tự nhiên, hiểu biết về ý thức trách nhiệm của TN đã vượt khỏi biên độ ranh giới quốc gia: TN Việt Nam đã bộc lộ quan điểm rõ ràng về ý thức muốn chung tay giải quyết những vấn đề môi trường tự nhiên mà thế giới đang cùng đối mặt, đây là biểu hiện cụ thể của việc hình thành tri thức đạo đức sống có trách nhiệm của công dân toàn cầu - một phẩm chất đạo đức tiến bộ của công dân trong kỉ nguyên hội nhập. Một minh chứng thực tiễn và vô cùng tiêu biểu cho ý thức trách nhiệm toàn cầu này là sự tham gia ngày càng chủ động, mạnh mẽ của giới trẻ Việt Nam vào quá trình chuyển dịch năng lượng công bằng (Just Energy Transition) và ứng phó với biến đổi khí hậu. Điều này đã được phản ánh trong Báo cáo "Kiến tạo tương lai - Lồng ghép góc nhìn của thanh niên vào quá trình chuyển dịch năng lượng công bằng ở Việt Nam" do UNDP và Bộ Tài nguyên và Môi trường bảo trợ nghiên cứu năm 2024. Báo cáo đã dẫn lời đánh giá của đại diện cơ quan và tổ chức bảo trợ: … Mặc dù những người trẻ Việt Nam nói chung còn thiếu chuyên môn sâu và chưa được tiếp cận thông tin về hệ thống năng lượng và công nghệ, nhưng xuất phát từ nhận thức về những tác động tiêu cực của biến đổi khí

hậu, hơn một nửa số TN tham gia khảo sát bày tỏ mong muốn được tham gia định hình quá trình chuyển đổi năng lượng công bằng…Qua các buổi đối thoại và tập huấn về năng lượng, TN đã chứng minh rằng: khi chất lượng giáo dục được nâng cao và quá trình tham gia của TN được thúc đẩy, TN hoàn toàn có thể trở thành những nhà lãnh đạo, những người tiên phong trong chuyển đổi năng lượng, lực lượng TN có thể là nguồn lực mạnh mẽ thúc đẩy những thay đổi mang tính hệ thống và toàn diện khi có sự hỗ trợ từ các chính sách, nền tảng phù hợp để bảo vệ sự phát triển bền vững của Trái đất [218, tr. 3-4].

Những diễn biến mới này trong tri thức đạo đức TN đã cho thấy tác động mạnh mẽ của KTTT. Bên cạnh ưu điểm thì nền KTTT với nhiều hệ lụy liên quan như một phần tất yếu đã tạo nên những bất ổn và đe dọa cuộc sống của con người. Đi liền với đẩy mạnh phát triển KTTT là những mặt trái của tốc độ đô thị hóa, công nghiệp hóa, là sự gia tăng các nguy cơ về ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, cạn kiệt tài nguyên khoáng sản, phân tầng xã hội, chênh lệch giàu nghèo, tệ nạn xã hội,… Vì vậy, việc tri thức đạo đức TN quan niệm và mong muốn giữ gìn, bảo vệ các giá trị sống tốt đẹp, an toàn, thân thiện gắn liền với sự tối giản, tiện lợi, hiệu quả nhằm vươn tới xây dựng môi trường sống có chất lượng cao trong bối cảnh kinh tế, xã hội tiềm ẩn nhiều nguy cơ hiện nay là điều dễ hiểu. Ở góc độ tích cực, điều này hứa hẹn trong tương lai, nếu có các giải pháp đồng bộ, hiệu quả trong giáo dục và phát huy TN, thì có thể hoàn toàn hi vọng về một thế hệ TN là chủ nhân tương lai đất nước sống khỏe mạnh, cân bằng, hiện đại, văn minh, và tự tin gia nhập, xây dựng cộng đồng trong hệ sinh thái thiên nhiên một cách có ý thức trách nhiệm.

Có thể thấy dưới tác động của KTTT, trong tri thức đạo đức TN đang hình thành những giá trị đạo đức mới thể hiện sự kế thừa, phát triển, sáng tạo của tri thức đạo đức, nổi bật là: lòng nhân ái đi liền với hành động có trách nhiệm (trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với cộng đồng, nhân loại, trách nhiệm với thiên nhiên); ý thức tự lực vượt khó gắn liền với năng lực đổi mới sáng tạo và thích ứng; tình yêu nước gắn liền với ý chí khởi nghiệp và làm giàu thoát nghèo, giá trị thành đạt đi liền

với tính trung thực, thực chất, liêm chính và cống hiến; ý thức bình đẳng gắn liền với tôn trọng sự khác biệt, thượng tôn pháp luật,... Những giá trị đạo đức này xuất hiện phù hợp, đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội văn minh, hiện đại, phản ánh sự chuyển biến tích cực của TN trong nền KTTT, cần được bổ sung, phát huy cùng các giá trị truyền thống để TN thêm vững vàng, tự tin tiến bước vào kỉ nguyên mới.

** Năm là, tri thức đạo đức TN có chiều hướng gia tăng một số biểu hiện suy thoái trong nhận thức và hành vi đạo đức*

Năm 2024, theo kết quả khảo sát của Viện Nghiên cứu Thanh niên, có tỉ lệ không nhỏ TN đồng tình về một số biểu hiện lối sống mang tính tiêu cực đang phổ biến trong giới trẻ hiện nay là: sống ảo, ít thực tế (72,9%); ít coi trọng các giá trị truyền thống (64,8%); đề cao lợi ích cá nhân, sống theo ý thích của mình, không để tâm đến người khác (61,6%). Một số biểu hiện tiêu cực về lối sống dù ít được TN đánh giá là phổ biến hơn song cũng có tỉ lệ đáng quan tâm như: coi trọng thái quá các giá trị vật chất (59,5%); thích phô trương, hình thức (58,5%); lười biếng, thụ động, thích hưởng thụ hơn lao động (57,6%); thờ ơ chính trị, thời sự (52,4%) [144, tr. 46-47]. Vẫn còn một bộ phận TN có quan điểm thực dụng: kiếm tiền bằng mọi giá (14,9%); phải có vị trí, chức vụ bằng mọi giá (16,1%); tiêu dùng, hưởng thụ cuộc sống (14,9%) [144, tr.43]. Có thể thấy, những biểu hiện sống tiêu cực trên ít nhiều làm xấu đi hình ảnh của TN. Đó là những hệ lụy rất nguy hiểm nếu như TN không được giáo dục, định hướng kịp thời.

Trong mối quan hệ hôn nhân, gia đình, quan điểm "vật chất hóa tình yêu, hôn nhân" bộc lộ ngày càng rõ hơn ở một bộ phận đáng kể giới trẻ hiện nay. Thực tế cho thấy, không ít TN đã và đang ủng hộ, theo đuổi lối sống thực dụng, tự do, buông thả quá mức, sẵn sàng đánh đổi hạnh phúc tuổi trẻ trước cám dỗ của đồng tiền, dẫn đến các quan điểm và hành vi lệch lạc, làm mất đi sự chân thành, vô tư, trong sáng trong tình yêu, sự chung thủy và bền vững trong hôn nhân. Nghiên cứu của Phan Thị Mai Hương (2012) đã cho thấy có 22,7% TN ủng hộ quan điểm “Xấu nhưng giàu còn hơn đẹp mà nghèo” [52], không ít TN được hỏi cho rằng “khi kết hôn, nên chọn người có tiền để

bảo đảm hạnh phúc" (24,7%). Cùng theo xu hướng này, theo nghiên cứu của Quỳnh Hoa (2018): có một bộ phận không nhỏ tỉ lệ TN thấy "khó nói" (26,8%) và "Đồng ý" (17,3%) với quan điểm "Kết hôn với người giàu có mà không yêu tốt hơn kết hôn với người mình yêu mà nghèo" [42]. Hiện tượng này có dấu hiệu gia tăng biến tướng. Gần đây, qua các kênh truyền thông, chúng ta cũng đã thấy sự phổ biến hiện tượng nhạy cảm về mặt đạo đức, khó phân định ranh giới cái chân thiện mỹ trong tình yêu, đó là các mối quan hệ tình ái giữa "Sugar baby" và "Sugar daddy" (những từ chỉ những cô gái trẻ lợi dụng nhan sắc, tình cảm, tình dục… để đổi lấy tiền, quà cáp hoặc sự hỗ trợ về tài chính, vật chất từ những người đàn ông trưởng thành lớn tuổi, giàu có vật chất) [222]. Nhưng phần lớn dư luận nhìn nhận thực tế này dưới góc độ tiêu cực, phản cảm, thậm chí có nguy cơ phạm pháp.

Trong giao tiếp ứng xử cộng đồng, các nghiên cứu cũng chỉ ra, một bộ phận không nhỏ TN có các quan niệm sai lệch như: ở nơi công cộng chúng ta có thể thoải mái nói chuyện không cần giữ ý như ở nhà (21,8%); Bạn bè thân thiết thì có thể nói tục, chửi bậy với nhau (28,5%); Thi thoảng mắc lỗi ứng xử nơi công cộng là chấp nhận được (22,8%) [Dẫn theo: 16] ; Chửi thề, văng tục trong giao tiếp (20,8%) (theo Đỗ Ngọc Hà, 2014) [Dẫn theo: 35]. Những biểu hiện ứng xử này đến nay ngày càng phổ biến trong giới trẻ từ môi trường công cộng đến môi trường học tập, làm việc…làm mất đi tính văn minh, lịch sự của môi trường sống. Rõ ràng sự khắt khe, tính nghiêm túc, kỉ luật, đúng mực trong giao tiếp, ứng xử nhằm thể hiện ý thức tôn trọng những người xung quanh, và tôn trọng giữ gìn các mối quan hệ ở một bộ phận TN không còn cao, dễ vượt sang ranh giới của sự dễ dãi, cợt nhả, vui đùa thiếu ý thức. Sự tự do một cách thái quá đến mức tùy tiện, buông thả vô nguyên tắc, bất chấp giới hạn trong YTĐĐTN cũng có nguyên do từ sự tác động tiêu cực của nền KTTT khi mà cái tôi vị kỉ vốn dễ có cơ hội lấn át, yếu tố phóng khoáng, cởi mở quá mức cũng dễ gây ảnh hưởng tiêu cực. Việc "ủng hộ tinh thần tự do trong ứng xử xã hội" của TN nếu không có sự giám sát, quản lý chặt chẽ dễ dẫn đến những dư luận tiêu cực trong TN, ảnh hưởng đến niềm tin, lý tưởng của TN trong bối cảnh bùng nổ thông tin dưới tác động của KTTT.

Tóm lại, có thể thấy dưới tác động của KTTT, trong tri thức đạo đức TN đang hình thành những giá trị đạo đức mới thể hiện sự kế thừa, phát triển, sáng tạo của tri thức đạo đức, nổi bật là: lòng nhân ái đi liền với hành động có trách nhiệm (trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với cộng đồng, nhân loại, trách nhiệm với thiên nhiên); ý thức tự lực vượt khó gắn liền với năng lực đổi mới sáng tạo và thích ứng; tình yêu nước gắn liền với ý chí khởi nghiệp và làm giàu thoát nghèo, giá trị thành đạt đi liền với tính trung thực, thực chất, liêm chính và cống hiến; ý thức bình đẳng gắn liền với tôn trọng sự khác biệt, thượng tôn pháp luật,... Những giá trị đạo đức này xuất hiện phù hợp, đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội văn minh, hiện đại, phản ánh sự chuyển biến tích cực của TN trong nền KTTT, cần được bổ sung, phát huy cùng các giá trị truyền thống để TN thêm vững vàng, tự tin tiến bước vào kỉ nguyên mới. Mặc dù vậy, mặt trái của KTTT cũng đồng thời bộc lộ thông qua những hạn chế trong sự biến đổi tri thức đạo đức của TN trong việc đề cao thái quá lợi ích vật chất, sự tự do của cái tôi và sự tùy tiện, buông thả trong ứng sử cộng đồng.v.v..

3.2.2. Thực trạng biến đổi tình cảm đạo đức của thanh niên

** Một là, tình cảm đạo đức của TN tiếp tục được bồi đắp, gia tăng đối với các giá trị đạo đức truyền thống*

Dưới tác động của KTTT, quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, về cơ bản, trong YTĐĐTN hiện nay vẫn tồn tại, duy trì, đề cao các chuẩn mực đạo đức truyền thống (bao gồm cả giá trị đạo đức làm người và đạo đức cách mạng), tiếp tục coi trọng ý thức trách nhiệm trong bảo vệ, vun đắp, phát triển bản thân, gia đình, cộng đồng, có ý thức tích cực trong việc bảo vệ xây dựng môi trường sống tốt đẹp.

Biểu đồ 3c và Biểu đồ 3e (Phụ lục) cho thấy mức độ coi trọng của TN về các giá trị xã hội và các giá trị sống của cá nhân cần thiết trong đời sống xã hội hiện nay trong tương quan so sánh với các giá trị đạo đức truyền thống: TN Việt Nam hiện nay phần lớn vẫn đề cao những giá trị đạo đức làm người truyền thống như "lễ phép" (53.5%) và "hiếu thuận" (50.1%), "biết ơn" (48.7%), "sống nghĩa tình, thủy chung" (46.3%).... Vẫn còn một số giá trị đạo đức cộng đồng truyền thống được TN

đánh giá cao trên 50% như: "Yêu nước" (78%); "Đoàn kết, tương thân, tương ái" (63.4%); "Ý thức cộng đồng, tập thể" (53%). Những giá trị đạo đức này tiếp tục được phát huy qua nhiều thế hệ, thể hiện tinh thần đạo đức truyền thống của con người Việt Nam nói chung và của TN Việt Nam nói riêng.

Báo cáo điều tra của Viện Nghiên cứu thanh niên năm 2022 [141] cũng cho thấy sự biến đổi YTĐĐTN hiện nay thể hiện qua thái độ về các giá trị đạo đức ở Bảng 3.5 (Phụ lục) như sau:

Bảng 3.5. Ý kiến của TN về sự biến đổi các giá trị trong các mối quan hệ xã hội (%)

Giá trị	Không còn được coi trọng như trước	Vẫn còn được coi trọng như trước	Được coi trọng nhiều hơn trước
1. Tôn sư trọng đạo	26,8	58,7	14,5
2. Uống nước nhớ nguồn	14,0	67,1	18,9
3. Lá lành đùm lá rách	12,7	51,5	35,8
4. Cần kiệm liêm chính, chí công vô tư	28,4	46,4	25,2
5. Một điều nhịn chín điều lành	34,0	45,7	20,3
6. Gieo gió gặt bão	23,1	59,5	17,4
7. Chữ tín còn quý hơn vàng	19,0	45,6	35,4
8. Đói cho sạch, rách cho thơm	16,9	55,7	27,4

Nguồn: Viện nghiên cứu thanh niên [141]

Nhìn chung, các biểu hiện giá trị truyền thống về đạo đức làm người trong Bảng 3.5 (Phụ lục) cho thấy phần lớn vẫn được TN coi trọng như trước.

Báo cáo chuyên đề của Viện Nghiên cứu thanh niên năm 2022 đã tổng kết qua quan sát các năm: Nhiều năm qua, TN luôn thể hiện tinh thần yêu nước và ý thức tự hào, tự tôn dân tộc sâu sắc, khẳng định vị thế, vai trò của Việt Nam trên trường quốc tế. Cụ thể là: Có 88,4% TN coi tinh thần yêu nước và lòng tự hào dân tộc là những giá trị đạo đức quan trọng. Bên cạnh đó, TN đồng tình với những giá trị văn hoá, đạo đức truyền thống như:"Lá lành đùm lá rách"; "Thương người như

thể thương thân" (65,7%), "Cha mẹ để đức cho con hơn là để của" (76,5%); "Ăn quả nhớ kẻ trồng cây", "Uống nước nhớ nguồn" (76,5%), "hiếu thảo (65%), yêu thương, giúp đỡ (64%)…, Có ba điều khiến TN tự hào nhiều nhất về đất nước hiện nay đó là: Việt Nam có nhiều di sản văn hoá được quốc tế công nhận (90,2%); Việt Nam khẳng định được vị thế khi tham gia vào các thiết chế hợp tác toàn cầu và khu vực (89,4%); người Việt Nam đạt được những thành tích cao trong khoa học, văn hóa, giáo dục, thể thao, kinh tế được quốc tế công nhận (89,3%) [Dẫn theo: 143, tr. 3,4,5]. Xu hướng này đến năm 2024 tiếp tục được duy trì, cũng đã được Bộ Nội vụ (2024) khẳng định: " Lực lượng TN tiếp tục giữ vững và phát huy truyền thống yêu nước, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, sự nghiệp đổi mới của đất nước" [10, tr. 1].

Những tổng kết này cũng phù hợp với thực tế vừa qua báo chí truyền thông liên tục đưa tin ngày càng đông giới trẻ thỏa mãn nhu cầu học tập và giải trí thông qua việc đến các lễ hội dân tộc và các điểm văn hoá hay tham gia các sự kiện lịch sử, sự kiện văn hóa lớn của đất nước (như sự kiện A50, A80, các "concert quốc gia"…). Rõ ràng, việc TN ngày càng ủng hộ, lựa chọn lối sống "thuần Việt hiện đại" thông qua các hoạt động lễ hội cổ truyền, lễ hội âm nhạc, nghệ thuật đường phố, trình diễn thời trang, ẩm thực theo cách kết nối giữa hiện đại với truyền thống,... là những minh chứng rõ nét thể hiện người trẻ không quay lưng lại với cội nguồn giá trị văn hóa dân tộc.

Đáng nói, giữa thời đại công nghệ số với các giá trị ảo đang lấn át mạnh mẽ, báo chí truyền thông gần đây cho hay nhiều bạn trẻ lại đang có xu hướng giải trí tìm về những giá trị mộc mạc, xưa cũ thông qua những định dạng vật lý như sưu tầm, trải nghiệm âm thanh analog – từ băng cassette, đĩa CD, đĩa than,… hay chụp ảnh bằng máy ảnh tráng phim, sử dụng bảng hiệu vẽ tay thay cho công nghệ in biển quảng cáo [205], [214]. Đây không chỉ đơn thuần là một gu giải trí tạo nên sự mới lạ, cá tính, giàu hoài niệm về một nét văn hóa đã từng tồn tại mà còn là một cách TN thể hiện niềm tin với những giá trị quá khứ, ước vọng kết nối với ký ức và những gì đã qua, mong tìm lại sự tĩnh tại, nguyên bản,

và chân thật, có chiều sâu của hồn người - những thứ không dễ tìm đc trong hiện tại bởi công nghệ số đang đem lại những cảm nhận dường như quá hoàn hảo, trơn tru, trôi nhanh, không tì vết. Ở một khía cạnh nào đó, đây cũng là một biểu hiện phản ánh ý thức tôn trọng và mong muốn giữ gìn và tin tưởng vào những giá trị tốt đẹp của quá khứ, đáng ghi nhận ở người trẻ.

Những biểu hiện này cho thấy sức sống bền bỉ, mạnh mẽ, sức ảnh hưởng sâu rộng của các giá trị quá khứ, giá trị văn hóa, đạo đức, cốt cách bản sắc người Việt, của thuần phong mĩ tục tốt đẹp dân tộc - đây vốn là những yếu tố của đạo đức truyền thống, của sự chân thật nhân bản, giữ vai trò là điểm tựa, dẫn dắt YTĐĐ xã hội hiện đại trong đó có YTĐĐTN vượt qua những áp lực của văn hóa ngoại lai khi mở cửa, hội nhập thị trường, và sự lấn át của máy móc công nghệ.

Mặt khác, khi KTTT càng phát triển, tất cả lực lượng lao động đều bị cuốn hút vào các giá trị kinh tế, tất cả xã hội quay quanh trục thị trường và bị chi phối bởi cạnh tranh, lợi nhuận, được mất, giàu nghèo, phá sản, sạt nghiệp và phất lên nhanh chóng, mọi sự đều loạn động, giá trị tinh thần đạo đức bị chao đảo. Những mặt trái của KTTT dễ đẩy con người vào những bế tắc khủng hoảng về đạo đức, lối sống. Quả thực, theo một lẽ tất yếu nào đó, trước cuộc sống liên tục biến động, trải qua nhiều thăng trầm của thành công và thất bại, con người thường có nhu cầu một cách trang trọng, lần giở và lục tìm lại chính những gì đã là giá trị và quý báu nơi bản thân mình, do chính mình đã tạo ra để lấy lại cội nguồn sức mạnh, để tìm lại những điểm tựa để vững bước đi lên [13, tr. 415]. Trong tình thế đó, việc con người trong đó có người trẻ muốn quay lại tìm những điểm tựa từ những giá trị đạo đức dân tộc, từ trong những giá trị tín ngưỡng, thẩm mỹ văn hóa truyền thống có ảnh hưởng đến giá trị đạo đức và muốn duy trì, kế thừa, phát huy chúng cũng là điều dễ hiểu. Đây là tín hiệu đáng mừng cho thấy TN hiện nay vẫn luôn có tinh thần, ý thức sẵn sàng tiếp thu, kế thừa, củng cố, làm đậm nét thêm những giá trị truyền thống tốt đẹp của cha ông, là biểu hiện tiến bộ của YTĐĐTN dưới tác động của KTTT, cần được khuyến khích và nhân rộng.

** Hai là, tình cảm đạo đức TN chuyển mình theo hướng vừa kế thừa các giá trị truyền thống, vừa chịu sự chi phối ngày càng rõ nét của các yếu tố lợi ích và hoàn cảnh hiện thực*

Trong bối cảnh phát triển KTTT hiện nay, tùy theo từng giá trị đạo đức cụ thể mà mức độ duy trì, ủng hộ, tán thành, mức độ ưu tiên, tin theo, phấn đấu đạt được ở TN là khác nhau. Đơn cử như TN ngày nay vẫn coi trọng sự tôn kính, lễ phép, biết ơn với thế hệ đi trước nhưng cách thức biểu hiện thái độ đó có xu hướng thể hiện giản lược những hành vi mang tính thủ tục lễ nghi, đề cao sự nhanh gọn, hiệu quả. Trong công việc, ở TN vẫn đề cao tinh thần làm việc tận tâm, trách nhiệm, nhưng với họ động lực làm việc tận tâm, trách nhiệm gắn liền với lợi ích. TN không còn dễ dàng sẵn sàng chấp nhận hi sinh lợi ích kinh tế, lợi ích cá nhân, điều kiện của bản thân để miễn sao đạt kết quả công việc, mà ngày nay họ có tư duy thẳng thắn, sòng phẳng, coi trọng lợi ích kinh tế đi liền hiệu quả công việc, thậm chí trong công việc họ coi trọng trước hết là thu nhập, sự thành đạt và sự phù hợp với bản thân.

Những biểu hiện này đã được chỉ ra ở nhiều nghiên cứu trước đây. Tổng quan của Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam (2005) đã nêu về định hướng giá trị của TN trong cuộc sống theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp như sau: 87.2% TN mong muốn có cuộc sống ổn định, sau đó lần lượt TN mong muốn là có sức khỏe tốt (82.2%), có học vấn (72.3%), có nghề nghiệp phù hợp (65.5%), có tình yêu (57.3%), sống có mục đích (55.3%), và thành đạt (47%). Tỉ lệ TN đề cao sự thành đạt không hề nhỏ [47, tr.21]. Nghiên cứu của Quỳnh Hoa (2018) cũng tổng hợp những nghiên cứu trước đó cho thấy: sự lựa chọn giá trị nghề nghiệp, việc làm của TN tập trung chủ yếu vào hai yếu tố là: thu nhập cao và phù hợp điều kiện cá nhân (Nguyễn Quang Uẩn và cộng sự, 2004). Thậm chí, trong các nghiên cứu ở những năm tiếp theo, khi TN xác định sự thành đạt là giá trị quan trọng nhất. Sự thành đạt này có được là ở sự nỗ lực của chính bản thân TN, không phụ thuộc vào yếu tố gia đình (Cao Xuân Thạo, 2008). Đối với nhiều TN nông thôn, họ không có mong muốn tiếp tục làm nghề nông. Họ chọn làm đúng nghề theo sở thích dù phải đi xa quê hương. Họ hướng tới một công việc có thu nhập cao dù tính chất công việc có bận rộn (Phan Thị Mai Hương, 2012). Đối với TN làm việc ở các đơn vị sự nghiệp,

họ tập trung vào các giá trị chính là nghề phù hợp với sở thích, công việc có ích cho xã hội, công việc ổn định (Lâm Thanh Bình, 2012) [Dẫn theo: 42].

Đề tài cấp Bộ của tác giả Đặng Vũ Cảnh Linh (2022) cũng đã tổng kết các nghiên cứu của các học giả trước đó: Trong đời sống xã hội, những chuẩn mực đạo đức truyền thống mang tính cốt lõi về lòng yêu nước; ý thức cộng đồng; lòng nhân ái, trung thực; sự coi trọng vị thế, tuổi tác trong giao tiếp ứng xử xã hội; lòng chung thủy vẫn được TN lựa chọn tuy vậy những giá trị này đã có sự biến đổi theo hướng: từ chỗ đề cao các giá trị lòng nhân ái; tính trung thực, thật thà; sự tôn trọng kỷ cương, phép nước trong mọi hoàn cảnh, mọi tình huống sang có sự thỏa hiệp trong những hoàn cảnh nhất định với các giá trị này khi nó liên quan trực tiếp đến lợi ích của bản thân; từ chỗ coi trọng các giá trị lợi ích cộng đồng, tập thể, lợi ích quốc gia, dân tộc lên trên hết sang quan tâm đến các giá trị hướng tới cá nhân và coi trọng sự hài hòa giữa lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân (Nguyễn Thị Quỳnh Hoa, 2018). Các quy tắc ứng xử theo thứ bậc, tôn ti trật tự, kìm hãm, phát triển cá nhân đã dần bị thay thế bởi những giá trị bình đẳng, dân chủ, đề cao tự do cá nhân và nhu cầu tự khẳng định bản thân (Đỗ Ngọc Hà, 2000; Cao Xuân Thạo, 2008; Nguyễn Thị Mai Lan, 2010; Nguyễn Thị Quỳnh Hoa, 2018) [Dẫn theo: 62].

Sự biến đổi này trong tình cảm đạo đức TN phản ánh sự biến đổi của đời sống xã hội đang chịu tác động mạnh mẽ của KTTT. Thêm nữa, mỗi đối tượng TN luôn có những khác biệt đặc trưng về tâm sinh lý, về nhu cầu, lợi ích, môi trường sống, khả năng nhận thức, lập trường, ý thức,…nên ở họ cũng có sự biến đổi, ưu tiên thứ tự khác nhau cũng là tất yếu.

Mặt khác, bên cạnh những biểu hiện tích cực và diễn biến mới đó, vẫn còn thực trạng một bộ phận không nhỏ TN có biểu hiện không tán thành, ủng hộ, thậm chí xem nhẹ, xa rời những giá trị đạo đức truyền thống và hình thành, chuyển đổi sang coi trọng những giá trị đạo đức mới. Nếu xét ở góc độ tích cực thì TN đã và đang thể hiện tinh thần lọc bỏ, bổ sung, điều chỉnh, xây dựng, sáng tạo những giá trị đạo đức mới làm dày dặn, phong phú, văn minh thêm những giá trị đạo đức cha ông, nhưng điều này cũng không tránh khỏi những xu hướng tiêu cực mới trong

YTĐĐTN, có khả năng kìm hãm sự phát triển, tiến bộ của đạo đức xã hội, cần có giải pháp ngăn chặn, uốn nắn, điều chỉnh kịp thời, hiệu quả. Chưa kể, ranh giới giữa ý thức tôn trọng bảo tồn, duy trì, lưu giữ giá trị truyền thống theo cách giản lược, gọn nhẹ để thể hiện khả năng thích ứng và việc phai nhạt, coi nhẹ giá trị truyền thống là mong manh. Người trẻ vốn còn thiếu từng trải và kinh nghiệm sống rất cần sự sát sao uốn nắn, định hướng đúng đắn từ các lực lượng giáo dục trong xã hội để phân biệt và chọn lọc đâu là yếu tố đạo đức cũ thực sự bảo thủ, lạc hậu và đâu là giá trị đạo đức truyền thống phải được bảo tồn và phát huy.

** Ba là, tình cảm đạo đức TN có biểu hiện suy giảm và lệch lạc về thái độ, động cơ thực hiện giá trị đạo đức trong các hoạt động của đời sống cá nhân TN*

Ở khía cạnh học tập, việc làm, có không ít TN coi trọng mục đích kinh tế của việc học và lao động đến mức lấn át, mất cân bằng với giá trị về tri thức và giá trị nhân văn xã hội. Một bộ phận TN cho rằng "học vì bị ép buộc, không có mục đích nào". Với tâm lý ngại khó, ngại khổ, ỷ nại, ham hưởng thụ, có thực trạng TN hiện nay sẵn sàng vi phạm các chuẩn mực, qui định về đạo đức, kỉ luật, có hành vi gian lận, thiếu trung thực trong học tập, thi cử, trong quá trình làm việc để đạt được kết quả như ý muốn, chạy theo thành tích,…Kết quả điều tra Viện Nghiên cứu Thanh niên (2024) cho thấy bên cạnh việc ủng hộ những giá trị đạo đức tốt đẹp như nỗ lực, vượt khó để thành đạt thì vẫn còn một bộ phận TN có quan điểm lựa chọn con đường vươn tới sự thành đạt là: kiếm tiền bằng mọi giá (14,9%); phải có vị trí, chức vụ bằng mọi giá (16,1%); tiêu dùng, hưởng thụ cuộc sống (14,9%) [Dẫn theo: 213]. Đồng thời, vẫn tồn tại một bộ phận TN có suy nghĩ chỉ làm việc khi có lợi ích kinh tế, làm mất đi ý nghĩa của sự cống hiến và đạo đức nghề nghiệp trong lao động. Sự đề cao thái quá về giá trị kinh tế của nghề nghiệp nếu không cân bằng với giá trị nhân văn và giá trị xã hội của nghề nghiệp sẽ ảnh hưởng đến quan niệm niềm tin và tình cảm đạo đức của TN, ảnh hưởng đến xu hướng lựa chọn nghề nghiệp, việc làm trong tương lai.

Ở khía cạnh giải trí, đã xuất hiện xu hướng có những TN tán đồng lối hưởng thụ giải trí tiêu cực trong môi trường thực tế và môi trường số, có biểu hiện lệch lạc trong trong xác định mục đích, động cơ, cách thức vui chơi, giải trí. Một bộ phận TN tán đồng, hào hứng với lối giải trí "bỏ nhà đi bụi", xả stress bằng con đường bạo

lực, sa vào tệ nạn xã hội, sống thác loạn, sử dụng chất cấm, chất gây nghiện… Trên các trang mạng xã hội thời gian qua, các "trend" (xu hướng) giải trí xấu độc của giới trẻ vẫn xuất hiện tràn lan từ nhảy múa khoe thân đến quảng cáo cờ bạc, phim có nội dung người lớn không phù hợp lứa tuổi; miệt thị người khác như "body shaming" (miệt thị ngoại hình), trào lưu chê bai những người lao động nghèo,… đến kích động, phân biệt vùng miền,.... Không ít người trẻ ham thích, phấn khích sa vào các tệ nạn xã hội và hành vi bạo lực, kích động ẩn trong các trò chơi điện tử trên mạng, gây lãng phí thời gian, tiền bạc, hao tổn sức khỏe, bỏ bê học hành, thiếu tu chí làm ăn. Những biểu hiện lệch lạc này đều dẫn đến nguy cơ gia tăng suy thoái đạo đức, nhân phẩm, dễ phạm pháp trong TN. Trong Báo cáo tóm tắt về "Sức khỏe tâm thần và tâm lý xã hội của trẻ em và TN tại một số tỉnh và thành phố ở Việt Nam" của Unicef Việt Nam vào năm 2015 đã chỉ rõ "căn nguyên dẫn đến những nguy cơ về sức khỏe tâm thần được cho là có liên quan tới việc tiếp cận công nghệ hiện đại và những nguy cơ của các hành vi trực tuyến gây nghiện" [131, tr.7].

** Bốn là, trong việc rèn luyện đạo đức làm người, tình cảm đạo đức TN có biểu hiện suy giảm sự ủng hộ những phẩm chất đạo đức tốt đẹp, gia tăng cổ xúy cho những biểu hiện lệch lạc, biến tướng thành những căn bệnh mới gây nguy hại đến phát triển đạo đức xã hội*

Đã có một số phẩm chất đạo đức không còn được TN đề cao như trước đây, điển hình như tinh thần tự lực, ý chí vượt khó vươn lên. Một bộ phận TN có xu hướng suy giảm tính cần cù, nhẫn nại, suy giảm ý chí chịu đựng gian khổ, sẵn sàng vượt khó, dám làm, dám chịu. Điều này đi liền với thói lười lao động, ham hưởng thụ, đua đòi, thích sa hoa ở không ít người trẻ, khiến họ dễ vướng vào lối sống trụy lạc, phạm pháp. Vừa qua, báo chí truyền thông liên tục đưa tin về công bố của Tổng cục thống kê báo động về nhóm "TN Ba Không" ở Việt Nam (Không học tập, Không việc làm, Không tham gia đào tạo), thế giới gọi là nhóm TN "NEET" (Not in Education, Employment, Training). Quý 1 năm 2026, cả nước ghi nhận gần 1,6 triệu người từ 15-24 tuổi thuộc nhóm TN này, số liệu tăng so với quý trước và cùng kỳ năm 2025 [187]. Không phủ nhận

thực trạng này phản ánh một nghịch lý lớn: thị trường lao động đang thay đổi với tốc độ chóng mặt với đòi hỏi tiêu chuẩn của thị trường ngày càng cao, và sự phát triển của trí tuệ nhân tạo (AI) đang thay thế rất nhiều vị trí công việc, trong khi hệ thống giáo dục lại thích nghi chậm hơn, khiến không ít TN bị hụt hơi, lạc lõng, không đủ năng lực thích ứng và bị bỏ lại phía sau. Song một cách khách quan, ở góc nhìn về đạo đức, hiện tượng này cũng phản ánh ở một bộ phận không nhỏ TN đang rơi vào hội chứng mất động lực phấn đấu, người trẻ không còn tìm thấy mục tiêu, niềm tin, động lực trong học tập và lao động. Một trong những nguyên nhân sâu xa thể hiện sự tác động sâu sắc của KTTT là người trẻ ngày nay được lớn lên trong điều kiện vật chất đủ đầy hơn thế hệ trước, ít va chạm, quen được bao bọc nên thiếu tinh thần vượt khó, dễ rơi vào tâm lý sợ thất bại, sợ áp lực. Khi ra đời gặp khó khăn họ chọn cách rút lui thay vì phải đối mặt. Điều này nếu kéo dài sẽ gây ra hậu quả nặng nề, bản thân những TN thu mình tự ti đó sẽ trở thành gánh nặng của xã hội, và khi một quốc gia có tỉ lệ cao TN không tay nghề, không trình độ là sự lãng phí nguồn lực lao động vô cùng lớn.

Đặc biệt, vẫn còn tiếp diễn tình trạng không ít TN cổ xúy cho quan niệm "chỉ người có điều kiện kinh tế mới có phẩm chất đạo đức làm người", "có tiền là có tất cả". Chưa kể, bệnh ham chuộng hình thức vốn là căn bệnh cố hữu của người trẻ và đang dần có nhiều biểu hiện mới biến tướng nguy hại. Khi KTTT đặt ra nhiều áp lực cạnh tranh, việc quan tâm chăm chút hình thức, vẻ bề ngoài để xây dựng hình ảnh bản thân, và mang lại sự tự tin, chỗ đứng nổi bật cho mỗi cá nhân là quan trọng và cần thiết. Song ở không ít người trẻ đã xuất hiện lối sống ham chuộng hình thức đến mức tuyệt đối hóa, coi vẻ hào nhoáng vật chất, khoe mẽ bề ngoài là tiêu chí hàng đầu quyết định giá trị bản thân, làm nên cái đẹp của mỗi người, mà quên đi hay xem nhẹ các phẩm chất làm người cần có khác. Đây cũng chính là căn nguyên khiến một bộ phận giới trẻ hiện nay theo đuổi lối sống lệch lạc "bệnh phông bạt", sa đà vào chủ nghĩa hình thức, chủ nghĩa tiêu dùng, sính ngoại như nhiều kênh truyền thông vừa qua đã phê phán.

Họ quan niệm rằng mặc đồ hàng hiệu, đi xe hạng sang, sử dụng điện thoại thông minh cao cấp, thường xuyên lui tới và "check in" (xác nhận sự hiện diện) trên mạng xã hội ở những địa điểm sang chảnh, sa hoa,… mới là những người thành đạt, sẽ nhận được sự thán phục, nể trọng của mọi người, và họ thích thú khoe mẽ, khuếch chương, phô ra cho mọi người thấy. Thêm nữa, hiện tượng "thanh niên bảnh nhưng bẩn" được nhiều trang báo phản ánh thời gian qua cũng là một thực tại đáng lo ngại về lệch lạc trong lựa chọn lối sống. Đã có không ít người trẻ sẵn sàng bỏ nhiều giờ đồng hồ để trau chuốt làm đẹp với vẻ ngoài xinh xắn, bảnh bao để đi giao lưu, gặp gỡ trong chốc lát, nhưng lại chấp nhận sống trên đống rác trong phòng, trong nhà trọ,… bất chấp môi trường sinh hoạt cá nhân thiếu ngăn nắp, mất vệ sinh kéo dài hàng tuần, hàng tháng [195].

Đặc biệt, TN vốn nhạy bén với công nghệ, nhưng trong thời đại số, không ít người trẻ đang có xu hướng đề cao quá mức các giá trị ảo, ưa kết nối những con người thực thành những mối quan hệ ảo, coi không gian ảo là ưu tiên hàng đầu để tìm kiếm và xây dựng giá trị bản thân, khẳng định chỗ đứng của cái Tôi trong cộng đồng. Căn bệnh đó có biểu hiện tăng nặng, biến chứng thành các căn bệnh khác nguy hiểm hơn như bệnh thích "sống ảo", thích "làm màu", "sống phông bạt". Không phủ nhận công nghệ số, mạng xã hội mang lại rất nhiều giá trị vật chất và tinh thần cho con người. Song nếu TN sính chuộng không gian số, mạng xã hội đến mức cổ xúy và sa đà vào việc "Sống thật ở tài khoản ảo và sống ảo ở tài khoản thật", trong đó có nhiều bạn trẻ gen Z, là điều rất đáng lo ngại, bởi điều này dễ dẫn đến sự gian dối, lừa đảo, thiếu trung thực, vô trách nhiệm, vô cảm, kể cả lợi dụng việc ẩn danh thiếu tính xác thực trong không gian ảo để nói xấu, bôi nhọ, hạ bệ làm mất danh dự, uy tín của người khác, và thậm chí cố tình trục lợi trên sự cả tin, nhẹ dạ của người khác. Đây cũng chính là những mầm mống tiếp tay cho tình trạng ngày càng gia tăng số lượng, tinh vi thủ đoạn của tội phạm mạng ở tuổi TN được nhiều báo chí đưa tin. Thậm chí, ngày nay khi AI đã trở thành một phần tất yếu của cuộc sống hiện đại, TN tận dụng khai thác AI cho mọi việc như học tập, hỗ trợ công việc, lên kế hoạch phát triển bản thân, kể cả tìm kiếm sự tư vấn tâm lý "chữa lành"

…Việc ham thích, lạm dụng môi trường ảo, công cụ ảo cũng nguy cơ cao mắc phải bệnh nghiện công nghệ, phụ thuộc vào công nghệ, làm thui chột đi tính tự giác, tự lực, gia tăng thói ỷ nại, thiếu trung thực, thỏa hiệp với gian lận ở TN.

Như vậy, về cơ bản tình cảm đạo đức TN Việt Nam hiện nay tiếp tục coi trọng duy trì, bảo tồn, làm dày dặn, đậm nét hơn các giá trị đạo đức truyền thống, trong đó có một số giá trị chuẩn mực thay đổi về mức độ đánh giá giá trị ưu tiên và cách thức thể hiện theo hướng gắn liền với lợi ích, hiệu quả và hiện đại hóa. Điều này hoàn toàn phù hợp với bối cảnh tác động của KTTT, thể hiện sự kế thừa gắn với tính thích ứng, năng động của YTĐĐTN thời kì mới. Tuy nhiên, do tác động của nền KTTT đặc biệt là nhu cầu thỏa mãn cái tôi quá lớn, nuông chiều bản thân, tình cảm đạo đức TN không tránh khỏi rơi vào những mong muốn thỏa mãn nhu cầu hưởng thụ lệch lạc, phản cảm, nguy hiểm đáng báo động.

3.2.3. Thực trạng biến đổi niềm tin đạo đức của thanh niên

** Một là, niềm tin đạo đức của TN trong hiểu biết, nhận thức về các giá trị đạo đức truyền thống tiếp tục được duy trì, củng cố*

Số liệu cho thấy trải qua các năm, quan niệm về những giá trị cốt cách truyền thống của người Việt vẫn luôn được TN coi trọng, thể hiện niềm tin đạo đức về hiểu biết giá trị làm người tương đối bền vững trong TN. Báo cáo tình hình TN năm 2024 vẫn có những con số tương đồng với các năm trước đó, khẳng định điểm tích cực này ở TN: Đại đa số TN được khảo sát rất coi trọng các giá trị truyền thống của dân tộc liên quan đến lòng yêu nước và phẩm chất con người Việt Nam (hầu hết các giá trị được đưa ra đều có trên dưới 90% TN lựa chọn là rất quan trọng). Đặc biệt, các giá trị gắn với quốc gia dân tộc như: yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc (91,3%) hay gắn với phẩm chất đặc trưng của con người Việt Nam như: học hỏi, sáng tạo (92,5%); yêu lao động, chăm chỉ, cần cù (91,5%); có ý chí vượt khó, vươn lên (92,3%); tinh thần nhân đạo, khoan dung (91,0%); thật thà, trung thực (92,0%); khiêm tốn, giản dị (90,5%); chung thủy (91,5%) được thanh niên lựa chọn cao nhất. Các giá trị này có ý nghĩa lớn trong định hướng suy nghĩ, hành động, lối sống của thanh niên hiện nay [144, tr. 41 - 42].

Về niềm tin đạo đức cách mạng: Có khoảng 2/3 TN thể hiện mong muốn được trở thành đảng viên trong thời gian tới. Những lý do lớn nhất khiến TN mong muốn trở thành đảng viên, là được rèn luyện, trưởng thành (60,5%), tiếp đến là "mục tiêu, lý tưởng cao đẹp của Đảng cũng chính là lý tưởng mà tôi đang theo đuổi" và "có cơ hội được cống hiến cho xã hội" (tỉ lệ lần lượt là 58,1% và 54,0%) [144, tr. 47-48]. Có thể thấy, niềm tin đạo đức cách mạng ở TN cũng không quá thấp, đây là điều tạo động lực cho Đảng, Nhà nước và cả hệ thống chính trị không ngừng tăng cường, bồi dưỡng tình cảm và niềm tin cách mạng cho thế hệ trẻ. Tuy nhiên, một cách khách quan, số liệu này cũng chưa quá cao, do vậy công tác tuyên truyền, giáo dục cho TN hiểu hơn về tổ chức Đảng là hoạt động cần được thực hiện thường xuyên, liên tục để TN có những nhận thức rõ ràng và đúng đắn hơn về lý tưởng của Đảng, vị trí, vai trò lãnh tụ, sự chỉ đạo của các tổ chức Đảng, tâm thế vinh dự, tự hào, ý thức trách nhiệm của mỗi đoàn viên, thanh niên khi được đứng trong hàng ngũ của Đảng…

** Hai là, niềm tin đạo đức của TN có biểu hiện suy giảm, lệch lạc trong ủng hộ, bảo vệ, duy trì các giá trị đạo đức truyền thống và có xu hướng thiếu kiên định, nhất quán khi hiện thực hóa, lan tỏa giá trị đạo đức trong cộng đồng*

Biểu đồ 3c, 3e, 3d (Phụ lục) và Bảng 3.5 (Phụ lục) cho thấy một số giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp có biểu hiện bị suy giảm như: "Cần cù, tiết kiệm" (42.7%); "Ý chí độc lập, tự cường" (42.5%); "Trung thực" (40.5%); "Khoan dung, độ lượng" (27.6%); "Trung thành" (15.9%). Các giá trị truyền thống như "biết ơn; sống nghĩa tình, thuỷ chung; bao dung, vị tha; tôn sư trọng đạo; nhân ái; hiếu học" lại có tỉ lệ lựa chọn thấp dưới 50%, cho thấy xu hướng giảm sút dần xa rời giá trị đạo đức truyền thống của một bộ phận TN. Ngoài ra đã nổi lên những lựa chọn thể hiện khát khao cá nhân có xu hướng thực dụng của một phần nhỏ thanh niên với 23.3% "làm giàu"; 20.9% "danh tiếng, địa vị"; 14.7% "hưởng thụ cuộc sống"; 9.1% "coi trọng cái tôi". Bên cạnh phần đa TN (67.6%) lạc quan, tin tưởng vào tình hình kinh tế - xã hội của đất nước, song vẫn còn một bộ phận không nhỏ TN (32.4%) thiếu niềm tin hay mông lung, thờ ơ đối với tình hình chính trị, kinh tế - xã hội. Thực trạng này cũng ảnh hưởng đến niềm tin đạo đức của TN nói riêng, dẫn đến tư

tưởng của những người trẻ dễ bị lung lay, dễ bị các thế lực thù địch lôi kéo, mua chuộc, lợi dụng trước những lợi ích mang tính thực dụng. Chính vì vậy, việc nâng cao nhận thức, củng cố niềm tin cho TN là rất cần thiết. Từ đó sẽ thúc đẩy TN hình thành những lý tưởng đạo đức mới phù hợp, vừa phát huy được những giá trị truyền thống, vừa đáp ứng được yêu cầu của xã hội, loại bỏ những chuẩn mực đạo đức không còn phù hợp với nhận thức của thời đại hiện nay.

Ở Bảng 3.5 (Phụ lục), phần lớn các giá trị đạo đức truyền thống vẫn được TN coi trọng như trước. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận TN không còn coi trọng các giá trị này như trước, các biểu hiện bị mai một nhiều, trên 20% phải kể đến: "Một điều nhín chịn điều lành" (34%); "Cần kiệm liêm chính, chí công vô tư" (28.4%); "Tôn sư trọng đạo (26.8%); Gieo gió gặt bão (23.1%). Các giá trị này đều gắn với những phẩm chất quan trọng của con người trong xã hội dù ở thời đại nào. Chính vì vậy, việc bồi đắp tình cảm đúng đắn cho TN là rất cần thiết, giúp TN có sự coi trọng đối với những giá trị đạo đức truyền thống, làm cơ sở cho việc hình thành niềm tin và lý tưởng đạo đức tích cực trong thời đại mới. Đồng thời, đặt ra nhiệm vụ tiếp tục giáo dục, bồi dưỡng tri thức đạo đức cho TN nhằm duy trì, phát huy, kế thừa sáng tạo những giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp.

Trong quá trình bảo vệ, duy trì các giá trị của cộng đồng như sự công bằng, dân chủ, một mặt TN đề cao giá trị mới là "Liêm chính, minh bạch", song do lợi ích kinh tế và lợi ích cá nhân chi phối nên ở niềm tin đạo đức TN đã có biểu hiện thiếu kiên định, nhất quán với tri thức đạo đức về liêm chính, minh bạch, dẫn đến những hành vi đi ngược lại, phản ánh đặc điểm YTĐĐTN thường có sự giằng co, mâu thuẫn nội tại. Kết quả khảo sát của Tổ chức Minh bạch Quốc tế (TI) năm 2011 cho thấy, TN sẵn sàng "thỏa hiệp" và "nới lỏng" quan niệm về liêm chính và tham nhũng: 81% TN được hỏi coi tham nhũng là hành vi sai trái song họ sẵn sàng nới lỏng quan điểm trong các tình huống cụ thể (đã có 1/3 người trả lời nới lỏng khái niệm liêm chính khi thấy có lợi ích tài chính, khi có thể giải quyết một vấn đề hoặc coi đó chỉ là một khoản trao tay nhỏ); Những tình huống TN trải nghiệm tham nhũng phổ biến nhất là: Điều trị y tế, gặp rắc rối với cảnh sát và tìm kiếm cơ hội kinh doanh cho công ty ; Các kênh ảnh hưởng phổ biến theo kết quả khảo sát

này là: ti vi, đài (89%); môi trường học tập và gia đình (80%) và môi trường công việc (76%) [Dẫn theo: 36, tr. 28]. Năm 2014, tổ chức này tiếp tục có cuộc khảo sát tương tự và đối sánh với năm 2011, kết quả năm 2014 cho thấy về cơ bản TN Việt Nam vẫn đề cao các giá trị gắn với liêm chính (có 94% TN cho rằng trung thực quan trọng hơn giàu có, khoảng 85% cho rằng thiếu liêm chính rất nguy hại cho đất nước, gia đình và bản thân họ…Tuy nhiên, TN cũng dễ thỏa hiệp với quan điểm về liêm chính khi thu nhập của gia đình hay tình cảm với bạn bè, người thân bị ảnh hưởng. Cụ thể, số TN cho rằng có thể chấp nhận nói dối hay gian lận trong những tình huống như vậy đã tăng từ 35% (2011) lên 41% (2014)…Nhiều TN được hỏi đều sẵn sàng thỏa hiệp giá trị liêm chính để đổi lấy việc đỗ một kì thi, xin được một loại giấy tờ nào đó, vào được một trường tốt hay một công ty tốt [111, tr. 2-3]. Kết quả khảo sát của Viện Nghiên cứu thanh niên (2017) cũng cho thấy TN hiện nay tuy đề cao các giá trị gắn liền với tính trung thực, liêm chính, song họ có xu hướng "nới lỏng" các giá trị này khi đặt chúng bên cạnh những vấn đề liên quan đến lợi ích của bản thân, gia đình và bạn bè (31,7% TN cho rằng nếu có thể giải quyết vấn đề bằng tiền bạc hay quà cáp, cần thiết nên làm điều đó; 12,8% không đồng ý với gian lận trong thi cử hay công việc trừ trường hợp đó là người bạn thân; 11,1% chấp nhận người lãnh đạo vi phạm pháp luật nếu cải thiện được cuộc sống của bản thân) [138].

** Ba là, niềm tin đạo đức trong thực hiện, rèn luyện đạo đức cách mạng ở TN có chiều hướng sa sút và gia tăng biến tướng phức tạp gây nguy cơ lớn đến đời sống chính trị xã hội*

Thực tế cho thấy, vẫn còn một bộ phận TN có quan điểm "không thể xả thân vì chưa lo nổi cuộc sống của bản thân". Các nghiên cứu trước đây cũng từng chỉ ra rằng bên cạnh những mặt tích cực vẫn tồn tại mặt yếu kém trong nhân cách thế hệ trẻ là: thiếu tích cực xã hội, cần tăng cường trách nhiệm đối với đất nước với xã hội; thiếu khả năng thích ứng và cạnh tranh, niềm tin vào định hướng XHCN chưa thật rõ ràng; với đặc điểm hội nhập, mở cửa còn nhiều người chưa sẵn sàng, một số lo sợ, một số thờ ơ,... (theo nghiên cứu của Phạm Minh Hạc, 2005) [Dẫn theo: 42, tr. 25]. Thực trạng này đến nay ở TN vẫn chưa được cải thiện

nhiều, thậm chí có biểu hiện và nguy cơ tăng cao, điển hình là tình trạng "Nhạt Đảng, khô Đoàn, xa rời chính trị" trong không ít người trẻ - một sự biến hình của biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nhận thức và hành động của một bộ phận TN. Căn bệnh nghiêm trọng này dễ làm cho một bộ phận TN rơi vào các trạng thái: Thờ ơ với chính trị, mất niềm tin vào Đảng, Nhà nước và chế độ XHCN ở Việt Nam; phai nhạt mục tiêu, lý tưởng; động cơ phấn đấu thấp; nhận thức mơ hồ, lệch lạc; coi thường Điều lệ Đảng, Đoàn, pháp luật của Nhà nước và các quy định của các tổ chức, địa phương, dễ vi phạm pháp luật, kỷ luật; Không hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của TN… Đây cũng chính là thời cơ thuận lợi cho các thể lực thù địch, phản động lôi kéo, mua chuộc, dụ dỗ TN vào những việc làm phạm pháp, chống phá quốc gia, dân tộc. Vấn đề này luôn cấp bách đòi hỏi giải quyết bền bỉ, kiên trì, kiên quyết của các lực lượng giáo dục vì TN chính là chủ nhân tương lai đất nước, là lực lượng xung kích cách mạng, có vị trí chiến lược đối với vận mệnh của quốc gia và sự tồn vong của chế độ.

Không thể phủ nhận, do ảnh hưởng bởi lợi ích vật chất, nên một bộ phận TN "đề cao ý thức phát triển cá nhân thay vì phát triển cộng đồng", ý thức cống hiến cho xã hội chưa thực sự tự giác, ảnh hưởng đến mức độ cố kết cộng đồng, dẫn đến những biểu hiện thờ ơ, vô tâm của TN trước tình hình kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội của đất nước, làm suy giảm ý thức và tính tích cực chính trị trong TN. Rõ ràng nền KTTT đã thúc đẩy tạo cơ hội cho chủ nghĩa cá nhân lấn át, tư tưởng ngoại lai tiêu cực, phản động thâm nhập vào xã hội, trong khi đó giới trẻ thời nay vốn được chăm lo từ tấm bé, sống trong hòa bình, đủ đầy hơn thế hệ cha anh, lại là sản phẩm trưởng thành trực tiếp từ nền KTTT hiện đại, họ rất dễ bị sa vào quan niệm sống vị kỷ, ngại cống hiến, hi sinh, và thiếu ý chí, bản lĩnh.

Như vậy, có thể thấy trong niềm tin đạo đức của TN có cả ưu điểm và hạn chế, vẫn có những mâu thuẫn xung đột trong quá trình hình thành niềm tin và quá trình niềm tin tác động, tạo động lực chuyển hóa từ nhận thức sang hành vi đạo đức ở người TN. Điều này dễ dẫn tới thiếu tính ổn định, vững chắc trong niềm tin và hành vi đạo đức của TN.

3.2.4. Thực trạng biến đổi lý tưởng đạo đức của thanh niên

** Một là, lý tưởng đạo đức TN có xu hướng gia tăng thêm những chuẩn mực đạo đức mới nhằm đáp ứng yêu cầu thời đại*

Như trên đã nêu, việc tỉ lệ cao TN vẫn không ngừng tôn quý những giá trị truyền thống tốt đẹp đồng thời có thêm những hiểu biết mới về các phẩm chất giá trị hiện đại (như sự thành đạt, trách nhiệm, dân chủ, công bằng, thượng tôn pháp luật,...), coi đó là mục tiêu phấn đấu, là các tiêu chuẩn cần phải vươn tới để nâng cao giá trị bản thân đáp ứng yêu cầu thời đại là những biểu hiện cho cho thấy lý tưởng đạo đức của TN không còn tĩnh, mà cũng liên tục hướng tới sự nâng tầm, cập nhật, bổ sung theo xu thế khách quan mà vẫn không đánh mất bản sắc dân tộc.

** Hai là, lý tưởng đạo đức TN có xu hướng đề cao, vươn tới các giá trị cao đẹp nhưng cụ thể, thiết thực, thực chất, không viển vông, chung chung, mơ hồ*

Để xác lập chuẩn mực giá trị, vị thế của bản thân với cộng đồng, TN vẫn là những người sống giàu lý tưởng, hoài bão, ước mơ, song TN đang hướng tới theo đuổi lý tưởng sống có khát vọng đi liền với có mục đích rõ ràng, vươn tới sự thành đạt, làm giàu dựa trên năng lực thực chất, sống có trách nhiệm với bản thân, với gia đình, với xã hội. Điều này đã được tổng kết tại Báo cáo tổng quan của Viện Nghiên cứu thanh niên giai đoạn 2017- 2022: "xu hướng quan điểm sống vì bản thân mình ít được TN đồng tình (sống là để tận hưởng thú vui 2,2%; sống là được làm những gì mình thích 6,7%)… Có 92,3% TN có quan điểm "sống có mục đích, lý tưởng rõ ràng"; 97,9% cho rằng sống phải có trách nhiệm với gia đình, cộng đồng, xã hội và sống có trách nhiệm của người công dân (tôn trọng pháp luật, kỷ cương) (89,4%). Đặc biệt, việc khẳng định vị trí, vai trò, giá trị của bản thân trong xã hội thể hiện ở sự cống hiến, đóng góp cho xã hội (62,1%), giúp đỡ mọi người xung quanh (60,7%) ngày càng được nhiều TN lựa chọn" [143, tr. 5].

Ngay cả trong việc xác lập chuẩn mực trách nhiệm của bản thân với cộng đồng, đất nước, với môi trường sống, với chính bản thân, TN cũng thể hiện rõ chuẩn mực trách nhiệm phải gắn với tiêu chí thực hiện nhiệm vụ chính trị - xã hội cụ thể chứ không hô hào chung chung. Tức là, ý thức trách nhiệm của TN là thể hiện qua tiêu chí TN sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ được phân công, sẵn sàng

tham gia các hoạt động đóng góp, cống hiến cho cộng đồng xã hội cũng như sự phản ứng trước những vấn đề, biểu hiện tiêu cực trong xã hội. Dẫn chứng là Báo cáo tình hình TN năm 2022 cho thấy tính tích cực chính trị - xã hội của TN được thể hiện bằng những việc làm cụ thể thiết thực: Phần đông TN được hỏi (86,9%) cho rằng mình sẵn sàng và nhiệt tình tham gia khi có các hoạt động xã hội, hoạt động tình nguyện tại nơi sinh sống/học tập/làm việc; gần 2/3 thanh niên (62,5%) trả lời sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ nếu được phân công đi làm việc tại những vùng đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa dù có bất cứ khó khăn nào. Rất hiếm TN cho rằng mình sẽ miễn cưỡng tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động tình nguyện (9,8%) hay sẽ không đi làm việc tại những vùng đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa cho dù có bất kỳ chế độ đãi ngộ nào (1,5%) hoặc chỉ đi nếu phù hợp với nguyện vọng, lợi ích bản thân (14,9%) [142, tr.12-13].

Báo cáo tổng quan của Viện Nghiên cứu TN 2017-2022 đã tổng hợp khảo sát về các phẩm chất cần có của một người TN thời đại mới, bên cạnh việc họ hướng tới sống có lí tưởng, có tỉ lệ khá cao TN ủng hộ, mong muốn hướng đến các giá trị thuộc về năng lực, phẩm chất nội tại như: thích ứng nhanh (60,2%); sẵn sàng cống hiến (59,2%); thể hiện được năng lực (54,1%); khát vọng làm giàu (48,5%); có khả năng hội nhập quốc tế (45,3%); xung kích, tiên phong (44,7%); sống thực tế (41,5%)… Báo cáo cũng rút ra: “Theo quan điểm của TN, những yếu tố thuộc về năng lực nội tại (trình độ chuyên môn, ý chí, khát vọng, kĩ năng làm việc, sự năng động, linh hoạt…) quyết định đến sự thành công của cá nhân hơn là những yếu tố khách quan bên ngoài mang tính lệ thuộc, thời điểm, không bền vững (sự may mắn, khả năng quan hệ, thời cơ,…)” [143, tr. 6].

** Ba là, lý tưởng đạo đức của TN có biểu hiện gia tăng sai lệch về tôn sùng giá trị trong đời sống cá nhân của TN*

Trong mối quan hệ với chính mình với các hoạt động của đời sống cá nhân, điều này thể hiện điển hình ở khía cạnh giải trí của TN: "Văn hóa thần tượng” là một nhu cầu giải trí hưởng thụ chính đáng, phù hợp với đặc trưng tâm lý của giới trẻ

hiện nay. Nếu được định hướng đúng, việc hâm mộ thần tượng sẽ mang lại giá trị tích cực, niềm vui và có thể truyền cảm hứng, khuyến khích người hâm mộ trẻ theo đuổi ước mơ, học hỏi và cải thiện bản thân,... Tuy nhiên trong "Văn hóa thần tượng" của một bộ phận TN hiện nay xuất hiện ngày càng nhiều những biểu hiện lệch lạc về chuẩn mực đạo đức, lệch chuẩn với khuôn mẫu văn hóa ứng xử, thậm chí là quá khích, mù quáng, đi ngược lại với lợi ích tốt đẹp của xã hội, sự trông mong của cộng đồng. Điển hình là các hiện tượng sai lệch về lựa chọn hình mẫu thần tượng, sai lệch về cách thể hiện sự hâm mộ, sai lệch về động cơ hâm mộ, lợi dụng sự hâm mộ của đông đảo người trẻ để trục lợi cá nhân, xuyên tạc sự hâm mộ để mưu đồ phản động, làm điều phi pháp,… Minh chứng là, chúng ta vẫn chứng kiến sự hâm mộ một cách thái quá đối với các ngôi sao trong và ngoài nước của các tín đồ V- pop, K-pop, C- pop…, được thể hiện qua việc hàng trăm người hâm mộ trẻ đã gào thét, khóc lóc khi được gặp thần tượng của mình, hôn lên ghế thần tượng đã ngồi, chạy xe phóng nhanh, vượt ẩu để kịp giờ gặp thần tượng, thậm chí hâm mộ thái quá đến mức xâm phạm đời tư thần tượng, gây phiền toái, hay cố tình lợi dụng hình ảnh thần tượng để kinh doanh trục lợi cá nhân (như đăng lên mạng xã hội các hình ảnh, video về người nổi tiếng, người được giới trẻ hâm mô nhưng đính kèm các đường link, trang quảng cáo bán hàng trong đó có hàng phi pháp…)

Nguy hiểm hơn, đã và đang xuất hiện hiện tượng giới trẻ thần tượng những đối tượng "giang hồ mạng". Phần lớn những idol (thuật ngữ chỉ thần tượng) này đều có xuất thân bất hảo, xăm trổ đầy mình nhưng lại có những câu nói, hành động thể hiện khoe mẽ, ra oai, xem thường pháp luật. Các đối tượng thường sản xuất, đăng tải lên trang mạng xã hội cá nhân những video, clip có nội dung vô bổ, nhảm nhí, thậm chí có những lời nói tục tĩu, kích động, bạo lực, dâm ô, … Điều đáng lo ngại là các đối tượng trên lại được rất đông các bạn trẻ đón nhận, tung hô như những vị "anh hùng", "thần tượng". Hàng loạt đối tượng được coi là "giang hồ mạng", "thánh chửi" (như các cá nhân có biệt danh "Khá Bảnh", "Huấn hoa hồng", "Dương Minh Tuyền" , "Phú Lê",… đã sở hữu những trang mạng xã hội Youtube, TikTok, Facebook… với hàng triệu lượt thích, theo dõi mà phần lớn trong đó là của giới trẻ, lợi dụng sự quan tâm nổi tiếng đó

để bán hàng, kinh doanh với phương thức xấu bẩn, thiếu văn hóa, phạm pháp. Ban đầu chỉ là từ sự tò mò, xem để biết, để "bắt trend" (theo kịp xu hướng), dần dần nhiều bạn trẻ đã bắt chước lời nói, hành động sai lầm, lệch lạc nhưng lại được sự cổ vũ, tán thưởng từ bạn bè xung quanh và cảm thấy tự hào về chiến tích đó. Hiện tượng "cuồng thần tượng lệch chuẩn" thực sự đáng gây lo ngại trong xã hội. Đúng như một chuyên gia tâm lý đánh giá: nhiều người chỉ thấy được "giang hồ mạng" ngang tàng, dám làm, không sợ hãi. Bản thân người trẻ vốn đang định hình cá tính, muốn chinh phục, muốn khám phá, họ sẽ dễ bị hấp dẫn bởi những yếu tố này. Sẽ rất nguy hiểm nếu giới trẻ coi các "giang hồ mạng" là thần tượng, người truyền cảm hứng. Việc tôn sùng và truyền thông cho các thần tượng kiểu này càng khiến những trò nhố nhăng, tục tĩu trở thành điều bình thường, chuẩn mực. Việc không tỏ rõ thái độ chẳng khác nào đồng lõa, tiếp tay lan truyền những xu hướng xấu [196].

Rõ ràng, trong khía cạnh giải trí của TN, hiện tượng "lệch chuẩn thần tượng" không phải là hiện tượng mới nhưng hệ lụy mà nó gây ra có nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực rất lớn đối với nhân cách đạo đức của cả một thế hệ. Người trẻ không chỉ bị định hướng sai giá trị sống mà còn bị thui chột ý thức, trách nhiệm trong việc "lấy cái đẹp dẹp cái xấu". Họ vì thế mất dần khả năng bất bình, tức giận, mất khả năng tỏ thái độ với những vấn đề tiêu cực trong cuộc sống, mất đi nhu cầu, động lực học tập, làm việc đúng đắn, lương thiện, có văn hóa để đạt tới sự thành công, và sẵn sàng liều lĩnh hùa theo, bất chấp hành vi vô văn hóa, phản cảm để đạt được mục đích, lợi ích vật chất trước mắt. Chưa kể sự "cuồng mù quáng" này có thể dẫn đến hệ lụy là những hành vi quá khích, ảnh hưởng đến an ninh trật tự, sẵn sàng thỏa mãn nhu cầu cá nhân mà bất chấp vi phạm qui tắc cộng đồng, và phạm pháp. Đây đều là những biểu hiển rõ nét về sự lệch lạc, suy giảm của YTĐĐTN. Thậm chí điều này còn khiến giới trẻ dễ bị lợi dụng cho các mục đích tiêu cực, bị "dắt mũi", trở thành công cụ cho các mưu đồ xấu. Bởi tính hai mặt của việc hâm mộ thần tượng ở giới trẻ nên luôn cần có sự quản lý và định hướng kịp thời, sát sao, khéo léo từ các cơ quan chức năng, các lực lượng giáo dục để ngăn chặn các hệ lụy tiêu cực trong đời sống đạo đức TN.

Có thể thấy, trong lý tưởng đạo đức TN đan xen nhiều hệ giá trị và thể hiện rõ ở

TN có nhu cầu cao không ngừng hoàn thiện bản thân. Việc sống có mục đích, có lý tưởng và sống có trách nhiệm, có đóng góp cụ thể, thiết thực đang dần trở thành những định hướng giá trị đạo đức cơ bản của TN. Những quan niệm vươn tới sự thành đạt, cái lý tưởng của nhân cách TN thời đại mới vừa cao đẹp, nhân văn vừa hết sức cụ thể, thiết thân, thiết thực, khả thi và giàu tính tự lực, tự chủ. Đây không phải là những mong ước mơ hồ, viển vông, thiếu tính thực tế, và mưu cầu đạt được một cách thiếu trách nhiệm, thụ động, ỷ nại, dựa dẫm. Điều này thực sự rất đáng hoan nghênh và cần được phát huy khi TN được coi là lực lượng tiên phong trong kỉ nguyên vươn mình với ý chí tự tôn, tự lực, tự cường, tự chủ, giàu khát vọng. Tuy nhiên do thiếu trải nghiệm, chưa được quan tâm, định hướng giáo dục đúng mức nên vẫn còn không ít TN bị cuốn vào những mục tiêu sống tầm thường, lệch chuẩn và dễ sa ngã, phạm pháp. Điều này càng đặt ra bức thiết việc coi trọng giáo dục định hướng lý tưởng mục tiêu phấn đấu cho TN một cách đồng bộ từ nhiều lực lượng giáo dục.

Tóm lại, sự biến đổi các thành tố cấu trúc trong YTĐĐTN là hệ quả tất yếu do tác động của KTTT. Những biểu hiện biến đổi cho thấy sự đa chiều, phức tạp trong YTĐĐTN hiện nay, đan xen yếu tố truyền thống và yếu tố thời đại, đan xen cái cũ và cái mới, cái tích cực và cái tiêu cực, đúng như bản chất tác động hai mặt của nền KTTT trong giai đoạn quá độ đi lên CNXH và phù hợp với đặc điểm cơ bản của YTĐĐTN luôn chứa đựng nhiều mâu thuẫn nội tại nhưng không ngừng hoàn thiện theo hướng đi lên.

3.3. Đánh giá thực trạng, nguyên nhân và một số vấn đề đặt ra từ thực trạng biến đổi ý thức đạo đức thanh niên dưới tác động của kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay

3.3.1. Đánh giá thực trạng biến đổi ý thức đạo đức thanh niên dưới tác động của kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay

Nhìn nhận tổng thể thực trạng biến đổi YTĐĐTN dưới tác động của KTTT ở Việt Nam hiện nay có thể đánh giá chung như sau*:*

**** Thứ nhất, về nội dung biến đổi:***

Thực tế cho thấy dưới tác động của KTTT, YTĐĐTN biến đổi ở toàn bộ các thành tố cấu trúc của YTĐĐTN. Có thể khái quát một số kết quả biến đổi như sau:

Một là, về sự biến đổi của tri thức đạo đức và lý tưởng đạo đức của TN:

Các số liệu khảo sát cho thấy bên cạnh những nhận thức tích cực về các giá trị đạo đức truyền thống, có sự gia tăng nhận thức về các giá trị đạo đức mới tiến bộ phù hợp với thời đại, nhưng đồng thời cũng gia tăng nhận thức thể hiện sự lệch chuẩn giá trị đạo đức trong TN. Điều này phản ánh một xu hướng ngày càng rõ nét ở TN là sự đa dạng hóa hệ giá trị trong nhận thức đạo đức và mục tiêu đạo đức, trong đó các giá trị cá nhân ngày càng chiếm vị trí chủ đạo,... Song bên cạnh việc bổ sung những giá trị tiến bộ của thời đại thì tình trạng gia tăng và không ngừng biến tướng, lệch chuẩn đạo đức ở một bộ phận không nhỏ TN chứng tỏ tri thức đạo đức và lý tưởng đạo đức của TN vẫn còn xu hướng thiếu tính nhất quán về chuẩn mực hệ giá trị, khả năng phân biệt đúng sai, phân biệt cái xấu với cái tốt, cái phù hợp và cái chưa phù hợp còn chưa tốt. Khi *tri thức đạo đức và lý tưởng đạo đức của TN có xu hướng biến đổi đa dạng hệ giá trị nhưng thiếu tính nhất quán*, thiếu định hướng và tiêu chí chuẩn mực rõ ràng sẽ càng dễ gia tăng nguy cơ khủng hoảng giá trị, sai lệch hành vi đạo đức ở TN.

Bên cạnh đó, dưới tác động của KTTT, lý tưởng đạo đức TN có ưu tiên hướng đến những mục tiêu giá trị đạo đức khả thi, vừa sức, thiết thực, cụ thể, đồng thời những mục tiêu giá trị này hướng tới thỏa mãn, ưu tiên bảo vệ cái tôi lên trước là tiền đề hướng tới cái ta chứng tỏ *lý tưởng đạo đức của TN Việt Nam đang có sự chuyển dịch theo hướng vừa đa giá trị, vừa cá nhân hóa và thực tiễn hóa*. Điều này càng khiến lý tưởng đạo đức TN đối mặt với mâu thuẫn giữa mục tiêu phát triển cá nhân và mục tiêu trách nhiệm xã hội.

Hai là, về sự biến đổi của tình cảm đạo đức và niềm tin đạo đức của TN:

Các số liệu khảo sát cho thấy, khi các giá trị đạo đức truyền thống vẫn được TN duy trì ở mức độ đáng kể và ngày càng được số đông TN bảo tồn, củng cố đậm nét, chứng tỏ nhìn chung tình cảm đạo đức của TN vẫn đang biến đổi theo hướng tích cực. Tuy nhiên, ở TN có xu hướng thay đổi phương thức thức thể hiện các giá trị truyền thống theo hướng hiện đại hóa, giản lược lễ nghi, coi trọng tính hiệu quả, thực chất; hay TN sẵn có hiểu biết tri thức đạo đức tốt đẹp nhưng khi đặt trong các

tình huống cụ thể có xung đột lợi ích họ lại sẵn sàng thỏa hiệp với tiêu cực hoặc thay đổi vị trí giá trị ưu tiên miễn sao đạt được mục tiêu cá nhân, bảo vệ được cái tôi, thỏa mãn cái tôi trước hết. Những điều này thể hiện *tình cảm đạo đức TN không còn mang tính ổn định xuôi chiều mà đã chuyển sang xu hướng linh hoạt theo hoàn cảnh bản thân*, các phản ứng tình cảm của TN cũng có xu hướng gắn với lợi ích cụ thể, thay vì hoàn toàn dựa trên các chuẩn mực đạo đức truyền thống. Để ngăn ngừa xu hướng ưu tiên thái quá lợi ích cá nhân, và gia tăng tính thực dụng trong tình cảm đạo đức TN, đặt ra nhu cầu không ngừng duy trì và phát triển các giá trị nhân văn trong bối cảnh KTTT để nuôi dưỡng tình cảm đạo đức tốt đẹp cho TN.

Đáng nói, khi vẫn còn tình trạng không ít TN mặc dù biết phân biệt và thừa nhận cái đúng, lẽ phải, sự công bằng nhưng vì lợi ích cá nhân theo hoàn cảnh, họ có xu hướng thỏa hiệp với tiêu cực, không ngại vi phạm, làm lệch đi những hiểu biết chuẩn mực đạo đức của mình, là biểu hiện cho thấy *niềm tin đạo đức của TN đang có sự biến đổi theo hướng phân hóa và thiếu vững chắc hơn so với trước*. Đã xuất hiện mâu thuẫn, chênh lệch, phân hóa giữa niềm tin trong nhận thức đạo đức và niềm tin trong thực hành đạo đức ở TN. Chưa kể, những biểu hiện xa rời giá trị truyền thống, thờ ơ, vô cảm, lệch chuẩn đạo đức của TN hay việc TN sẵn sàng thay đổi việc tuân thủ chuẩn mực đạo đức theo hoàn cảnh cá nhân cũng là những minh chứng cho thấy sự thiếu vững chắc, suy giảm trong niềm tin đạo đức của TN.

Niềm tin đạo đức vốn giữ vai trò định hướng và bảo đảm tính ổn định của hành vi đạo đức. Sự biến đổi của niềm tin đạo đức TN phản ánh những mâu thuẫn nội tại, đời sống đạo đức đôi khi mâu thuẫn với các chuẩn mực đạo đức dẫn đến niềm tin đạo đức của TN tất yếu bị dao động. Như vậy, niềm tin đạo đức của TN đang tồn tại trong trạng thái mâu thuẫn giữa "tin vào giá trị" và "nghi ngờ thực tiễn", đây chính là một trong những vấn đề cốt lõi cần được giải quyết trong bối cảnh hiện nay.

**** Thứ hai, về mức độ biến đổi:***

Sự biến đổi YTĐĐTN hiện nay diễn ra mạnh về tốc độ biến đổi và rộng về biên độ phạm vi biến đổi:

Các biến đổi này đều diễn ra đồng loạt ở cả bốn thành tố cấu trúc của YTĐĐTN với sự gia tăng bổ sung dày xen cùng lúc nhiều lớp giá trị (giá trị cá nhân, giá trị cộng đồng, giá trị quốc gia, giá trị nhân loại). Sự biến đổi tiến bộ cùng lúc đi kèm với những biến đổi lệch chuẩn, thậm chí những sai lệch này nhanh chóng biến tướng thành những căn bệnh mới tiêu cực cản trở sự phát triển đạo đức xã hội, và chúng đều lan tràn mạnh mẽ với tốc độ chóng mặt do được tiếp lực bởi truyền thông, công nghệ, chứng tỏ tốc độ biến đổi YTĐĐTN không chỉ nhanh mạnh mà ngày càng phức tạp, khó kiểm soát. Điều này phản ánh sự thích ứng mạnh mẽ của YTĐĐTN với tốc độ tác động không ngừng và áp lực liên tục gia tăng của nền KTTT hiện nay. Sự tiếp biến mạnh mẽ này cũng phù hợp với đặc tính nhạy cảm cao vượt trội của YTĐĐTN so với các lứa tuổi khác.

Các biến đổi YTĐĐTN đều diễn ra đa dạng ở các mối quan hệ đạo đức của TN theo các mức độ và nội dung khác nhau, trong đó, đặc biệt biến đổi mạnh mẽ nhất nằm ở mối quan hệ đạo đức cá nhân với cộng đồng theo hướng sâu sắc hơn tính cá nhân. Tính cá nhân này bao trùm, chi phối cả bốn thành tố cấu trúc của YTĐĐTN và các mối quan hệ đạo đức của TN. Bên cạnh đó, YTĐĐTN cũng mở rộng phạm vi về các lĩnh vực đời sống thể hiện sự quan tâm đa dạng của YTĐĐTN. Ngoài lĩnh vực đạo đức nhân sinh truyền thống, YTĐĐTN đã mở rộng thể hiện thêm những vấn đề đạo đức thời đại như đạo đức sinh thái, đạo đức số, đạo đức tiêu dùng,... Theo đó, có sự mở rộng trong không gian thực hiện YTĐĐ của TN gồm cả môi trường sống (thực) và môi trường số (ảo).

**** Thứ ba, về xu hướng biến đổi:***

Xu hướng biến đổi YTĐĐTN gồm cả biến đổi tích cực và biến đổi tiêu cực. Sở dĩ biến đổi này có tính hai mặt bởi bản thân nền KTTT luôn sẵn có ưu điểm và hạn chế, và KTTT luôn chứa đựng những yếu tố tự thân khơi dậy những giá trị đạo đức tiến bộ, đồng thời bao hàm cả mặt trái tất yếu kích thích những yếu tố đạo đức tiêu cực trỗi dậy.

(1) Xu hướng tích cực, tiến bộ:

Dưới tác động của KTTT, về cơ bản, YTĐĐTN đang theo hai chiều hướng vừa *nỗ lực làm dày dặn phong phú hơn giá trị đạo đức truyền thống* theo phương thức thể hiện ngày càng năng động, hiện đại, đồng thời luôn *chủ động thiết lập, định hình thêm rõ nét và mạnh mẽ những giá trị đạo đức mới* phù hợp với bước tiến của thời đại, rất đáng tôn trọng và ghi nhận. Điển hình là các giá trị: [1] Đề cao và tôn trọng cái tôi cá tính, đậm bản sắc với phương châm giải quyết thỏa đáng cái tôi làm tiền đề hài hòa cái ta cộng đồng; [2] Giàu ý thức tự trọng, tự lực, thực chất, trách nhiệm, cống hiến; [3] Luôn khát khao hướng tới sự bình đẳng, công bằng, chính nghĩa, liêm minh gắn với ý thức thượng tôn pháp luật.

Hơn nữa, có thể thấy về bản chất, YTĐĐTN đang có sự *chuyển mình mạnh mẽ từ bản chất đạo đức lý thuyết sang đạo đức hành động của thế hệ công dân toàn cầu*, từ đạo đức giáo điều sang đạo đức thực chất. Minh chứng là ở TN có tỉ lệ ưu tiên cao rõ rệt về sự liêm chính, minh bạch, đề cao sự thực chất, hiệu quả công việc, phê phán lối đạo đức hình thức, rườm rà và giả tạo. Tính thẳng thắn, sòng phẳng, không né tránh, nể nang, đề cao bản sắc, chính kiến là tâm thế chủ đạo khi TN thể hiện YTĐĐ. Hay như đã có tỉ lệ lớn TN ưu tiên đánh giá phẩm giá con người thông qua năng lực hành động, hiệu quả lao động thực tế, khả năng tư duy sáng tạo, và đặc biệt là năng lực tự chịu trách nhiệm, thay cho đặt nặng việc đánh giá đơn thuần qua những lời răn dạy khuôn mẫu hoặc lý lịch xuất thân, sự bóng bẩy bề ngoài.

Theo đó, về cơ chế thể hiện YTĐĐ ở TN cũng có sự chuyển đổi rõ nét: TN hiện nay không đơn thuần thể hiện đạo đức theo cơ chế tuân thủ xuôi chiều, mà có sự chuyển dịch sang cơ chế liên tục thương lượng, đối thoại, gạn lọc, để thích ứng với biến động, đáp ứng yêu cầu chuẩn mực thực tiễn *(chuyển từ cơ chế thụ động tuân thủ sang chủ động kiến tạo)*, đúng như bản chất vốn năng động, nhạy cảm của YTĐĐTN. TN không còn mong muốn ở vị thế khách thể tiếp thu thực hiện đạo lý, mà chuyển sang mong muốn thành những chủ thể đồng kiến tạo cho sự phát triển đạo đức của xã hội. Minh chứng là có số lượng lớn người trẻ không hoàn toàn bảo thủ phủ nhận hoặc cực đoan đối lập với hệ giá trị truyền thống. Tức là, TN không quay lưng với di sản

của cha ông, mà họ tìm cách gạn lọc và định hình lại chúng (điều chỉnh quan niệm và thứ tự ưu tiên) cho phù hợp với thời đại. Xét một cách khách quan, sự suy giảm, thậm chí phản kháng của một bộ phận giới trẻ đối với các giá trị cũ không hoàn toàn đồng nghĩa với sự băng hoại đạo lý. Dường như ẩn sâu ở đây là TN đang tìm cách tái định nghĩa lại các giá trị cũ theo hướng hiện đại. Đơn cử là các giá trị đạo đức cốt lõi như lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết và đạo hiếu, lòng biết ơn, kính lễ,… vẫn được xem là nền tảng trọng tâm để phát triển nhân cách. Tuy nhiên, thay vì phục tùng tuyệt đối theo kiểu "cha mẹ đặt đâu con ngồi đó", TN đang hướng tới một mối quan hệ đạo đức được duy trì dựa trên cơ sở tôn trọng quyền tự chủ cá nhân, sự bình đẳng và chia sẻ trách nhiệm. Họ ít coi việc cống hiến chỉ là sự tuân thủ thụ động xuôi chiều theo các lời răn dạy, các kế hoạch, các phong trào được vạch sẵn. Thay vào đó, TN đề cao giá trị bản sắc và mong muốn được tham gia đóng góp sáng tạo vào việc đề ra, thiết lập các chuẩn mực giá trị chung giúp phát triển xã hội, coi đó là một quyền lợi và trách nhiệm đạo đức chính đáng.

Những biến đổi này là những chuyển đổi tiến bộ, đáp ứng với đòi hỏi ngày càng cao theo sự phát triển ngày càng hiện đại của nền KTTT, phù hợp với xu thế chung, góp phần thúc đẩy tính văn minh của thời đại.

(2) Xu hướng tiêu cực, phản tiến bộ:

Không thể phủ nhận, trong quá trình thương lượng, đối thoại, gạn lọc ở YTĐĐTN không tránh khỏi sự thỏa hiệp, sa ngã, bị lôi kéo, hấp thu, bị chi phối bởi cái xấu, phản tiến bộ dẫn đến sự lệch chuẩn, tiêu cực, khủng hoảng, mất phương hướng - đây là một biểu hiện hạn chế cố hữu do những đặc điểm nội tại của TN và các tồn tại xã hội khách quan từ nền KTTT tác động. Chúng ta đã và đang chứng kiến những biến động đa dạng, có nhiều chiều hướng phức tạp trong đời sống người trẻ, đặc biệt là những biến đổi trái chiều của YTĐĐTN. Bên cạnh thế hệ TN sống có lý tưởng, hoài bão, khát khao sáng tạo, cống hiến, dấn thân, sống nhiệt huyết, trách nhiệm, sẵn sàng bảo vệ lẽ phải, đề cao sự công bằng, dân chủ; tự trọng… còn một bộ phận không nhỏ TN sống thiếu lý tưởng, giảm sút niềm tin, thờ ơ với đời sống chính trị - xã hội, xa rời truyền thống văn hóa dân tộc, đề cao lối sống thực dụng,

sống gấp một cách vô cảm, theo đuổi tư tưởng sùng bái vật chất, chủ nghĩa cá nhân, vị kỷ, sẵn sàng đánh đổi giá trị bản thân làm nô lệ cho đồng tiền, chuộng hình thức mà xem nhẹ giá trị thực chất bên trong; tình trạng thiếu ý thức chấp hành pháp luật, tội phạm và tệ nạn xã hội trong TN đang gia tăng và diễn biến ngày càng phức tạp…, cùng những biểu hiện tiêu cực khác. Việc vẫn có một bộ phận không nhỏ TN có sự lệch chuẩn đạo đức và các biểu hiện này đang có chiều hướng gia tăng và biến tướng phức tạp, có nguy cơ cản trở sự phát triển đạo đức xã hội là sự báo động cấp bách, cần hết sức quan tâm và giải quyết thấu đáo, kịp thời.

Do đó, cần tuyên truyền, phát huy những giá trị đạo đức hiện đại tiến bộ mà TN đang xây dựng và kịp thời có những tác động đồng bộ, khoa học từ hệ thống chính trị và toàn xã hội để uốn nắn, ngăn chặn những biểu hiện tiêu cực trong YTĐĐTN, góp phần định hình thế hệ TN tiến bộ, vững vàng, tự tin trong kỉ nguyên mới.

* ***Tóm lại***, về tổng thể sự biến đổi, chúng ta thấy dưới sự tác động của KTTT, YTĐĐTN Việt Nam hiện nay đã chuyển đổi rõ nét từ YTĐĐ giáo điều, xuôi chiều sang YTĐĐ hành động. Với diện mạo mới này, *YTĐĐTN hành động* có các đặc điểm điển hình đó là: *Chủ động kiến tạo thích ứng; Linh hoạt theo điều kiện hoàn cảnh; Đa giá trị; Đậm cái tôi; Đan xen những yếu tố đối lập* (cái truyền thống hài hòa với cái thời đại, cái tôi làm tiền đề cho cái ta, cái tích cực tiến bộ song hành với cái tiêu cực, lệch chuẩn). Trong đó, biểu hiện vận động biến đổi cơ bản của các thành tố cấu trúc trong YTĐĐTN hiện nay thể hiện ở sự đa dạng hóa trong nhận thức, sự điều chỉnh trong tình cảm đạo đức, sự dao động trong niềm tin đạo đức và sự chuyển dịch trong lý tưởng sống. Điểm nổi bật là ở các thành tố của YTĐĐTN có chung xu hướng ngày càng đề cao tính tự quyết, bảo vệ cái tôi và năng lực chủ động kiến tạo, tất nhiên không tránh khỏi những tiêu cực, lệch chuẩn nhưng về cơ bản đây là sự điều chỉnh sâu sắc có chọn lọc, không phải sự nổi loạn mù quáng.

Có thể hiểu, đằng sau những biểu hiện bề ngoài có vẻ mâu thuẫn, bản chất cốt lõi của sự biến đổi YTĐĐTN hiện nay là một quá trình thích ứng có chọn lọc, khi nền KTTT càng phát triển thì sự chọn lọc và phân hóa trong YTĐĐTN càng trở

nên quyết liệt. Nhìn tổng thể và đánh giá một cách khách quan, sự chuyển biến này ở YTĐĐTN là một sự tiến bộ đáp ứng yêu cầu của thế giới hiện đại, bởi nó trang bị cho TN những nền tảng năng lực sinh tồn cốt lõi để vươn lên mạnh mẽ trong một thị trường kinh tế toàn cầu đầy biến động, tính cạnh tranh và đào thải khốc liệt, vừa bảo đảm tính nhân văn để duy trì sự gắn kết cộng đồng dân tộc, quốc tế.

3.3.2. Nguyên nhân của thực trạng biến đổi ý thức đạo đức thanh niên dưới tác động của kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay

Với phạm vi nghiên cứu của đề tài tập trung xem xét sự biến đổi YTĐĐTN dựa trên mối quan hệ tác động của tồn tại xã hội (cốt lõi là yếu tố kinh tế) tới ý thức xã hội (yếu tố đạo đức), có thể đánh giá về nguyên nhân của thực trạng biến đổi YTĐĐTN dưới tác động của KTTT ở Việt Nam hiện nay ở những điểm cơ bản sau:

***Một là**, thực tiễn biến đổi của tình hình kinh tế - xã hội ở Việt Nam:*

Có thể thấy trước thời kì Đổi mới, Việt Nam còn theo cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp, chưa vận hành cơ chế thị trường. Từ năm 1986 đến trước năm 2001 là quãng thời gian Việt Nam mở ra công cuộc Đổi mới trong đó nền kinh tế chính thức chuyển mình từ cơ chế cũ quan liêu bao cấp sang tiếp cận, bước đầu định hình và vận hành cơ chế kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. Bắt đầu từ năm 2001 đến nay Việt Nam chính thức đề cập đến thuật ngữ "phát triển nền KTTT" trong văn kiện Đại hội Đảng khóa IX như là dấu mốc đánh dấu từ đây Việt Nam đã chính thức gia nhập và quyết tâm xây dựng, đẩy mạnh phát triển nền KTTT định hướng XHCN thực sự hiện đại. Do đó, đi theo mốc thời gian này là tìm hiểu về một thế hệ TN mới - thế hệ TN là con đẻ, sản phẩm trực tiếp được sinh ra và lớn lên trong thời kỳ đất nước xây dựng và phát triển nền KTTT hiện đại trên đà phát triển nhanh mạnh và hội nhập quốc tế sâu rộng, do đó họ là những chủ thể chịu ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ nhất từ môi trường này. Họ luôn chịu sự cọ xát trực tiếp và khốc liệt của các yếu tố nội tại trong nền KTTT (quy luật cạnh tranh, qui luật giá trị, quy luật cung - cầu..). Theo đà phát triển, bản thân các quy luật của nền KTTT vốn đã luôn tồn tại khách quan, đến nay càng vận hành, bao trùm và tác động mạnh mẽ hơn đến tất cả lực lượng trong xã hội, các yếu tố thuận lợi và rủi ro của thị trường cũng luôn gia tăng và

đan xen tác động. Khi sự vận động của các quy luật kinh tế là không ngừng, ngày càng khốc liệt, kéo theo sự phân hóa xã hội cũng trở nên rõ ràng, sâu sắc hơn, dẫn tới gia tăng những áp lực, trăn trở, kì vọng trong đời sống vật chất và tinh thần của TN.

Trong môi trường kinh tế xã hội đó, lớp TN hiện nay buộc phải thích ứng để sinh tồn, do đó họ có những bước chuyển đổi lối tư duy đạo đức giáo điều, một chiều để hình thành lối tư duy "đạo đức hành động", họ không còn thụ động hay chỉ mới có chút chuyển mình tiếp cận với những biến động của cơ chế thị trường như những thế hệ TN trước đó. Việc thế hệ TN hiện nay coi trọng đề cao mạnh mẽ, rõ nét tính tự chủ, hiệu quả và năng lực cạnh tranh cá nhân là một tất yếu. Chính sự thay đổi bối cảnh kinh tế xã hội này là nguyên nhân gốc rễ khiến sự biến đổi của YTĐĐTN hiện nay mang tính dứt khoát, quyết liệt hơn.

***Hai là**, xu thế của nền KTTT ở Việt Nam giai đoạn hiện nay*:

Tính hai mặt trong quá trình phát triển KTTT ở Việt Nam xen lẫn thời cơ và thách thức cho sự biến đổi của đời sống xã hội. Trong bối cảnh đó tất yếu quy định tính hai chiều vừa biến đổi tích cực vừa biến đổi tiêu cực trong YTĐĐTN. Do vậy, việc kiên định phát triển tiến tới hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN để phát huy mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực của KTTT tác động đến đạo đức TN là hướng đi tuân theo đúng quy luật và phù hợp thực tiễn Việt Nam.

Theo xu thế chung thời đại, mô hình KTTT mà Việt Nam đang chú trọng xây dựng là mô hình KTTT hiện đại với đa dạng, đan xen hướng phát triển: kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế chia sẻ, kinh tế ban đêm,….Đây là mô hình kinh tế luôn đề cao tính năng động, mở rộng liên thông, điều này cũng chi phối mạnh mẽ tính biến đổi linh hoạt, gia tăng mức độ, mở rộng biên độ và phạm vi biến đổi của YTĐĐ xã hội và YTĐĐTN. Nền KTTT hiện đại ở Việt Nam hiện nay luôn gắn bó mật thiết, không tách rời với quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng và cách mạng khoa học công nghệ 4.0, đây vừa như một yếu tố nội tại hữu cơ, vừa là đặc điểm, vừa là bối cảnh phát triển KTTT hiện đại. Với tốc độ phát triển của nền KTTT hiện đại ngày nay, thế giới đang theo xu hướng chủ nghĩa đa phương, dần xích lại gần nhau trên một tinh thần cảm thông và cởi mở, TN trở nên năng

động hơn, có kỷ luật hơn, tư duy đa chiều hơn và chủ động hơn trong việc đi tìm kiếm những giá trị đạo đức mới để điều chỉnh nhân cách cho mình, điều đó cũng là tất yếu. Tuy nhiên, chính "Tình trạng nhập khẩu, quảng bá, tiếp thu dễ dãi, thiếu chọn lọc sản phẩm văn hóa nước ngoài đã tác động tiêu cực đến đời sống văn hóa của một bộ phận nhân dân, nhất là lớp trẻ" [23, tr.125]. Lo ngại hơn khi trong bối cảnh kinh tế mở cửa hội nhập, toàn cầu hóa, bùng nổ công nghệ hiện nay, cuộc đấu tranh ý thức hệ cũng đang diễn ra cam go và ngày càng quyết liệt, các thế lực thù địch trong và ngoài nước liên tục tìm mọi cách tấn công toàn diện, đa kênh, âm thầm mà tinh vi, đặc biệt trong lĩnh vực chính trị, văn hóa, tư tưởng, lối sống qua truyền thông, mạng xã hội. Chúng tập trung chĩa mũi nhọn trước hết vào thế hệ trẻ - thế hệ giàu tiềm năng và là lực lượng kế tục sự nghiệp cách mạng nhằm phá hoại công cuộc xây dựng CNXH ở nước ta. Những sản phẩm đồi trụy, phi văn hóa, phi nhân tính tràn ngập vào Việt Nam làm tha hóa, biến chất nhanh chóng một bộ phận TN. Sự sa sút về thế giới quan, nhân sinh quan, phẩm chất đạo đức ở TN ngày càng có chiều hướng gia tăng là một tất yếu, hiện thực này luôn là mối nguy thường trực, lâu dài, là nỗi lo chung của toàn xã hội.

Thêm nữa, làn sóng của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang ảnh hưởng mọi mặt, sâu rộng trong đời sống kinh tế - xã hội Việt Nam, đặc biệt tác động đến thế thệ TN thời hội nhập. Nhiều nhà khoa học và chuyên giả đã chỉ ra: Các công nghệ kỹ thuật số, như dữ liệu lớn, điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo, công nghệ chuỗi khối (blockchain) và internet vạn vật đang tạo ra những thay đổi sâu sắc nền kinh tế truyền thống, phá vỡ nguồn lực và động lực cũ, nuôi dưỡng và phát triển các động lực và nguồn lực mới… Trong nền KTTT hiện đại ngày nay, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã khiến khoa học và công nghệ từng bước trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, tác động mạnh mẽ đến tư duy, lối sống của con người, làm thay đổi thang giá trị và những nguyên tắc chi phối hoạt động sống của cá nhân, cộng đồng và của xã hội. **“**Cách mạng khoa học và công nghệ hiện nay tạo nên những sản phẩm mới, dịch vụ mới, đa dạng và phong phú trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, từ lao động sản xuất đến tiêu dùng, giải trí, nghỉ ngơi, từ lương thực, thực phẩm, ăn uống đến nhà cửa, không gian

sinh hoạt chung, giao thông, đi lại và cả đời sống tinh thần của các tầng lớp xã hội khác nhau. Điều đó cũng góp phần làm cho lối sống của con người, của các chủ thể xã hội khác nhau, nhất là TN, nhanh hoặc chậm, sớm hoặc muộn, cũng phải thay đổi. Cùng với đó, khi xã hội càng phát triển, nền kinh tế càng tiên tiến sẽ tạo ra những điều kiện vật chất thuận lợi cho con người sáng tạo ra khoa học và công nghệ, nhưng khi đã trở thành những thực thể vật chất độc lập thì bản thân nó vận động theo những quy luật nội tại. Điều này khiến cho con người, trong những chừng mực nhất định, không thể kiểm soát được hết mọi tác động, cũng như không thể dự kiến hết những hậu quả của tiến bộ khoa học và công nghệ đối với các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có lối sống" [94, tr. 78]. Minh chứng là khi công nghệ số phát triển, không gian mạng trở thành môi trường mở, nhanh chóng gia tăng tốc độ, không gian thể hiện YTĐĐTN, đan xen vô vàn luồng thông tin độc hại, sai lệch, cùng với sự phát triển tinh vi của AI và công nghệ giả mạo (deepfake). Sự bủa vây của các trào lưu phản văn hóa, kích động bạo lực trên mạng xã hội khiến những TN thiếu tri thức, bản lĩnh dễ bị nhiễu loạn niềm tin, dẫn đến các hành vi lệch chuẩn và suy thoái đạo đức nhanh chóng.

Những yếu tố khách quan này đều làm gia tăng mức độ biến đổi và mở rộng biên độ biến đổi, cùng tính phức tạp đan xen trong chất lượng biến đổi YTĐĐTN. Nguyên nhân này càng đặt ra yêu cầu cấp thiết không ngừng hoàn thiện mô hình KTTT hiện đại nhằm tạo cơ sở xây dựng môi trường thực tiễn tổng hòa các yếu tố tự nhiên, kinh tế, chính trị, pháp lý, văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ,… thuận lợi, văn minh tác động đến đạo đức TN.

***Ba là**, sự nhận thức và vai trò tác động của các thiết chế xã hội:*

Có thể thấy, thực trạng biến đổi trên còn phải kể đến nguyên nhân do thiếu sự coi trọng, quan tâm thích đáng và đồng bộ từ các thiết chế xã hội đến đạo đức của TN, đặc biệt là sự suy giảm vai trò tác động của các thiết chế giáo dục truyền thống và sự ảnh hưởng ồ ạt, có phần lấn át của thiết chế truyền dẫn mới - thiết chế truyền thông (internet, mạng xã hội). Thực tế, vấn đề xem nhẹ công tác giáo dục đạo đức, lối sống văn hóa cho TN, đề cao thái quá vai trò quyết định của yếu tố kinh tế vẫn còn hiện diện và chưa được giải quyết triệt để. Các thiết chế giáo dục truyền thống như

Nhà nước, gia đình, nhà trường, và các lực lượng khác trong xã hội còn tồn tại tình trạng chậm đổi mới, cứng nhắc, lạc hậu, giáo điều, thiếu nghiêm minh, gương mẫu, chưa bám sát tình hình TN khi triển khai các chính sách, pháp luật, biện pháp giáo dục đạo đức cho TN. Thực vậy, khi nền kinh tế luôn đặt nặng mục tiêu lợi nhuận, lợi thế cạnh tranh, gia tăng năng suất và thu nhập thì các lực lượng giáo dục trong xã hội cũng luôn đối mặt với áp lực và bị mục tiêu kinh tế chi phối, dẫn đến có những biểu hiện tiêu cực hoặc triển khai giải pháp còn lúng túng, bất cập. Trong giáo dục nhà trường không thể phủ nhận còn tình trạng bệnh thành tích, thỏa hiệp với gian lận thi cử; việc dạy và học đạo đức còn nặng về lý thuyết, giáo điều, khô cứng, thiếu những ví dụ sinh động và sự gắn kết với thực tiễn đời sống, các môn học giáo dục công dân hay đạo đức đôi khi bị xem là "môn phụ";...Trong gia đình, nhiều bậc cha mẹ do áp lực kinh tế đã không có đủ thời gian quan tâm, trò chuyện và làm gương cho con cái. Một số lại quá nuông chiều, đáp ứng mọi đòi hỏi vật chất mà quên đi việc bồi dưỡng tâm hồn, ý thức, nghị lực cho người trẻ,…. Ngoài xã hội, TN vẫn chứng kiến những biểu hiện tiêu cực chạy theo vật chất và đồng tiền như: tham nhũng, sa hoa lãng phí, đua đòi, sống ảo, sính ngoại, kiếm tiền bất chính,…sức răn đe của pháp luật cũng bị suy giảm bởi áp lực đồng tiền. Các hành vi lệch chuẩn, phản đạo đức còn tràn lan, chưa đươc kiểm soát, điều chỉnh kịp thời, hiệu quả bởi cơ quan chức năng. Các thế lực thù địch vẫn gia tăng tấn công tình cảm, niềm tin của lớp trẻ ở mọi không gian với thủ đoạn ngày càng tinh vi,... Trong khi đó còn thiếu vắng những hình mẫu đạo đức sống động trong hiện thực, có sức thuyết phục cao để truyền cảm hứng đến TN. Các tổ chức TN như Đoàn, Hội đôi khi còn hoạt động hình thức, khô cứng, bề nổi, thiếu chiều sâu, chưa thực sự tạo ra được những sân chơi, môi trường lành mạnh, thiết thực với những tấm gương sáng đủ sức lay động và lôi cuốn TN học tập, rèn luyện,…

Bên cạnh đó, trong nền KTTT hiện đại với sự bùng nổ của công nghệ thông tin, nổi lên thiết chế mới - truyền thông số (Internet và mạng xã hội) đang là con dao hai lưỡi, vừa mở ra một thế giới tri thức rộng lớn, kết nối con người và tạo ra nhiều cơ hội phát triển bản thân, và cũng là một môi trường phức tạp, tiềm ẩn nhiều rủi ro ngăn cản sự phát triển đạo đức của TN. Bản chất các thiết chế truyền thông số luôn

vận hành theo cơ chế thị trường, chay theo xu hướng thị hiếu của TN để tìm kiếm lợi nhuận. Hiện nay tình trạng lan tràn thiếu kiểm soát trên mạng các thông tin giả, các trào lưu phản cảm, nội dung phản động, bạo lực, khiêu dâm... có thể nhanh chóng đầu độc tâm hồn, định hướng sai lệch về nhận thức và hành vi của giới trẻ. Nếu không kiểm soát, quản lý sát sao kịp thời của các lực lượng xã hội, sẽ đẩy TN dễ dàng tiếp cận thông tin trái chiều, tiêu cực, làm lấn át chỗ đứng của thông tin chính thống, tích cực trong tâm trí TN. Mạng xã hội cũng thường là nơi trưng bày những điều hào nhoáng, hình ảnh cuộc sống hoàn hảo kể cả sự giàu có giả tạo, phi thực tế. Điều này có thể gây thêm áp lực, khiến TN có tâm lý tự ti, ghen tị và thích sống ảo, xa rời thực tại, thậm chí sẵn sàng bắt chước, học theo điều gian dối, phi pháp. Thêm nữa, sự ẩn danh trên không gian mạng nhiều khi khiến người trẻ dễ dãi hơn trong phát ngôn, khó bị qui trách nhiệm, vì thế họ có nguy cơ trở thành nạn nhân hay thủ phạm hùa theo dư luận đám đông tiêu cực dẫn đến hành vi sai trái,...

Thực trạng này luôn đặt ra yêu cầu các lực lượng xã hội phải nhận thức đúng đắn tầm quan trọng của giáo dục đạo đức gắn liền với phát triển kinh tế, yêu cầu tăng cường năng lực, sức mạnh điều tiết, chi phối của các thiết chế xã hội đối với YTĐĐTN. Trong mọi giai đoạn phát triển, ở mọi hoàn cảnh, việc giáo dục đạo đức cho TN luôn là nhiệm vụ mang tính cấp bách, và chiến lược lâu dài, quyết định tương lai đất nước. Không thể chỉ chú trọng tăng trưởng kinh tế mà bỏ quên việc vun đắp các giá trị đạo đức, văn hóa, đặc biệt là sự nghiệp giáo dục, xây dựng nguồn nhân lực trẻ trong kỉ nguyên mới. Chính sự đầu tư vào giáo dục đạo đức, mà trước hết là YTĐĐ, xây dựng nhân cách TN đã, đang và sẽ góp phần đảm bảo cho sự tiến bộ và công bằng xã hội, đảm bảo cho sự phát triển thực chất của nền KTTT định hướng XHCN trong cả hiện tại và tương lai. Việc này phải được coi trọng và thực hiện song hành, không thể tách rời với đầu tư phát triển kinh tế. Chỉ khi đạo đức TN được vun đắp vững chắc, phù hợp với yêu cầu phát triển KTTT và hội nhập quốc tế, thì việc xây dựng nguồn nhân lực trẻ chất lượng cao của Việt Nam, xây dựng tương lai cho thế hệ vươn mình mới thật sự bền vững từ gốc, đóng góp hiệu quả trong kỉ nguyên mới của dân tộc. Do vậy, cần thiết phải không ngừng đổi mới, tăng cường công tác

giáo dục đạo đức, lối sống văn hóa cho TN với sự vào cuộc đồng bộ, thực chất, và có trách nhiệm, hiệu quả của mọi lực lượng, chủ thể trong xã hội để định hướng, uốn nắn kịp thời những diễn biến mới trong đời sống đạo đức TN.

Rõ ràng, việc giữ vững và thúc đẩy YTĐĐ tích cực cho TN không phải là một chặng đường bằng phẳng, nhìn rõ được đích đến, mà là một quá trình "đấu tranh" không ngừng nghỉ của nhiều chủ thể mà trước hết là bản thân TN phải liên tục đối mặt với những áp lực, cám dỗ từ chính môi trường kinh tế - xã hội mà họ đang sống. Điều này đòi hỏi không chỉ sự nỗ lực tự thân của mỗi bạn trẻ mà còn cần một môi trường tổng thể về chính trị, kinh tế, pháp lý, văn hóa, xã hội lành mạnh hơn, một nền giáo dục thực chất, hiệu quả và những tấm gương sáng giàu sức cảm hóa để TN có thêm tình cảm, niềm tin và sức mạnh đi trên con đường rèn luyện đạo đức đúng đắn, tiến bộ.

Do vậy, việc triển khai những cơ chế, chính sách, giải pháp từ các lực lượng xã hội tác động đến đạo đức TN theo hướng kết hợp thỏa đáng giữa yếu tố kinh tế với yếu tố pháp luật, văn hóa, giáo dục thông qua phương thức hiện đại của công nghệ là cần thiết và phù hợp.

***Bốn là**, đặc điểm chủ quan của TN*:

Về cơ bản, so với các lứa tuổi khác, TN vốn là lứa tuổi có độ nhạy cảm vượt trội hơn cả với những biến động, diễn biến mới của môi trường khách quan (môi trường kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học công nghệ…). Yếu tố tâm lý để bị tác động bởi ngoại cảnh, khi tiếp cận những giá trị đạo đức mới hoặc ngoại lai một cách dễ dàng, nhanh chóng khiến TN thường có xu hướng thử nghiệm, nhập cuộc ngay cả khi chưa hề được chuẩn bị đủ những kiến thức cần thiết bởi tin rằng vẫn có thời cơ thử nghiệm lại.

Ở TN cũng có các đặc điểm tâm lý điển hình là tính hành động, dấn thân, có thiên hướng bênh vực lẽ phải, tính chính nghĩa, và đặc biệt là khả năng tự ý thức đã phát triển rõ rệt. Song, dưới tác động của KTTT, bên cạnh những điều tích cực, những hiện tượng tiêu cực trong xã hội do bị đồng tiền và vật chất chi phối vẫn tất

yếu xảy ra như tệ tham nhũng, nạn“chạy chức chạy quyền”, kiểu làm giàu bất chính, tính thiếu nghiêm minh của pháp luật, thói đạo đức giả,… ở một bộ phận người có chức quyền, ở cách hành xử thiếu gương mẫu của không ít người lớn. Khi TN phải chứng kiến tình huống tiêu cực, do sự non nớt, thiếu vốn sống, họ dễ rơi vào trạng thái thất vọng, hoặc bức xúc, bất bình, thậm chí hoài nghi, suy giảm, mất niềm tin vào công lý và các giá trị tốt đẹp, dễ có suy nghĩ sai lệch rằng "chân lý không thuộc về kẻ yếu", “pháp luật thiên vị người giàu có”, “sống đạo đức, ngay thẳng quá là dễ bị thiệt thòi”,…từ đó dễ có hành vi hùa theo tiêu cực, sẵn sàng đánh mất lương tâm, vi phạm chuẩn mực đạo đức và bất chấp luật pháp.

Khi bản thân người TN còn thiếu hiểu biết, bản lĩnh, ý chí, niềm tin không vững vàng, ngại tu dưỡng, rèn luyện, chưa định hình lý tưởng phấn đấu rõ ràng, lại sống và học tập trong môi trường giáo dục đạo đức kém hiệu quả, môi trường kinh tế - xã hội thiếu công minh, và sự chăm lo chưa thỏa đáng, đồng thời bị nhìn nhận với định kiến khắt khe, thiếu sự bao dung, tạo cơ hội phát triển,… Những yếu tố này sẽ càng dễ đẩy TN sa lầy vào sự tự ti, mơ hồ, bộc phát khi lựa chọn giá trị và càng dễ bị cuốn vào vòng xoáy lệch chuẩn đạo đức.

TN vốn dễ bị dao động song phải đối mặt với đa chiều luồng tư tưởng, thậm chí xung đột nhau: Có thể gia đình và nhà trường vẫn giáo dục những giá trị truyền thống về lòng hiếu thảo, sự khiêm tốn, "kính trên nhường dưới", trong khi dưới tác động của KTTT, ngoài xã hội lại khuyến khích các giá trị hiện đại như sự cạnh tranh, khẳng định bản thân, tư duy phản biện và thậm chí là phá vỡ những quy tắc cũ. TN cũng dễ rơi vào hoang mang giữa các luồng giá trị đối lập, giữa kiến thức được học tập, lý tưởng ấp ủ và những thực tế trải nghiệm: Họ được dạy về lòng vị tha, hi sinh, tính trung thực, tôn vinh giá trị thực chất, nhưng mạng xã hội và đời sống thực tế lại tràn lan chủ nghĩa cá nhân và hào nhoáng vật chất. Họ được dạy về sự liêm chính, nhưng xã hội lại tràn thông tin về tham nhũng, bất công. Vốn luôn ấp ủ hoài bão cống hiến, lý tưởng xả thân nhưng hoàn cảnh cuộc sống luôn buộc họ phải tính toán lợi ích, cân nhắc thiệt hơn …

Sự xung đột này khiến không ít bạn trẻ cảm thấy lúng túng, khó khăn trong việc lựa chọn một hệ giá trị đạo đức phù hợp để noi theo. Họ có thể rơi vào tình trạng hoặc là phủ nhận sạch trơn các giá trị truyền thống, hoặc là tiếp thu một cách thiếu chọn lọc các luồng văn hóa ngoại lai, dẫn đến những hành vi lệch chuẩn. Mâu thuẫn này cũng tạo ra một cuộc khủng hoảng niềm tin sâu sắc. Họ không biết tin vào đâu, đâu mới là giá trị thật sự. Sự hoang mang này khiến họ dễ bị cuốn theo các trào lưu lệch lạc, sống ảo, phi thực tế, hoặc thờ ơ, mất phương hướng, và thậm chí bị mua chuộc, lôi kéo thành phần tử phản động.

TN luôn sẵn sàng ganh đua cạnh tranh để thể hiện và bảo vệ cái tôi, khi mặt trái của KTTT tạo cơ hội cho cái tôi vị kỉ lấn át có thể làm người TN trở nên thờ ơ, vô cảm trước những sai trái, bất công, miễn là không ảnh hưởng đến mình. Ngay cả khi TN vốn vô tư, trong sáng nhưng họ phải chứng kiến tình trạng im lặng, nhân nhượng, chấp nhận một số tiêu cực vặt là "điều bình thường không tránh khỏi" trong cơ chế thị trường, hay nỗi sợ hãi trước cái xấu, cái ác cũng vô tình làm xói mòn, suy thoái tình cảm, niềm tin của TN vào các giá trị đạo đức tốt đẹp của xã hội. Chưa kể, chủ nghĩa thực dụng, bệnh chuộng hình thức với lối sống khoe mẽ giả tạo, thói ham hưởng thụ, lười lao động, ỷ nại,… của một bộ phận người lớn và bạn đồng trang lứa... sẽ tác động tiêu cực đến tình cảm, niềm tin, thui chột ý chí phấn đấu vì lý tưởng đạo đức tốt đẹp của người trẻ. Tình cảm, niềm tin đạo đức vốn là chất xúc tác, chất keo gắn kết con người với các giá trị đạo đức. Khi tình cảm suy giảm, niềm tin bị lung lay, việc giữ vững lý tưởng đạo đức càng trở nên mong manh.

Những đặc trưng này chi phối khá rõ tính nhanh, mạnh, đa chiều, phức tạp, vừa kiên định vững vàng, chủ động kiến tạo thích ứng, vừa dễ tổn thương, khủng hoảng, lệch chuẩn trong YTĐĐTN. Kết quả là có nhiều xu hướng biến đổi đạo đức cùng tồn tại trong cộng đồng TN. Do đó, phát huy năng lực tự giáo dục ở TN được coi là một giải pháp trọng tâm, mang tính quyết định để thúc đẩy những biến đổi tích cực trong YTĐĐTN một cách thực chất và bền vững.

Như vậy, tác động từ bối cảnh kinh tế - xã hội, tính hai mặt của KTTT là tất yếu khách quan, vai trò của các thiết chế xã hội cũng chịu sự tác động hai mặt đó và

luôn tác động dẫn truyền chi phối, yếu tố đặc trưng tự thân của TN vẫn tạo ra những biểu hiện biến đổi cố hữu. Vì thế, yêu cầu phát huy những ưu việt vốn có của KTTT và hạn chế, kiểm soát được mặt trái của KTTT là nhiệm vụ thường trực, trọng yếu, đồng thời phải không ngừng tạo môi trường giúp TN có tri thức và rèn luyện bản lĩnh, văn hóa để vừa thích ứng với sự cạnh tranh khốc liệt, vừa không bị tha hóa bởi sức mạnh của đồng tiền. Với cách tiếp cận này, các lực lượng giáo dục cần có sự ứng xử, cách nhìn khoan dung, khách quan trong việc đánh giá những biến đổi tiến bộ và sai lệch của YTĐĐTN từ đó quan điểm phát triển trong định hướng, giáo dục TN. Cần định hướng dẫn dắt, tạo môi trường khách quan thuận lợi cho con đường học hỏi, rèn luyện đạo đức của TN với những chuẩn mực giá trị cốt lõi, nhưng mục tiêu hướng đến là ưu tiên tôn trọng và phát huy năng lực tự giáo dục ở người trẻ. Đó cũng là hướng tiếp cận khoa học, tiến bộ, nhân văn với TN.

3.3.3. Một số vấn đề đặt ra từ thực trạng biến đổi ý thức đạo đức thanh niên dưới tác động của kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay

Từ thực trạng đã phân tích, có thể thấy sự biến đổi YTĐĐTN dưới tác động của KTTT không chỉ là sự thay đổi về mặt hiện tượng mà là quá trình vận động mang tính quy luật của ý thức xã hội trong mối quan hệ biện chứng với tồn tại xã hội. Tuy nhiên, chính quá trình vận động này đã làm nảy sinh những mâu thuẫn nội tại trong quá trình biến đổi YTĐĐTN, đặt ra những vấn đề có ý nghĩa phương pháp luận và thực tiễn cần được giải quyết. Những vấn đề đó có thể được khái quát trên các phương diện cơ bản sau:

**** Thứ nhất,*** *vấn đề định hướng và thiết lập tính thống nhất của tri thức đạo đức thanh niên trong điều kiện đa dạng hóa hệ giá trị*

Tri thức đạo đức, với tư cách là sự phản ánh có ý thức các chuẩn mực, nguyên tắc và giá trị đạo đức của xã hội, luôn mang dấu ấn của những điều kiện kinh tế – xã hội cụ thể. Trong điều kiện KTTT, sự vận động của quan hệ hàng hóa – tiền tệ và quá trình toàn cầu hóa đã làm xuất hiện một không gian giá trị đa dạng, trong đó các hệ giá trị truyền thống, hiện đại và ngoại lai cùng tồn tại, tác động lẫn nhau.

Về mặt biện chứng, đây là biểu hiện của quá trình mở rộng và phong phú hóa nội dung của tri thức đạo đức. Tuy nhiên, chính sự đa dạng đó lại làm nảy sinh mâu thuẫn giữa tính phong phú của nội dung tri thức đạo đức với yêu cầu về tính định hướng và tính chuẩn mực của nó. Khi thiếu một hệ quy chiếu giá trị đủ mạnh và ổn định, tri thức đạo đức của một bộ phận TN có xu hướng rơi vào trạng thái phiến diện, cảm tính, hoặc bị chi phối bởi những giá trị mang tính công cụ và lợi ích trước mắt, thậm chí rơi vào lệch chuẩn, phản giá trị.

Do đó, vấn đề đặt ra không đơn thuần là gia tăng tri thức đạo đức, mà là giải quyết mối quan hệ giữa đa dạng hóa và định hướng giá trị, giữa khả năng tiếp nhận cái mới và năng lực phê phán, chọn lọc. Điều này đòi hỏi phải xây dựng một hệ tiêu chí giá trị đạo đức có tính định hướng XHCN, đồng thời nâng cao năng lực tư duy lý luận và năng lực tự ý thức của TN trong việc tiếp nhận và xử lý các chuẩn mực đạo đức khác nhau.

* ***Thứ hai,*** *vấn đề biến đổi và tái cấu trúc tình cảm đạo đức thanh niên trong bối cảnh ngày càng cá nhân hóa đời sống xã hội*

Tình cảm đạo đức là yếu tố thể hiện thái độ giá trị của chủ thể đối với các chuẩn mực và quan hệ đạo đức, giữ vai trò trung gian giữa tri thức đạo đức và hành vi đạo đức. Trong điều kiện KTTT, cùng với sự phát triển của tính năng động cá nhân, đời sống tình cảm đạo đức của TN có xu hướng biến đổi theo hướng cá nhân hóa ngày càng rõ nét. Về mặt tích cực, đây là biểu hiện của sự phát triển cái "tôi" cá nhân như một chủ thể tự ý thức và tự chịu trách nhiệm. Tuy nhiên, xét trên bình diện xã hội - đạo đức, quá trình này đồng thời làm nảy sinh mâu thuẫn giữa sự gia tăng tính cá nhân với yêu cầu duy trì và phát triển các giá trị tình cảm mang tính cộng đồng và nhân văn. Khi lợi ích cá nhân trở thành tiêu chí chi phối chủ yếu, các tình cảm đạo đức như lòng nhân ái, tinh thần trách nhiệm xã hội, ý thức cộng đồng có nguy cơ bị suy giảm hoặc biến dạng, và cũng dễ dàng tạo cớ cho sự thỏa hiệp với tiêu cực trong YTĐĐTN.

Vấn đề đặt ra ở đây là cần giải quyết hài hòa lợi ích cá nhân và lợi ích cộng đồng trước xu hướng phản ứng, muốn bảo vệ cái tôi ngày càng tăng trong YTĐĐTN. Do đó, cần thiết định hướng tình cảm đạo đức TN theo hướng thống nhất giữa cá nhân và xã hội, giữa khẳng định bản thân và gắn bó với cộng đồng. Điều này không thể thực hiện bằng những tác động đơn lẻ, một sớm một chiều mà cần thông qua việc kiên trì xây dựng một môi trường xã hội - văn hóa lành mạnh, trong đó các giá trị nhân văn được nuôi dưỡng và củng cố một cách bền vững. Tức là cần thiết lập môi trường tổng hòa về chính trị, kinh tế, pháp lý, văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ vừa hiện đại vừa nhân văn để nuôi dưỡng, thúc đẩy tình cảm đạo đức lành mạnh, lâu bền cho TN.

**** Thứ ba,*** *vấn đề khắc phục khủng hoảng và củng cố niềm tin đạo đức của TN trong điều kiện phân hóa xã hội để thúc đẩy hiện thực hóa hành vi đạo đức của TN*

Niềm tin đạo đức là sự kết tinh của tri thức và tình cảm đạo đức, đóng vai trò như một nhân tố bảo đảm tính ổn định và định hướng của hành vi đạo đức. Trong điều kiện KTTT, cùng với sự phát triển của lực lượng sản xuất và mở rộng các quan hệ xã hội, xã hội cũng xuất hiện những hiện tượng phân hóa về lợi ích, địa vị và cơ hội phát triển. Xét trên phương diện biện chứng, sự phân hóa này là hệ quả tất yếu của quá trình phát triển, nhưng đồng thời cũng làm nảy sinh mâu thuẫn giữa tính công bằng, nhân văn của các giá trị đạo đức với những biểu hiện bất bình đẳng và lệch chuẩn trong đời sống xã hội. Chưa kể sự phân hóa này còn tạo ra mâu thuẫn trong chính niềm tin đạo đức của TN, TN có niềm tin hiểu biết về giá trị đạo đức nhưng thiếu niềm tin động lực vững chắc muốn hiện thức hóa giá trị đạo đức và sẵn sàng thỏa hiệp với tiêu cực để bảo vệ lợi ích cá nhân. Rõ ràng, khi các chuẩn mực đạo đức không được thực thi một cách nhất quán trong thực tiễn, cơ hội được thực chứng, kiểm nghiệm thực tiễn đạo đức của TN suy giảm, thì niềm tin đạo đức của TN dễ rơi vào trạng thái dao động, mất phương hướng, thậm chí bị xói mòn, hoặc thiếu thống nhất xuyên suốt để thúc đẩy hiện thực hóa hành vi đạo đức ở TN.

Do đó, vấn đề đặt ra mang tính căn bản là phải giải quyết mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và YTĐĐ nhằm củng cố và nhất quán niềm tin đạo đức ở TN. Nói cách khác,

không thể chỉ tác động vào ý thức mà phải đồng thời cải biến các điều kiện kinh tế - xã hội theo hướng bảo đảm công bằng, minh bạch và nhân văn, qua đó tạo cơ sở hiện thực, tạo môi trường thực tiễn sinh động thuyết phục cho việc củng cố, xây dựng niềm tin đạo đức của TN đủ lớn để TN chuyển hóa thành hành vi đạo đức một cách chắc chắn..

**** Thứ tư,*** *vấn đề định hướng và xây dựng lý tưởng đạo đức cho TN trong điều kiện đa dạng hóa mục tiêu sống*

Lý tưởng đạo đức là cấp độ phát triển cao của YTĐĐ, phản ánh mục tiêu và phương hướng phát triển nhân cách của cá nhân trong mối quan hệ với xã hội. Trong bối cảnh KTTT và hội nhập quốc tế hiện nay, lý tưởng đạo đức của TN có xu hướng đa dạng hóa hệ giá trị, gắn với sự phát triển bảo vệ giá trị cá nhân và quyền chủ động kiến tạo, ưu tiên cá nhân tự do lựa chọn. Tuy nhiên, sự đa dạng đó đồng thời làm nảy sinh mâu thuẫn giữa tính cá nhân hóa của lý tưởng đạo đức với yêu cầu định hướng xã hội và tính nhân văn của lý tưởng đạo đức. Khi lý tưởng đạo đức bị chi phối bởi chủ nghĩa thực dụng và chủ nghĩa cá nhân, nó có nguy cơ mất đi chiều sâu giá trị và ý nghĩa xã hội, dẫn đến sự thu hẹp tầm nhìn phát triển nhân cách của TN.

Vì vậy, vấn đề đặt ra là phải xây dựng hệ lý tưởng đạo đức mang tính thống nhất giữa cá nhân và xã hội cho TN, trong đó lý tưởng cá nhân không tách rời mà gắn bó hữu cơ với lý tưởng phát triển của đất nước và dân tộc. Điều này đòi hỏi sự kết hợp giữa giáo dục lý tưởng đạo đức với việc tạo lập những điều kiện thực tiễn để TN có thể hiện thực hóa lý tưởng đạo đức của mình trong đời sống xã hội.

Tóm lại, những vấn đề đặt ra từ sự biến đổi YTĐĐTN dưới tác động của KTTT có thể được quy về mâu thuẫn cơ bản giữa tính biến động đa dạng của hệ giá trị, đề cao cái tôi chủ động kiến tạo, yếu tố lệch chuẩn đan xen gây nhiễu trong điều kiện KTTT với yêu cầu giữ vững định hướng giá trị đạo đức tiến bộ, nhân văn và mang bản sắc dân tộc. Việc nhận diện và giải quyết mâu thuẫn này không chỉ có ý nghĩa lý luận trong việc làm sáng tỏ mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, mà còn có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc trong việc định hướng sự phát triển nhân cách của TN Việt Nam trong giai đoạn mới.

Tiểu kết chương 3

Trên cơ sở tổng hợp và phân tích các số liệu từ tài liệu thứ cấp, luận án tập trung khái quá thực trạng và đánh giá thực trạng biểu hiện biến đổi YTĐĐTN dưới tác động của KTTT ở Việt Nam hiện nay. Thực trạng này cho thấy:

Sự biến đổi này diễn ra toàn diện ở các thành tố cấu trúc của YTĐĐTN, ở các mối quan hệ đạo đức chủ đạo của TN với tốc độ biến đổi nhanh, biên độ rộng và có tính quyết liệt, triệt để theo đa chiều gồm cả tích cực và tiêu cực, tiến bộ và lệch chuẩn, phản tiến bộ so với chuẩn mực kì vọng của đạo đức xã hội. Theo đó, đang định hình diện mạo mới trong YTĐĐTN - *YTĐĐTN hành động: Chủ động kiến tạo thích ứng; Linh hoạt theo điều kiện hoàn cảnh; Đa giá trị; Đậm cái tôi; Đan xen những yếu tố đối lập* (cái truyền thống hòa với cái thời đại, cái tôi làm tiền đề cho cái ta, cái tích cực tiến bộ song hành với cái tiêu cực, lệch chuẩn).

Trên cơ sở đó, Luận án đã khái quát một số nguyên nhân cốt lõi của những biểu hiện biến đổi này: *Thứ nhất*, do sự chuyển đổi nhanh, mạnh của bối cảnh nền kinh tế; *Thứ hai*, do xu thế tất yếu ngày càng năng động, mở rộng liên thông của mô hình KTTT hiện đại; *Thứ ba*, do sự suy giảm, thiếu nhất quán trong vai trò tác động của các thiết chế xã hội truyền thống và sự xâm nhập ồ ạt, có phần lấn át của thiết chế truyền dẫn mới - thiết chế truyền thông; *Thứ tư*, do đặc điểm chủ quan của TN.

Thực trạng biến đổi phức tạp của YTĐĐTN tạo ra những thách thức và những vấn đề cấp bách đặt ra cần giải quyết triệt để, kịp thời, thấu đáo đó là: *Thứ nhất*, vấn đề định hướng và thiết lập tính thống nhất của tri thức đạo đức của TN trong điều kiện đa dạng hóa hệ giá trị; *Thứ hai*, vấn đề biến đổi và tái cấu trúc tình cảm đạo đức của TN trong bối cảnh cá nhân hóa đời sống xã hội; *Thứ ba*, vấn đề khắc phục khủng hoảng và củng cố niềm tin đạo đức của TN trong điều kiện phân hóa xã hội; *Thứ tư*, vấn đề định hướng và xây dựng lý tưởng đạo đức cho TN trong điều kiện đa dạng hóa mục tiêu sống. Đây cũng là những định hướng để luận án đề xuất các giải pháp trong Chương 4.

CHƯƠNG 4
QUAN ĐIỂM ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẰM THÚC ĐẨY NHỮNG BIẾN ĐỔI TÍCH CỰC VÀ HẠN CHẾ NHỮNG BIẾN ĐỔI TIÊU CỰC CỦA Ý THỨC ĐẠO ĐỨC THANH NIÊN DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA KINH TẾ THỊ TRƯỜNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Từ thực trạng biến đổi đa chiều của YTĐĐTN dưới tác động của KTTT ở Việt Nam hiện nay có thể thấy nổi lên một số yêu cầu đặt ra đó là: Cần định hướng, xây dựng kịp thời, rõ ràng và đúng đắn tri thức đạo đức và lý tưởng đạo đức cho TN khi chủ thể TN đang không ngừng chủ động kiến tạo đa hệ giá trị, đa mục tiêu với đan xen nhiều mâu thuẫn; Cần tái cấu trúc tình cảm đạo đức TN, điều tiết hài hòa lợi ích cá nhân và lợi ích cộng đồng trước áp lực của yếu tố cá nhân ngày càng lấn át, chi phối; Cần tăng cường và củng cố vững chắc, xuyên suốt nhất quán từ niềm tin hiểu biết đạo đức đến niềm tin hiện thực hóa đạo đức ở TN. Có thể hiểu, để định hướng những biến đổi tích cực và hạn chế biến đổi tiêu cực trong YTĐĐTN hiện nay các giải pháp cần xoay quanh ba mục tiêu chủ đạo là: Xây dựng hệ giá trị chuẩn mực làm mỏ neo định hướng tri thức và lý tưởng đạo đức cho TN; Điều tiết hài hòa lợi ích thông qua cơ chế kinh tế giàu tính nhân văn để tái cấu trúc tình cảm đạo đức cho TN; Thiết lập cơ chế công bằng, minh bạch hóa hành vi đạo đức để thống nhất niềm tin và thực hành đạo đức ở TN. Tổng hòa hiện thực hóa các mục tiêu trên sẽ góp phần xây đắp, củng cố YTĐĐTN phát triển tiến bộ, ngăn ngừa, hạn chế những biến đổi tiêu cực, từ đó dẫn dắt chi phối hành vi và các quan hệ đạo đức của TN một cách tích cực, bền vững.

Do đó, cần đứng trên lập trường, quan điểm duy vật lịch sử để xem xét các giải pháp tác động đến căn nguyên cốt lõi gây ra sự biến đổi và cần có quan điểm khoa học, cách mạng, thực tiễn, lịch sử cụ thể trong việc nhìn nhận đánh giá TN, trong triển khai công tác giáo dục đạo đức TN phù hợp với tình hình TN hiện nay, đồng thời đáp ứng nhiệm vụ cách mạng của đất nước trong thời kì mới. Với hướng tiếp cận trên, luận án đề xuất một số quan điểm định hướng và giải pháp cụ thể như sau:

4.1. Một số quan điểm định hướng

4.1.1. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm tạo tiền đề thúc đẩy biến đổi tích cực của ý thức đạo đức thanh niên

Theo quan điểm duy vật lịch sử, khi tồn tại xã hội, cơ sở hạ tầng biến đổi, thì ý thức xã hội, kiến trúc thượng tầng sẽ biến đổi theo để tương thích. Khi Việt Nam phát triển mô hình KTTT định hướng XHCN, sự thay đổi mô hình cấu trúc kinh tế sẽ kéo theo sự biến đổi các quan hệ xã hội và các hình thái ý thức. Sự biến đổi của YTĐĐTN là kết quả nảy sinh tất yếu từ sự biến đổi tồn tại xã hội này. Vì vậy, để định hướng sự biến đổi tích cực YTĐĐTN và hạn chế biến đổi tiêu cực của YTĐ ĐTN dưới tác động của KTTT thì trước hết cần hoàn thiện thể chế kinh tế, nguyên nhân khách quan căn bản nhất của sự biến đổi này.

Thực tế cũng cho thấy kinh tế và đạo đức có mối quan hệ biện chứng, kinh tế luôn chi phối đạo đức trong đời sống hằng ngày, khi đời sống vật chất được cải thiện, con người có điều kiện để thực hành những chuẩn mực đạo đức tích cực hơn, ngược lại, những khó khăn về kinh tế dễ khiến con người có những biểu hiện đạo đức tiêu cực, dễ rơi vào chủ nghĩa cá nhân, thực dụng, cơ hội. Kinh tế cũng làm thay đổi hình thức và mức độ biểu hiện đạo đức. Khi nền KTTT ngày càng hiện đại gắn với phát triển khoa học công nghệ, toàn cầu hóa và cuộc sống diễn ra với tốc độ cao nhiều áp lực càng khiến nền đạo đức truyền thống bị thách thức, kéo theo đó xuất hiện những hình thức mới của đạo đức như: Đạo đức trong kinh doanh, tiêu dùng; Đạo đức trong môi trường số, mạng xã hội; Đạo đức nghề nghiệp trong bối cảnh tự động hóa, ứng dụng AI (trí tuệ nhân tạo),… Kinh tế còn là động lực hình thành nhân cách và giá trị đạo đức, bởi sự thay đổi trong cách tổ chức sản xuất, trong thu nhập, việc làm, lối sống… sẽ định hình nhân cách, thái độ đạo đức của con người. Nền KTTT luôn chi phối lợi ích và động cơ hoạt động của từng chủ thể. Trong nền KTTT, vấn đề lợi ích kinh tế là động lực trực tiếp và mạnh mẽ nhất thúc đẩy hành vi của mỗi cá nhân. Nền KTTT có giúp thỏa mãn lợi ích cho TN hay không sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến sự lựa chọn giá trị đạo đức và thực hiện hành vi đạo đức ở TN khi họ tham gia học tập, lao động, sinh hoạt, thực hiện quá trình lập nghiệp và tham gia vào thị trường lao động.

Mặt khác, YTĐĐTN không chỉ nằm ở nhận thức mà được xây đắp, tôi luyện qua hoạt động thực tiễn. Do vậy, nền KTTT còn cung cấp môi trường, không gian hoạt động sinh động để rèn luyện thử thách đạo đức của TN. Khi các chủ trương, chính sách kinh tế tạo ra một môi trường cạnh tranh lành mạnh, khuyến khích sự sáng tạo đi đôi với đạo đức kinh doanh như ý thức trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường, sự liêm chính trong kinh doanh,…TN sẽ có mảnh đất rèn luyện và hình thành những phẩm chất đạo đức tốt đẹp. Ngược lại, một môi trường kinh tế thiếu lành mạnh có thể làm xói mòn các giá trị truyền thống, đẩy TN vào các hành vi vị kỷ để sinh tồn hoặc cạnh tranh không lành mạnh. Chưa kể, những mâu thuẫn trong tâm lý, tình cảm đạo đức của TN hiện nay, điển hình là sự thỏa hiệp với tiêu cực để đổi lấy lợi ích cá nhân thực chất bắt nguồn từ việc người trẻ phải chịu áp lực sinh tồn, áp lực cạnh tranh, và sự chi phối quá lớn của các qui luật thị trường, khiến cho niềm tin về việc "giữ vững đạo đức sẽ đem lại thành công" dễ dàng bị lung lay. Để giải quyết triệt để tình trạng thiếu nhất quán và sự thỏa hiệp của TN trước các cám dỗ lợi ích, các giải pháp không thể chỉ dừng lại ở giáo dục, tuyên truyền, vận động lý thuyết mà trước hết phải tác động vào môi trường KTTT - nơi tạo ra các động lực lợi ích cho giới trẻ. Hơn thế, giải quyết vấn đề từ gốc rễ kinh tế sẽ giúp tạo ra sự thay đổi mang tính hệ thống và bền vững, thay vì chỉ mang tính chất đối phó hay tạm thời. Khi thể chế, cơ chế kinh tế vận hành theo hướng tiến bộ, đạo đức của TN sẽ được định hình trong khuôn khổ một cách tự nhiên như một thói quen và chuẩn mực tất yếu của xã hội, giúp giảm tải áp lực cho công tác giáo dục, tuyên truyền và quản lý nhà nước.

Bên cạnh việc khẳng định tính qui định của cơ sở kinh tế đối với đạo đức, Chủ nghĩa Mác - Lênin cũng nhấn mạnh vai trò của pháp luật trong việc xây dựng đạo đức xã hội. Pháp luật là hệ thống quy tắc do nhà nước ban hành, mang tính cưỡng chế, trong khi đạo đức là hệ thống các chuẩn mực xã hội, mang tính tự giác. Tuy có phương thức tồn tại khác nhau, nhưng cả hai đều hướng tới mục tiêu chung là duy trì trật tự và ổn định xã hội. Pháp luật và đạo đức có mối quan hệ mật thiết, tương tác và hỗ trợ lẫn nhau trong việc điều chỉnh hành vi con người và xây dựng xã hội. Trong mối quan hệ này, pháp luật là điểm tựa vững chắc cho đạo đức.

Pháp luật tạo ra cơ sở pháp lý ghi nhận và bảo vệ đạo đức, từ những giá trị đạo đức truyền thống đến những chuẩn mực đạo đức mới tốt đẹp của xã hội. Pháp luật cũng góp phần hình thành và phát triển đạo đức, bởi thông qua việc ban hành và thực thi pháp luật, nhà nước có thể định hướng, khuyến khích những hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức, đồng thời ngăn chặn những hành vi vô đạo đức,…

Bản thân nền KTTT không thể tự nó điều tiết tính hai mặt vốn có nên vai trò tác động trở lại của kiến trúc thượng tầng, của các thiết chế xã hội thông qua xác lập, định hướng chủ trương, cơ chế, chính sách, pháp luật đối với kinh tế đóng vai trò then chốt nhằm phát huy những ưu thế của nền KTTT hiện đại năng động, cởi mở, gia tăng động lực phấn đấu ở mỗi cá nhân TN, đồng thời không ngừng kiểm soát, hạn chế những thách thức từ mặt trái của nền KTTT đến đạo đức TN. Điều này đặt ra yêu cầu tập trung giải quyết đúng đắn mối quan hệ pháp luật - kinh tế - đạo đức, tức là quá trình xây dựng, phát triển ý thức đạo đức xã hội cần xuất phát trước hết từ các giải pháp về mặt cơ sở kinh tế, và kết hợp với thiết lập nền tảng pháp luật.

Điều này đã được quán triệt trong Nghị quyết Đại hội Đảng khóa XIV (2026-2031), Đại hội đã nhấn mạnh một trong những nhiệm vụ trọng tâm thời gian tới là "Phát triển nguồn lực con người, phát triển văn hoá thực sự trở thành nền tảng tinh thần, sức mạnh nội sinh, động lực to lớn cho sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước". Để thực hiện điều đó, Đại hội cũng đã xác định một trong các đột phá chiến lược của nhiệm kỳ Đại hội XIV của Đảng là "Đột phá mạnh mẽ về thể chế phát triển, nâng cao năng lực hoạch định và tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để khơi thông, giải phóng và phát huy hiệu quả mọi nguồn lực" [192]. TN với vai trò là chủ nhân tương lai đất nước, khi được phát triển toàn diện từ gốc là đạo đức sẽ góp phần trực tiếp xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước trong cả hiện tại và tương lai. Do vậy việc hoàn thiện thể chế kinh tế có ý nghĩa tiên quyết khi xây dựng môi trường kinh tế - xã hội thuận lợi, văn minh nhằm thúc đẩy biến đổi tích cực, phát triển đạo đức TN.

Như vậy, cần không ngừng cập nhật, phát triển các mô hình KTTT hiện đại gắn với đổi mới, hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN, xây dựng, hoàn

thiện pháp luật, cơ chế chính sách của Nhà nước nhằm tạo môi trường kinh tế - xã hội, hành lang pháp lý thuận lợi để phát huy, thúc đẩy những biến đổi tích cực, tiến bộ, hạn chế những biến đổi tiêu cực trong YTĐĐTN hiện nay. Mặt khác, khi thực hiện hiệu quả những giải pháp này, sẽ giúp mọi lực lượng trong xã hội đặc biệt là TN có nhận thức đầy đủ, rõ ràng hơn và thêm vững vàng, tin tưởng vào mô hình KTTT mà Việt Nam theo đuổi lựa chọn, thấy được tính khoa học, nhân văn, cách mạng của con đường phát triển đất nước, tự hào về thành quả phát triển đất nước dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng. Từ đó vai trò, vị thế của Đảng, hệ thống chính trị ngày càng được khẳng định, củng cố trong tình cảm, tâm trí TN. Bản thân TN khi được sống, được thụ hưởng, được chăm lo, phát triển trong môi trường chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, pháp luật công bằng, dân chủ, văn minh, lành mạnh, tiến bộ, phù hợp với xu thế chung, sẽ có thêm nhiều cơ hội thuận lợi để dưỡng đức, rèn trí, luyện thể, xây mỹ, phát triển toàn diện, vươn mình mạnh mẽ trong tương lai.

Hiện nay, nền KTTT định hướng XHCN của Việt Nam cần tiếp tục được định hướng để đảm bảo tính khách quan của hoạt động thị trường nhưng không được xa rời các nguyên tắc của CNXH. Việc khuyến khích các chủ thể kinh tế phát huy tối đa tiềm năng, năng lực và sự bứt phá trong quá trình phát triển cá nhân không đồng nghĩa với việc các giá trị xã hội chung vì lợi ích cộng đồng, tập thể bị xóa nhòa. Muốn thế cần có những định hướng về mặt chủ trương, chính sách, pháp luật từ phía Đảng, nhà nước và sự vào cuộc đồng bộ của các lực lượng trong xã hội để mô hình kinh tế này phát huy được những ưu điểm vốn có. Điều này có nghĩa bên cạnh việc kích thích động lực vươn lên ở mỗi chủ thể trong xã hội còn bao gồm việc bảo đảm minh bạch, công bằng trong tiếp cận cơ hội, hạn chế các cơ chế sinh ra lợi ích bất chính, và thu hẹp những bất hợp lý trong phân phối. Khi thị trường vận hành với những chuẩn mực minh bạch, công bằng, TN sẽ nhận ra rằng thành công bền vững phải đến từ lao động chân chính và giá trị tạo ra cho xã hội. Ngược lại, nếu thị trường xuất hiện những lỗ hổng, nó sẽ tạo ra động cơ lệch lạc. Nếu môi trường kinh tế dung dưỡng hành vi phi đạo đức thì mọi định hướng, giáo dục đạo đức sẽ mất hiệu lực.

Cùng với việc đẩy mạnh việc hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN, cần không ngừng chú trọng xây dựng và phát huy tính nghiêm minh, nhân văn của Nhà nước pháp quyền XHCN để có tác động tích cực, giảm thiểu tác động tiêu cực tới YTĐĐTN. Làm tốt được những điều này sẽ góp phần xây dựng nền đạo đức mới - đạo đức mới XHCN, bởi về cơ bản, xã hội vẫn không nằm ngoài thuộc tính phổ biến của thị trường là hoạt động theo quy luật cung cầu và gắn với các chế tài xử lý vi phạm; đồng thời cũng không nằm ngoài thuộc tính phổ biến của Nhà nước pháp quyền là tổ chức, vận hành bằng pháp luật; và tuân theo đặc trưng của định hướng XHCN là nhằm giải quyết ổn thỏa quyền lợi chung và riêng, hài hòa quyền lợi cá nhân và tập thể, từ đó tiến tới từng bước bảo đảm quyền lợi của đại đa số thành viên xã hội theo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh**.** Khi đó, tổng hòa các yếu tố sẽ tạo thành hành lang pháp lý chặt chẽ, đồng bộ, nghiêm minh, môi trường kinh tế - xã hội thuận lợi thúc đẩy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực trong YTĐĐTN hiện nay.

Cần phải lưu ý, khi ưu tiên giải quyết yếu tố kinh tế cốt lõi gây ra sự biến đổi, cần tránh việc tuyệt đối hóa vai trò của kinh tế đối với đạo đức. Việc tác động vào nền KTTT không có nghĩa là xem nhẹ các yếu tố văn hóa hay giáo dục, mà là nhằm tạo ra một "mảnh đất" tốt để các giá trị đạo đức tích cực có thể nảy nở và phát triển. Và yếu tố văn hóa, giáo dục sẽ là nguồn nước, mạch nguồn dinh dưỡng không ngừng chăm bón cho các phẩm chất đạo đức thiện lành, tiến bộ của TN tiếp tục được đâm chồi, phát triển khỏe mạnh, bền vững. Với quan điểm trên, có thể khẳng định các yếu tố của nền KTTT vừa đóng vai trò như một đòn bẩy rèn giũa bản lĩnh, tính tự chủ của TN, vừa là môi trường đầy cám dỗ có khả năng làm tha hóa nhân cách nếu thiếu đi sự dẫn dắt của một nền tảng văn hóa tiên tiến, môi trường giáo dục đạo đức khoa học và hành lang pháp luật nghiêm minh.

4.1.2. Tăng cường sự phối hợp giữa các thiết chế xã hội và truyền thông trong định hướng giá trị, giáo dục đạo đức cho TN, đặc biệt coi trọng phát triển năng lực tự giáo dục đạo đức của TN

Quan điểm duy vật lịch sử đã chỉ rõ tính độc lập tương đối của YTĐĐ với tồn

tại xã hội, theo đó sự biến đổi YTĐĐ của TN dưới tác động của KTTT tất yếu diễn ra sự phân hóa, sẽ có bộ phận TN có YTĐĐ rơi vào tụt hậu, lệch chuẩn so với yêu cầu của tồn tại xã hội, và những bộ phận TN có ý thức tiên tiến, biết kế thừa giá trị truyền thống và tiếp thu các giá trị văn minh của thời đại để xây dựng một hệ giá trị đạo đức mới tiến bộ. Đồng thời, YTĐĐ có thể vượt trước tồn tại xã hội nếu được định hướng bởi những tư tưởng tiến bộ và các thiết chế chính trị - xã hội vững mạnh. Một cách khách quan, nền KTTT không thể tự nó định hình nên thế hệ TN có đạo đức hoàn hảo. Để định hướng sự biến đổi tích cực của YTĐĐTN, đặc biệt là xây dựng, phát triển đạo đức mới XHCN cho TN, cần thiết phải có các công cụ của kiến trúc thượng tầng (Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, hoạt động giáo dục, chăm lo của nhà trường, gia đình cùng nhiều lực lượng xã hội khác) để không chỉ phát huy mặt tác động tích cực của KTTT đến đạo đức TN mà còn giúp chủ động trang bị, định hướng, uốn nắn ý thức và năng lực thực hành đạo đức ở TN, bao gồm cả bồi đắp năng lực tự giáo dục, chống lại sự tha hóa đạo đức ở người trẻ. Điều này khẳng định tính tất yếu và vai trò then chốt của công tác giáo dục đạo đức từ phía các chủ thể trong xã hội bên cạnh các chủ trương, chính sách, cơ chế của Đảng và Nhà nước. Đồng thời, khi YTĐĐ của TN được rèn luyện trong môi trường giáo dục khoa học, có sự nhất quán, đồng bộ của các lực lượng giáo dục, tự nó sẽ tạo nên sức mạnh nội lực giúp TN có khả năng điều tiết những mặt trái của KTTT, lúc này TN không chỉ thích ứng với hoàn cảnh mà còn đóng góp vào sự dẫn dắt, phát triển xã hội theo hướng nhân văn.

Nhiều nghiên cứu cũng cho thấy thực tế, có không ít vụ việc vi phạm pháp luật và đạo đức của người trẻ xảy ra có nguyên nhân là tình trạng gia đình thiếu sát sao kèm cặp, buông lỏng quản lý, nhà trường thiếu giáo dục thực tiễn và xã hội thiếu các chế tài dư luận và pháp lý đủ mạnh. Vì thế cần thiết phải có sự phối hợp đồng bộ của nhiều lực lượng giáo dục trong xã hội mà trước hết là gia đình, nhà trường, các tổ chức và lực lượng xã hội khác. Đặc biệt trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và làn sóng công nghệ mạnh mẽ thì không thể xem nhẹ sự định hướng giáo dục thông qua truyền thông, đây vừa là một dạng thiết chế mới trung gian truyền dẫn sự tác động của KTTT đến YTĐĐTN trong bối cảnh hiện đại, vừa là một kênh công cụ mà các thiết chế truyền

thống (gia đình, nhà trường, đoàn thể xã hội) cần phát huy tận dụng tối đa để triển khai hoạt động giáo dục đạo đức TN một cách nhanh chóng, hiệu quả, phù hợp bối cảnh mới. Thực hiện hiệu quả điều này chính là quán triệt sâu sắc tinh thần của Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị ban hành ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Nghị quyết thực sự đặt ra bức thiết việc nhanh chóng đổi mới phương thức giáo dục đạo đức TN gắn với môi trường số, hoạt động chuyển đổi số trong sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ của các thiết chế, lực lượng xã hội.

Thực chất, sự phối hợp ở đây là nhằm tạo ra một sự nhất quán về thông điệp và hành động của các chủ thể giáo dục đạo đức cho TN, điều này rất quan trọng góp phần tạo ra định hướng giá trị thống nhất trong bối cảnh YTĐĐTN đang chuyển biến đa hệ giá trị và dễ mất phương hướng, lệch chuẩn. Khi đảm bảo sự phối hợp khoa học, đồng bộ của gia đình, nhà trường, xã hội, ngoài việc tạo lợi thế chủ động, đa chiều trong việc uốn nắn, định hướng sự biến đổi tích cực của YTĐĐTN, còn góp phần tạo ra những đối trọng với những tác động lấn át đang ngày tăng từ mặt trái của KTTT. Bởi nếu vắng bóng của các chủ thể giáo dục này, hoặc sự phối hợp tạo giá trị không đủ mạnh thì trong nền KTTT các giá trị vật chất, lợi ích cá nhân luôn sẵn có sức hấp dẫn rất lớn, TN vốn là đối tượng có cái tôi mạnh mẽ, lại nhạy cảm nhất với tác động khách quan sẽ mặc định công nhận logic của thị trường là giá trị duy nhất đúng. Khi gia đình, nhà trường và xã hội cùng thống nhất về một hệ chuẩn mực sẽ tạo ra một áp lực cộng hưởng buộc nền KTTT phải vận hành theo những chuẩn mực đạo đức đó.

Chưa kể, tình cảm và niềm tin thường được hình thành và củng cố qua trải nghiệm thực tiễn. Nếu tổng hòa một cách hiệu quả vị thế, sức lay động cảm hóa của từng chủ thể giáo dục sẽ tạo ra được những minh chứng sống đa dạng, gần gũi, giàu sức thuyết phục để củng cố tình cảm, niềm tin đạo đức của TN khi chúng có xu hướng suy giảm, dễ lung lay theo điều kiện cá nhân, hoặc thiếu vững chắc để hiện thực hóa thành hành vi đạo đức. Sức cảm hóa của gia đình sẽ giúp chứng minh cho TN thấy rằng sống có đạo đức mang lại hạnh phúc bền vững; sức cảm hóa của nhà

trường giúp chứng minh cho TN thấy sống có đạo đức sẽ đem lại sự phát triển trí tuệ và nhân cách; sức cảm hóa của các tổ chức và lực lượng xã hội chứng minh cho TN thấy đạo đức mang lại vị thế và sự tôn trọng trong cộng đồng.

Khi tăng cường và tạo ra hợp lực đồng chiều của các lực lượng giáo dục còn tạo ra hệ thống kiểm chứng chéo giúp nhanh chóng thúc đẩy định vị hệ giá trị, hạn chế những xung đột mâu thuẫn khiến YTĐĐTN rơi vào hoang mang, mất phương hướng, hoài nghi bởi ma trận đa hệ giá trị, đồng thời cũng góp phần khắc phục độ trễ của kiến trúc thượng tầng đối với cơ sở hạ tầng. Thực vậy, khi người TN làm một việc tốt ở ngoài cộng đồng xã hội, họ được nhà trường tôn vinh là tấm gương sáng đáng được học hỏi và được gia đình tự hào. Sự phản hồi đồng nhất từ các phía là tín hiệu xác nhận và củng cố thêm niềm tin đạo đức của TN rằng việc sống tử tế thực sự có giá trị và được mọi môi trường thừa nhận. Chính sự xác nhận này tạo động lực mạnh mẽ chuyển hóa xuyên suốt từ hiểu biết đạo đức thành tình cảm, niềm tin hiện thực hóa đạo đức. Sự phối hợp các chủ thể giáo dục còn giúp Đảng, Nhà nước tổng hợp thông tin, từ đó đưa ra các điều chỉnh về giáo dục và chính sách kịp thời, không để "độ trễ" của kiến trúc thượng tần kéo dài quá lâu dẫn đến sự suy giảm, lệch chuẩn nghiêm trọng. Gia đình thường là nơi sớm nhất phát hiện những biến đổi trong tâm lý và thói quen của TN, nuôi dưỡng nền tảng YTĐĐ làm người. Thông qua các hoạt động giảng dạy, nhà trường vừa trang bị, vừa nhận diện được sự thay đổi trong tư duy hiểu biết và sự thực hành vận dụng đạo đức của người trẻ. Các tổ chức xã hội tiêu biểu như tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp TN Việt Nam thường là những người bạn đồng hành tin cậy luôn lắng nghe, chăm lo, hỗ trợ TN, có đa dạng không gian hoạt động thực tiễn vừa để TN bộc lộ tâm tư, suy nghĩ, thiên hướng hành động, những mâu thuẫn gặp phải giữa lợi ích cá nhân và cộng đồng, vừa giúp TN trải nghiệm thực tiễn phong phú từ đó giúp họ tự kiểm nghiệm, tự đối chiếu và rút ra bài học đạo đức.

Bên cạnh đó, sự phối hợp giữa các lực lượng giáo dục còn giúp kiểm soát tác động tiêu cực của lợi ích cá nhân. Lợi ích vốn là cơ sở của hành vi. Trong nền KTTT, lợi ích cá nhân là động lực mạnh mẽ thúc đẩy sự năng động, sáng tạo và nỗ lực tự thân. Tuy nhiên, nếu không được kiểm soát và định hướng, nó dễ dàng biến tướng

thành chủ nghĩa cá nhân vị kỷ, lối sống thực dụng và sự thờ ơ vô cảm. Đạo đức XHCN - đạo đức mới tiến bộ không phủ nhận lợi ích cá nhân nhưng yêu cầu lợi ích đó phải phục vụ cho sự phát triển chung của xã hội. Khi các thiết chế phối hợp điều chỉnh tri thức, tình cảm, niềm tin và hành vi đạo đức để hiện thực hóa lý tưởng đạo đức của TN, sẽ tạo ra cơ chế kiểm soát đa tầng đối với lợi ích cá nhân, góp phần khắc phục tình trạng thỏa hiệp tiêu cực, vi phạm đạo đức theo theo hoàn cảnh do lợi ích cá nhân chi phối. Cụ thể là: Gia đình giúp kiểm soát bằng sợi dây tình cảm và nề nếp gia phong, giúp TN biết xấu hổ, kiềm chế, từ bỏ trước tư lợi vật chất quá độ, mất nhân tính vì lợi ích cá nhân mà làm tổn hại đến sự tự trọng, danh dự gia đình, dòng tộc; Nhà trường thông qua trang bị tri thức nền tảng khoa học đạo đức, về đạo đức nghề nghiệp, về pháp luật giúp TN hiểu rằng việc vi phạm đạo đức vì lợi ích cá nhân sẽ dẫn đến những hậu quả pháp lý và đánh mất uy tín nghề nghiệp dài hạn. Các tổ chức xã hội bằng uy tín, sức mạnh dư luận tập thể tạo ra chế tài cộng đồng vừa vinh danh cái tôi cao thượng, biết hi sinh vì cái chung, vừa phê phán sự vị kỷ.

Chưa kể, việc TN dễ thỏa hiệp với cái xấu theo hoàn cảnh cụ thể, không đơn thuần chỉ do lợi ích cá nhân chi phối mà còn bởi sự mâu thuẫn trong hiểu biết và niềm tin đạo đức TN khi họ chứng kiến sự bất nhất trong việc làm gương của các chủ thể đạo đức. Nếu nhà trường dạy lý thuyết cần trung thực nhưng xã hội lại cổ xúy cho mưu mẹo cơ hội, gia đình đặt nặng mưu sinh vật chất, TN sẽ chọn sự thỏa hiệp tùy theo hoàn cảnh miễn sao có lợi hơn. Khi cả gia đình, nhà trường và xã hội cùng nêu gương chuẩn mực và thống nhất tiêu chuẩn minh bạch, TN sẽ không dễ vin cớ theo môi trường để thực hiện các hành vi thỏa hiệp. Họ sẽ hiểu rằng cái giá phải trả cho việc mất đạo đức là sự thất vọng từ gia đình, đánh giá kém từ nhà trường, sự khinh rẻ từ xã hội, sự đào thải từ thị trường lao động lớn hơn nhiều so với lợi ích ngắn hạn đạt được.

Để khắc phục, hạn chế những tác động tiêu cực của KTTT đến đạo đức TN, chủ động định hướng, uốn nắn, phát triển các biến đổi tích cực của YTĐĐTN, các lực lượng giáo dục như gia đình, nhà trường, tổ chức xã hội không thể tiếp tục duy trì phương thức giáo dục truyền thống mang tính áp đặt

một chiều. Trong thời gian tới, cần một sự chuyển dịch mạnh mẽ về nội dung và phương thức giáo dục, nắm bắt thông tin TN để phát triển YTĐĐTN tiến bộ một cách tự nguyện, tự giác, bền vững, giúp đạo đức trở thành năng lực nội sinh của TN. Tức là cần định hướng, hỗ trợ TN không né tránh nền KTTT, mà đồng hành, giúp họ phát huy ưu thế của KTTT và biết cách làm chủ mặt trái của KTTT bằng sức mạnh của đạo đức.

Muốn thế các giải pháp cần tập trung vào việc *thực tiễn hóa đạo đức* cho TN. Gia đình, nhà trường, các đoàn thể, lực lượng xã hội,… vốn đã là những môi trường thực tiễn sống động, là nơi TN gắn bó sát sườn, có trải nghiệm, trưởng thành hàng ngày sẽ giúp TN xây dựng, phát triển tri thức đạo đức và là bộ lọc kiểm nghiệm nhanh chóng, thiết thực nhất những hiểu biết đạo đức mà mình thu nhận. Trong điều kiện KTTT cởi mở, năng động và đa giá trị hiện nay, TN không chỉ cần hiểu biết chuẩn mực, mà cần có năng lực đánh giá, lựa chọn và chịu trách nhiệm về hành vi của mình. Vì vậy, giáo dục đạo đức từ phía các thiết chế xã hội cần phải đẩy mạnh, tăng cường, đổi mới hơn nữa việc gắn giáo dục đạo đức TN với thực tiễn đời sống, với các tình huống cụ thể của KTTT (cạnh tranh, lợi ích, hội nhập, công nghệ, lựa chọn nghề nghiệp…), đặc biệt trong bối cảnh khoa học công nghệ số phát triển tăng tốc như vũ bão, cần tận dụng khai thác triệt để sức mạnh thiết chế truyền thông số (internet, mạng xã hội, công nghệ trí tuệ nhân tạo…) để gia tăng trải nghiệm và hiệu quả giáo dục cho TN, qua đó giúp TN hình thành tri thức, tình cảm, niềm tin và lý tưởng đạo đức một cách chủ thể hóa.

Hơn thế, để YTĐĐTN phát triển tự lực, tự giác, bền vững, quá trình giáo dục đạo đức TN không thể xa rời nguyên tắc phát huy vai trò chủ thể giáo dục của bản thân TN - nhân tố quyết định cuối cùng diện mạo, chất lượng đạo đức của chính mình. Tức là mọi biện pháp giáo dục của các chủ thể cần hướng tới mục tiêu xuyên suốt là phát triển năng lực tự giáo dục cho TN. Với đối tượng người trẻ đang dần hoàn thiện nhân cách và có chính kiến cái tôi mạnh mẽ, khó áp đặt một chiều thì rất cần ưu tiên hỗ trợ TN tự chủ thiết lập mục tiêu, hình hài đạo đức bản thân. Muốn thế các lực lượng giáo dục, bao gồm cả TN với tư cách vừa là đối tượng vừa là chủ thể giáo dục đạo đức cần tập trung vào ba định hướng giáo dục

trọng tâm: *Trước hết,* cần trang bị, định hướng cho TN nhận thức được tầm quan trọng có tính quyết định của chủ thể cá nhân trong quá trình hoàn thiện nhân cách, thấy được vị trí, vai trò, trách nhiệm của bản thân nói riêng và của lực lượng TN nói chung đóng góp vào sự phát triển xã hội và đạo đức xã hội; *Đồng thời*, cần trang bị, định hướng cho TN tiếp cận tri thức đạo đức khoa học, nhân văn, tiên tiến, từ đó giúp TN tự chủ lựa chọn, xác định rõ cho mình những phẩm chất cụ thể về hình mẫu lý tưởng đạo đức tốt đẹp, vừa sức, phù hợp với nhu cầu phát triển bản thân, vừa đáp ứng yêu cầu xã hội trong thời đại mới; *Xuyên suốt với đó* là truyền cảm hứng giúp TN tự lực xây dựng được tình cảm, niềm tin đủ lớn để hiện thực hóa các tri thức, lý tưởng đạo đức của mình.

Thiết nghĩ, trong thời gian tới, việc trang bị, củng cố cả bốn thành tố cấu trúc YTĐĐ cho TN đều có tầm quan trọng nhất định bởi các thành tố đều hỗ trợ, chi phối lẫn nhau, và cùng định hướng, dẫn đắt hành vi đạo đức của TN, không thể xem nhẹ hay lược bỏ thành tố nào. Tuy nhiên thực tế cho thấy, trong nền KTTT hiện đại ngày nay, khi kinh tế càng phát triển với sự giao lưu hội nhập và ứng dụng công nghệ mạnh mẽ, đời sống vật chất thêm đủ đầy ít nhiều đã và đang làm gia tăng mở rộng cơ hội học tập và điều kiện thuận lợi trang bị tri thức ở nhiều môi trường, trên nhiều nền tảng cho TN, song vấn đề định hướng, thiết kế lý tưởng và bồi đắp, củng cố niềm tin đạo đức cho TN có phần gia tăng thách thức hơn trước. Điều này không thể giải quyết một sớm một chiều nhưng cũng không thể chậm chễ, lơ là. Bởi trong quá trình xây dựng nhân cách, đạo đức của mỗi người, lý tưởng đạo đức nói riêng và lý tưởng sống nói chung có vai trò như một hệ miễn dịch tinh thần. Nếu niềm tin và lý tưởng đạo đức ở mỗi TN không đủ lớn và sắc nét thì mọi hiểu biết về đạo đức hay lời khuyên, sự răn dạy đạo đức cho TN cũng trở nên sáo rỗng, thiếu sức nặng. Một khi TN không tự xây dựng được lý tưởng, không đủ hiểu biết và quyết liệt đi theo lý tưởng đó, tức là hệ miễn dịch đó còn mỏng yếu, sẽ dễ dàng "nhiễm virus" tiêu cực từ xã hội bởi lý do và điểm tựa không đủ lớn để chiến thắng cái ác, cái xấu. Khi lý tưởng hình mẫu đạo đức đó thực sự rõ ràng và tiến bộ lại được củng cố bởi niềm tin chắc

chắn, bởi tri thức khoa học, tình cảm mạnh mẽ thì TN sẽ có "bộ lọc", "lớp khiên" chắc khỏe và "chân trời" sáng tỏ để tự động loại bỏ những cám dỗ không phù hợp làm suy thoái, chệch hướng đạo đức phấn đấu của mình.

Tóm lại, cần sự phối hợp ăn ý giữa các lực lượng giáo dục TN. Khi gia đình nuôi dưỡng tình cảm đạo đức tốt đẹp, nhà trường trang bị tri thức, lý tưởng đạo đức văn minh, và xã hội tạo lập uy tín cho niềm tin đạo đức, TN sẽ giàu bản lĩnh để kiến tạo đa hệ giá trị theo hướng tiến bộ, khắc phục những suy giảm lệch lạc hay vướng mắc, mâu thuẫn hệ giá trị. Cần hiểu rằng, việc phân định vai trò này dựa trên thế mạnh ưu trội của từng chủ thể giáo dục, nhưng chỉ có tính tương đối, vì chủ thể giáo dục nào cũng có khả năng tác động giúp phát triển tổng hòa các thành tố trong YTĐĐTN, và đều cần sự hỗ trợ, phối hợp, tác động đồng bộ, khoa học từ các lực lượng còn lại.

4.1.3. Bám sát mục tiêu xây dựng hệ giá trị văn hóa, con người Việt Nam nói chung và xây dựng hình mẫu thanh niên thời kì mới nói riêng để định vị phương hướng xây dựng, phát triển ý thức đạo đức tiến bộ cho thanh niên

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng căn dặn cần phát huy sức mạnh nội sinh của văn hóa để tác động đến nhân cách con người trong đó có đạo đức: "Phải làm thế nào để văn hóa thấm sâu vào tâm lý quốc dân, nghĩa là văn hóa phải sửa đổi được tham nhũng, lười biếng, phù hoa, xa xỉ. Văn hóa phải làm sao cho quốc dân có tinh thần vì nước quên mình, vì lợi ích chung mà quên lợi ích riêng. Văn hóa phải làm cho mỗi người dân từ già đến trẻ, cả đàn ông và đàn bà ai cũng hiểu được nhiệm vụ của mình và biết hưởng hạnh phúc mình nên hưởng... Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi" [215].

Khi phát triển KTTT định hướng XHCN, Đảng ta luôn nhất quán quan điểm coi trọng giáo dục đạo đức TN với phương châm xây dựng con người mới mang phẩm chất văn minh của thời đại và cốt cách văn hóa dân tộc. Đại hội khóa XIII của Đảng đã yêu cầu phải "giáo dục tinh thần yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc, truyền thống và lịch sử dân tộc, ý thức trách nhiệm xã hội cho các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ" [24, tr. 136]. Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc ngày 24/11/2021, Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh một trong những nhiệm vụ trọng tâm

cần phải thực hiện thật tốt là: “Xây dựng con người Việt Nam thời kỳ đổi mới, phát triển, hội nhập với những giá trị, chuẩn mực phù hợp, gắn với giữ gìn, phát huy giá trị gia đình Việt Nam, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị quốc gia – dân tộc, kết hợp nhuần nhuyễn những giá trị truyền thống với giá trị thời đại...”. Trong tình hình mới, Đảng và Nhà nước ta cũng nêu rõ chủ tương cần phải "Quốc tế hóa bản sắc văn hóa dân tộc, dân tộc hóa tinh hoa văn hóa thế giới" [220]. Đại hội Đảng khóa XIV nhiệm kì 2026-2031 cũng đã định hướng: Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng bộ trên nền tảng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam. Phát triển toàn diện con người Việt Nam về đạo đức, trí tuệ, ý thức dân tộc, trách nhiệm công dân, thượng tôn pháp luật, năng lực sáng tạo, thẩm mỹ, thể lực, kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng số [192].

Thực tiễn cho thấy nền KTTT hiện đại hội nhập quốc tế sâu rộng đang tác động đa chiều dẫn đến sự biến đổi mạnh mẽ, đa giá trị, và không tránh khỏi sự khủng hoảng, mất phương hướng trong lựa chọn chuẩn mực giá trị, thậm chí lệch chuẩn đạo đức trong YTĐĐTN. Việc định vị cho các lực lượng giáo dục TN và chính TN phương hướng giáo dục đạo đức cho mình gắn theo những hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị đạo đức vừa mẫu mực vừa cụ thể, là chìa khóa để định vị và uốn nắn sự phát triển đạo đức TN theo đúng đường ray, khắc phục những mơ hồ, lệch chuẩn trong hiểu biết và lựa chọn giá trị đạo đức ở TN, trực tiếp góp phần xây dựng đạo đức mới XHCN cho TN.

Thực vậy, đạo đức và văn hóa là hai lĩnh vực có mối liên hệ mật thiết với nhau, tác động qua lại và hỗ trợ lẫn nhau. Văn hóa, với tư cách là những điều tinh hoa, tinh túy nhất, được chưng cất, kết tinh, hun đúc thành những giá trị tốt đẹp, cao thượng, chính là mảnh đất màu mỡ nuôi dưỡng đạo đức. Nếu đạo đức là "cái gốc" của con người, thì văn hóa là “nguồn dinh dưỡng” cho cái gốc đạo đức phát triển, tức là văn hóa góp phần nuôi dưỡng, bồi đắp các giá trị đạo đức. Văn hóa cung cấp bối cảnh và khuôn khổ định hướng cho việc hình thành các chuẩn mực đạo đức. Văn hóa đóng vai trò bao trùm và cung cấp hệ giá trị, lý tưởng, và bản sắc, đạo đức

có vai trò chuyển hóa các giá trị trừu tượng của văn hóa thành những chuẩn mực, quy tắc ứng xử cụ thể, được duy trì bởi sức mạnh của dư luận xã hội và sự tự giác của cá nhân. Khi đã hình thành và được thừa nhận vững chắc, các chuẩn mực đạo đức sẽ thúc đẩy cho sự phát triển của văn hóa, và văn hóa tiếp tục là biểu hiện, là sự thể hiện sinh động của đạo đức trong đời sống. Sự khủng hoảng, xói mòn hay tiến bộ về đạo đức cũng chính là minh chứng rõ nét cho thấy sự suy thoái hay phát triển của nền tảng văn hóa. Với vị thế của TN là chủ nhân tương lai của đất nước, quá trình xây dựng, củng cố đạo đức cho TN càng cần thiết phải bám sát đi theo sự định hướng, phát triển của hệ giá trị văn hóa quốc gia. Một nền văn hóa tiên tiến, giàu bản sắc, mạnh mẽ, bền vững sẽ tạo ra cơ sở, nền tảng, tạo môi trường, khí thế để định hướng, xây dựng, củng cố nền tảng đạo đức vững chắc, tiến bộ cho TN.

Mặt khác, xét cho cùng, trong bản chất của CNXH đã chứa đựng yếu tố đạo đức và văn hóa, ở đó mọi sự phát triển đều do con người và vì con người. Muốn TN trở thành những con người XHCN thực thụ thì phải giáo dục, xây dựng đạo đức mới - đạo đức XHCN cho TN ngay từ sớm, phải giáo dục đạo đức TN hướng đến các giá trị văn hóa tiến bộ của xã hội XHCN. Đây là một vấn đề tất yếu, có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng CNXH. Do đó, việc giáo dục, định hướng đạo đức mới tiến bộ cho thế hệ trẻ phải gắn liền với mục tiêu xây dựng vẻ đẹp văn hóa đậm bản sắc Việt trong sự hài hòa với tinh hoa xu thế văn hóa nhân loại và kiên định phẩm chất của con người XHCN.

Hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị con người và hình mẫu TN thời kì mới có mối quan hệ mật thiết, là cơ sở, tiền đề và là phương hướng cho nhau, là mục tiêu của nhau. Trong xây dựng và phát triển văn hóa mỗi quốc gia, dân tộc thì vấn đề xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị con người là một trong những vấn đề định hướng then chốt. Có thể hiểu "Hệ giá trị" ở đây là sự tổng hợp nhiều giá trị tích cực liên kết với nhau, phản ánh khát vọng hướng tới của con người và xã hội, có chức năng chính là định hướng suy nghĩ, hành vi của cá nhân và xã hội thực hiện các giá trị tốt đẹp, xử lý các hành vi lệch chuẩn, hướng dẫn niềm tin của cộng đồng xã hội vào thực hiện các giá trị được đúc kết và công nhận. Mặt khác, khi xác

định TN là "rường cột của nước nhà", nhìn vào chân dung thế hệ TN ngày nay là có thể hình dung hình hài, tầm vóc đất nước trong tương lai. Do đó, việc xây dựng giá trị hình mẫu TN là một bộ phận góp phần hình thành hệ giá trị quốc gia, dân tộc và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới, và hệ giá trị quốc gia định hướng phấn đấu cho hình mẫu chuẩn mực của TN.

Đại hội XIII của Đảng đã đánh dấu bước phát triển quan trọng trong nhận thức tầm quan trọng, sự cần thiết phải nghiên cứu, xác định hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa con người Việt Nam. Các hệ giá trị đó là:

(*1) Hệ giá trị con người Việt Nam cần được xây dựng gồm tám giá trị chủ yếu là: Yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ cương, sáng tạo.*

(2) Hệ giá trị gia đình gồm bốn giá trị cốt lõi: Ấm no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh.

(3) Hệ giá trị văn hóa gồm bốn giá trị nền tảng: Dân tộc, dân chủ, nhân văn, khoa học.

(4) Hệ giá trị quốc gia gồm chín giá trị cơ bản: Hòa bình, thống nhất, độc lập, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, hạnh phúc [Dẫn theo: 197].

Thực hiện chỉ đạo của Đảng, Ban Chấp hành Trung ương Đoàn khóa XI (nhiệm kì 2017-2022) đã ban hành Kế hoạch 131-KH/TWĐTN-BTG ngày 28 tháng 12 năm 2018 về việc triển khai cuộc vận động *"Xây dựng giá trị hình mẫu thanh niên Việt Nam thời kì mới" giai đoạn 2018-2022*, trong đó đã cụ thể hóa ba giá trị cốt lõi "*Tâm trong, Trí sáng, Hoài bão lớn*" thành mười hai tiêu chí cơ bản trong hình mẫu thanh niên đó là: (*1) Có lý tưởng cách mạng; (2) Bản lĩnh vững vàng; (3) Giàu lòng yêu nước; (4) Đạo đức trong sáng; (5) Lối sống văn hóa; (6) Tuân thủ pháp luật; (7) Tiên phong hành động; (8) Sáng tạo không ngừng; (9) Học tập liên tục; (10) Có sức khỏe tốt; (11) Kỹ năng phù hợp; (12) Khát vọng vươn lên*. Trong Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đoàn khóa XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc Đoàn TNCS Hồ Chí Minh lần thứ XIII (2026-2031) cũng đã khẳng định một trong những phương hướng nhằm giáo dục, rèn luyện đạo

đức, lối sống cho TN Việt Nam, tạo tiền đề phát triển TN toàn diện, tiên phong trong kỷ nguyên mới là tiếp tục tổ chức Cuộc vận động này gắn với xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và bản sắc văn hóa con người Việt Nam. Vừa qua, để cụ thể hóa phương hướng này, Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh cũng đã chính thức ban hành văn bản số 52-KH/TWĐTN-CTĐ ngày 25/09/2026 về "Kế hoạch tiếp tục thực hiện Cuộc vận động "Xây dựng giá trị hình mẫu thanh niên Việt Nam thời kỳ mới" giai đoạn 2026 - 2031.

Như vậy, điều này thể hiện mục tiêu nhất quát, xuyên suốt và giá trị thời sự của cuộc vận động trong định hướng giáo dục đạo đức TN, tạo căn cứ để các cấp bộ đoàn trên cả nước liên tục triển khai, cụ thể hóa thành tiêu chí của hình mẫu TN phù hợp với điều kiện thực tế từng địa phương, đơn vị và từng thành phần TN. Thực tế, cuộc vận động vẫn đang có sức lan tỏa lớn trong TN, các giá trị hình mẫu TN Việt Nam đang góp phần định hướng mục tiêu phấn đấu, rèn luyện của các bạn trẻ. Có thể thấy, từ nền tảng hệ giá trị quốc gia, những giá trị hình mẫu TN đặt ra vừa mang tính đại chúng, phù hợp với phần đông TN, vừa có tính mục tiêu rõ ràng để TN hướng đến. Tiêu chí giá trị hình mẫu không đặt ra quá cao đến mức hoàn hảo, lý tưởng mà chứa đựng nội hàm cụ thể, khả thi để TN phấn đấu thực hiện. Nội dung tiêu chí giá trị hình mẫu tương đối phù hợp với tình hình thực tiễn xã hội nước ta giai đoạn hiện nay trên cơ sở kế thừa những giá trị văn hóa, truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Tiêu chí giá trị hình mẫu cũng được cấu trúc một cách logic, ngắn gọn nhằm giúp TN dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thuộc, có thể suy nghĩ và làm theo mọi lúc mọi nơi.

Trong kỉ nguyên mới, TN chính là lực lượng chủ đạo kiến tạo tương lai đất nước. Nhiệm vụ trọng yếu là cần xây dựng chân dung "thế hệ vươn mình" mang những phẩm chất công dân toàn cầu và tâm hồn dân tộc, với cái gốc là đạo đức, mà trước hết là có YTĐĐ mới tích cực, tiến bộ. Do đó, hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam cùng hình mẫu TN Việt Nam thời kì mới là những cơ sở lí luận, nền tảng định hướng quan trọng, trực tiếp cho việc xây dựng phẩm chất đạo đức người TN thời kì mới, trực tiếp định hướng lý tưởng đạo đức cho TN một cách cụ thể, khả thi. Từ

đây, các lực lượng giáo dục sẽ có phương hướng, mục tiêu rõ ràng để lựa chọn nội dung, phương thức giáo dục đạo đức mới cho TN đáp ứng yêu cầu thực tiễn. TN sẽ có được mục tiêu, tiêu chí cụ thể để nhận biết, lựa chọn, tự xây dựng cho mình lý tưởng đạo đức, lý tưởng sống và kiên định phấn đấu rèn luyện, giúp bản thân có điểm tựa vững chắc vượt qua được những khủng hoảng, mơ hồ, mất phương hướng, vượt qua những cám dỗ, tránh rơi vào những lệch lạc, sa ngã, suy thoái đạo đức do tác động của mặt trái KTTT. Đúng như một nhà khoa học đã nhận định: "Hình mẫu TN phù hợp với các hệ giá trị đất nước sẽ là nền tảng để mỗi người trẻ tuổi đều có hoài bão lớn lao. Có hoài bão, có niềm tin, có lý tưởng lớn lao mới có thể quy hoạch cuộc đời cho bản thân mình, lập kế hoạch dài hạn cho chính mình; ở đây chính là TN có thể tìm được điểm giao thoa giữa sở thích cá nhân, yêu cầu của đất nước và tầm nhìn của thời đại" [Dẫn theo: 197].

4.2. Một số giải pháp cụ thể

4.2.1. Xây dựng, hoàn thiện các cơ chế, chính sách kinh tế - xã hội nhằm tạo môi trường thuận lợi thúc đẩy biến đổi tích cực, hạn chế biến đổi tiêu cực trong ý thức đạo đức thanh niên

Về tổng thể, việc kiên trì xây dựng, hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN là một yêu cầu tất yếu phù hợp với con đường phát triển và đáp ứng nhiệm vụ cách mạng của đất nước trong tình hình mới. Để tập trung xây dựng, phát triển đạo đức xã hội nói chung, đạo đức TN nói riêng, cần chú trọng gắn kết tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội, hoàn thiện thể chế phân phối, bảo đảm công bằng xã hội và phát triển bền vững. Đồng thời, cần tiếp tục xây dựng môi trường đầu tư, kinh doanh minh bạch, cạnh tranh lành mạnh và thượng tôn pháp luật, trong đó coi trọng yếu tố đạo đức như một lợi thế cạnh tranh. Bởi lẽ, sự bất bình đẳng về cơ hội phát triển dễ dẫn đến tâm lý buông xuôi, ngại đấu tranh với tiêu cực hay bất mãn, suy giảm niềm tin với cái tốt, hoặc tìm cách làm giàu bất chính của một bộ phận giới trẻ. Khi thể chế kinh tế tạo ra sự công bằng, minh bạch TN sẽ có niềm tin vững chắc vào giá trị của lao động chân chính, từ đó củng cố đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội. Môi trường kinh tế là tấm gương phản chiếu các giá trị đạo đức. Nếu

TN nhìn thấy những người thành công nhờ trí tuệ, năng lực thực chất, sự sáng tạo và tuân thủ pháp luật được xã hội tôn vinh, họ sẽ có động lực tự giác noi theo. Ngược lại, những lỗ hổng và sự thiếu nghiêm minh trong quản lý và pháp luật sẽ tạo đà cho người trẻ sa vào lối sống thực dụng và cơ hội. Theo đó, cần tập trung xây dựng, hoàn thiện, triển khai mạnh mẽ, hiệu quả hơn nữa các cơ chế, chính sách liên quan trực tiếp đến đời sống của TN, cụ thể đó là:

Một là, đẩy mạnh đầu tư phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp tạo tác động xã hội, phát triển bền vững đồng thời hướng tới xây dựng thị trường tiêu dùng có đạo đức cho TN

Thực trạng cho thấy, ở TN đang đặt ra nhu cầu đề định hướng đúng đắn và thống nhất hệ giá trị, đồng thời TN hiện nay có nhu cầu khẳng định cái tôi cá nhân và tính tự chủ rất cao, họ cần sự hỗ trợ giúp tái cấu trúc YTĐĐ của mình trên cơ sở giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa cái tôi và cái ta khi cái tôi ngày càng nổi trội. Do đó, Nhà nước cùng các lực lượng trong xã hội cần tăng cường các chính sách, các hoạt động hỗ trợ, bảo trợ, ưu đãi, đầu tư thiết thực và thích đáng cho các dự án khởi nghiệp tạo tác động xã hội của TN, thúc đẩy phát triển các mô hình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo gắn với trách nhiệm xã hội. Đơn cử như: mở rộng xây dựng các quỹ đầu tư mạo hiểm công, các vườn ươm doanh nghiệp chuyên hỗ trợ các mô hình kinh doanh giải quyết các vấn đề xã hội như giáo dục, môi trường, bảo tồn văn hóa truyền thống, tạo ra việc làm cho người yếu thế,.... Giải pháp này giúp biến nhu cầu mang tính cá nhân thành động lực tích cực vì cái chung: TN vừa được tự do kinh doanh, sáng tạo thỏa mãn yếu tố cá nhân, hiện đại, vừa được đóng góp cho cộng đồng và bảo tồn các giá trị truyền thống, TN vừa phát huy tinh thần năng động, nhạy bén và khát vọng làm giàu chính đáng, hợp pháp của giới trẻ, đồng thời hướng sự sáng tạo đó vào việc tạo ra giá trị nhân văn cho xã hội. Từ đó thúc đẩy TN thấy được sự gắn kết giữa việc theo đuổi lợi ích cá nhân - khát vọng làm giàu và mục tiêu cống hiến cho cộng đồng, tức là giải quyết hài hòa lợi ích giữa cá nhân và tập thể. Khi nhận ra rằng làm giàu chính đáng có thể song hành với trách nhiệm xã hội, TN sẽ có thêm những trải nghiệm thực tiễn thuyết phục để củng cố, phát triển

tình cảm, niềm tin, năng lực vượt qua được tư duy vị kỷ và sự thỏa hiệp ngắn hạn với những điều tiêu cực cản trở sự phát triển tích cực của đạo đức. Đặc biệt, trong bối cảnh sự lấn át của lợi ích cá nhân là hệ quả trực tiếp của quy luật cạnh tranh thị trường, cần thiết phải định hướng, tái cấu trúc tình cảm đạo đức của TN từ vị kỷ sang vị tha, giàu tính cộng đồng, đây cũng là một trong những biện pháp giúp làm cho "lợi ích cộng đồng" mang lại "giá trị cá nhân", giúp TN giải quyết những bế tắc vướng mắc trong xử lý dung hòa mối quan hệ giữa cái tôi và cái ta, định hướng tái cấu trúc tình cảm đạo đức TN một cách cân bằng, tích cực và giúp xây dựng tri thức, lý tưởng đạo đức giàu tính nhân văn cho TN.

Ngoài ra, Nhà nước và các tổ chức khác trong xã hội có thể có những chính sách, cơ chế, chương trình, hoạt động thiết thực giúp các doanh nghiệp của người trẻ được hỗ trợ quảng bá, ưu đãi giá thành, dán nhãn chứng nhận, tăng độ nhận diện… cho các sản phẩm, dịch vụ được sản xuất theo mô hình khởi nghiệp tạo tác động xã hội, được sản xuất dựa trên các giải pháp phát triển bền vững, được vận hành hợp pháp, minh bạch và mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, đây đều là những biện pháp giúp hệ sinh thái khởi nghiệp của TN có thêm lợi thế cạnh tranh trên thị trường. Bởi khi TN tham gia vào thị trường với tư cách là người sản xuất và người tiêu dùng, việc tiếp xúc với các chuẩn mực minh bạch, nhân văn sẽ giúp TN hình thành thói quen và tư duy đạo đức thực tiễn, giúp củng cố xuyên suốt từ niềm tin hiểu biết đạo đức thành niềm tin hành động đạo đức, biến nhận thức về sự tử tế thành hành động tiêu dùng cụ thể.

Hai là, coi trọng việc thể chế hóa các giá trị đạo đức và giá trị cộng đồng vào các tiêu chuẩn kinh doanh, coi đạo đức là một lợi thế cạnh tranh trong môi trường lao động, kinh doanh của người trẻ

Hiện nay, trong YTĐĐTN đang nảy sinh nhiều mâu thuẫn với các hệ giá trị đan xen trong đó yếu tố cá nhân cái tôi có phần chi phối lấn át, thiếu tính nhất quán và dễ thỏa hiệp vi phạm chuẩn mực đạo đức để bảo vệ cái tôi theo hoàn cảnh cụ thể. Khi nền KTTT có sự thể chế gắn kết các giá trị nhân văn cộng đồng với lợi ích kinh tế, TN sẽ không còn thấy sự mâu thuẫn giữa "làm giàu" vì lợi ích cá nhân với "cống

hiến cho xã hội" vì lợi ích chung. Điều này giúp khích lệ TN tự giác tích hợp các giá trị nhân văn này vào mục tiêu kinh doanh của mình.

Thêm nữa, nguyên nhân cơ bản của sự thỏa hiệp với tiêu cực đạo đức là bởi TN thấy rằng trong hiện thực cuộc sống yếu tố tiền bạc, vật chất và thành tích thường được coi trọng, đánh giá cao hơn đạo đức. Do đó, nếu thị trường lao động định giá cao những người có đạo đức và coi yếu tố đạo đức như là một tiêu chí đánh giá năng lực kinh doanh của mỗi chủ thể ngang hàng giá trị với yếu tố vốn tài chính và các giá trị vật chất hiện hữu khác, tức là các giá trị đạo đức và giá trị cộng đồng được thể chế hóa thành các tiêu chuẩn kinh doanh, và đạo đức được xem là yếu tố có khả năng sinh lời, là một lợi thế cạnh tranh, TN sẽ có thêm động lực tự giác rèn luyện để giữ vững chuẩn mực đạo đức. Tương tự, khi thị trường thể hiện sự ưu tiên, coi trọng những hành vi kinh doanh tử tế có đạo đức bằng các lợi ích kinh tế thực tế như được ưu tiên về hợp đồng, về vốn, được có lợi thế về uy tín thương hiệu,…hoặc đưa các tiêu chí về đạo đức, trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường trở thành điều kiện bắt buộc hay ưu tiên trong việc cấp phép, tiếp cận tín dụng và đấu thầu đối với các doanh nghiệp, đặc biệt là các dự án do TN khởi nghiệp,… hay trong thị trường có sự ghi nhận bảo chứng công khai cho những lao động trẻ đạt chuẩn đạo đức nghề nghiệp được ưu tiên trong lộ trình thăng tiến và lương thưởng, … thậm chí trong đánh giá nhân sự ở các doanh nghiệp và cơ quan tổ chức có thể bổ sung bắt buộc các tiêu chí về trách nhiệm xã hội, tính trung thực, và sự đóng góp cho cộng đồng làm trọng số đánh giá ngang hàng với năng lực chuyên môn và doanh thu, hiệu quả công việc,… Những cơ chế, chính sách, hành động thiết thực có tính thể chế này đều giúp TN nhận ra rằng việc tuân thủ chuẩn mực đạo đức không phải là sự cản trở, hay là sự sáo rỗng viển vông, việc hy sinh đóng góp cho cộng đồng không phải là sự thiệt thòi mất mát cá nhân mà là điều kiện thiết thân, có tính qui định đảm bảo cho việc kinh doanh thành công, đem lại giá trị thực tế lâu dài. Rõ ràng, khi TN ý thức được rằng thành công của cá nhân và sự phát triển của cộng đồng có mối quan hệ gắn bó hữu cơ, tình cảm và niềm tin đạo đức của TN cũng sẽ được tái cấu trúc, củng cố bền vững hơn dựa trên sự tự nguyện và lợi ích thực tế, thay vì chỉ là sự gượng ép chấp hành hay sẵn sàng thỏa hiệp tiêu cực.

Đồng thời việc thể chế hóa yếu tố đạo đức, giá trị cộng đồng vào các tiêu chuẩn kinh doanh còn trực tiếp thúc đẩy hình thành thị trường tiêu dùng có đạo đức trong xã hội, giúp phát triển đạo đức TN. Chẳng hạn như khi có các chính sách hỗ trợ giảm thuế, trợ cấp giá, vay vốn,… đối với các sản phẩm, dịch vụ được chứng nhận là nhân văn, bảo vệ môi trường và giữ gìn bản sắc,… thì lúc này yếu tố đạo đức trở thành lợi thế cạnh tranh trong kinh doanh, các sản phẩm này có giá thành cạnh tranh hơn trên thị trường so với các sản phẩm sản xuất bằng phương thức độc hại hoặc chạy theo lợi nhuận thuần túy. Và khi giới trẻ tham gia vào thị trường với tư cách là người tiêu dùng, họ sẽ bị chi phối bởi giá cả và trào lưu. Bằng cách định hướng thị trường tiêu dùng theo hướng nhân văn, có thể tạo ra một thói quen và tư duy đạo đức tiêu dùng cho TN, việc TN thể hiện sự lựa chọn trong tiêu dùng cũng là biểu hiện của hành vi đạo đức.

Ba là, đẩy mạnh chính sách đầu tư phát triển thị trường đối với các lĩnh vực kinh doanh mang bản sắc dân tộc, đồng thời không ngừng kiến tạo, phát huy và có cơ chế quản lý đồng bộ, nghiêm minh những mô hình kinh tế mới năng động trong nền kinh tế thị trường hiện đại

Thực tế cho thấy, quá trình hội nhập quốc tế và đẩy mạnh phát triển khoa học công nghệ tạo ra môi trường giao thoa văn hóa, không tránh hỏi sự xâm nhập mạnh mẽ, đa dạng, phức tạp các giá trị ngoại lai, có thể mang lại những yếu tố mới tiến bộ, nhưng cũng kèm theo các hệ giá trị đối lập, lấn át các giá trị đạo đức truyền thống, thậm chí là lệch chuẩn. Việc duy trì một môi trường kinh tế mà ở đó mọi chủ thể đều đề cao tính bản sắc, trung thực, giữ công bằng, trách nhiệm xã hội trước áp lực cạnh tranh toàn cầu, môi trường ngoại lai, tối đa hóa lợi nhuận bằng mọi giá luôn là thách thức, và TN - lực lượng lao động lớn, chủ thể kinh tế có sự tham gia sâu vào mọi lĩnh vực kinh tế xã hội rất dễ bị lôi cuốn bởi các tiêu chí thực dụng này.

Do vậy, trong bối cảnh hiện nay cần thiết tăng cường đầu tư phát triển thị trường kinh doanh mang bản sắc Việt, TN sẽ tận dụng tính sáng tạo và khả năng nhanh nhạy tiếp cận công nghệ để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ mang dấu ấn dân tộc, điều này giúp TN vừa hội nhập sâu rộng, vừa giữ gìn và phát huy các giá trị

truyền thống ngay trên môi trường kinh tế hiện đại. Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ ưu đãi, đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động khởi nghiệp của TN ở các lĩnh vực như các ngành công nghiệp văn hóa, nghệ thuật, thủ công mỹ nghệ, bảo tồn phát triển nghề truyền thống, các sản phẩm đặc sản vùng miền ứng dụng công nghệ số, các hoạt động kinh doanh du lịch sinh thái, công nghệ giáo dục,… mang bản sắc Việt Nam.

Bên cạnh đó, nền KTTT hiện đại bản chất là một nền kinh tế năng động với đa dạng mô hình kinh tế mới như: kinh tế số, kinh tế chia sẻ, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tri thức, kinh tế ban đêm, …Nghị Quyết Đại hội Đảng khóa XIV cũng đã nêu rõ định hướng phát triển đất nước thời gian tới là: Xác lập mô hình tăng trưởng mới với mục tiêu nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nền kinh tế; lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính; tạo ra sức sản xuất và phương thức sản xuất mới chất lượng cao, trọng tâm là kinh tế dữ liệu, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng, chuyển đổi cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực [192]. Cùng với đó, Nghị quyết số 68-NQ/TW được Bộ Chính trị ban hành ngày 4/5/2025 đã khẳng định kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia. TN vốn là lực lượng sẵn có sự nhạy bén với xu thế mới, giàu sức đổi mới, sáng tạo, khát khao lập thân, lập nghiệp, hiện nay nhu cầu khởi nghiệp, lập nghiệp làm giàu và khẳng định giá trị bản thân rất lớn và luôn thường trực ở người trẻ. Nên theo đà phát triển, hoạt động khởi nghiệp của TN ở các mô hình kinh tế mới này sẽ ngày càng mạnh mẽ.

Các mô hinh kinh tế mới trong nền KTTT hiện đại khi được triển khai sẽ tạo ra một hệ sinh thái phong phú có lợi thế to lớn để TN phát huy tính năng động, sáng tạo, tự chủ và tinh thần trách nhiệm, đồng thời luôn tiềm ẩn những nguy cơ có thể làm lệch lạc đạo đức giới trẻ. Để phát huy tối đa các ưu điểm trên nhằm tạo bước đột phá trong phát triển đạo đức của TN, cần có những biện pháp mang tính kiến tạo trong xây dựng, thiết kế, và kiểm soát các mô hình kinh tế mới một cách khoa học và đồng bộ. Đây cũng là con đường giúp hình thành hệ sinh thái kinh tế văn minh,

hiện đại thúc đẩy những phẩm chất đạo đức tiến bộ cho thế hệ trẻ, ngăn ngừa hạn chế những biểu hiện tiêu cực trong đạo đức TN.

Trong bối cảnh mới, quán triệt Nghị quyết 57 của Bộ Chính trị với phương châm coi phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới, trước hết, cần tăng cường đầu tư xây dựng các cơ chế, chính sách phát triển kinh tế tri thức, tiếp tục hoàn thiện các cơ chế bảo hộ sở hữu trí tuệ, xây dựng thị trường giao dịch ý tưởng sáng tạo minh bạch. Nền KTTT hiện đại vốn tôn vinh trí tuệ, đề cao năng lực cá nhân, tạo động lực cho TN phát triển phẩm chất tự học và sáng tạo. Khi "chất xám" của mỗi chủ thể được tôn vinh, được định giá xứng đáng và được pháp luật bảo vệ nghiêm minh, TN sẽ có niềm tin vào giá trị của sự nỗ lực tự thân, tự giác vươn lên bằng thực lực. Điều này góp phần hạn chế những biểu hiện tiêu cực trong đạo đức như gian lận, ăn cắp ý tưởng, lười tư duy, đạo văn,… thay vào đó là sự tự trọng, tự chủ, liêm chính học thuật, liêm chính trong sáng tạo.

Hiện nay, công cuộc xây dựng, phát triển KTTT định hướng XHCN của Việt Nam hiện nay đang nằm trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, với sức lôi cuốn mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, mở ra kỉ nguyên số với sự xuất hiện của trí tuệ nhân tạo AI, chíp bán dẫn, điện toán đám mây, internet kết nối vạn vật,... TN lại có thế mạnh vốn có là sức sáng tạo, nhạy bén với cái mới, có ưu thế vượt trội trong nắm bắt và làm chủ khoa học công nghệ. Bối cảnh thời đại và tiềm năng "thiên phú" ấy của TN luôn khiến "vấn đề của thời đại" và "xu thế của thanh niên" gặp nhau và tương tác qua lại. Vì thế kinh tế số - môi trường kinh tế được TN tiếp xúc nhiều nhất hàng ngày, đang thu hút mạnh mẽ giới trẻ tham gia, và cũng là không gian hiệu quả để giáo dục, định hướng YTĐĐ cho TN nếu được quan tâm kiến tạo một cách an toàn, minh bạch và đáng tin cậy.

Tuy nhiên, thực tế cũng cho thấy môi trường số là không gian xuyên biên giới có tốc độ lan nhanh và rộng nhất những hành vi phản đạo đức, lệch chuẩn, nhất là các hành vi phạm pháp trên không gian mạng ngày càng tinh vi, phức tạp. Do đó, việc kiến tạo và quản lý nền kinh tế số cần sự quan tâm đầu tư thích đáng và kịp

thời hơn nữa từ phía Nhà nước và các lực lượng liên quan, để tránh việc giới trẻ tham gia một cách tự phát, thiếu hiểu biết, thực dụng. Để định hình chân dung của một thế hệ TN mới với vẻ đẹp tổng hòa của tri thức tiến bộ - thái độ nhân văn - công nghệ tiên tiến, bên cạnh các biện pháp giáo dục, cần có các cơ chế, chính sách thiết thực nhằm hỗ trợ tài chính cho hoạt động kinh doanh số có đạo đức. Cụ thể như có cơ chế rõ ràng, công minh hỗ trợ tài chính cho các kênh sáng tạo nội dung giáo dục, văn hóa trên nền tảng số; đặc biệt là xử phạt nặng các mô hình kinh doanh trên không gian mạng theo đuổi động cơ lợi nhuận với cách làm xấu bẩn như tìm kiếm doanh thu từ quảng cáo, lượt xem gắn liền với những nội dung giật gân hoặc các hành vi "câu view" (thu hút lượt xem) thiếu chuẩn mực, cố tình sử dụng thuật toán công nghệ trong sản xuất, đăng tải, truyền thông những sản phẩm số phản cảm, độc hại, gian dối, hoặc truyền bá các giá trị lệch chuẩn (lối sống khoe mẽ vật chất, tệ nạn, bạo lực, cờ bạc trá hình, thù địch phản động…).

Bên cạnh đó, nền KTTT hiện nay đang vận hành mạnh mẽ mô hình kinh tế chia sẻ thu hút đông đảo người trẻ tham gia, đơn cử là các nền tảng dịch vụ xe công nghệ (như Grab), cho thuê lưu trú trên nền tảng số (như Airbnb), làm việc tự do (freelance),.... Đây là mảnh đất nếu phát huy lợi thế sẽ góp phần không nhỏ rèn luyện tính trung thực và tinh thần hợp tác cho TN. Bởi khi TN tham gia vào mô hình kinh tế này việc giữ vững đạo đức nghề nghiệp là điều cốt lõi để duy trì thứ hạng khách hàng đánh giá và gia tăng thu nhập, tức là họ có nhiều cơ hội để trải nghiệm và học được rằng uy tín chính là vốn tài sản vô hình. Điều này thúc đẩy ở TN sự trung thực trở thành thói quen trong lao động, kinh doanh một cách tự nhiên, tự giác. Vì thế, cần thiết chú trọng xây dựng khung pháp lý hỗ trợ các nền tảng kinh tế chia sẻ "thuần Việt" cho người trẻ, trong đó quy định rõ ràng về cơ chế đánh giá tín nhiệm, thứ bậc xếp hạng (Rating) dựa trên đạo đức nghề nghiệp, hoặc có những chính sách ưu đãi cụ thể (về vốn, thương hiệu, thuế,…) cho các nền tảng kinh doanh chia sẻ dựa trên công nghệ có tích hợp tính năng đóng góp xã hội do người trẻ xây dựng,…

Thêm nữa, để phát triển kinh tế bền vững, việc thúc đẩy kiến tạo nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn là xu thế tất yếu, và là yêu cầu cấp thiết nhằm nâng cao chất

lượng sống của con người, thể hiện uy tín trách nhiệm của mỗi quốc gia đối với những vấn đề toàn cầu. Khi các chính sách hướng vào sự phát triển kinh tế xanh bền vững thay vì khai thác tài nguyên cạn kiệt, hủy hoại thiên nhiên sẽ thúc đẩy TN hình thành tư duy kinh doanh tử tế có đạo đức bởi người trẻ thấy rằng việc bảo vệ môi trường mang lại lợi ích tài chính thực sự, từ đó củng cố lòng trắc ẩn và ý thức trách nhiệm vì tương lai - phẩm chất đạo đức quan trọng của thế hệ công dân toàn cầu. Một số giải pháp đơn cử hướng đến nền kinh tế xanh có thể kể đến như: Áp dụng cơ chế thuế carbon - công cụ tài chính đánh trực tiếp vào lượng khí thải CO_2 nhiên liệu hóa thạch, nhằm giảm ô nhiễm và thúc đẩy năng lượng sạch, buộc người phát thải chi trả cho chi phí xã hội của môi trường, đồng thời tạo nguồn thu để đầu tư vào công nghệ xanh; hoặc cấp "Tín chỉ carbon - tín chỉ xanh" cho các doanh nghiệp khởi nghiệp của TN nhằm khuyến khích đầu tư vào công nghệ xanh và năng lượng tái tạo, đồng thời giúp doanh nghiệp đạt mục tiêu trung hòa carbon; hoặc Nhà nước có các chính sách ưu tiên đặt hàng, hỗ trợ đầu ra cho các sản phẩm, dịch vụ theo mô hình kinh tế tuần hoàn (như sản phẩm tái chế, xử lý rác thải, chất gây ô nhiễm) do TN làm chủ,…

Đáng chú ý hiện nay, bên cạnh các loại hình kinh tế kể trên, theo xu thế chung, loại hình kinh tế ban đêm được coi là một bộ phận hợp thành mở ra một hướng mới trong mô hình phát triển KTTT hiện đại, ngày càng được nhiều quốc gia chú trọng khai thác trong đó có Việt Nam. Kinh tế ban đêm đang đóng góp ngày càng lớn vào tăng trưởng, góp phần phát triển kinh tế, tạo công ăn, việc làm, thu nhập cho người lao động và tận dụng tối đa các tài nguyên, nguồn lực tại chỗ để thu hút khách du lịch, tạo động lực mới cho sự phát triển xã hội. Khi thừa nhận và đẩy mạnh loại hình kinh tế này cũng cần tính đến những ảnh hưởng mặt trái của nó đến đời sống con người, nhất là đạo đức giới trẻ. Thực tế, mô hình kinh tế ban đêm thường có những hoạt động dịch vụ diễn ra sau 18 giờ tối hôm trước đến 6 giờ sáng hôm sau, bao gồm mua sắm tại chợ đêm, cửa hàng tiện lợi 24/24; ẩm thực, nghệ thuật, âm nhạc; phim ảnh, chương trình lễ hội, sự kiện, điểm du lịch,… chỉ mở cửa vào ban đêm. Có thể thấy mô hình này thúc đẩy tiêu

dùng và phát triển du lịch, gắn với các dịch vụ văn hóa, vui chơi, giải trí, ăn uống, mua sắm; du lịch, đây đều là những nhu cầu thiết yếu và được số đông giới trẻ quan tâm dành nhiều thời gian, nhưng đây cũng là những yếu tố dễ làm nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp, lệch lạc trong lối sống ảnh hưởng trực tiếp đến YTĐĐTN. Mặc dù kinh tế ban đêm tạo thêm cơ hội về môi trường, không gian, thời gian để tăng cường giao tiếp xã hội và phát triển ý thức bản thân, đặc biệt là cho giới trẻ, song những rủi ro tiềm ẩn khác liên quan trực tiếp đến đạo đức, lối sống của TN có thể xuất hiện khi phát triển kinh tế ban đêm như: Vi phạm về an toàn giao thông và gây rối trật tự công cộng; vô tình tạo môi trường thuận lợi, làm gia tăng các loại tội phạm và kéo theo những tệ nạn xã hội phổ biến như mại dâm, buôn bán ma túy, trộm cắp, cướp bóc,...

Như vậy, có thể nói quá trình tác động vào các mô hình kinh tế mới này là quá trình hướng đến đạo đức hóa các quan hệ kinh tế. Khi các hoạt động kinh tế được thiết kế theo logic để cái đúng, cái tốt mang lại lợi ích nhiều hơn cái sai, cái xấu, để việc làm đúng có lợi và an toàn hơn làm sai, để các lợi ích cộng đồng được tích hợp vào hoạt động kinh doanh cá nhân thì sẽ góp phần đắc lực tạo ra một môi trường thực tiễn có sức thuyết phục giúp TN đạt được sự nhất quán từ niềm tin đạo đức đến hiện thực hóa đạo đức, biết cân đối hài hòa lợi ích cá nhân và cộng đồng khi tham gia vào nền KTTT. Và Muốn phát huy những lợi ích khách quan của các mô hình kinh tế đòi hỏi sát sao vai trò quản lý, điều tiết của Nhà nước thông qua pháp luật, cơ chế, chính sách đúng đắn, kịp thời, nghiêm minh. Định hướng xây dựng mô hình "Chính phủ kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động quyết liệt phục vụ người dân và doanh nghiệp" hứa hẹn sẽ làm tốt được điều đó. Sự vận hành kiểm soát, quản lý chặt chẽ, hiệu quả của Nhà nước đối với các loại hình kinh tế năng động mang tính thời đại này sẽ góp phần tạo cơ sở kinh tế, môi trường vật chất thuận lợi làm năng động hóa, hiện đại hóa, văn minh hóa, nhân đạo hóa con người, và ảnh hưởng trực tiếp đến YTĐĐ của TN - đối tượng vốn luôn rất nhạy bén xu thế mới, hiện đại.

Bốn là, tiếp tục hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội và giảm thiểu sự bất bình đẳng trong xã hội bằng các cơ chế, chính sách, pháp luật công bằng, nghiêm minh cho TN

Bên cạnh các chính sách, cơ chế tác động đến nền kinh tế, việc tạo lập môi trường văn minh, lành mạnh thông qua các cơ chế, chính sách về xã hội nói chung và chính sách thanh niên nói riêng có vai trò rất quan trọng. Trong YTĐĐTN luôn tồn tại đan xen nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn rõ rệt là sự giằng xé giữa "lý tưởng đạo đức" và "áp lực sinh tồn", giữa niềm tin hiểu biết đạo đức và niềm tin hiện thực hóa những tri thức hiểu biết đó. Khi thị trường quá khắc nghiệt và thiếu an toàn, TN dễ có tâm lý chọn tư duy thực dụng, cơ hội, vị kỷ, thỏa hiệp với tiêu cực. Do vậy, nếu các chính sách an sinh xã hội nói chung, chính sách TN nói riêng được quan tâm và thực hiện hiệu quả, giảm bớt được áp lực kinh tế, sẽ tạo thêm cho TN điểm tựa và sự bình tâm để kiên trì theo đuổi các giá trị đạo đức cao đẹp, nhân văn.

Hiện nay, cần tiếp tục tăng cường hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội như đổi mới chính sách tiền lương, bảo hiểm thất nghiệp, ưu tiên hỗ trợ nhà ở xã hội cho người trẻ mới lập nghiệp,...; thiết lập đồng bộ chặt chẽ chính sách, cơ chế công bằng minh bạch và nhân văn trong việc tiếp cận các nguồn lực như tri thức, đất đai, vốn, công nghệ cho TN;… tăng cường các cơ chế, chính sách thu hẹp khoảng cách giàu nghèo và tạo cơ hội phát triển công bằng cho mọi thành phần TN, đặc biệt là những nhóm TN đặc thù như TN ở khu vực nông thôn và miền núi, TN dân tộc thiểu số, TN yếu thế, TN hoàn lương, kể cả các chính sách thỏa đáng kịp thời đãi ngộ tài năng trẻ,…Đồng thời, cần kiên quyết đấu tranh, xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, trục lợi, "lợi ích nhóm" và cạnh tranh không lành mạnh; gian lận thương mại, vi phạm đạo đức nghề nghiệp,…nhằm răn đe, cảnh tỉnh và làm gương cho TN.

Đặc biệt, cần thiết lập khung pháp lý nghiêm minh và có cơ chế bảo vệ người thực thi đạo đức một cách công bằng, minh bạch. Bởi lẽ, tình trạng thỏa hiệp với tiêu cực thường xuất hiện khi TN cảm thấy lạc lõng với số đông hoặc cảm thấy bị thiệt thòi nếu tuân thủ cái đúng. Khi tính thượng tôn pháp luật và sự

minh bạch trong mọi lĩnh vực được tăng cường, có hành lang pháp lý vững chắc bảo vệ những người tuân thủ pháp luật, cảm giác bất an sẽ giảm đi, giúp khích lệ ở TN sự dũng cảm, bản lĩnh để từ chối tiêu cực, sẵn sàng đấu tranh với cái ác, cái xấu. Chưa kể, nếu môi trường thiếu tính công bằng và minh bạch sẽ dễ dàng tạo ra sự hoài nghi, càng làm gia tăng ở TN khoảng cách giữa hiểu biết đạo đức và hiện thực hóa đạo đức. Do đó, khi TN thấy thực tế sự trung thực được bảo vệ và sự gian lận bị kiềm chế bởi cơ chế đảm bảo công bằng, TN sẽ có thêm niềm tin để "hiện thực hóa" tri thức đạo đức trong thực tiễn, và thêm kiên định thực hiện những gì họ tin là đúng.

Trong nền KTTT, vấn đề lợi ích luôn là gốc rễ chi phối mạnh mẽ mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Do đó khi xây dựng, thiết kế các cơ chế, chính sách riêng cho TN, cần hết sức coi trọng vấn đề nhu cầu và lợi ích của TN. Khi nền KTTT càng phát triển, nhu cầu và lợi ích cá nhân, nhất là nhu cầu lợi ích vật chất ngày càng được đề cao, thì các chiến lược phát triển TN, các chính sách TN luôn cần chú trọng cân bằng giải quyết hài hòa lợi ích vật chất và tinh thần cho TN, giải quyết kịp thời các nhu cầu, lợi ích hợp pháp, chính đáng, đặc thù của các đối tượng TN. Hiện nay, do tác động của KTTT, sự thay đổi lớn trong cơ cấu lao động xã hội và sự phân hóa mạnh về trình độ học vấn, về thu nhập, địa vị kinh tế, điều kiện hưởng thụ văn hóa, vui chơi giải trí đang ngày càng dẫn đến sự chênh lệch, khác biệt trong nhu cầu, thị hiếu, điều kiện sống của TN. Chưa kể đặc trưng tâm lý ở TN còn nhiều hạn chế, non nớt, bồng bột, dễ vấp váp, sa ngã, vướng vào tệ nạn xã hội, vi phạm pháp luật, đồng thời họ cũng dễ có những bức xúc, bất bình, nhất thời mất niềm tin trước những sự việc bất công, chưa được giải quyết thỏa đáng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, hệ quả là họ cũng là nạn nhân thường xuyên bị chĩa mũi nhọn lợi dụng, lôi kéo của các thế lực thù địch. Như thế, việc củng cố, bồi đắp tình cảm, niềm tin cho TN, việc quan tâm thỏa đáng vấn đề nhu cầu, lợi ích của TN luôn là yêu cầu khách quan, cấp bách.

Thực tế cũng cho thấy, hiện nay có một tỉ lệ khá lớn TN tin tưởng, kì vọng vào chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Theo Báo cáo của Viện Nghiên

cứu thanh niên (2024), khi được hỏi về mong đợi đối với các cơ quan quản lý Nhà nước trong việc định hướng, giáo dục đạo đức, lối sống cho TN hiện nay, TN đã đưa ra những mong đợi xếp theo thứ tự ưu tiên sau: (1) Có chế tài xử phạt những thông tin sai trái, bịa đặt, định hướng xấu trong dư luận xã hội (75,9%); (2)Tăng cường đăng tải nhiều hơn các thông tin về người tốt việc tốt, việc tử tế (71,1%); (3) Cơ chế quản lý, kiểm soát thông tin được đăng tải cần chặt chẽ hơn (68,9%); (4) Định hướng cho TN cách thức chọn lọc, phân biệt thông tin khi được đăng tải (62,4%) [144, tr. 52]. Trong tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, những mong muốn, nguyện vọng lớn nhất của TN có thể kể đến như: được cung cấp thông tin về các hoạt động để TN tham gia (68,6%); được tôn trọng ý kiến, tiếng nói trong các hoạt động (59,9%); các hoạt động gắn với nhu cầu, quyền lợi chính đáng của TN (58,0%); các hoạt động giúp TN phát triển các kỹ năng xã hội (57,6%) [144, tr.50].

Do vậy, để thể hiện sự tôn trọng, ghi nhận tiếng nói, đóng góp của TN và chăm lo hỗ trợ vật chất, tinh thần cho TN, thúc đẩy môi trường công bằng giúp hình thành, củng cố tình cảm, niềm tin đạo đức ở TN, cần tăng cường quan tâm hơn nữa xây dựng chính sách ưu tiên, đặc thù với từng lĩnh vực TN quan tâm, với từng đối tượng TN khác nhau, đi kèm với cơ chế đảm bảo sự thực thi chính sách một cách minh bạch, hiệu quả. Cụ thể là tập trung xây dựng hoàn thiện cơ chế chính sách ở các khía cạnh: chính sách về TN khởi nghiệp, chính sách tham vấn cho TN, chính sách phát huy quyền tham gia của TN, cơ chế đối thoại với TN, chính sách tài năng trẻ, chính sách hỗ trợ TN yếu thế (thanh niên khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo; thanh niên có gia đình nằm trong diện hộ nghèo, cận nghèo; thanh niên thất nghiệp đang nỗ lực kiếm việc làm; thanh niên chậm tiến, sau cai nghiện, thanh niên hoàn lương,…).

Trên thực tế, vấn đề nhu cầu và lợi ích của TN luôn biến động theo thời gian và sự phát triển của kinh tế, xã hội, bản thân TN cũng luôn có những ưu điểm và hạn chế đặc thù. Do đó, khi các chủ trương, chính sách thể hiện sự coi trọng việc lắng nghe và giải quyết thỏa đáng nhu cầu lợi ích của TN cần bám sát phương châm "phát huy thanh niên song hành với phát triển thanh niên", không được xem nhẹ, lơ là mặt nào, đây được coi là vấn đề mang tính nguyên tắc trong thực hiện công tác

thanh niên nói chung và giáo dục TN nói riêng. Phát huy TN và chăm lo bồi dưỡng TN luôn là hai mặt của một quá trình phát triển, hai nhu cầu của một thế hệ, hai phương thức của một quy trình giáo dục có sự gắn bó chặt chẽ, hữu cơ với nhau. Tức là, các cơ chế chính sách TN vừa cần tạo môi trường, cơ hội để TN được phát huy, cống hiến, khẳng định cái tôi, khẳng định giá trị bản thân trong cộng đồng , vừa hết sức quan tâm chăm lo thỏa đáng cho họ về lợi ích vật chất, tinh thần, bồi dưỡng, giáo dục, hỗ trợ giúp họ trưởng thành, giải quyết những va vấp, lúng túng, bế tắc,... Đây đều là hai mặt nhu cầu thường trực, thiết thân ở TN. Khi làm tốt điều này thì các cơ chế, chính sách về TN sẽ thể hiện được tính công minh và nhân văn, có sức thuyết phục, cảm hóa, bồi đắp tình cảm, niềm tin đạo đức của TN, có sức mạnh giáo dục, định hướng tích cực YTĐĐTN.

Lưu ý rằng, vấn để xây dựng tình cảm đạo đức và củng cố niềm tin đạo đức cho TN không phải dễ dàng áp đặt, truyền tải một chiều mà bị chi phối rất lớn từ yếu tố chủ quan của người TN, và đòi hỏi sự kiểm chứng thực tế của chính TN. Chưa kể hiện nay, việc hoạch định, kiến tạo cơ chế, chính sách, pháp luật vẫn có những độ trễ nhất định với tốc độ biến thiên vũ bão của đời sống công nghệ. Do vậy, vấn đề xói mòn niềm tin đạo đức, việc thống nhất được niềm tin đạo đức và niềm tin thực hành đạo đức, hiện thực hóa hành vi đạo đức vẫn luôn là những thách thức lớn, nhất là trong bối cảnh xã hội số và kinh tế số đang bùng nổ tại Việt Nam hiện nay càng khiến việc kiểm soát và duy trì tính công bằng, minh bạch, đấu tranh chống sự ẩn danh vô đạo đức không hề dễ dàng. Tuy nhiên, việc chủ động kiểm soát và kiến tạo YTĐĐ tích cực cho TN thông qua con đường xây dựng, hoàn thiện pháp luật, cơ chế, chính sách vẫn luôn là giải pháp then chốt, cần hết sức coi trọng, kiên trì thực hiện từ mọi chủ thể trong xã hội.

4.2.2. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác giáo dục đạo đức cho thanh niên hiện nay trong sự phối kết hợp chặt chẽ, đồng bộ của cả hệ thống chính trị, các hiệp hội, gia đình, nhà trường, và các lực lượng khác trong xã hội

YTĐĐTN được hình thành và biến đổi dựa trên những qui luật nhất định, không thể có ý thức tách rời hoạt động vật chất của con người, YTĐĐTN không thể tự định hình một cách tiến bộ tích cực nếu nằm ngoại hoạt động giáo dục và tự giáo

dục của các chủ thể. Đối với TN - lớp người dễ tiếp thu cái mới nhưng cũng thiếu kinh nghiệm sống, tâm lý còn bồng bột, chưa vững vàng, do vậy tác động của môi trường KTTT vừa là thời cơ để rèn luyện, vừa tiềm ẩn nhiều nguy cơ sa sút về đạo đức ở TN nếu thiếu sự định hướng, giáo dục đúng đắn.

Giáo dục nói chung, giáo dục đạo đức nói riêng, chính là phương thức chuyển văn hóa đạo đức của xã hội thành văn hóa đạo đức của cá nhân, là quá trình chuyển những nguyên tắc, những chuẩn mực, những quan điểm và lý tưởng đạo đức của xã hội thành những phẩm chất đạo đức cá nhân, thành nhu cầu và tình cảm đạo đức, thành tri thức và niềm tin, thành trách nhiệm và nghĩa vụ, thành ý chí và động cơ cá nhân, thành năng lực đánh giá và sáng tạo giá trị mới của mỗi con người.

Bước vào kỉ nguyên mới, Nghị quyết số 71-NQ/TW ban hành ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo đã nâng tầm nhận thức của Đảng về vai trò của giáo dục đào tạo, giáo dục không chỉ dừng lại ở việc xác định là "quốc sách hàng đầu" mà còn được khẳng định có ý nghĩa "quyết định tương lai dân tộc", thể hiện bước phát triển mới trong tư duy lý luận của Đảng. Đảng ta đã thực sự đặt giáo dục ở vị trí trung tâm của chiến lược phát triển đất nước trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Theo tinh thần đó, trong bối cảnh toàn cầu hóa và khoa học công nghệ phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là sự bùng nổ của chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo, yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo ngày càng cao và toàn diện hơn. Không chỉ nhằm trang bị tri thức, giáo dục giờ đây phải trở thành hệ thống kiến tạo năng lực, hình thành nguồn nhân lực có khả năng đổi mới sáng tạo, làm chủ khoa học công nghệ và thích ứng nhanh với những biến đổi của thời đại. Muốn thế việc giáo dục đạo đức TN nói chung và giáo dục YTĐĐTN nói riêng cần giải quyết tốt các vấn đề cơ bản sau:

Thứ nhất, về mục tiêu giáo dục:

Để đảm bảo định hướng chính trị, phù hợp với hiện thực kinh tế - xã hội đất nước và tình hình TN Việt Nam hiện nay, việc giáo dục YTĐĐ cộng sản là mục tiêu xuyên suốt định hướng mọi hoạt động giáo dục đạo đức con người trong đó có giáo dục đạo đức TN. Quán triệt quan điểm chỉ đạo trong "Bốn Nghị quyết trụ cột" do

Bộ Chính trị ban hành nhằm tạo động lực đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới (Nghị quyết 57, Nghị quyết 59, Nghị quyết 66, Nghị quyết 68), Đại hội Đoàn toàn quốc khóa XIII nhiệm kì (2026-2031) cũng đã xác định rõ mục tiêu: " Xây dựng thế hệ thanh niên thời kỳ mới có lý tưởng cách mạng; lòng yêu nước; có bản lĩnh, có hoài bão, đạo đức tốt; có tri thức sâu rộng, thể chất khỏe mạnh và tâm hồn giàu bản sắc văn hóa Việt Nam, *trở thành những công dân toàn cầu mang hồn Việt*, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc". Vì thế quá trình đổi mới hoạt động giáo dục đạo đức TN vẫn luôn cần bám sát phương hướng này.

Đồng thời, cần đặc biệt lưu ý hướng tới những mục tiêu cụ thể đó là:

+ Hoàn thiện nhân cách cho TN thực hiện tốt những bổn phận đạo đức của bản thân đối với việc học tập, rèn luyện, lao động, có trách nhiệm với bản thân, gia đình, xã hội và quốc gia cũng như cộng đồng quốc tế

+ Chú trọng xây dựng bản sắc văn hóa Việt Nam trong kỷ nguyên mới, bồi dưỡng lối sống đẹp, trách nhiệm xã hội và khát vọng phát triển đất nước trong TN

+ Nâng cao nhận thức chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống văn hóa cho TN

+ Bồi dưỡng cho TN tình cảm cách mạng trong sáng

+ Bồi dưỡng ý chí, hành động đúng, hình thành những thói quen đạo đức, đặc biệt là ý thức trách nhiệm công dân, đạo đức nghề nghiệp cho TN

+ Đấu tranh khắc phục, ngăn chặn những biểu hiện suy thoái đạo đức, sai lệch đạo đức, vô đạo đức trong tư tưởng, tình cảm, hành động của TN, trong đó có cả nguyên nhân từ âm mưu của các thế lực thù địch, phản động.

+ Xây dựng nếp sống văn minh, thanh lịch, tích cực tham gia phòng chống tệ nạn xã hội, các âm mưu lợi dụng TN chống phá cách mạng.

Thứ hai, về chủ thể giáo dục:

Các chủ thể giáo dục TN cần phối kết hợp chặt chẽ, thống nhất, hiệu quả trong giáo dục ý thức đạo đức cho thanh niên. Nghị Quyết 25 năm 2008 của Đảng [188] đã chỉ rõ việc chăm lo, giáo dục, phát huy thanh niên được xem là nhiệm vụ chiến lược, đòi hỏi sự tham gia của toàn xã hội. Do vậy, cần phát huy vai trò và trách nhiệm đồng bộ, hiệu quả của cả hệ thống chính trị và các lực

lượng trong xã hội. Đảng, Nhà nước và cả hệ thống chính trị đề ra chủ trương, cơ chế, chính sách, tạo lập môi trường vật chất lành mạnh để TN có điều kiện thuận lợi học tập, rèn luyện đạo đức. Cùng với đó, việc giáo dục đạo đức, trước hết là YTĐĐ của mỗi TN đòi hỏi phải được tiến hành từ sớm, liên tục, không được xem nhẹ cả ở gia đình, nhà trường và ngoài xã hội, trong đó giáo dục trong gia đình và nhà trường luôn chiếm vị trí đặc biệt quan trọng, giúp định hình, bồi đắp, uốn nắn các phẩm chất đạo đức cơ bản, nền tảng một cách khoa học, toàn diện cho TN. Đối với các lực lượng khác ngoài xã hội, cần phát huy vai trò giáo dục của các tổ chức tiến bộ, các cá nhân uy tín, truyền cảm hứng cho TN. Đặc biệt quan tâm phát huy vai trò của các tổ chức cách mạng của TN bởi dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, các tổ chức này luôn có lợi thế là tổ chức độc lập tự quản sáng tạo của TN, phương thức hoạt động gắn liền với thực tiễn sinh động, sẽ là môi trường giao lưu, học tập, rèn luyện rộng lớn của TN, góp phần bổ sung, rèn giũa, làm phong phú và củng cố, nuôi dưỡng YTĐĐ tốt đẹp, lành mạnh cho TN. Trong đó, cần phát huy vai trò "trường học XHCN" của Đoàn thanh niên và vai trò mặt trận tập hợp đoàn kết rộng rãi thanh niên của Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam để giáo dục và phát huy các lực lượng, thành phần TN đồng lòng đóng góp cho đất nước và phục vụ cách mạng. Và hơn hết, cần lưu ý rằng, trong quá trình giáo dục, người TN vừa là đối tượng giáo dục, đồng thời vừa phải là chủ thể giáo dục tích cực trên con đường xây đắp YTĐĐ tốt đẹp cho chính mình .

***Thứ ba, về nội dung giáo dục*:**

YTĐĐ không tồn tại riêng lẻ mà thể hiện trong các mối quan hệ xã hội, kinh tế, chính trị, văn hóa… của TN. Để hình thành YTĐĐ tích cực cho TN giúp định hướng hành vi và các mối quan hệ đạo đức của TN trong mọi lĩnh vực của đời sống thì nội dung giáo dục đạo đức cần đa dạng và toàn diện, có tính liên thông đa lĩnh vực. Cần phải kết hợp giáo dục đạo đức, lối sống với làm tốt việc giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục truyền thống, giáo dục pháp luật, gắn với việc giáo dục nội dung Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, gắn với giáo dục

hội nhập, giáo dục dân số, giáo dục môi trường, giáo dục giá trị và các vấn đề thời đại khác cho TN để giúp hình thành những chuẩn mực giá trị đạo đức mới của một người TN hiện đại, văn minh mang các phẩm chất của công dân toàn cầu.

Một số nội dung các chủ thể giáo dục cần chú trọng trong thời gian tới là:

(1) Trong quá trình kết hợp, và cập nhật các nội dung giáo dục đa lĩnh vực cho TN, cần lưu ý rằng việc không ngừng tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng cho TN dù không mới nhưng luôn là vấn đề then chốt, cấp bách, và đòi hòi sự kiên trì, đổi mới nhằm xây dựng và củng cố YTĐĐ mới tiến bộ cho TN phù hợp với con đường đi lên của đất nước và yêu cầu củng cố, gia tăng tình cảm, niềm tin đạo đức, đặc biệt là đạo đức cách mạng. Bởi coi trọng nghiên cứu học tập lý luận chính trị nói chung, và đặc biệt việc *tăng cường học tập, quán triệt quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin; việc tăng cường học tập, thực hành tư tưởng, đạo đức, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh; việc cập nhật, quán triệt quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về TN và giáo dục TN* không chỉ là một yêu cầu có tính chính trị, thời sự góp phần xây dựng bồi đắp đạo đức cách mạng cho thế hệ trẻ, mà còn cung cấp phương pháp luận nền tảng định hướng con đường nhận thức và triển khai các biện pháp giáo dục khoa học, cách mạng cho các chủ thể bao gồm cả TN trong quá trình giáo dục đạo đức cho chính mình.

Giá trị nổi bật của hệ thống quan điểm Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm đường lối của Đảng về TN, về giáo dục TN nói chung và giáo dục đạo đức TN nói riêng thể hiện ở chỗ: Cung cấp nền tàng lý luận khoa học và cách mạng về TN, cung cấp quan điểm đường lối chỉ đạo cập nhật phù hợp với thực tiễn đất nước và tình hình TN. Trong bối cảnh thế giới biến động khó lường, YTĐĐTN luôn chịu tác động mạnh mẽ của KTTT, đây là kim chỉ nam, là cơ sở, căn cứ định hướng cho các chủ thể giáo dục TN trong đó có cả TN hiểu rõ về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của TN và giáo dục đạo đức TN đối với sự hưng thịnh của đất nước và sự thành bại của cách mạng. Từ đó giúp các chủ thể có quan điểm tiếp cận TN một cách khách quan, khoa học, nhân văn, tránh được cách nhìn bảo thủ, định kiến, phản tiến bộ, hay còn mơ hồ, dễ bị dẫn dụ theo tư

tưởng phản động, lợi dụng TN,… Đây cũng là nền tảng, sợi chỉ đỏ xuyên suốt chỉ dẫn các lực lượng, chủ thể giáo dục có phương hướng đúng đắn xây dựng nền đạo đức mới, trong đó có YTĐĐ tiến bộ cho TN. Đồng thời, khi bản thân các lực lượng, chủ thể giáo dục, đặc biệt là chính TN nắm bắt, quán triệt thấu đáo các nền tảng, quan điểm lý luận này sẽ thêm vững vàng ý chí và có căn cứ, niềm tin khoa học, chủ động thực hiện triệt để các giải pháp thúc đẩy những biến đổi tích cực, tiến bộ, hạn chế và đẩy lùi những biến đổi tiêu cực, lệch lạc trong YTĐĐTN dưới tác động của KTTT và các âm mưu chống phá của các thế lực thù địch. Hơn nữa, chính tính cách mạng, khoa học của Chủ nghĩa Mác-Lênin, chất thép trong Tư tưởng Hồ Chí Minh, sức chiến đấu và đổi mới không ngừng của Đảng sẽ thổi bầu nhiệt huyết, khí thế tiến lên, tạo dựng nền tảng tâm lý tích cực thôi thúc TN ra sức học hỏi, phát triển tri thức của nhân loại, đồng thời quyết tâm vượt qua những thử thách, khủng hoảng, rèn luyện lý tưởng đạo đức tốt đẹp, tiến bộ, đấu tranh không khoan nhượng với cái xấu, cái ác, với các thế lực thù địch. Tức là lí luận cách mạng không chỉ xác định phương hướng mà còn truyền động lực nuôi dưỡng, phát triển YTĐĐ tiến bộ cho TN.

(2) Bên cạnh giáo dục các nội dung lý luận về TN và công tác thanh niên, cần tiếp tục kiên trì tuyên truyền, *giáo dục các phẩm chất đạo đức cốt yếu của hình mẫu TN thời kì mới với ba nền tảng giá trị: "Tâm trong, Trí sáng, Hoài bão lớn*"**.** Biểu hiện cụ thể của ba nền tảng giá trị có thể hiểu như sau: Người có "Tâm trong" là người luôn trau dồi những phẩm chất đạo đức tốt đẹp, ý thức được những đạo lý, giá trị nhân văn cao cả trong cuộc sống, luôn giữ tâm mình trong sáng, hướng thiện, từ đó khởi nguồn cho những hành động có ích cho cộng đồng và đất nước. Những phẩm chất của người TN có "Tâm trong" có thể kể đến như: Yêu nước, nhân ái, trung thực, trách nhiệm, tự trọng, khiêm tốn, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư..."Trí sáng" thể hiện trí tuệ của người thanh niên thời kỳ mới, đáp ứng được những yêu cầu cơ bản như: Có tri thức, giỏi kỹ năng, giàu sáng tạo, khỏe thể chất và tinh thần, có ý thức tự học, cầu thị...TN có "Hoài bão lớn" thể hiện ở tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; nói đi đôi với làm; có khát vọng, dấn thân,

vươn lên; sống có lý tưởng, bản lĩnh, tuân thủ pháp luật; có tinh thần xung kích, tình nguyện, cống hiến cho đất nước...

(3) Đặc biệt, cần cập nhật, gia tăng *giáo dục các nội dung mới gắn với nền KTTT hiện đại*, có thể kể đến như:

Giáo dục tình cảm số, niềm tin số cho TN: Trong nền KTTT gắn với môi trường số, kinh tế số hiện nay có nhiều thuận lợi và nguy cơ đan xen. Sự bùng nổ của các phương tiện truyền thông đại chúng khiến thanh niên dễ bị định hướng sai bởi tâm lý đám đông, bởi những hội nhóm trên các mạng xã hội, những tin xấu độc, tin giả không được kiểm chứng. TN cũng dễ có những hành vi nông nổi, bột phát, lệch lạc về mặt đạo đức, hoặc trở thành nạn nhân của những hành vi xâm phạm, sỉ nhục vô đạo đức, vô văn hóa, đội lốt sự ẩn danh trên không gian số. Nguy hiểm hơn, hiện nay, các thế lực thù địch không ngừng tấn công, lôi kéo, mua chuộc, lợi dụng TN để chống phá qua các kênh, đặc biệt là trên không gian mạng. Do đó, các chủ thể giáo dục cần tăng cường hơn nữa giáo dục tình cảm đạo đức, niềm tin đạo đức, đây là chất xúc tác trực tiếp thúc đẩy việc hiện thực hóa tri thức đạo đức thành hành vi đạo đức lâu bền. Trong thời đại số, việc giáo dục "tình cảm số", "niềm tin số" đúng đắn, tích cực cho TN là vấn đề cấp thiết hiện nay. Điều này bao gồm việc trang bị cho TN năng lực nhận biết, quản lý cảm xúc trong môi trường trực tuyến, và xây dựng các mối quan hệ lành mạnh trong không gian mạng. Để làm tốt cần kết hợp với việc củng cố các giá trị đạo đức truyền thống, đòi hỏi sự phối hợp từ gia đình, nhà trường, các cơ quan, tổ chức và cộng đồng, kết hợp với việc sử dụng công nghệ phù hợp. Thực tế vừa qua báo chí truyền thông đưa tin đồng loạt các câu lạc bộ "Niềm tin số" được thành lập và Chính phủ đã chọn ngày 6/8 hàng năm là ngày an ninh mạng đã minh chứng cho sự cần thiết giáo dục nội dung này.

Giáo dục đạo đức nghề nghiệp, đặc biệt là đạo đức nghề nghiệp trong kinh tế số cho TN. Nền kinh tế hiện đại mở ra cơ hội khởi nghiệp rộng lớn đa lĩnh vực cho TN, việc trang bị rèn luyện cho TN đạo đức nghề nghiệp nói chung là yêu cầu khách quan góp phần đảm bảo phát triển chất lượng nguồn nhân lực trẻ. Đặc biệt, hiện nay công nghệ số, Trí tuệ nhân tạo (AI) có tiềm năng to lớn

giúp phát triển kinh tế, thúc đẩy tiến bộ khoa học và mang lại những lợi ích cho xã hội, song AI cũng đi kèm nhiều rủi ro tiềm tàng nếu không được sử dụng, phát triển một cách có đạo đức và có trách nhiệm. Ngày càng xuất hiện nhiều cảnh báo về nguy cơ từ công nghệ AI ảnh hưởng tiêu cực đến nhận thức và hành vi của con người, nhất là giới trẻ vốn là đối tượng ưa thích, ham chuộng sử dụng công nghệ, tiếp thu nhanh công nghệ, giàu năng lực sáng tạo công nghệ. Sự phát triển của AI đang đặt ra những vấn đề đạo đức hoàn toàn mới, đòi hỏi phải có sự chuẩn bị về mặt thể chế. Điển hình như: những nội dung độc hại, rác trực tuyến do AI tạo ra; sự lạm dụng và phụ thuộc AI khiến thanh niên dễ trở nên ỉ nại, lười suy nghĩ, lười lao động, kích thích tăng cao thói ham hưởng thụ; sự lợi dụng khả năng trợ giúp của AI, hoạt động của AI tạo sinh có thể dẫn đến hành vi gian dối, vi phạm bản quyền, AI xử lý lượng lớn dữ liệu làm tăng nguy cơ rò rỉ thông tin cá nhân, xâm phạm quyền riêng tư và bảo vệ dữ liệu cá nhân, vấn đề trách nhiệm khi AI gây ra sai sót; việc sử dụng AI có thể dẫn đến thiên vị và phân biệt đối xử, đưa ra quyết định không công bằng do AI học từ dữ liệu huấn luyện, có thể chứa các định kiến về giới tính, chủng tộc, và các yếu tố khác,...

Đây là thách thức toàn cầu, vì thế các quốc gia, các nhà nước trong đó có Việt Nam, các lực lượng giáo dục cần tiếp tục đẩy mạnh hợp tác quốc tế, nhanh chóng nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện các khung pháp lý về nguyên tắc đạo đức cho việc phát triển và ứng dụng AI một cách có trách nhiệm, cần giáo dục thanh niên bài bản, kịp thời về đạo đức nghề nghiệp thời đại số và trách nhiệm trong ứng dụng, khai thác thành tựu của khoa học công nghệ, góp phần hoàn thiện nhân cách, đạo đức của một công dân số trong thời kì phát triển kinh tế số, nhằm chuẩn bị cho các thế hệ sau có thể "sống chung an toàn" với công nghệ này. Thông tin đáng quan tâm và tham khảo cho Việt Nam là "Ngày 8/12/2023, các nước thành viên và các nghị sỹ Liên minh châu Âu (EU) đã đạt được thỏa thuận về quy định toàn diện đầu tiên nhằm quản lý AI. Giới chuyên môn đánh giá đây là khuôn khổ pháp lý duy nhất để phát triển AI đáng tin cậy, vì sự an toàn và quyền lợi cơ bản của người dân và doanh nghiệp" [217].

Giáo dục đạo đức sinh thái cho TN. Cùng với kinh tế số, việc phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn cũng là xu thể toàn cầu hiện nay. Điều này tạo ra cơ sở kinh tế tác động đến việc hình thành, bồi đắp YTĐĐ tích cực của TN với môi trường sống tự nhiên, đặt ra yêu cầu trong việc xây dựng và triển khai các chủ trương, chính sách giáo dục, bồi dưỡng, phát triển đạo đức sinh thái cho TN trong thời kì mới một cách bài bản, hệ thống.

Thứ tư, về phương thức giáo dục: Cần kiên trì đổi mới và đa dạng hóa trong áp dụng các biện pháp, cách thức, con đường giáo dục YTĐĐTN, bởi bản thân đối tượng TN có sự đa dạng, phong phú về thành phần cơ cấu xã hội và đặc trưng về tâm lý lứa tuổi, YTĐĐ là lĩnh vực thuộc mặt tinh thần với cấu trúc thành phần phức tạp và quá trình hình thành các thành tố của YTĐĐTN cũng theo những phương thức riêng nhất định. Trong bối cảnh hiện nay, cần tiếp tục kiên trì, phát huy các biện pháp giáo dục điển hình phù hợp với TN như:

(1) Ưu tiên giáo dục thông qua cơ chế nêu gương và đồng hành đối thoại:

Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh giá trị,ý nghĩa của phương pháp nêu gương: "Nói chung thì các dân tộc phương Đông đều giàu tình cảm, và đối với họ một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền" [74, tr.263]. Bác cũng từng nhắc nhở: "Trước mặt quần chúng không phải ta cứ viết lên trán hai chữ "cộng sản" mà ta được mọi người yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước" [74, tr. 552]. Đối với TN, trong các phương thức giáo dục, nêu gương là một phương thức rất hiệu quả và phù hợp. TN vốn có tâm lý ưa thích hoạt động hội nhóm, tập thể, ngại giáo điều, lý thuyết suông, dễ bị thuyết phục ấn tượng bởi thực tiễn sinh động, do vậy những tấm gương trong gia đình, trong tập thể, trong đời sống thường có sức cảm hóa, lay động mạnh mẽ đến quan điểm, lập trường, tình cảm, ý chí của tuổi trẻ.

Cái tôi chính kiến của TN cũng luôn mạnh mẽ nên TN cũng rất mong cầu sự lắng nghe, tôn trọng, gi nhận, và được chia sẻ. Do vậy, trong quá trình giáo dục YTĐĐ mới - YTĐĐ cộng sản cho TN, bên cạnh những lời nói động viên, khuyên răn, các lực

lượng giáo dục cần tăng cường và ưu tiên lắng nghe, chuyển mạnh từ áp đặt rao giảng, tuyên truyền sang cơ chế đồng hành, đối thoại cởi mở, tôn trọng với người trẻ. Văn hóa "Đối thoại và Gương mẫu" cần được xây dựng từ trong gia đình đến lớp học và ngoài xã hội sẽ là nền tảng vững chắc thúc đẩy hình thành YTĐĐ tiến bộ ở TN. Đồng thời, trong các môi trường, cần xây dựng cơ chế vinh danh không dựa trên thành tích bề nổi mà dựa trên sự đóng góp thực chất và tính minh bạch trong hành động, nhằm góp phần khắc phục sự thiếu nhất quán giữa "hiểu đạo đức " và "thực hành đạo đức" ở TN. Khi những hành vi đạo đức được gia đình, nhà trường xã hội đồng thuận ghi nhận và tạo ra lợi thế về uy tín, TN sẽ có động lực để củng cố niềm tin đạo đức. Họ thấy rằng sống đúng đạo đức mang lại vị thế và sự tôn trọng thực sự.

Đồng thời, cần đầu tư xây dựng môi trường xã hội lành mạnh với vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên, của người lớn, những người có uy tín ảnh hưởng đến giới trẻ. Những biểu hiện xuống cấp và suy thoái đạo đức, hiện tượng xa hoa, lãng phí, tham nhũng, cửa quyền và nhiều tiêu cực khác trong một bộ phận người dân, đặc biệt là ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ có chức, có quyền đang là nỗi bất bình của toàn xã hội, làm suy giảm lòng dân với Đảng. Điều này vô cùng nguy hại ảnh hưởng tiêu cực đến nhận thức, tâm lý TN, khiến người trẻ vốn còn thiếu tri thức, non kinh nghiệm, yếu bản lĩnh, dễ bị tác động trở nên phai nhạt tình cảm, niềm tin với lý tưởng cách mạng, với chế độ, thậm chí sẵn sàng học theo, bắt chước, theo đuổi hành vi, lối sống sa ngã, phạm pháp như người lớn, có nguy cơ hình thành YTĐĐ lệch lạc của cả một thế hệ kế tiếp. Thực tế nhức nhối đó chắc chắn là do nhiều nguyên nhân, trong đó có phần do pháp luật chưa đầy đủ hoặc thiếu chặt chẽ và việc thi hành pháp luật còn chưa nghiêm, chưa công bằng và hiệu quả. Do đó, "nếu đạo lý không đủ mạnh để thuyết phục thì pháp lý phải ra tay. Nếu dư luận xã hội chưa đủ độ để lên án thì luật pháp phải kết án" [60, tr.55].

(2) Đẩy mạnh giáo dục thông qua internet, mạng xã hội:

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã tạo ra xu hướng chuyển đổi số tất yếu ở mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Chuyển đổi số đang tạo lực đẩy để TN đi nhanh hơn, bứt phá, sáng tạo thêm nhiều giá trị mới đóng góp vào sự thịnh vượng của

quốc gia. Nhiều bạn trẻ đã biết cách tận dụng internet, mạng xã hội để xây dựng thương hiệu cá nhân, giúp phát triển bản thân và tiếp cận thêm nhiều cơ hội về việc làm, thu nhập, đặc biệt là để thể hiện tình cảm, ý thức trách nhiệm sống của mình…TN hiện nay đang vừa là chủ thể ưa chuộng và sử dụng chủ yếu, vừa là đối tượng chịu tác động trực tiếp, mạnh mẽ từ xu thế này. Vì vậy, giáo dục YTĐĐ thông qua khai thác sức mạnh của truyền thông, mạng xã hội, internet là biện pháp giáo dục nhanh chóng, hiệu quả, phù hợp với nhu cầu thịnh hành và tâm lý vốn ưa thích công nghệ của TN hiện nay. Môi trường số tạo ra nhiều cơ hội cho việc giáo dục thế hệ trẻ, đặc biệt là giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho TN. Tổng Thư ký Liên minh Nghị viện Thế giới (IPU) Martin Chungong từng nhấn mạnh: "Khi thanh niên sử dụng được công cụ số để bày tỏ quan điểm, họ sẽ trở thành những "kỹ sư" tự thiết kế nên tương lai của chính mình. Đây là sự đầu tư xứng đáng cho một tương lai bao trùm và thịnh vượng hơn" [203].

Hiện nay ở Việt Nam đang thịnh hành các trang mạng xã hội quốc tế như Facebook, Tiktok, Twitter, Instagram, Reddit, Tumble, Youtube… và mạng xã hội Việt Nam như Zalo, Lotus, Gapo…Môi trường số, mạng xã hội, internet hiện nay vừa là công cụ để thanh niên được tiếp cận, học hỏi, chia sẻ tri thức, kĩ năng, bài học giá trị cuộc sống, thể hiện bản thân một cách hiệu quả nhưng cũng là không gian người trẻ dễ dàng, nhanh chóng bị công kích, bao vây, thậm chí bị hủy hoại tinh thần và sức lực một cách âm thầm.

Do đó, khi coi đây là một phương thức giáo dục hiệu quả trong thời đại số cần coi trọng xây dựng các trang mạng xã hội chính thống, hợp pháp, lành mạnh, tích cực cho TN. Trong tính đa dạng, phong phú của mạng xã hội hiện nay, cần thiết lập và duy trì các tiêu chí cốt lõi như:

Nội dung đăng tải trên mạng xã hội phải đảm bảo tính định hướng, chính trị, khoa học chính xác, mang tính giáo dục cao, thuyết phuc, truyền cảm hứng, trong đó coi trọng đăng tải các nội dung phản bác, đấu tranh với các lực lượng thù địch, chống phá để định hướng, củng cố nhận thức và niềm tin, lý tưởng cách

mạng đúng đắn cho TN, xây dựng ý thức cảnh giác cách mạng và bản lĩnh cách mạng cho TN; *Hình thức các trang mạng xã hội* cần được thiết kế sinh động, ấn tượng, hấp dẫn, các chuyên trạng tạo ra sự thân thiện, tin cậy cho TN, giúp TN cảm thấy mình được đối thoại, tâm sự, chia sẻ, giải đáp thắc mắc với những người thủ lĩnh, cán bộ, chuyên gia am hiểu TN, có hiểu biết chắc chắn về hoạt động của TN; *Đội ngũ nhân lực quản trị các trang mạng xã hội* có trình độ, đặc biệt là tin học, công nghệ thông tin, nắm bắt xu hướng phát triển của khoa học công nghệ, nhiệt tình trách nhiệm nhạy bén, sáng tạo, linh hoạt xử lí tình huống; *Các nguồn lực vật chất, phương tiện* được đầu tư thích đáng, đảm bảo duy trì và phát triển trang mạng xã hội; *Hoạt động của trang mạng* theo đúng các tiêu chí của giới trẻ, vì sự phát triển của thanh niên, đúng pháp luật, đúng tôn chỉ mục đích của các tổ chức, hội nhóm thanh niên,….và phải được sự quản lý, kiểm soát của các cơ quan chức năng của Nhà nước, các đoàn thể chính thống.

Lưu ý rằng, khi coi trọng thúc đẩy giáo dục thông qua internet, mạng xã hội, các lực lượng giáo dục cần song song kết nối, tổ chức hoạt động giao lưu, đối thoại trực tiếp, trải nghiệm thực tế cho TN để nắm bắt giáo dục TN kịp thời. Cần tạo các diễn đàn, không gian, sự kiện cả trực tiếp và trực tuyến có sự định hướng, dẫn dắt, kiểm soát của các cấp ủy Đảng, các cơ quan Nhà nước, của nhà trường và các tổ chức đoàn thể, các lực lượng giáo dục khác để giới trẻ tham gia, bình luận, tự tin mạnh dạn chia sẻ, thể hiện tiếng nói, phản biện, tự tìm ra hình mẫu xứng đáng trong thời đại mới để noi theo. Sự linh hoạt kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, kết hợp triển khai các hoạt động trực tiếp nhưng được lan tỏa sâu rộng giá trị qua hình thức trực tuyến với triển khai các hoạt động trực tuyến nhưng đem lại giá trị thực tế, trực tiếp sẽ giúp lôi cuốn hấp dẫn rộng rãi, đông đảo TN tham gia ở mọi đối tượng thành phần, ở nhiều địa bàn, trong nhiều môi trường, hoàn cảnh. Từ đó tăng thêm trải nghiệm và hiệu quả giáo dục TN. Suy cho cùng, mục tiêu là hướng tới tạo ra một thế giới thực với những con người thực, những giá trị đích thực, giúp giới trẻ phân biệt đúng sai trong thế giới ảo với nhiều nguy cơ khôn lường.

(3) Tăng cường giáo dục thông qua hoạt động thực tiễn, phát huy vai trò giáo dục của các tổ chức cách mạng của thanh niên với hạt nhân nòng cốt là Đoàn Thanh niên

YTĐĐ chỉ đạt giá trị khi thể hiện qua hoạt động thực tiễn đạo đức, đồng thời, thông qua thực tiễn đạo đức YTĐĐ càng được sàng lọc, củng cố bền vững do được kiểm nghiệm. Với TN, đối tượng vốn dễ lung lay, dao động ý chí, để xây dựng được tình cảm, niềm tin đạo đức vững chắc, có được lớp khiên khỏe mạnh, không dễ bị cái xấu lấn át, thỏa hiệp với tiêu cực thì môi trường thực chứng càng quan trọng. Do đó, các chủ thể giáo dục như nhà trường, gia đình, tổ chức xã hội cần chuyển mạnh từ giáo dục TN bằng lời nói, lý thuyết suông một chiều sang tăng cường giáo dục thông qua hoạt động trải nghiệm, thông qua tình huống có vấn đề gắn với đời sống và thực tiễn chuyên ngành, nghề nghiệp để TN được tham gia, chủ động thảo luận, đối mặt, ứng phó, rèn kỹ năng tư duy phản biện và rút ra bài học đạo đức khi thực chiến với tình huống thị trường,...

Với biện pháp này, gia đình không chỉ dạy bảo, cảm hóa TN bằng tình yêu thương và lời khuyên răn mà cần đồng thời bằng hành động thực tiễn thể hiện sự liêm chính, gương mẫu trong chính các hoạt động kinh tế, lao động, sinh hoạt hàng ngày, cùng mở lòng với TN chia sẻ, tháo gỡ về các tình huống đạo đức thực tế, và tránh việc nuông chiều thái quá, mà cần tin tưởng, chủ động giao việc để thử thách rèn luyện tình cảm, ý chí, nghị lực cho TN,... Nhà trường cần đổi mới mạnh mẽ phương pháp giảng dạy từ truyền thụ tri thức sang dạy học thông qua tình huống, dự án, chuyển từ truyền dạy đạo đức lý thuyết sang nâng cao năng lực ứng dụng và tư duy phản biện, từ đó trang bị, rèn luyện cho TN kỹ năng tự định hướng trước sự nhiễu loạn đa giá trị hiện nay, giúp TN không chỉ biết "điều gì tốt" mà còn hiểu "tại sao nó đúng" và cách giải quyết khi các giá trị đan xen mâu thuẫn, điều này giúp hình thành lý tưởng đạo đức thực tiễn, không xa rời thực tế. Và để tối ưu hóa hiệu quả giáo dục, nhà trường cần có nguồn lực thích đáng đầu tư hiện đại hóa nội dung và phương pháp giảng dạy, gia tăng việc áp dụng công nghệ để đa dạng tình huống học tập trải nghiệm cho TN.

Cùng với gia đình và nhà trường, một trong những lực lượng xã hội có thế mạnh vượt trội về năng lực giáo dục TN thông qua hoạt động thực tiễn cần coi trọng phát huy đó là các tổ chức cách mạng của TN với Đoàn Thanh niên là hạt nhân nòng cốt. Nếu như gia đình là điểm tựa tâm lý và sự an toàn giúp TN có bản lĩnh để nói "không" với các cám dỗ tiêu cực mà không sợ bị cô lập hoàn toàn, nhà trường trang bị "vũ khí" là kiến thức chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp để TN có căn cứ rõ ràng nhận biết biết được ranh giới giữa đúng - sai, thiện - ác thì các tổ chức xã hội với môi trường trải nghiệm thực tiễn phong phú cùng sức mạnh của dư luận tập thể có thể trở thành đòn bẩy gia tăng uy tín, độ thuyết phục cho TN tin rằng "Lối sống đạo đức luôn được xã hội tiếp sức, ủng hộ", điều này trực tiếp giúp chuyển hóa niềm tin nhận thức thành niềm tin thực hành đạo đức bền vững cho TN.

Các tổ chức cách mạng của TN ở đây được hiểu là những tổ chức tiến bộ, chính thống của TN Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ pháp luật dưới sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước, tiêu biểu kể đến là Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam,…. Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam được coi là mặt trận rộng lớn đoàn kết rộng rãi tất cả các lực lượng quần chúng TN Việt Nam yêu nước, tiến bộ trong và ngoài nước. Hội bao gồm các thành viên là các cá nhân thanh niên, các tổ chức Hội thành viên và các hội, nhóm, tổ, đội, câu lạc bộ TN hoạt động theo ngành nghề, sở thích, địa bàn, …. Trong số các tổ chức TN, Đoàn thanh niên là tổ chức chính trị - xã hội của TN, bao gồm những TN tiên tiến, ưu tú phấn đấu vì lý tưởng của Đảng. Đoàn được coi là đội dự bị tin cậy của Đảng, , là người bạn đồng hành tin cậy đại diện chăm lo bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng cho TN, là tổ chức thành viên của Hội với vị thế là hạt nhân chính trị nòng cốt, dẫn dắt, định hướng, đoàn kết các tổ chức TN.

Sứ mệnh của các tổ chức TN là: qui tụ sức mạnh, xây dựng khối đoàn kết rộng lớn trong đông đảo lực lượng TN, tạo ra môi trường thực tiễn sinh động để phát huy tiềm năng thế mạnh của sức trẻ đóng góp cho đất nước, đồng thời kích thích, phát huy tính độc lập, tự quản, chủ động, sáng tạo của TN, tạo lập không gian kết nối trẻ trung, năng động, đồng hành, hỗ trợ, chia sẻ, lắng nghe TN, chăm lo, giáo dục, bồi dưỡng TN.

Đặc biệt khi tập hợp đoàn kết TN vào các tổ chức cách mạng có ý nghĩa quan trọng trong đấu tranh chống lại các âm mưu chia rẽ, lợi dụng, lôi kéo, mua chuộc, trụy lạc hóa người trẻ của các thế lực cơ hội, phản động.

Ưu thế nổi bật của các tổ chức TN là: tôn chỉ mục đích hoạt động hợp pháp, rõ ràng, trong sáng; mô hình hoạt động đa dạng dựa trên nhu cầu sở thích, đặc thù nghề nghiệp, vùng miền; môi trường tập thể quần chúng hòa đồng, dân chủ, tôn trọng tính đa dạng và tự nguyện của thành viên; phương thức hoạt động đa dạng thường gắn liền trải nghiệm thực tiễn giúp củng cố, khắc sâu kiến thức và cảm xúc; có khả năng phát huy tinh thần đoàn kết, tính kỉ luật tập thể, hợp tác, phối hợp; luôn sẵn có khí thế thi đua cạnh tranh, sự đông vui, hoạt náo, dễ dàng khơi gợi tinh thần nhiệt huyết, sáng tạo, kích thích sức trẻ; có sức cảm hóa lớn từ uy tín của thủ lĩnh được tập thể suy tôn, từ sức mạnh dư luận tập thể cùng những tấm gương cá nhân điển hình tiêu biểu,…. Bản thân TN vốn thích hoạt động đông vui, hoạt náo, luôn ưa chuộng, hứng thú tham gia vào các loại hình tập thể, tổ chức hội, nhóm, đội hình, câu lạc bộ…ở nhiều lĩnh vực khác nhau. Mỗi cá nhân TN khi tham gia tổ chức, tập thể sẽ vừa được thể hiện bản sắc, cá tính theo đặc thù thế mạnh vốn có, được giao lưu, học hỏi, trao đổi chia sẻ tri thức, kinh nghiệm, rèn luyện kĩ năng, ý chí, bản lĩnh, và dễ dàng được cảm hóa, lay động, khích lệ cảm xúc, niềm tin, lý tưởng,… từ đó biết vươn tới các giá trị đạo đức nhân văn, tích cực trong cuộc sống và đóng góp thiết thực cho cộng đồng, đất nước. Đây đều là những thế mạnh vượt trội của tổ chức giúp giáo dục đạo đức TN một cách thiết thực, vừa sức, phù hợp đặc trưng tâm lý tuổi trẻ.

Với lý tưởng phấn đấu cao đẹp, vô tư trong sáng của những người cộng sản trẻ, với tính chất, chức năng, nhiệm vụ, trọng trách cao cả mà Đoàn được tin tưởng giao phó, cùng bề dày thành tựu, truyền thống vẻ vang mà Đoàn đã gây dựng, Đoàn TN đã được xác lập vai trò là hạt nhân nòng cốt chính trị trong số các tổ chức TN, giữ vị thế tiên phong, gương mẫu, định hướng dẫn dắt TN và các tổ chức TN. Điều này càng khẳng định vững chắc ưu thế, uy tín vượt trội, không thể thay thế của Đoàn trong giáo dục cộng sản cho tuổi trẻ.

Ưu thế giáo dục là vậy song YTĐĐ cách mạng của không ít bạn trẻ đang suy giảm, đặc biệt là tình trạng "Nhạt Đảng, khô Đoàn, xa rời chính trị" trong TN đang là thực tế đáng báo động. Do đó, việc phát huy vai trò của các tổ chức TN, đặc biệt là phát huy vai trò gương mẫu, uy tín và sức mạnh của Đoàn Thanh niên là rất cần thiết để duy trì tình cảm, niềm tin của TN với tổ chức, giúp Đoàn làm tốt sứ mệnh giáo dục YTĐĐ cộng sản cho TN. Trong thời gian tới, để tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục của Đoàn, cần quan tâm, chú trọng thực hiện những vấn đề sau:

Trước hết, để tổ chức Đoàn thực sự xứng đáng với vị thế là hạt nhân chính trị nòng cốt trong TN, là tâm điểm qui tụ sự đoàn kết và định hướng, dẫn dắt TN, nhận được niềm tin yêu từ TN, thì con người của tổ chức phải thực sự gương mẫu, uy tín, được giáo dục tốt. Chủ nghĩa Mác - Lênin đã nhấn mạnh: "bản thân nhà giáo dục cũng cần phải được giáo dục", Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng luôn căn dặn "cán bộ là gốc của công việc", "đạo đức là cái gốc của người cách mạng". Thực tế cho thấy "cán bộ nào thì phong trào nấy", tình trạng "khô Đoàn" cũng có nguyên nhân từ sự suy giảm năng lực và uy tín của cán bộ, tự sự yếu kém chưa đáp ứng ngang tầm nhiệm vụ của cán bộ, từ sự tụt hậu của cán bộ Đoàn với quần chúng TN. Do vậy, trong mọi hoàn cảnh và giai đoạn, Đoàn cần hết sức coi trọng xây dựng và không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ Đoàn và chất lượng đoàn viên về mọi mặt mà trước hết là về lí tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, tác phong lề lối làm việc. Điều này đòi hỏi tổ chức Đoàn phải tiếp tục quan tâm và tăng cường các hoạt động, chương trình, đề án tập huấn bồi dưỡng phẩm chất và năng lực cho cán bộ Đoàn và cho đoàn viên trong giai đoạn mới. Đồng thời, mỗi cá nhân cán bộ Đoàn, mỗi đoàn viên phải chủ động ra sức trau dồi tôi rèn phẩm chất đạo đức, lối sống, bản lĩnh chính trị hàng ngày để xây dựng cho mình thương hiệu, uy tín và tình cảm vững chắc trong TN, xứng đáng làm tấm gương sáng cho quần chúng TN.

Mặt khác, khả năng giáo dục, sức thuyết phục của tổ chức được thể hiện chủ yếu qua sự tiến bộ, văn minh và uy tín hành động của tổ chức. Trên cơ sở thực hiện nguyên tắc "Đoàn phải mạnh, Hội phải rộng", cần coi trọng và không ngừng xây dựng, củng cố Đoàn ngày càng vững mạnh và phát triển về chính trị, tư tưởng, tổ chức và hành động, nhất là về năng lực và hiệu quả hành động. Bởi đây là yêu cầu

tiên quyết để củng cố và phát huy hơn nữa vị thế, uy tín, tính chiến đấu, sức truyền cảm hứng, khả năng nêu gương, cảm hóa của các tổ chức TN trong quần chúng TN, giúp các tổ chức TN thực sự chinh phục và nhận được sự yêu mến, tin tưởng từ TN.

Có thể nói, việc Đoàn có tổ chức chặt chẽ, có lý tưởng, lập trường cách mạng là điều tất yếu luôn cần giữ vững, song không thể hô hào suông lý tưởng nếu thiếu tính hiệu quả trong hành động. Biểu hiện sức mạnh đặc trưng của tổ chức TN là ở sức trẻ tiên phong, tính xung kích cách mạng, tính xông pha dấn thân chiến đấu theo tinh thần "đâu cần TN có, việc gì khó có TN". Hành động của tổ chức sẽ phản ánh sự tiến bộ về lý tưởng, lập trường, tư cách, uy tín của tổ chức, của thành viên trong tổ chức. Thực trạng "Nhạt Đảng, khô Đoàn, xa rời chính trị" trong một bộ phận TN hiện nay là thực trạng rất đáng lo ngại không chỉ về đạo đức, thái độ của TN đối với cách mạng, với tổ chức cộng sản mà còn là sự cảnh báo về sự suy giảm uy tín, thậm chí là có phần yếu kém, khô cứng, thiếu sức hút, thiếu tính bền vững trong hoạt động của không ít cấp bộ Đoàn. Ở nhiều nơi, một số cấp bộ Đoàn còn hoạt động nặng về bề nổi, thiếu chiều sâu, thiếu sức lan tỏa, thiếu tính bền vững, còn tình trạng hoạt động mang bệnh thành tích "đầu voi đuôi chuột". Điều đó càng đòi hỏi Đoàn phải quan tâm đầu tư hơn nữa để xây dựng Đoàn mạnh về hành động.

Theo đó, Đoàn cần đổi mới mạnh mẽ nội dung và phương thức hoạt động của mình. Đặc biệt cần chủ động đổi mới quan điểm tiếp cận, TN vừa là đối tượng cần được phát huy, được giáo dục, bồi dưỡng, chăm lo phát triển, vừa là đối tượng cần được phục vụ. Trong bối cảnh cạnh tranh thu hút giới trẻ từ nhiều tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp hiện nay, Đoàn vẫn phải giữ vững bản chất là tổ chức cộng sản trẻ, có sứ mệnh vẻ vang là "đội dự bị tin cậy của Đảng", "trường học XHCN của TN", đồng thời Đoàn cần mạnh dạn đổi mới với tư duy "phục vụ TN". Thị phần trong giới trẻ hiện vô cùng tiềm năng. Đoàn cần cung cấp kịp thời, đa dạng và hữu ích hơn nữa các loại hình dịch vụ cho TN liên quan đến học tập, trải nghiệm giải trí, việc làm, khởi nghiệp, phát triển kinh doanh, tư vấn tâm lý, định hướng giá trị, phát triển bản thân, đổi mới sáng tạo,... Ở đâu TN cần là Đoàn có mặt, ở lĩnh vực nào TN có nhu cầu thì Đoàn chủ động cung cấp hoặc là cầu nối hỗ

trợ đắc lực giúp đỡ TN giải quyết nhu cầu chính đáng, hiện thực hóa được ước mơ, hoài bão của mình. Có như vậy, Đoàn mới luôn thực sự là "người bạn đồng hành đáng tin cậy của TN", tạo tiền đề vững chắc để Đoàn làm tròn sứ mệnh giáo dục cộng sản cho TN.

Bên cạnh đó, trong hoàn cảnh hiện nay đang hình thành một thế hệ TN mới gen Z gắn liền với hội nhập quốc tế và ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, họ có cá tính mạnh mẽ và không ngừng biến đổi, kiến tạo đa hệ giá trị. Vấn đề cần tăng cường và đổi mới công tác nắm bắt và định hướng dư luận TN và đổi mới phương thức tuyên truyền, giáo dục của Đoàn luôn đặt ra yêu cầu cấp thiết.

Đoàn cần kết hợp nhiều kênh nắm bắt dư luận TN như báo cáo của cơ sở đoàn, qua đội ngũ cộng tác viên dư luận xã hội, qua hệ thống báo chí, qua việc thâm nhập vào các đội, nhóm trên mạng xã hội và qua việc tận dụng công cụ số để nắm tình hình... Từ việc nắm bắt, cần chú ý hơn tính phát hiện vấn đề, dự báo những tình huống có thể phát sinh; chủ động và kịp thời hơn trong cung cấp thông tin, đưa thông tin chính thống nhanh, ngắn gọn, chính xác. Bởi nếu không kịp thời, TN sẽ tiếp cận thông tin từ những nguồn khác, trong đó có những nguồn không chính thống, độc hại.

Để tránh áp đặt, duy ý chí, việc đẩy mạnh chuyển hướng công tác tuyên truyền, giáo dục của Đoàn từ một chiều thành đa chiều, có sự tương tác thường xuyên với đoàn viên, TN. Trong hoạt động này, có thể ứng dụng đồng bộ nhiều phương thức như: tuyên truyền trực quan, tuyên truyền miệng, tuyên truyền trên không gian số, xây dựng các sản phẩm truyền thông, tạo không gian, diễn đàn đặt ra những vấn đề để TN bày tỏ ý kiến, thảo luận, góp ý giải quyết; tận dụng và nắm bắt các trào lưu nổi cộm TN quan tâm để định hướng, giáo dục TN. Đặc biệt với bối cảnh hiện nay, cần tận dụng không gian mạng, xây dựng các sản phẩm truyền thông số phù hợp với thị hiếu của TN như: hình thức infograhic, video ngắn, phim ngắn, review các nội dung giáo dục, capcut…; Chủ động tạo trend (xu hướng) có tính giáo dục, tích cực, lạnh mạnh trên không gian mạng cho TN; Xây dựng các nền tảng, cơ sở dữ liệu về thông tin, nhất là những thông tin chính thống, mang tính định hướng để TN có thể

tiếp cận dễ dàng trong mọi môi trường, và tham gia mọi lúc, mọi nơi,...Cần lưu ý rằng, TN càng dành nhiều thời gian trên mạng, không gian ảo thì càng cần phải tổ chức, kéo TN vào các hoạt động thực tế để cân bằng. Tức là cần liên kết, song hành giữa các hoạt động trực tiếp với trực tuyến, quán triệt phương châm: Tương tác, tập hợp TN thông quan trực tuyến, nhằm hướng tới thu hút, khích lệ TN tham gia các hoạt động trực tiếp. Bởi chỉ có môi trường thực, con người thực, giá trị thực mới thực sự có ý nghĩa giáo dục lâu bền và vững chắc.

Trong số các phương thức giáo dục của Đoàn, giáo dục thông qua tổ chức các phong trào TN trong thực tiễn luôn là phương thức hoạt động đặc trưng, hiệu quả, làm nên thương hiệu, uy tín của Đoàn. Phong trào của Đoàn cũng chính là môi trường thực chứng thuyết phục giúp TN giải quyết thỏa đáng nhu cầu cá nhân với lợi ích cộng đồng, đất nước, giúp củng cố xây dựng niềm tin đạo đức ở TN. Thời gian tới Đoàn cần đẩy mạnh hơn nữa triển khai các phong trào, hoạt động dự án cộng đồng gắn liền chuyên môn với đạo đức cho TN (như khởi nghiệp xanh, khởi nghiệp sáng tạo, tạo tác động xã hội, tình nguyện hỗ trợ chuyển đổi số, tình nguyện gắn liền với chuyên môn được đào tạo…) nhằm thiết lập môi trường cống hiến, rèn luyện toàn diện TN. Tiếp tục linh hoạt kết hợp triển khai phong trào trực tiếp và trực tuyến, tức là triển khai các hoạt động trực tiếp nhưng được lan tỏa sâu rộng giá trị qua hình thức trực tuyến và triển khai các hoạt động trực tuyến nhưng đem lại giá trị thực tế, trực tiếp. Đặc biệt, cần mạnh dạn đổi mới cách thức triển khai phong trào TN theo hướng khơi lên vẻ đẹp bay bổng lãng mạn tích cực của người trẻ, đúng với tâm lý đặc trưng của TN. Có một thực tế là hiện nay cách thức triển khai phong trào của không ít cấp bộ Đoàn còn nặng về huy động, tận dụng sức trẻ, lao vào làm với tâm thế không ngại khó ngại khổ với từng chỉ tiêu, phần việc, công trình cụ thể. Điều này là cần thiết với bối cảnh đất nước liên tục chuyển mình, yêu cầu phát triển kinh tế xã hội đòi hỏi ngày càng cao về tính năng suất và hiệu quả. Song để nuôi dưỡng hưng phấn, tình cảm tốt đẹp một cách lâu dài cho TN, cần liên tục khơi lên cảm xúc thăng hoa, tôn vinh ước mơ và khát vọng đẹp cho TN. Quá khứ cũng đã chứng minh, những phong trào TN như "Ba sẵn sàng", "Năm xung phong", "Xếp

bút nghiên lên đường chiến đấu", "Hát cho đồng bào tôi nghe"… đã khắc họa chân dung tuổi trẻ một thời hoa lửa, vừa nhiệt huyết, xông pha vừa hào hoa, lãng mạn, góp phần xây dựng nên một thế hệ TN anh hùng của một dân tộc anh hùng. Những phong trào TN mang tính kiểu mẫu này đã để lại những dấu son lịch sử của tuổi trẻ và những bài học kinh nghiệm quý báu cần tiếp tục được học tập và phát huy.

(4) Tận dụng, khai thác con đường giáo dục đạo đức thông qua nghệ thuật, thẩm mĩ:

YTĐĐ có mối quan hệ và chịu sự tác động từ các hình thái ý thức xã hội khác, trong đó có ý thức thẩm mỹ. Giáo dục đạo đức thông qua nghệ thuật là một trong những phương thức không thể thiếu trong giáo dục đạo đức, đặc biệt là với TN. Nghệ thuật đích thực luôn có sức lay động sâu xa trong tâm hồn bằng những hình tượng sinh động và đầy thuyết phục. Những hình tượng về những con người cao quý trong quá khứ và hiện tại được phản ánh bằng nghệ thuật sẽ có ảnh hưởng mạnh mẽ và lâu dài đến việc hình thành những quan niệm và niềm tin đạo đức của con người. TN vốn giàu cảm xúc, lãng mạn, bay bổng, lại chuộng hình thức, ưa cái mới, thích cái đẹp, sự bắt mắt, luôn khát khao vươn tới cái chân, thiện, mỹ. Kết hợp giáo dục nghệ thuật và giáo dục YTĐĐ trong hưởng thụ, vui chơi, giải trí, lành mạnh, văn minh của người trẻ là một biện pháp cần phát huy trong bối cảnh hiện nay khi nền KTTT phát triển, đời sống đủ đầy hơn, TN có nhu cầu rất cao về giải trí thông qua nghệ thuật như âm nhạc, phim ảnh, thời trang, ẩm thực,…

Trên thực tế, kho tàng nghệ thuật dân gian có thể coi là "những hòn ngọc quí" bởi ở đó, những giá trị đạo đức của dân tộc được thể hiện rõ nét nhất. Do đó, cần tổ chức nhiều hơn các chương trình biểu diễn văn hóa- nghệ thuật sân khấu truyền thống dưới nhiều hình thức đa dạng (cố định và lưu động, theo vùng miền, quốc gia, quốc tế; truyền thống lễ hội và công nghiệp hiện đại- sự kiện concert, trải nghiệm thực hành thật và trải nghiệm giải trí ảo - game hóa….) để thu hút TN tương tác, thưởng thức, học hỏi. Khi TN nhận thức tốt hơn về ý nghĩa và tác dụng của các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống, từ đó có ý thức hơn trong việc giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống. Đồng thời, cần kết hợp giáo

dục các loại hình nghệ thuật dân gian lẫn nghệ thuật đương đại, nghệ thuật đường phố; mở ra nhiều không gian nghệ thuật cho người trẻ tiếp cận không chỉ ở nhà trường mà ở ngoài xã hội, không chỉ ở những nơi không gian đóng (trong phòng, nhà bảo tàng, nhà triển lãm…) mà cả những nơi không gian mở (trên đường phố, ngõ xóm, khu công cộng, nhà văn hóa, công viên, sân chơi,…) tạo sự đa dạng, mới mẻ, hấp dẫn, tiện lợi cho TN, từ đó định hướng giá trị ý thức thẩm mĩ tốt đẹp, văn minh, nhân văn cho TN, làm cầu nối định hướng YTĐĐ tiến bộ cho người trẻ.

(5) Phát huy vai trò giáo dục của những cá nhân có uy tín, có tầm ảnh hưởng tích cực đến thanh niên trong sự giám sát, quản lý của cơ quan chức năng:

Hiện nay các KOL (key opionion leader - "người dẫn dắt tư tưởng"), KOC (Key Opinion Consumer - người tiêu dùng chủ chốt, có sức ảnh hưởng lớn trên thị trường), đặc biệt là các văn nghệ sĩ, người nổi tiếng là những người có nhiều fan hâm mộ, lượt yêu thích, theo dõi trong giới trẻ. Những người nổi tiếng nếu có phẩm chất đạo đức tốt, làm nghề hợp pháp, sẽ là tấm gương về sự nghiệp thành công, người truyền cảm hứng tích cực cho TN về động cơ, ý chí, nỗ lực vươn lên và nuôi dưỡng niềm tin biến ước mơ thành hiện thực. Tuy nhiên việc tận dụng, khai thác những cá nhân uy tín, người nổi tiếng để định hướng YTĐĐ giới trẻ cũng là con dao hai lưỡi, bởi biện pháp giáo dục này phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố chủ quan của người nổi tiếng, đó là ý thức đạo đức, lương tâm, trách nhiệm làm nghề, hành vi, cách ứng xử của họ trước công chúng.

Thực tế cho thấy, bên cạnh rất nhiều gương mặt người nổi tiếng làm nghề có đạo đức, vẫn còn không ít những kẻ lợi dụng sự quan tâm của công chúng trẻ để khoe mẽ lòng trắc ẩn giả tạo của mình, lợi dụng sự khen ngợi tung hô trên mạng xã hội để gia tăng cơ hội kiếm tiền với chiêu trò gian lận, quảng cáo sai sự thật, buôn bán hàng giả, hàng lậu…gây bức xúc cho cộng đồng, và làm mất niềm tin và phương hướng rèn luyện đạo đức đúng đắn cho người trẻ.

Do vậy, các cơ quan chức năng, các tổ chức đoàn thể vừa cần khéo léo tận dụng, khai thác lợi thế của các cá nhân này, vừa cần có biện pháp giám sát, răn đe, xử phạt nghiêm minh bằng pháp luật để vừa phát huy thế mạnh của họ, vừa kiểm

soát đc tầm ảnh hưởng của họ đối với công chúng giới trẻ, để họ thực sự là hình mẫu xứng đáng, truyền cảm hứng cho người trẻ.

4.2.3. Xây dựng cơ chế tự giáo dục, tự rèn luyện và khuyến khích tính tự giác học tập, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của thanh niên trong bối cảnh mới

Quan điểm duy vật biện chứng đã khẳng định vai trò của nhân tố chủ quan, ý thức của mỗi chủ thể nhận thức không chỉ phản ánh tồn tại xã hội mà còn có khả năng lựa chọn và cải tạo thực tại. Những nghiên cứu về tâm lý học đã chỉ ra rằng, ngoài động lực bên ngoài như môi trường kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, sự đáp ứng nguyện vọng về vật chất, khen thưởng, tôn vinh…, động lực bên trong hay động lực nội tại, tự thân của mỗi con người đóng một vai trò cốt lõi và quyết định đến ý thức, xu hướng hành vi của con người. Trên thực tế, các thiết chế ngoại sinh như gia đình, nhà trường, pháp luật,… chỉ có thể tác động, hỗ trợ TN ở những không gian và thời gian nhất định nhưng TN luôn phải tự đối mặt với chính mình trong mọi hoàn cảnh, đồng thời những tác động ngoại sinh ít nhiều còn mang tính áp đặt nhưng đạo đức cần xuất phát từ sự tự nguyện, tự giác mới bền vững. Chưa kể trong môi trường số hiện nay, sự ẩn danh và tính cá nhân hóa rất cao càng dễ khiến các tác động ngoại sinh trở nên chậm trễ, thậm chí bất lực. Do vậy yếu tố chủ thể, nội sinh của TN luôn giữ vai trò tiên quyết trong định hướng phát triển đạo đức mỗi người. Để hình thành và phát triển YTĐĐTN một cách tích cực, bền vững, cùng với những nỗ lực, giải pháp tác động từ các lực lượng khách quan bên ngoài TN cần hết sức coi trọng việc kích hoạt "năng lực tự giáo dục" cốt lõi bên trong của mỗi chủ thể TN.

Trong quá trình hoàn thiện nhân cách mỗi con người nói chung và người TN nói riêng, tự ý thức và tự giáo dục là hai yếu tố nội sinh của chủ thể người TN không thể tách rời và đóng vai trò then chốt. Tự ý thức là nền tảng, động lực cho quá trình tự giáo dục. Tự giáo dục thông qua việc chủ động tự giác học hỏi, rèn luyện, giúp con người hình thành phẩm chất, năng lực cần thiết để hoàn thiện nhân cách. Tự ý thức giúp mỗi người TN nhận biết rõ bản thân, đánh giá đúng điểm mạnh, điểm yếu, suy nghĩ và hành vi tích cực hay tiêu cực,… và từ đó xác định

phương hướng điều chỉnh, phát triển. Tự ý thức giúp TN kiểm soát hành vi, cảm xúc và có những hành động phù hợp với chuẩn mực đạo đức, giá trị xã hội. Khi có ý thức rõ ràng về bản thân, người TN sẽ có động lực và phương hướng rõ ràng để tự giáo dục, hoàn thiện mình. Đồng thời, tự giáo dục giúp củng cố và nâng cao tự ý thức, giúp TN ngày càng nhận thức sâu sắc hơn về bản thân và môi trường xung quanh.Tự học, tự giáo dục giúp TN làm chủ quá trình nhận thức đúng quy luật khách quan, chủ động suy nghĩ và làm chủ suy nghĩ, dám nói những vấn đề nảy sinh từ thực tiễn cuộc sống sinh động, có quyết tâm, dám chịu trách nhiệm về kết quả công việc, lĩnh vực mà mình đảm trách, dám nhận lỗi, sửa sai, chịu trách nhiệm, biết làm chủ bản thân và công việc; dám chống lại những sự vinh hoa, phú quý không chính đáng và nếu cần, dám hy sinh lợi ích cá nhân vì đất nước và nhân dân. Khi đó, sẽ góp phần xây dựng thế hệ thanh niên mới có trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức tốt, có khát vọng vươn lên, khát vọng phát triển, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm về những quyết định của mình để hiện thực hoá hoài bão, ước mơ của mình, vì sự phát triển của đất nước. Như vậy, tự ý thức giúp thanh niên nhận thức rõ bản thân, còn tự giáo dục giúp thanh niên hành động, biến nhận thức thành hành vi và trở thành con người toàn diện hơn.

Nói về tầm quan trọng, ý nghĩa và phương châm tự rèn để phát triển năng lực tự giáo dục, tự học tập của bản thân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: "… Muốn biết thì phải thi đua học. Học không bao giờ cùng. Học mãi để tiến bộ mãi. Càng tiến bộ, càng thấy càng phải học thêm" [86, tr.61]; "Xã hội càng đi tới, công việc càng nhiều, máy móc càng tinh xảo. Mình mà không chịu học thì lạc hậu, mà lạc hậu là bị đào thải, tự mình đào thải mình"[84, tr.333]. Học để làm việc, làm người, làm cán bộ. Học để phụng sự đoàn thể, phụng sự giai cấp và nhân dân, phụng sự Tổ quốc và nhân loại" [84, tr.208]. Trong đó, Người luôn nhấn mạnh việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức phải bền bỉ, suốt đời, như "rửa mặt hàng ngày".

Đảng ta cũng luôn coi trọng chỉ đạo việc phát huy năng lực tự giáo dục trong bối cảnh KTTT hiện nay, điển hình như Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 4/11/2013

của Ban Chấp hành Trung ương khoá XI về "Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế", Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII cũng khẳng định cần "Thúc đẩy xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời". Đặc biệt, tinh thần "Học tập suốt đời" đã được Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh, và coi đó là động lực trực tiếp quyết định sự thành bại của quốc gia khi bước vào kỉ nguyên mới: Để thực hiện thắng lợi yêu cầu, nhiệm vụ, trọng trách trong giai đoạn mới, học tập suốt đời để dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám hy sinh vì lợi ích chung, để trở thành những người hữu dụng đang là đòi hỏi cấp thiết đối với từng cá nhân, mỗi công dân, đặc biệt là những cán bộ, nhân viên trong hệ thống chính trị... Chỉ khi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, nhà nhà, người người thực hiện hiệu quả học tập suốt đời, xây dựng được đội ngũ cán bộ dám làm, dám nói, dám chịu trách nhiệm, dám hy sinh, chúng ta mới vững vàng tiến vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên phát triển, giàu mạnh dưới sự lãnh đạo của Đảng…. Chỉ khi đẩy mạnh thực chất học tập suốt đời, chúng ta mới giàu có những ý tưởng, giải pháp, sáng kiến để giải quyết những đòi hỏi cấp thiết của thực tiễn, những vấn đề mới, chưa có tiền lệ [199].

Thực tế cũng cho thấy, dưới tác động của KTTT cái tôi của TN ngày càng khẳng định rõ nét và ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự phát triển nhân cách TN. Nếu trước đây định hướng giá trị của TN chủ yếu phụ thuộc vào sự giáo dục, chỉ dẫn của gia đình, nhà trường, của dư luận xã hội, thì ngày nay nó được xác định bởi cả sự tự lựa chọn, tự quyết định, tự khẳng định và tự ý thức của TN. Định hướng giá trị của TN hiện nay phản ánh tính phong phú, tính đa dạng của những mục tiêu mà họ đang ra sức phấn đấu, của những bậc thang giá trị mà họ ưu tiên nhiều hay ít trong quá trình nỗ lực ý chí, khắc phục khó khăn để đi tới thành công. Do đó, YTĐĐTN biến đổi tích cực hay không chịu phụ thuộc và được quyết định rất lớn bởi năng lực tự giáo dục đạo đức của TN. Đồng thời, quá trình xây dựng đạo đức trong đó có YTĐĐ tích cực, tiến bộ ở TN phải luôn hướng tới mục tiêu cuối cùng là phát triển năng lực tự ý thức đạo đức, tự giáo dục đạo đức ở TN. Chưa kể, việc TN có khả

năng tự ý thức tích cực, tự giáo dục còn là một biểu hiện tích cực thể hiện sự trưởng thành trong đạo đức của TN. Khi TN xây dựng phát triển năng lực tự giáo dục không chỉ là vì lợi ích cho bản thân mà còn là cách để thể hiện trách nhiệm xã hội của mình - góp phần xây dựng chủ nhân tương lai cho đất nước.

Để rèn khả năng tự ý thức, đánh giá về đạo đức bản thân, cần sự tổng hòa nhiều yếu tố, trong đó lưu ý rằng người TN cần chủ động, tích cực quan sát cảm xúc, và tìm kiếm phản hồi từ người xung quanh, từ dư luận xã hội, biết cách lắng nghe cảm xúc bản thân và dành thời gian tâm sức phù hợp để chiêm nghiệm, phản tư về những gì đã, đang và sẽ trải qua, chủ động cắt giảm sự phụ thuộc vào mạng xã hội, sống chậm lại và tìm lại sự kết nối thật sự trong đời sống hàng ngày. Điều này giúp TN hiểu rõ hơn chính mình và rõ hơn về YTĐĐ của bản thân, bao gồm điểm mạnh, điểm yếu, cảm xúc, và cách mình tương tác với thế giới xung quanh, từ đó biết lựa chọn phương hướng phát triển phù hợp với bản thân và yêu cầu đạo đức xã hội. Đồng thời, điều này thực sự phù hợp, có ý nghĩa trong bối cảnh cuộc sống dưới tác động của KTTT luôn gấp gáp, hối thúc, con người dễ bị cuốn theo hoàn cảnh, cuốn theo guồng quay của vật chất, tiến độ công việc, dễ mất đi khả năng làm chủ môi trường hoàn cảnh sống của mình.

Quá trình tự giáo dục đạo đức TN đòi hỏi người TN phải có khả năng độc lập tìm tòi, nghiên cứu và lĩnh hội tri thức đạo đức, nhất là khi công nghệ AI đang hỗ trợ đắc lực cuộc sống con người thì việc tự rèn luyện tư duy phản biện rất quan trọng; tự bồi dưỡng tình cảm đạo đức trong sáng, tự xây dựng củng cố niềm tin đạo đức vững chắc, xác lập và luôn khát khao vươn tới lý tưởng đạo đức nhân văn, tiến bộ. TN phải không ngừng tự rèn luyện những kỹ năng cần thiết, sẵn sàng đối mặt và chủ động tham gia giải quyết các tình huống, bối cảnh, sự kiện có sự va chạm thử thách, nhất là các tình huống chứa đựng những xung đột mâu thuẫn về lợi ích, về hệ giá trị, về niềm tin trong các hoạt động sinh hoạt, lao động, học tập hàng ngày, và tự đánh giá hành vi của mình để đối chiếu với những chuẩn mực do xã hội đặt ra.

Hiện nay, còn không ít TN vẫn còn thụ động, chưa tích cực, tự giác, trung thực, trách nhiệm trong học tập, nghiên cứu và rèn luyện về đạo đức, thậm chí, một bộ phận không nhỏ TN rời xa lý tưởng cách mạng, lãng quên những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, có lối sống vị kỷ, vị lợi, tôn sùng chủ nghĩa cá nhân, sùng ngoại, thực dụng, sa vào tệ nạn xã hội, vi phạm pháp luật, vi phạm các chuẩn mực đạo đức của xã hội...Do vậy, để phát huy năng lực tự giáo dục, tự học tập, rèn luyện YTĐĐTN trong giai đoạn hiện nay cần quan tâm một số vấn đề cơ bản sau:

**** Thứ nhất, về mục tiêu, nội dung tự học tập, rèn luyện đạo đức:***

Trước hết, TN cần tự giác, tích cực học tập, rèn luyện các phẩm chất đạo đức làm người, từ đó tích cực tự trau dồi tri thức lí luận về xây dựng nền đạo đức mới – đạo đức cách mạng, đạo đức của người cộng sản; tự xác lập cho bản thân mục tiêu, phương châm, động cơ, phương pháp học tập, rèn luyện đạo đức mới đúng đắn theo quan điểm Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng. Thông qua việc nắm vững về lí luận đạo đức cách mạng, tin tưởng, chấp hành các chủ đường, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về sự nghiệp đổi mới, phát triển nền KTTT định hướng XHCN, TN sẽ thấy được giá trị, tính ưu việt, nhân văn của lựa chọn chiến lược này trong xây dựng phát triển đất nước và xây dựng cốt cách, bản lĩnh con người Việt Nam ở cả hiện tại và tương lai; thấy được những tác động tất yếu gồm cả tích cực và tiêu cực của KTTT đến đời sống trong đó có đạo đức TN để vững vàng, chủ động trong kiểm soát cảm xúc, hành vi, ứng phó với các tình huống, sự biến đổi đạo đức ngày càng đa dạng phức tạp trong cuộc sống, kể cả những âm mưu của các thế lực thù địch.

Trên cơ sở hiểu biết vững vàng lí luận mỗi người TN cần chủ động rèn luyện trang bị cho mình hành trang tri thức, kỹ năng, bản lĩnh để tự tin vươn mình cống hiến trong kỷ nguyên mới, điều này không có khuôn thước hay hệ thống nội dung công thức có sẵn. Đại hội Đoàn toàn quốc khóa XIII nhiệm kì 2026-2031 đã chính thức phát động, triển khai trong đoàn viên, thanh niên cả nước phong trào "Tuổi trẻ Việt Nam tiên phong trong kỷ nguyên mới" với năm nội hàm, đây được coi là kim

chỉ nam định hướng các nội dung cốt lõi để TN chủ động rèn luyện nhằm khẳng định bản lĩnh, đạo đức, trí tuệ tuổi trẻ khi bước vào kỉ nguyên mới:

Tiên phong phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

Tiên phong khởi nghiệp, lập nghiệp , phát triển kinh tế đất nước;

Tiên phong hội nhập quốc tế;

Tiên phong trong các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng;

Tiên phong tham gia bảo vệ Tổ quốc và giữ gìn an ninh trật tự.

**** Thứ hai, về biện pháp tự giáo dục, tự học tập:***

Trước hết, mỗi người trẻ cần chủ động, tích cực hưởng ứng và thực hiện hiệu quả, thực chất Chỉ thị số 07-CT/TW của Bộ Chính trị ban hành 13/7/2026 về "Đẩy mạnh học tập, thực hành tư tưởng, đạo đức, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn phát triển mới", thực hiện Cuộc vận động "Tuổi trẻ học tập và làm theo lời Bác", thực hiện cuộc vận động "Xây dựng hình mẫu thanh niên thời kì mới.

Đặc biệt, tìm hiểu về tư tưởng giáo dục của Hồ Chí Minh, chúng ta có được rất nhiều bài học vô giá về phương pháp tự học tập, rèn luyện. Người có quan điểm về môi trường tự học rất đa dạng, luôn đề cao việc tự học từ thực tiễn cuộc sống, từ quần chúng nhân dân, điều này rất phù hợp với việc tự rèn luyện đạo đức của TN. Hồ Chí Minh căn dặn: "Học ở trường, học ở sách vở, học lẫn nhau và học nhân dân, không học nhân dân là một thiếu sót rất lớn" [86, tr. 361]. Người chỉ ra rằng, nhân dân biết giải quyết nhiều vấn đề một cách giản đơn, mau chóng, đầy đủ, mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn, nghĩ mãi không ra [78, tr. 335].

Hồ Chí Minh cũng đã chỉ rất rõ những khuyết điểm, căn bệnh cố hữu điển hình ở TN và người cách mạng như: "Bệnh chủ quan, ham chuộng hình thức, thiếu thực tế, bệnh cá nhân, bệnh anh hùng, bệnh ỷ nại lười lao động, bệnh ham hưởng thụ, bệnh khinh lý luận, lười học tập lý luận, bệnh nể nang ngại tự phê bình và phê bình, ít xem xét kết quả, dễ nản chí, "Đầu voi đuôi chuột…". Với quan điểm, có khuyết điểm thì phải kiên quyết sửa chữa, Hồ Chí Minh coi khuyết điểm là những căn bệnh nguy hiểm, thậm chí còn là kẻ địch bên trong: "mỗi chứng bệnh là một kẻ địch. Mỗi kẻ địch bên trong là một bạn đồng minh của kẻ địch bên ngoài. Địch

bên ngoài không đáng sợ. Địch bên trong đáng sợ hơn, vì nó phá hoại từ trong phá ra. Vì vậy, ta phải ra sức đề phòng những kẻ địch đó, phải chữa hết những chứng bệnh đó" [78, tr. 278-279]. Do vậy để trở thành chủ nhân đất nước, những chiến sĩ cách mạng chân chính trong tương lai, TN phải hiểu rõ bản thân để không ngừng đấu tranh chống lại thói hư tật xấu của mình.

Việc học tập và thực hành phương pháp của Hồ Chí Minh cần được mỗi người và mỗi TN duy trì trở thành công việc hằng ngày, học để hiểu, hiểu để làm theo, sau đó quay lại đánh giá lại để tiếp tục học. Kết hợp chặt chẽ giữa học tập với làm theo, thực hành; các nội dung thực hiện phải gắn chặt với nhiệm vụ thường trực của bản thân tại nơi TN sinh sống, học tập, lao động, công tác.

Tiếp đó, TN cần rèn luyện bản lĩnh, ý chí đạo đức trước các hiện tượng tiêu cực, phản động, có khả năng kiên định với các giá trị đúng đắn ngay cả khi phải đối mặt với áp lực mất mát lợi ích hoặc sự cám dỗ từ các hiện tượng tiêu cực, tránh rơi vào những thỏa hiệp tiêu cực ngắn hạn. Bản lĩnh trước hết bắt đầu từ sự rõ ràng trong nhận thức, nếu không biết mình đứng về phía nào, TN sẽ dễ dàng bị cuốn trôi bởi các trào lưu thực dụng, bản lĩnh đạo đức cũng không tự nhiên mà có, nó là kết quả và được khẳng định qua một quá trình tôi luyện, thử lửa bền bỉ. Muốn thế, mỗi người TN cũng cần xác lập rõ ràng một lộ trình rèn luyện nghiêm túc, kỷ luật về bản lĩnh tư duy và tâm lý với những tiêu chí, giới hạn rõ ràng về hành vi có thể chấp nhận được và không thể chấp nhận được về mặt đạo đức, thậm chí tự mình cam kết không vi phạm trong bất kì hoàn cảnh nào. Kỷ luật và tiêu chí đặt ra càng nghiêm khắc thì bản lĩnh càng lớn. Khi trải qua những lần "đấu tranh nội tâm" sẽ giúp TN dần xây dựng, gia tăng sức đề kháng tâm lý, có sẵn kinh nghiệm, hiểu biết và tâm thế để nói "Không" khi đối mặt với những hiện tượng tiêu cực lớn hơn ngoài xã hội (như hối lộ, tham nhũng, gian lận kinh doanh, thi cử,..).

Mặt khác, YTĐĐTN được hình thành, bồi đắp, củng cố thông qua quá trình thực hiện hành vi đạo đức, biểu hiện trong các mối quan hệ đạo đức. Trong bối cảnh phát triển KTTT, đời sống kinh tế xã hội có nhiều diễn biến tác động đa chiều, phức tạp như hiện nay, rất cần TN có sự tỉnh táo, bản lĩnh, có bộ lọc tốt trước những cám dỗ, mối nguy của

tệ nạn xã hội, của những mối quan hệ, cộng đồng hội nhóm tiêu cực, thiếu thiện chí, kém lành mạnh, của các lực lượng thù địch phản động. Điều này suy cho cùng do năng lực tự giáo dục của TN chi phối. Do đó, TN cần chủ động tìm kiếm và tích cực tham gia các môi trường, sân chơi, hội nhóm văn minh,... mà ở đó tìm thấy được các mối quan hệ đạo đức lành mạnh, ở đó giúp họ có cơ hội thực hiện, tôi rèn, hiện thực hóa thường xuyên các hành vi đạo đức tốt đẹp, mạnh dạn đấu tranh, phản bác các hành vi đạo đức, mối quan hệ đạo đức tiêu cực, lạc hậu, phản tiến bộ.

Một trong những hướng rèn luyện vừa sức, có tính giáo dục cao cho TN là chủ động, tích cực tham gia hoạt động trong các tổ chức TN tiến bộ như các tổ chức Đoàn, Hội với nhiều các hội, nhóm, câu lạc bộ, cộng đồng theo ngành nghề, sở thích, vùng miền… có cùng chí hướng về lối sống nhân ái vì cộng đồng, lối sống xanh, kinh doanh liêm chính hoặc học thuật nghiêm túc,… Đây là những tổ chức đã khẳng định được uy tín và vị thế trong xã hội và lực lượng TN, là người bạn đồng hành tin cậy, đại diện tiếng nói, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng cho TN. Với thế mạnh đặc trưng, vượt trội và phù hợp đặc thù với người trẻ của các tổ chức TN, người TN khi tham gia hoạt động đoàn thể cần tự xây dựng cho mình tâm thế chủ động, nhiệt tình, trách nhiệm, biết cách tự khai thác, tận dụng, tối ưu hóa lợi thế, sức mạnh tổ chức để không ngừng phát triển bản thân, và hình thành YTĐĐ tiến bộ cho chính mình. Việc hưởng ứng và tích cực tham gia, rèn luyện theo các hoạt động của Đoàn, Hội như: Cuộc vận động "Xây dựng hình mẫu thanh niên Việt Nam thời kì mới"; hay các phong trào TN, các chương trình, hoạt động lành mạnh do Đoàn Hội phát động, tổ chức (Phong trào TN tình nguyện, Tuổi trẻ sáng tạo, Tuổi trẻ xung kích xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; các chương trình hỗ trợ đồng hành với TN trong học tập, trong khởi nghiệp, lập nghiệp, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần, phát triển kỹ năng,...; các hoạt động tuyên dương, vinh danh tấm gương người tốt việc tốt trên các chuyên mục như "Mỗi ngày một tin tốt, mỗi tuần một câu chuyện đẹp", bởi các giải thưởng uy tín của Đoàn, Hội, ,... đều là những hoạt động trải nghiệm thực tiễn thiết thực, bổ ích, giàu tính giáo dục đạo đức cho TN.

Hơn nữa, khi bước vào kỉ nguyên mới với nền kinh tế số phát triển mạnh mẽ hiện nay, TN cần chuẩn bị sẵn sàng tâm thế, trang bị tri thức, rèn luyện bản lĩnh, kỹ năng tự giáo dục trong môi trường số. Tổng Bí thư Tô Lâm đã có bài viết "TN Việt Nam với tương lai đất nước", qua đó đã định hướng, căn dặn TN: Phải làm chủ công nghệ nhưng không để công nghệ chi phối nhận thức và hành động…[187]. Về lâu dài, đây là định hướng mà TN luôn phải tự răn mình để giữ vững nhân cách và làm chủ sự phát triển nhân cách của mình trong kỉ nguyên số. Trước thực tế môi trường số, nhất là mạng xã hội đang trên đà lấn át các môi trường giáo dục thực của TN, và trong xã hội số, sự nhiễu loạn thông tin, mâu thuẫn đa giá trị khiến TN dễ bị thao túng tâm lý, hoặc mất phương hướng, do vậy, TN cần nhanh chóng tự trang bị cho mình những kiến thức về đạo đức số, kỹ năng số cần thiết khi tiếp cận thông tin từ môi trường số và gia nhập nền kinh tế số.

Đáng nói, hiện nay sự phát triển của trí tuệ nhân tạo (AI) ảnh hưởng hàng giờ đến nhận thức, sức khỏe, tâm lý, hành vi của giới trẻ. Đặc biệt sự bùng nổ của công nghệ AI tạo sinh đang khiến việc sản xuất nội dung số trở nên nhanh, rẻ và số lượng lớn, trong khi các nền tảng mạng xã hội với bản chất hoạt động theo logic thị trường, luôn ưu tiên nội dung có khả năng giữ chân người xem vì mục đích lợi nhuận, điều này thúc đẩy các nội dung số độc hại, kém chất lượng, thiếu logic càng dễ được sản xuất và lan truyền, dù giá trị thực tế không cao. Các thế lực phản động cũng lợi dụng công nghệ để sản xuất liên tục tin độc tiêm nhiễm TN trên không gian mạng. Do vậy trong kỷ nguyên số, TN cần tự trang bị năng lực sinh tồn giúp mình không trở thành "nô lệ" của các thuật toán và quy luật thị trường khắc nghiệt, không trở thành nạn nhân bị "dắt mũi", kẻ tiếp tay cho các thông tin phản động, tiêu cực.

Theo đó, trong quá trình khai thác sức mạnh công nghệ số để học tập, làm việc, giải trí,... TN cần hết sức coi trọng rèn luyện các kỹ năng như: rèn kỹ năng tư duy phản biện - "màng lọc" tự thân giúp TN tự sàng lọc khi tiếp xúc đa hệ giá trị, biết cách giữ vững, tiếp thu chuẩn mực đạo đức tiến bộ; rèn kỹ năng sàng lọc thông tin trên mạng xã hội (nhận biết tin xấu, tin độc, tin giả, tin sai sự thật,..); rèn kỹ năng tiêu thụ thông tin trên môi trường số (như: chủ động theo dõi cá trang kênh chính

thống, lành mạnh, đồng thời chủ động tạm dừng trước khi xem tiếp, chọn “không quan tâm”, "bỏ theo dõi", "báo cáo xấu" các nguồn nội dung kém chất lượng và ưu tiên những kênh thông tin có giá trị, góp phần làm “sạch” newsfeed (Bảng tin) trên trang cá nhân của mình, chủ động ngắt kết nối với các hội nhóm cổ xúy có lối sống thực dụng, hành vi phản cảm, phạm pháp, thay vào đó là chủ động tìm kiếm và kết nối với các "cộng đồng liêm chính",…), và nhiều kỹ năng quan trọng khác.

Tóm lại, tự giáo dục là một hành trình bền bỉ và đôi khi phải chấp nhận thua thiệt, trả giá vì nó buộc mỗi cá nhân phải đấu tranh với chính những ham muốn bản năng. Song con đường tự học, tự giáo dục vẫn là con đường đem lại sự phát triển bền vững nhất trong nhân cách mỗi người. TN bước vào kỉ nguyên mới cần xây dựng cho mình năng lực học tập suốt đời với cả hành trang về tri thức, phương pháp tự học và cả ý chí bản lĩnh tự học để không bỏ cuộc, không mất phương hướng, nhanh chóng đạt từng mục tiêu trên chặng đường dài phát triển bản thân, đáp ứng trọng trách và kỳ vọng của xã hội.

Tiểu kết chương 4

Thanh niên Việt Nam hiện nay chính là thế hệ tiêu biểu cho con người Việt Nam trong thời kỳ mới, là những người kế thừa và tiếp bước sự nghiệp xây dựng CNXH. Mọi giải pháp nhằm phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực trong YTĐĐTN hiện nay, vì thế, không thể tách rời Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh với tư cách hệ tư tưởng chính thống của xã hội, bám sát đường lối của Đảng, đồng thời phải gắn kết với mục tiêu xây dựng hệ giá trị con người Việt Nam nói chung và giá trị hình mẫu người TN thời kì mới nói riêng.

Trên cơ sở các quan điểm định hướng, luận án đề xuất một số giải pháp tập trung giải quyết những vấn đề đặt ra nhằm góp phần thúc đẩy sự biến đổi YTĐĐTN tích cực, tiến bộ và hạn chế những biến đổi tiêu cực của YTĐĐTN hiện nay. Việc đầu tư mạnh vào thế hệ trẻ, thông qua hoàn thiện thể chế pháp luật, các cơ chế, chính sách cho TN, huy động mọi lực lượng trong xã hội đồng lòng chăm lo, giáo dục, bồi dưỡng và phát huy TN, đặc biệt là phát huy vai trò của các tổ chức thanh niên mà Đoàn thanh niên là nòng cốt; không ngừng tạo động lực và phát huy tinh thần nỗ lực, vượt khó, tự giác học tập rèn luyện của TN chính là biện pháp phù hợp góp phần hạn chế các nguyên nhân cơ bản làm phát sinh những vấn đề xã hội bức xúc trong đời sống xã hội và đời sống TN, góp phần tạo nên môi trường xã hội lành mạnh và phát triển đất nước bền vững, từ đó TN thêm tin tưởng, thêm động lực phấn đấu, rèn luyện, và cống hiến.

Nếu các giải pháp trên được thực hiện đồng bộ và hiệu quả, tác giả luận án hy vọng sẽ đem lại những giá trị thiết thực, góp phần vào việc giáo dục và phát huy những biến đổi đạo đức tiến bộ của TN, xây dựng và phát triển thế hệ trẻ xứng đáng với sứ mệnh là chủ nhân tương lai đất nước, là lực lượng kế tục sự nghiệp cách mạng mà Đảng và dân tộc đã tin tưởng giao phó.

KẾT LUẬN CHUNG

Sự biến đổi YTĐĐTN Việt Nam dưới tác động của KTTT là một hiện tượng mang tính quy luật, phản ánh trực tiếp sự biến động của đời sống xã hội trong điều kiện phát triển mới. Trên cơ sở tiếp cận triết học, những phân tích trong luận án cho thấy, YTĐĐTN không tồn tại như một thực thể tĩnh tại, mà luôn vận động, biến đổi trong mối quan hệ biện chứng với tồn tại xã hội. Trong quá trình chuyển đổi sang nền KTTT định hướng XHCN, các quan hệ xã hội không chỉ thay đổi về phương thức tổ chức và vận hành mà còn kéo theo sự biến đổi sâu sắc trong hệ giá trị và đời sống tinh thần của con người, trong đó TN là lực lượng chịu tác động nhanh và rõ nét nhất.

Trên bình diện lý luận, luận án đã góp phần làm rõ cơ chế tác động của KTTT đối với YTĐĐTN, chỉ ra rằng tác động này vừa trực tiếp vừa gián tiếp, mang tính hai mặt: vừa thúc đẩy sự phát triển của ý thức cá nhân, năng lực lựa chọn giá trị và tinh thần tự chủ, vừa làm nảy sinh xu hướng thực dụng hóa, cá nhân hóa và phân hóa hệ giá trị. Qua đó, luận án khẳng định rằng sự biến đổi YTĐĐTN không thể được hiểu theo logic suy thoái hay tiến bộ đơn tuyến, mà cần được nhận diện như một quá trình tái cấu trúc hệ giá trị trong điều kiện mới.

Trên bình diện thực tiễn, luận án đã chỉ ra những biểu hiện biến đổi cơ bản trong YTĐĐTN từ phương diện cấu trúc của YTĐĐTN, thể hiện ở sự đa dạng hóa trong nhận thức, sự điều chỉnh trong tình cảm, sự dao động trong niềm tin và sự chuyển dịch trong lý tưởng sống. Những biến đổi này không tồn tại rời rạc, mà gắn kết với nhau trong một chỉnh thể, phản ánh sự thích ứng của TN trước những biến đổi của cơ chế thị trường và môi trường xã hội hiện đại. Đồng thời, từ những biểu hiện đó, luận án đã nhận diện được những nguyên nhân cơ bản và một số vấn đề đặt ra trong quá trình biến đổi YTĐĐTN dưới tác động của KTTT ở Việt Nam hiện nay.

Trên cơ sở nhận diện các mâu thuẫn đó, luận án đã đề xuất hệ thống quan điểm và giải pháp nhằm định hướng sự phát triển YTĐĐTN trong điều kiện KTTT. Điểm nhấn của các quan điểm và giải pháp này không chỉ nằm ở việc khắc phục

những biến đổi tiêu cực, mà quan trọng hơn là ở việc phát huy những yếu tố tích cực của quá trình biến đổi, thông qua việc xây dựng một hệ giá trị mang tính tích hợp, bảo đảm sự thống nhất giữa phát triển cá nhân và trách nhiệm xã hội. Từ đó có thể thấy rằng, định hướng sự phát triển YTĐĐTN trong điều kiện KTTT không chỉ là nhiệm vụ mang tính giáo dục, mà còn là một quá trình tác động đa chiều, đòi hỏi sự tác động đồng bộ từ các yếu tố kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội.

Từ những phân tích trên, có thể thấy rằng vấn đề biến đổi YTĐĐTN dưới tác động của KTTT là một hiện tượng xã hội gắn liền với sự vận động của xã hội hiện đại. Trong bối cảnh đó, yêu cầu đặt ra không phải là tìm cách "ngăn chặn" sự biến đổi, mà là định hướng sự biến đổi theo những giá trị tiến bộ, bảo đảm sự phát triển hài hòa giữa con người cá nhân và con người xã hội. Điều này đòi hỏi phải tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về mối quan hệ giữa kinh tế và đạo đức, giữa lợi ích và giá trị, giữa tự do cá nhân và trách nhiệm xã hội trong những điều kiện mới.

Ở một tầm khái quát hơn, sự biến đổi YTĐĐTN chính là biểu hiện sinh động của quá trình con người thích ứng với những biến đổi của thời đại. Do đó, việc định hướng quá trình này không chỉ có ý nghĩa đối với sự phát triển của TN, mà còn có ý nghĩa đối với việc xây dựng nền tảng đạo đức của toàn xã hội, góp phần bảo đảm sự phát triển bền vững của đất nước trong điều kiện KTTT và hội nhập quốc tế, tiến mạnh vào kỉ nguyên mới.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Phạm Thu Hà (2021), "Về ý thức đạo đức thanh niên dưới tác động của kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam hiện nay", *Tạp chí Nhân lực khoa học xã hội* (08/99), mã số ISSN: 0866-756X, tr. 79-85.
2. Pham Thu Ha (2023), "Case study on moral sense among Vietnamese youth under the current socialist-oriented economy" , *Universum: Social Sciences* Vol 96 (05), ISSN 2311-5327, pp. 23-28,
   DOI - 10.32743/UniSoc.2023.96.5.15549.
3. Phạm Thu Hà (2024), "Đánh giá mức độ của ý thức đạo đức thanh niên trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay và một số vấn đề đặt ra", *Tạp chí Thanh niên nghiên cứu khoa học* (58), ISSN: 2734-9039, tr.37-43.
4. Phạm Thu Hà (2025), "Phát huy vai trò của Đoàn Thanh niên và các tổ chức thanh niên trong giáo dục đạo đức cho thanh niên hiện nay", *Tạp chí Nghiên cứu triết học* (28), ISSN: 2734-990X, tr 47-54.
5. Pham Thu Ha (2025), "A study on the changes in youth morals under the impact of the market economy in Viet Nam today", *The Third International Conference on the issues of social sciences and humanities* Vol. 2, ISBN: 978-604-43-4874-2, pp. 296-309.
6. Pham Thu Ha (2025), "Trends in the change of moral awareness of Vietnamese youth under the impact of the market economy today", *Problems of Modern Science and Education* Vol.209 (10), ISSN 2304–2338 (Print), ISSN 2413–4635 (Online), pp. 22-30, DOI 10.24411/2304-2338-2025-11003.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Lê Ngọc Anh (2002), "Vấn đề giáo dục đạo đức và nếp sống gia đình truyền thống trong nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay", *Tạp chí Triết học* (01), tr. 17-21.
2. Chu Tuấn Anh, Đỗ Thị Nhường (2019), "Tác động của kinh tế thị trường đối với y đức và một số giải pháp nâng cao y đức của cán bộ y tế ở Việt Nam hiện nay", *Tạp chí Lý luận chính trị* (2), tr. 93-97.
3. Nguyễn Tuấn Anh (2022), *Nghiên cứu quan niệm về giá trị của thanh niên thế hệ Z,* Đề tài cấp Bộ mã số ĐT.KXĐTN 22-06.
4. Bandzeladze (1985), *Đạo đức học*, Tập I, II, NXB Giáo dục, Hà Nội.
5. Lê Thị Tuyết Ba (2008), *Ý thức đạo đức trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay* , Luận án Tiến sĩ Triết học, Viện Triết học - Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
6. Lê Thị Tuyết Ba (2010), *Ý thức đạo đức trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Hà Thị Bắc (2015), *Giáo dục đạo đức trong gia đình Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Đại học Khoa học xã hội và nhân văn – Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
8. Bộ Giáo dục và đào tạo (2002), *Giáo trình Triết học Mác - Lênin*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Bộ Nội vụ, Quỹ Dân số Liên hiệp quốc tại Việt Nam (2015), *Báo cáo quốc gia về thanh niên*, Hà Nội.
10. Bộ Nội vụ (2024), *Báo cáo Kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thanh niên năm 2023,* số 2126 – BC/BNV ngày 17 tháng 4 năm 2024.
11. British Council (Hội đồng Anh) (2020), *Báo cáo nghiên cứu thế hệ trẻ Việt Nam*, tháng 8 – 2020, tr. 60.
12. Nguyễn Trọng Chuẩn (2001), "Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay và những biến động trong lĩnh vực đạo đức", *Tạp chí Triết học* (9).

13. Hoàng Văn Chung, Nguyễn Thị Trang (2018), "Xác định và đánh giá giá trị của Phật giáo đối với xã hội Việt Nam hiện nay", *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế*, NXB Tôn giáo, Hà Nội, tr. 407 - 418.
14. Phạm Khắc Chương, Nguyễn Thị Yến Phương (2010), *Đạo đức học*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
15. Phạm Hùng Dũng (2015), "Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng vào giáo dục đạo đức cho thanh niên Việt Nam hiện nay*", Tạp chí Triết học* (9/292), tr. 72-78.
16. Nguyễn Tuấn Dũng (2017), *Nghiên cứu hành vi lệch chuẩn trong ứng xử nơi công cộng của thanh niên hiện nay,* Đề tài nghiên cứu cấp Viện Nghiên cứu thanh niên, Mã số KXVTN 2017-06.
17. Dương Tự Đam (chủ biên) (2008), *Giáo dục thanh niên kế thừa nhân cách Hồ Chí Minh để trưởng thành và phát triển*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
18. Đảng cộng sản Việt Nam (1991), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hộ*i, NXB Sự thật, Hà Nội.
19. Đảng cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
20. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội Đại biểu lần thứ IX,* NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
21. Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X,* NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
22. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI,* NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
23. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
24. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII,* Tập 1, NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
25. Trần Minh Đoàn (2002), *Giáo dục đạo đức cho thanh niên học sinh theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở nước ta hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

26. Trần Thị Điểu (2019), "Đạo đức học hiện sinh và ý nghĩa của nó đối với việc giáo dục đạo đức sinh viên hiện nay", *Kỷ yếu Hội thảo khoa học " Giáo dục đạo đức lối sống cho sinh viên trong bối cảnh hiện nay"của Viện Quản lý giáo dục*, NXB Đại học Huế, Tp. Huế, tr.12-22.
27. Trần Thị Điểu (2020), " Giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh" - Vì tương lai phát triển bền vững của đất nước*", Tạp chí Cộng sản* (07).
28. Đinh Thế Định (2007), "Giáo dục thanh niên trung với nước, hiếu với dân theo tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", *Tạp chí Lý luận chính trị* (6), tr.12-16.
29. Nguyễn Đình Đức (1994), *Tìm hiểu định hướng giá trị của thanh niên Việt Nam trong điều kiện KTTT*, Đề tài cấp Nhà nước mã số KX-07.
30. Phạm Văn Đức (2002), *"*Mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân và đạo đức xã hội trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay*", Tạp chí Triết học* (01).
31. Diệp Minh Giang (2011), *Xây dựng đạo đức của thanh niên Việt Nam trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa,* Luận án Tiến sĩ Triết học, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
32. Đỗ Ngọc Hà (2002), *Định hướng giá trị của thanh niên sinh viên hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Tâm lý học, Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
33. Đỗ Ngọc Hà (2004), *Đoàn thanh niên với việc xây dựng lối sống cho thanh niên trong giai đoạn hiện nay*, Đề tài khoa học cấp Bộ mã số KTN 2004 – 02.
34. Đỗ Ngọc Hà (2014), *Giải pháp của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh về giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên thời kì đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước,* NXB Thanh niên, Hà Nội.
35. Đỗ Ngọc Hà (2014), *Tác động của một số loại hình giải trí đến đạo đức, lối sống của thanh thiếu niên hiện nay,* Đề tài khoa học cấp Bộ mã số: KXĐTN.14-11.
36. Đỗ Ngọc Hà (chủ nhiệm) (2019), *Những sai lệch xã hội trong thanh niên - Thực trạng và giải pháp,* Đề tài cấp quốc gia mã số 01/15-ĐTĐL.XH-XHTN.

37. Phạm Minh Hạc (2001), *Vấn đề con người trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
38. Nguyễn Văn Hiếu (2015), "Xây dựng lối sống mới cho thanh niên theo tư tưởng Hồ Chí Minh", *Tạp chí Lịch sử Đảng* (4/293), tr. 34-37.
39. Nguyễn Thị Kim Hoa (2004), "Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh với công tác bồi dưỡng, phát huy lí tưởng đạo đức cách mạng cho thanh niên trường trung học phổ thông*", Tạp chí Giáo dục* (93), tr.10-12.
40. Nguyễn Thị Phương Hoa (2014), "Bàn về đạo đức, lối sống của thanh niên trí thức nước ta hiện nay", *Tạp chí Tâm lý học* (04), tr. 50-63.
41. Mai Thị Như Hoa (2014), *Giáo dục giá trị đạo đức truyền thống dân tộc trong xây dựng lối sống cho thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn., Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
42. Nguyễn Thị Quỳnh Hoa (2018), *Sự chuyển đổi định hướng giá trị của thanh niên hiện nay*, Đề tài khoa học cấp Bộ mã số ĐT.KXĐTN.18-12.
43. Nguyễn Thị Quỳnh Hoa (2021), *Nghiên cứu những xu thế mới của thanh niên Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*, Đề tài khoa học cấp Bộ mã số ĐT.KXĐTN.21-06 .
44. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Khoa Triết học (2000), *Triết học Mác – Lênin,* Tập 3, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
45. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh - Khoa Triết học (2004), *Giáo trình đạo đức học,* NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.
46. Hội đồng TW chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn Khoa học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2004), *Giáo trình Triết học Mác – Lênin (tái bản có sửa chữa, bổ sung*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
47. Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam (2005), *Tổng quan tình hình thanh niên, Công tác Hội LHTN Việt Nam và phong trào thanh niên* , NXB Thanh niên, Hà Nội.
48. Phí Mạnh Hồng (2014): Quan niệm như thế nào về "nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay", *Định hướng xã hội chủ*

nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam: một số vấn đề lý luận và thực tiễn mới đang đặt ra, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

49. Nguyễn Duy Hùng (chủ biên) (2009), *Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa – Lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
50. Trịnh Duy Huy (2009), *Xây dựng đạo đức mới trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa,* NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
51. Bùi Quang Huy (2022), *Nghiên cứu đổi mới nội dung phương thức hoạt động của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và các tổ chức thanh niên Việt Nam trong tình hình mới*, Đề tài cấp quốc gia mã số nhiệm vụ ĐTĐL.XH-05/22.
52. Phan Thị Mai Hương (2012), "Định hướng giá trị nghề của cư dân nông thôn bối cảnh đô thị hóa", *Tạp chí Tâm lý học* (10).
53. Đặng Cảnh Khanh (2006), *Xã hội học thanh niên*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
54. Nguyễn Thế Kiệt, Nguyễn Ngọc Long (chủ biên) (2004), *Giáo trình đạo đức học (dùng cho hệ cử nhân chính trị)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
55. Nguyễn Thế Kiệt (2012), *Mấy vấn đề về đạo đức học Mácxit và xây dựng đạo đức trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay* , NXB Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
56. V.I.Lênin (1976), *Toàn tập*, tập 41, NXBTiến bộ, Mátxcơva.
57. V.I.Lênin (1981), *Toàn tập,* tập 14, NXB Tiến bộ, Mátxcơva.
58. V.I.Lênin (1981), *Toàn tập*, tập 29, NXB Tiến bộ, Matxcơva.
59. V.I.Lênin (1995), *Toàn tập,* tập 18, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
60. Nhị Lê (1999), "Đạo lý", *Tạp chí cộng sản* (13).
61. *Lịch sử của Đoàn Thanh niên Cộng sản Lênin Liên Xô (*1982), NXB Tiến bộ Mátxcơva.
62. Đặng Vũ Cảnh Linh (2022), *Nghiên cứu dự báo tình hình thanh niên giai đoạn 2022 - 2026 và những vấn đề đặt ra đối với công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi*, Đề tài cấp Bộ mã số ĐT.KXĐTN 22-02.
63. Nguyễn Văn Lý (2000), *Kế thừa và đổi mới các giá trị đạo đức truyền thống trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

64. Phan Thị Cẩm Ly (2018), "Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cho thanh niên trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước", *Tạp chí Khoa học Đại học Tân Trào* (09), tr. 105-109.
65. C.Mác và Ph. Ăngghen (1993), Toàn tập, tập 13, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
66. C.Mác và Ph. Ăngghen (1994), *Toàn tập*, tập 16, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
67. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 20, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
68. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 3, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
69. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 4, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
70. C.Mác và Ph. Ăngghen (1999), *Toàn tập*, tập 39, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
71. C.Mác và Ph.Ăngghen (2000), *Toàn tập,* tập 42, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
72. C.Mác và Ph.Ăngghen (2002), *Toàn tập*, tập20, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
73. Trần Văn Miều (2007), "Bồi dưỡng đạo đức cách mạng cho thế hệ trẻ*", Tạp chí Xây dựng Đảng* (5), tr.15-17.
74. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 1, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
75. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 2, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
76. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 4, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
77. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 6, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
78. Hồ Chí Minh (2009), *Toàn tập,* tập 5, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
79. Hồ Chí Minh (2009), *Toàn tập*, tập 7, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
80. Hồ Chí Minh (2009), *Toàn tập*, tập 8, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
81. Hồ Chí Minh (2009), *Toàn tập,* tập 9, NXBChính trị quốc gia, Hà Nội.

82. Hồ Chí Minh (2009), *Toàn tập*, tập 10, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
83. Hồ Chí Minh (2009), *Toàn tập*, tập 11, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
84. Hồ Chí Minh (2009), *Toàn tập*, tập 12, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
85. Hồ Chí Minh (2009), *Toàn tập*, tập 13, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
86. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
87. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 14, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
88. Đào Văn Minh (2014), "Kết hợp giữa giáo dục pháp luật với giáo dục đạo đức cho thanh niên quân đội hiện nay", *Tạp chí Giáo dục* (325), tr. 24-25.
89. Nguyễn Chí Mỳ (1999), *Sự biến đổi của thang giá trị đạo đức trong nền kinh tế thị trường với việc xây dựng đạo đức mới cho cán bộ quản lý ở nước ta hiện nay*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
90. Nguyễn Văn Năm (2018), "Một số biện pháp giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên quân đội nhằm xây dựng đơn vị vững mạnh, toàn diện trong giai đoạn hiện nay", *Tạp chí Giáo dục* (433), tr.13-16.
91. Ngô Thị Thu Ngà (2011), *Giá trị đạo đức truyền thống với việc xây dựng đạo đức mới cho thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
92. Phạm Đình Nghiệp (2004), *Giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên hiện nay*, NXB Thanh niên, Hà Nội.
93. Phan Thanh Nguyệt (2015), *Nâng cao hiệu quả công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho thanh niên thông qua hoạt động của Đoàn*, Đề tài nghiên cứu cấp Bộ mã số ĐT.KXĐTN.15-03.
94. Đoàn Thu Nguyệt (2021), *Ảnh hưởng của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đến lối sống của thanh niên Việt Nam hiện nay,* Luận án Tiến sĩ Triết học Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học quốc gia Hà Nội.
95. Đặng Kim Oanh (2015), "Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong xây dựng đạo đức, lối sống văn hoá cho thanh niên hiện nay", *Tạp chí Lịch sử Đảng* (300), tr. 43-46.

96. Trần Sỹ Phán (2011), *Vấn đề định hướng giá trị đạo đức cho thanh niên Việt Nam hiện nay"*, Đề tài khoa học cấp cơ sở Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
97. Trần Sỹ Phán, Nguyễn Thị Kim Dung (2019), "Tác động của kinh tế thị trường đến đạo đức kinh doanh ở Việt Nam hiện nay", *Tạp chí Lý luận Chính trị* (4), tr. 97.
98. Nguyễn Văn Phúc (2001), "Vấn đề xây dựng đạo đức nghề nghiệp trong nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay", *Tạp chí Triết học* (07).
99. Quốc hội (2020), *Luật Thanh niên*, NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
100. Nguyễn Duy Quý (chủ biên) (2006), *Đạo đức xã hội ở nước ta hiện nay - vấn đề và giải pháp*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
101. M.M. Rodentan (1986), *Từ điển triết học*, NXB Tiến bộ, Matxcơva.
102. Trần Đăng Sinh, Nguyễn Thị Thọ (chủ biên) (2018), *Đạo đức học Mác – Lênin và giáo dục đạo đức (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng ngành sư phạm),* NXB Chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội.
103. Huỳnh Văn Sơn (2009), *Thực trạng lựa chọn các giá trị đạo đức nhân văn trong lối sống của sinh viên Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay*, Đề tài cấp Bộ mã số B2007.19.27.
104. Lê Thị Hoài Thanh (2003), *Quan hệ biện chứng giữa truyền thống và hiện đại trong giáo dục đạo đức cho thanh niên Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
105. Trương Thị Phương Thảo (2020), *Sự biến đổi của đạo đức công vụ của đội ngũ công chức dưới tác động của kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay,* Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
106. Vũ Thị Bích Thảo (2022*), Nghiên cứu xu hướng giải trí của thanh niên hiện nay*, Đề tài cấp Bộ mã số ĐT.KXĐTN 22-07.
107. Lê Thị Thủy (chủ biên) (2014), Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Chính trị khu vực 1, Khoa Triết học, *Triết học Mác – Lênin những vấn đề lí luận cơ bản,* NXB Văn hóa – Thông tin, Hà Nội.

108. Hà Huy Thành (chủ biên) (2001), *Một số vấn đề xã hội và nhân văn trong việc sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường ở Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
109. Trần Ngọc Thêm (2016), *Hệ giá trị Việt Nam từ truyền thống đến hiện* đại, NXB Văn hóa - Văn nghệ, TP. Hồ Chí Minh.
110. Cung Kim Tiến (2002), *Từ điển triết học*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
111. Tổ chức Minh bạch quốc tế và Tổ chức hướng tới Minh bạch (2015), *Báo cáo tóm tắt khảo sát về liêm chính trong thanh niên Việt Nam*, tr.2-3, ISBN:978-604-86-6520-3, NXB Hồng Đức, Hà Nội.
112. Tổng cục Thống kê (2018), *Số liệu thống kê về dân số, lao động, việc làm, học tập của thanh niên năm 2018.*
113. Tổng cục Thống kê (2019), *Số liệu thống kê về dân số, lao động, việc làm, học tập của thanh niên năm 2019.*
114. Tổng cục Thống kê (2020), *Số liệu thống kê về dân số, lao động, việc làm, học tập của thanh niên năm 2020.*
115. Tổng cục Thống kê (2020), *Biểu số:014tn.N/BCB-TCTK Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2020/TT-BNV ngày 15/12/2020.*
116. Tổng cục Thống kê (2021), *Số liệu thống kê về dân số, lao động, việc làm, học tập của thanh niên năm 2021.*
117. Tổng cục Thống kê (2022), *Số liệu thống kê về dân số, lao động, việc làm, học tập của thanh niên năm 2022.*
118. Tổng cục Thống kê (2022), *Số liệu thống kê dân số, lao động thanh niên năm 2022*.
119. Tổng cục Thống kê (2023), *Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022*, NXB Thống kê, Hà Nội.
120. Nguyễn Phú Trọng (2022), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

121. Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia (1996), *Những vấn đề đạo đức trong điều kiện nền kinh tế thị trường - Từ góc nhìn của các nhà khoa học Trung Quốc*, Hà Nội.
122. Võ Minh Tuấn năm (2004), *Ý thức đạo đức sinh viên Việt Nam hiện nay,* Luận án Tiến sĩ Triết học, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
123. Phạm Hồng Tung (2008), "Nghiên cứu về lối sống: một số vấn đề về khái niệm và cách tiếp cận", *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Chuyên san Khoa học Xã hội và nhân văn* Tập 23 (4), tr. 271-278.
124. Phạm Hồng Tung (2011), *Thanh niên và lối sống của thanh niên Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
125. Phạm Hồng Tung (2011), "Tác động của Internet và các phương tiện truyền thông hiện đại đến lối sống của thanh niên Việt Nam hiện nay*", Kỷ yếu "Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh– 80 năm xây dựng, cống hiến và trưởng thành",* NXB Thanh niên, Hà Nội.
126. Vũ Thị Ngọc Tú (2016), "Thực trạng sự lựa chọn các giá trị đạo đức của sinh viên sư phạm hiện nay", *Tạp chí Giáo dục (số đặc biệt*).
127. *Từ điển chính trị vắn tắt* (1988), NXB Tiến bộ và Sự thật, Hà Nội.
128. *Từ điển Triết học* (2007), NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
129. *Từ điển Thanh niên Việt Nam (Giản yếu)* (2017), NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
130. Nguyễn Quang Uẩn và cộng sự (2004), *Đặc trưng và xu thế phát triển nhân cách của con người Việt Nam trong sự phát triển kinh tế - xã hội*, Đề tài cấp Nhà nước mã số KX.07.04.
131. Unicef Việt Nam (2015), *Báo cáo tóm tắt về "Sức khỏe tâm thần và tâm lý xã hội của trẻ em và thanh niên tại một số tỉnh và thành phố ở Việt Nam*".
132. UNFPA (2022*), Chương trình Quốc gia lần tứ 10 dành cho Việt Nam 2022-2026*, xuất bản ngày 04 tháng 02 năm 2022.

133. Lê Ngọc Văn, Mai Văn Hai, Đặng Thị Hoa, Bùi Thị Hương Trầm (2016), *Hệ giá trị gia đình Việt Nam từ hướng tiếp cận Xã hội học*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
134. Nguyễn Thị Thúy Vân (2017), "Vận dụng phương pháp luận biện chứng duy vật trong nghiên cứu kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay", *Tạp chí Giáo dục lý luận* (261).
135. Nguyễn Thị Thúy Vân (2011), "Mối quan hệ giữa pháp luật và đạo đức trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam hiện nay - nhìn từ góc độ tính nhân văn của lý luận cánh tả", *Hội thảo khoa học quốc tế về Cánh tả*, Đại học Quôc gia Hà Nội, Hà Nội.
136. Nguyễn Thị Thúy Vân (2017), *Tiếp cận mới về phương pháp luận biện chứng duy vật và sự vận dụng nó trong xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay,* Đề tài cấp Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2015-2017.
137. Nguyễn Thị Thu Vân (2019), *Tổng quan tình hình thanh niên, công tác Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam và phong trào thanh niên giai đoạn 2014-2019*, Đề tài nghiên cứu cấp Bộ mã số ĐT.KXĐTN 19-04.
138. Viện Nghiên cứu Thanh niên (2017), *Kết quả khảo sát tổng quan tình hình thanh niên 2012-2017, dự báo tình hình thanh niên 2017-2022.*
139. Viện Nghiên cứu Thanh niên (2020), *Kết quả điều tra "Đánh giá tình hình thanh niên Việt Nam năm 2020*".
140. Viện Nghiên cứu Thanh niên (2021), *Kết quả điều tra thực trạng tình hình tư tưởng, ý thức chính trị xã hội của thanh niên.*
141. Viện nghiên cứu thanh niên (2022), *Điều tra đánh giá tình hình thanh niên và việc thực hiện chính sách pháp luật đối với thanh niên năm 2022.*
142. Viện nghiên cứu thanh niên (2022), *Báo cáo thường niên về tình hình thanh niên Việt Nam năm 2022.*
143. Viện Nghiên cứu thanh niên (2022), *Tổng quan tình hình thanh niên Việt Nam giai đoạn 2017 - 2022 và dự báo tình hình thanh niên giai đoạn 2022 – 2027.*
144. Viện Nghiên cứu Thanh niên (2024), *Báo cáo thường niên về thanh thiếu niên Việt Nam năm 2024.*

145. Viện Ngôn ngữ học (2003), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.
146. Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ (2007), *Những chuyên đề triết học dành cho cao học và nghiên cứu sinh*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
147. Viện Triết học (2003), *Mấy vấn đề đạo đức trong điều kiện kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội
148. Huỳnh Khái Vinh (chủ biên) (2001), *Một số vấn đề về lối sống, đạo đức, chuẩn giá trị xã hội*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
149. Vladimir Soloviev, Karol Wojtyla, Albert Schweitzer (2004), *Triết học xã hội*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
150. Wang Lu và Xie Weihe (1996), *Những giá trị của thanh niên Trung Quốc*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
151. A.G. Xpirkin (1989), *Triết học xã hội*, tập 2, NXB Tuyên huấn, Hà Nội.

Tiếng Anh

152. Alieksieieva, Yu. A. (2006), *Stanovlennia moralnoi samosvidomosti pidlitkivu protsesi psykholohichnoho konsultuvannia* [*Formation of moral self-consciousness of teenagers in the process of psychological counseling*], National Pedagogical Dragomanov University.
153. Arnett, J. J. (2000), "Emerging adulthood: A theory of development from the late teens through the twenties", *American Psychologist* Vol.55(5), pp.469-480, DOI:10.1037//0003-066X.55.5.469.
154. Bordbar, S., Bahmaei, J., Farhadi Rad, H., & Yusefi, A. R. (2024), "Investigate the state of critical thinking and its impact on moral courage and moral sensitivity: Evidence from nurses' perspective", *BMC Nursing* Vol.23(825), (https://doi.org/10.1186/s12912-024-02496-6).
155. Bull, N. J. (2010), *Moral Education (International Library of the Philosophy of Education Volume 4)*, Taylor & Francis Group, eBook ISBN: 9780203861202, (https://doi.org/10.4324/9780203861202).

156. Chi Hai Nguyen (2021), "Vietnamese Students' Perceptions of Moral Values: An Assessment by Students at An Giang University",
Universal Journal of Educational Research. Vol. 9(11), pp.1814 - 1825, DOI: 10.13189/ujer.2021.091102.
157. Frisancho, S., & Delgado, G. E. (2018), "Moral education as intercultural moral education", *Intercultural Education* Vol. 29(1), pp. 18-39, (https://doi.org/10.1080/14675986.2017.1405214).
158. Hand, M. (2017), *A Theory of Moral Education*, Taylor & Francis Group, Routledge, (https://www.taylorfrancis.com/books/mono/10.4324/9781315708508/theory-moral-educationmichael-hand, https://doi.org/10.4324/9781315708508)
159. Harper, R. (2019). *Ethical education in the digital age: Fostering critical thinking in youth.*
160. Hazard, G. C., Jr. (2015), "The morality of law practice", *Hastings Law Journal* Vol.66(2), pp.380, (https://heinonline.org/HOL/License).
161. Hue Nhu Thi Nguyen (2024), "Educating a new generation: blending traditional and contemporary standards for Vietnamese youth", *Br. J. Ed., Tech. Soc*. Vol.17(2), pp.158-169, (http://dx.doi.org/10.14571/brajets.v17.nse2.158-169). ISSN 2316-99070).
162. Husted, Bryan W., and David B. Allen (2008), "Toward a Model of Cross-Cultural Business Ethics: The Impact of Individualism and Collectivism on the Ethical Decision-Making Process", *Journal of Business Ethics* Vol.82, pp. 293–305.
163. Inglehart Ronald, Christian Welzel (2005), *Modernization, Cultural Change and Democracy: The Human Development Sequence*, Cambridge University Press, Cambridge.
164. Innocent Sanga, PhD, (2022), "Philisophical assesment of youth moral quality in Tanzania in sixty years of independence", *American Journal of Humanities and Social Sciences Research (AJHSSR)* Vol.6(2), pp-192-197, e-ISSN :2378-703X.

165. Jeong, C., Seok, J. (2021), "Application of J. Haidt Moral Psychology Theory to Refine Moral Education Methods", *Journal of Moral & Ethics Education* Vol.72, pp. 1-27, DOI: 10.18338/kojmee.2021. 72.1.
166. Johnston, H., Wells, R.F., Shanks, E.M. *et al* (2024), "Student perspectives on the use of generative artificial intelligence technologies in higher education", *Int J Educ Integr* Vol.20**(**2), (https://doi.org/10.1007/s40979-024-00149-4).
167. Kohlberg, L. (1984), *The psychology of moral development: The nature and validity of moral stages*, San Francisco: Harper & Row, xxxvi + 729 pages.
168. Kutaula, S., Gillani, A., Gregory-Smith, D., & Bartikowski, B. (2024), "Ethical consumerism in emerging markets: Opportunities and challenges", *Journal of Business Ethics* Vol.191, pp.651-673, (https://doi.org/10.1007/s10551-024-05657-4).
169. Luo, A., & Bussey, K. (2023), "Moral disengagement in youth: A meta-analytic review", *Developmental Review* Vol.70 (101101), pp. 1-28, (DOI: 10.1016/j.dr.2023.101101.researchers.mq.edu.auresearchers.mq.edu.au).
170. Malti, T., Galarneau, E., & Peplak, J. (2021), "Moral development in adolescence", *Journal of Research on Adolescence* Vol.31(4), pp.1097-1113, (https://doi.org/10.1111/jora.12639).
171. Mandelbaum, D., & Stears, M. (Eds.). (2015), *The Oxford handbook of ethical theory*, Oxford University Press.
172. Pedagogical Dragomanov University.Arnett, J. J. (2000), "Emerging adulthood: A theory of development from the late teens through the twenties", *American Psychologist* Vol.55(5), June, DOI:10.1037//0003-066X.55.5.469.
173. Qi, W., & Tang, H. (2004), "The social and cultural background of contemporary moral education in China", *Journal of Moral Education* Vol.33(4), pp.465-480, (https://doi.org/10.1080/0305724042000315590).
174. Rachels, J., & Rachels, S. (2023). *The elements of moral philosophy* (10th ed.), McGraw-Hill Education.

175. Reynolds, S. J. (2006), "Moral awareness and ethical predispositions: Investigating the role of individual differences in the recognition of moral issues", *Journal of Applied Psychology* Vol.91(1), pp.233-243, (https://doi.org/10.1037/0021-9010.91.1.233).
176. Reynolds, S. J., & Miller, J. K. (2015), "The recognition of moral issues: Moral awareness, moral sensitivity and moral attentiveness", *Journal of Business Ethics* Vol.131(3), pp.525-536, (https://doi.org/10.1007/s10551-014-2327-3).
177. Ronald Inglehart, Christian Welzel (2005), *Moder171nization, Cultural Change and Democracy, The Human Development Sequence*, Cambridge University Press, Cambridge, (https://doi.org/10.1017/CBO9780511790881).
178. Sandu, C., Panişoara, G., & Panişoara, I. (2014), "Study on the development of selfawareness in teenagers", *Procedia - Social and Behavioral Sciences* Vol.180, pp. 1656- 1660, (https://doi.org/10.1016/j.sbspro.2015.05.060).
179. Schwartz, Shalom H. (2012). "An Overview of the Schwartz Theory of Basic Values", *Online Readings in Psychology and Culture* Vol.2(1), DOI:10.9707/2307-0919.1116.
180. Taylor, C. (2012) *The ethics of authenticity*, Harvard University Press, Reprint edition (August 6, 2018).
181. Van Bavel, J. J., Robertson, C. E., Del Rosario, K., Rasmussen, J., & Rathje, S. (2024), "Social media and morality", *Annual Review of Psychology* Vol.75, pp. 311–340, DOI: 10.1146/annurev-psych-022123-110258.
182. Wang, LX., Ding, Y., Lin, J. *et al*. (2025), "The Impact of Increasing Subjective Economic Inequality on Prosocial Behavior Development: The Longitudinal Mediating Effect of Trust and Moderating Effect of Socioeconomic Status", *Journal of Youth and Adolescence* Vol.54, pp.1845–1861, (https://doi.org/10.1007/s10964-025-02166-z).
183. Yanitskiy, M. S., Seryy, A. V., & Braun, O. A. (2020), "Generation Z Value Preferences And Their Sociocultural Determinants", In D. K. Bataev (Ed.), "Social and Cultural Transformations in the Context of Modern Globalism",

Dedicated to the 80th Anniversary of Turkayev Hassan Vakhitovich, *European Proceedings of Social and Behavioural Sciences* Vol.92, pp. 1211-1218, European Publisher, (https://doi.org/10.15405/epsbs.2020.10.05.161).

Website:

184. Loan Anh (2018), *Đạo đức trong nền kinh tế thị trường và nhà nước pháp quyền ở nước ta hiện nay,* <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/nghien-cu/-/2018/54875/dao-duc-trong-nen-kinh-te-thi-truong-va-nha-nuoc-phap-quyen-o-nuoc-ta-hien-nay.aspx#>, xem 07/05/2019.
185. Bảo Anh (2024), *Xây dựng giá trị hình mẫu thanh niên Việt Nam thời kỳ mới,* <https://doanthanhnien.vn/chi-tiet/xay-dung-gia-tri-hinh-mau-thanh-nien-viet-nam-thoi-ky-moi-49335>, xem 16/05/2024.
186. Bảo Anh (2024), *Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thế hệ trẻ trong bối cảnh chuyển đổi số,* <https://doanthanhnien.vn/tin-tuc/cong-tac-giao-duc/tang-cuong-giao-duc-ly-tuong-cach-mang-dao-duc-loi-song-cho-the-he-tre-trong-boi-canh-chuyen-doi-so>, xem 25/10/2024.
187. Hồng Chiêu (2026), *Gần 1,6 triệu thanh niên "ba không",* <https://vnexpress.net/gan-1-6-trieu-thanh-nien-ba-khong-5058448.html>, xem 04/04/2026.
188. Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 25/7/2008 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá*, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/hoi-nghi-bch-trung-uong/khoa-x/nghi-quyet-so-25-nqtw-ngay-2572008-hoi-nghi-lan-thu-bay-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-x-ve-tang-cuong-su-lanh-dao-612>, xem 19/10/2025.
189. Đảng Cộng sản Việt Nam (2015), *Chỉ thị số 42-CT/TW, ngày 24/3/2015 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015-*

2030,<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Chi-thi-42-CT-TW-2015-su-lanh-dao-cua-Dang-ve-cong-tac-giao-duc-ly-tuong-cach-mang-dao-duc-2015-2030-269904.aspx>, xem 24/03/2015.

190. Đảng cộng sản Việt Nam (2021), *Những điểm mới về kinh tế trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng,* <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/gioi-thieu-van-kien-dang/nhung-diem-moi-ve-kinh-te-trong-van-kien-dai-hoi-xiii-cua-dang-3781>, xem 30/11/2021.
191. Đảng Cộng sản Việt Nam (2022), *Nghị quyết số 27-NQ/TW về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới,*<https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/nghi-quyet-so-27-nqtw-ngay-09112022-hoi-nghi-lan-thu-sau-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xiii-ve-tiep-tuc-xay-dung-va-9016>,xem 09/11/2022.
192. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng*, <https://xaydungchinhsach.chinhphu.vn/toan-van-nghi-quyet-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-xiv-cua-dang-119260206221643667.htm>, xem 17/03/2026.
193. Trần Thọ Đạt và cộng sự (2023), *Kinh tế số và kinh tế xanh cần sự song hành,* <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/tin-tieu-diem/-/asset_publisher/s5L7xhQiJeKe/content/kinh-te-so-va-kinh-te-xanh-can-su-song-hanh>, xem 04/05/2023.
194. Nguyễn Ngọc Hà (2019*), Quan điểm biện chứng về vận động*, <http://m.tapchikhxh.vass.gov.vn/quan-diem-bien-chung-ve-van-dong-n50286.html#:~:text=Trong%20c%C3%A1c%20s%C3%A1ch%20gi%C3%A1o%20khoa%20tri%E1%BA%BFt%20h%E1%BB%8Dc%2C%20v%E1%BA%ADn%20%C4%91%E1%BB%99ng%20%C4%91%C6%B0%E1%BB%A3c,h%E1%BB%8Dc%2C%20v%E1%BA%ADn%20%C4%91%E1%BB%99ng%20x%C3%A3%20h%E1%BB%99i.>, xem 24/06/2019.

195. Thục Hạnh (2019), *Phòng trọ cực bẩn nhưng gần chục đôi giày vẫn cứ sạch tinh, nam thanh niên bị dân mạng mỉa mai: "Ra đường lại khối em chết mê chết mệt,* <https://kenh14.vn/phong-tro-cuc-ban-nhung-gan-chuc-doi-giay-van-cu-la-sach-tinh-nam-thanh-nien-bi-dan-mang-mia-mai-ra-duong-lai-khoi-em-chet-me-chet-met-20190514153934484.chn>, xem 14/05/2019.
196. Phạm Hồng Hạnh và Việt Hà (2025*), Khi "giang hồ, thánh chửi" được tung hô: Văn hóa thần tượng lệch lạc*!, <https://dantri.com.vn/doi-song/khi-giang-ho-thanh-chui-duoc-tung-ho-van-hoa-than-tuong-lech-lac-20250403082444402.htm>, xem 03/04/2025.
197. Khánh Huyền (2022), *Hội thảo quốc gia "Hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới",* <https://www.qdnd.vn/van-hoa/doi-song/hoi-thao-quoc-gia-he-gia-tri-quoc-gia-he-gia-tri-van-hoa-he-gia-tri-gia-dinh-va-chuan-muc-con-nguoi-viet-nam-trong-thoi-ky-moi-712439>, xem 29/11/2022.
198. Nguyễn Thị Khuyên (2017), *Tình cảm đạo đức - cơ sở cho sự phát triển nhân cách con người*, <https://mattran.org.vn/to-chuc-thanh-vien/tinh-cam-dao-duc-co-so-cho-su-phat-trien-nhan-cach-con-nguoi-7120.html>, xem 10/07/2017.
199. Tổng Bí thư Tô Lâm (2025), *Học tập suốt đời*, <https://baochinhphu.vn/bai-viet-cua-tong-bi-thu-to-lam-hoc-tap-suot-doi-102250301172143439.htm>, xem 02/02/2025.
200. Tổng Bí thư Tô Lâm (2025), *Tương lai cho thế hệ vươn mình,* <https://baochinhphu.vn/tuong-lai-cho-the-he-vuon-minh-102250324212853694.htm>, xem 25/03/2025.
201. Tổng Bí thư Tô Lâm (2026), *Thanh niên với tương lai đất nước*, <https://tuoitre.vn/tong-bi-thu-to-lam-doi-moi-sang-tao-cua-thanh-nien-bao-trum-nhieu-mat-doi-song-quoc-gia-20260324070424809.htm>,xem 24/03/2026.
202. Phương Liên (2015), *Thanh niên và niềm tin thế hệ,*

<https://baochinhphu.vn/thanh-nien-va-niem-tin-the-he-102183631.htm>,xem 15/05/20215.

203. Thủy Linh (2023), *Hội nghị Nghị sĩ trẻ toàn cầu: Tọa đàm "Tăng cường năng lực số cho thanh niên,* <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/hoat-ong-cua-lanh-ao-ang-nha-nuoc/-/2018/828620/hoi-nghi-nghi-si-tre-toan-cau--toa-dam-%E2%80%9Ctang-cuong-nang-luc-so-cho-thanh-nien%E2%80%9D.aspx>, xem 15/09/2023
204. Tuyết Minh (2018), *Liên Hợp Quốc với " Chiến lược tuổi trẻ",* <https://baochinhphu.vn/lien-hop-quoc-voi-chien-luoc-tuoi-tre-102245234.htm>, xem 25/09/2018.
205. Khải Minh (2024), *Thế hệ Gen Z 'đi săn' đĩa CD nhạc cổ điển*, <https://thanhnien.vn/the-he-gen-z-di-san-dia-cd-nhac-co-dien-185241031152151676.htm>, xem 04/11/2024.
206. Thanh Nam (2024), *Sống 'phông bạt' là gì mà dân mạng đang nhắc đến rất nhiều?,*<https://thanhnien.vn/song-phong-bat-la-gi-ma-dan-mang-dang-nhac-den-rat-nhieu-185240913140416031.htm>, xem 13/09/2024.
207. An Nguyên, Thùy Trang (2024), *"Phông bạt" trên Facebook là căn bệnh và cần thuốc chữa,* <https://laodong.vn/van-hoa-giai-tri/phong-bat-tren-facebook-la-can-benh-va-can-thuoc-chua-1393892.ldo>, xem 14/09/2024.
208. Hiếu Nguyễn (2024), *Bạn trẻ sống chậm cùng trào lưu 'chill guy'* , <https://svvn.tienphong.vn/ban-tre-song-cham-cung-trao-luu-chill-guy-post1700001.tpo>, xem 13/12/2024.
209. Nicholas Fitz (2015), *Economic inequality: It's far worse than you think,* <https://www.scientificamerican.com/article/economic-inequality-it-s-far-worse-than-you-think/>, xem 31/3/2015.
210. Vũ Phong (2024), *Tổng Bí thư Tô Lâm gợi mở 3 vấn đề đối với ngành giáo dục và đào tạo*, <https://baochinhphu.vn/tong-bi-thu-to-lam-goi-mo-3-van-de-doi-voi-nganh-giao-duc-va-dao-tao-102241118120220492.htm>, xem 18/11/2024.

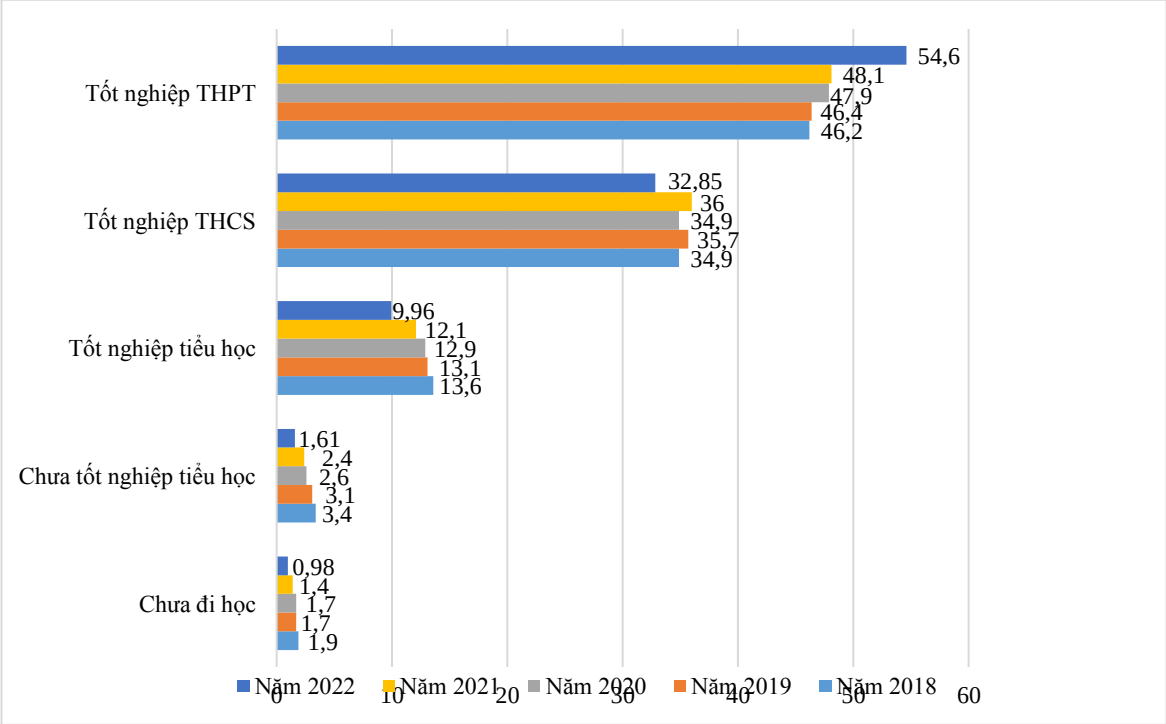
211. Ánh Phương (2025), *Xu hướng tiêu dùng xanh 2025: Người trẻ ưu tiên sản phẩm thân thiện môi trường*, <https://vov.vn/thi-truong/tieu-dung/xu-huong-tieu-dung-xanh-2025-nguoi-tre-uu-tien-san-pham-than-thien-moi-truong-post1230208.vov>, xem 17/09/2025.
212. Nguyễn Phú Phương (2025), *Nhận diện và phòng ngừa biểu hiện "nhạt Đảng, phai Đoàn" ở một bộ phận thanh niên Việt Nam hiện nay: Biểu hiện và tác hại*,<https://www.qdnd.vn/phong-chong-dien-bien-hoa-binh/nhan-dien-va-phong-ngua-bieu-hien-nhat-dang-phai-doan-o-mot-bo-phan-thanh-nien-viet-nam-hien-nay-bai-1-bieu-hien-va-tac-hai-1013511>, xem 24/11/2025.
213. Nguyễn Văn Quý (2024), *Giá trị, lối sống của thanh niên hiện nay*, <https://thanhnienviet.vn/gia-tri-loi-song-cua-thanh-nien-hien-nay-209241028090453508.htm>, xem 28/10/2024.
214. Ngọc Sang (2025), *Người trẻ lại mê máy chụp phim xưa*, <https://tuoitre.vn/nguoi-tre-lai-me-may-chup-phim-xua-20250809114835864.htm>, xem 09/08/2025.
215. Ngô Phương Thảo và cộng sự (2021), *Văn hóa soi đường cho quốc dân đi*, <https://nhandan.vn/special/van-hoa-soi-duong/index.html>, xem 22/11/2021.
216. Nguyễn Viết Thông (2021), *Các văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã tiếp thu có chọn lọc những giá trị chung của nhân loại* , <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/gioi-thieu-van-kien-dang/cac-van-kien-dai-hoi-xiii-cua-dang-da-tiep-thu-co-chon-loc-nhung-gia-tri-chung-cua-nhan-loai-3769>, xem 22/10/2021.
217. Thông tấn xã Việt Nam (2023), *EU đạt thỏa thuận về quy định quản lý AI toàn diện đầu tiên trên thế giới*, <https://nhandan.vn/eu-dat-thoa-thuan-ve-quy-dinh-quan-ly-ai-toan-dien-dau-tien-tren-the-gioi-post786746.html>, xem 09/12/2023.
218. UNDP Việt Nam (2024), *Báo cáo đầy đủ " Kiến tạo tương lai - Lồng ghép góc nhìn của thanh niên vào quá trình chuyển dịch năng lượng công bằng ở Việt Nam*, <https://www.undp.org/vietnam/publications/future-making-integrating-youth-perspectives-viet-nams-just-energy-transition >, xem 08/01/2025.

219. Unesco, *Unesco with, by and for youth,* < https://www.unesco.org/en/youth# >.
220. Hà Văn (2025), *Thủ tướng Chính phủ: Quốc tế hóa bản sắc văn hóa dân tộc, dân tộc hóa tinh hoa văn hóa thế giới*, <https://baochinhphu.vn/thu-tuong-quoc-te-hoa-ban-sac-van-hoa-dan-toc-va-dan-toc-hoa-tinh-hoa-van-hoa-the-gioi-102250701120735659.htm>, xem 01/07/2025.
221. Hà Văn (2026), *Thủ tướng Phạm Minh Chính: Đoàn viên, thanh niên hăng hái đi đầu thực hiện "6 tiên phong",* <https://baochinhphu.vn/thu-tuong-pham-minh-chinh-doan-vien-thanh-nien-hang-hai-di-dau-thuc-hien-6-tien-phong-102260326180739546.htm>, xem 26/03/2026.
222. Nguyễn Khánh Vân (2022), *Quan hệ sugar daddy - sugar baby đang dần được "bình thường hóa"?,*<https://dantri.com.vn/nhip-song-tre/quan-he-sugar-daddy-sugar-baby-dang-dan-duoc-binh-thuong-hoa-20220424140704599.htm>, xem 26/04/2022.
223. VERO-ASEAN (2024), White Paper Turning Hopes into Realities: *Empowering Southeast Asia's Youth Through Policy Change* , <https://vero-asean.com/whitepaper/empowering-southeast-asia-youth-through-policy-change-2/>, xem 21/10/2024.
224. Wikipedia, *Generation Z*, <https://en.wikipedia.org/wiki/Generation_Z#:~:text=Most%20news%20outlets%2C%20management%20and,born%201997%20to%202013)%22>.
225. World Values Survey Association, *WVS Wave 7 (2017-2022)*, <https://www.worldvaluessurvey.org/WVSDocumentationWV7.jsp>.

PHỤ LỤC

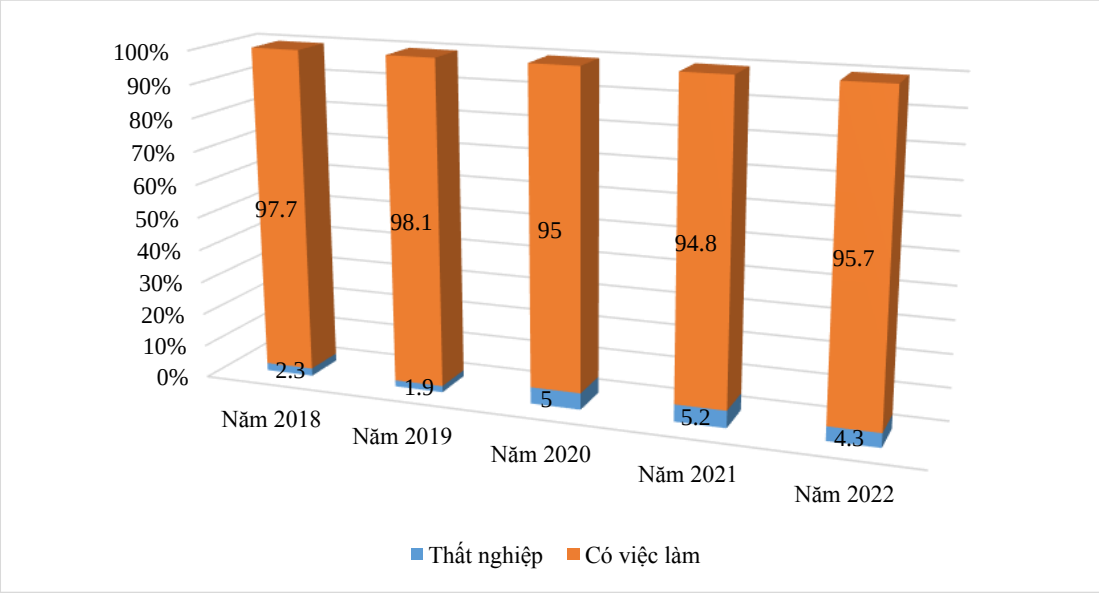
CÁC BẢNG BIỂU

1. Biểu đồ 3a. Trình độ học vấn phổ thông của TN giai đoạn 2018 – 2022(%)



Nguồn: Tổng cục Thống kê [112];[113];[114];[116];[117]

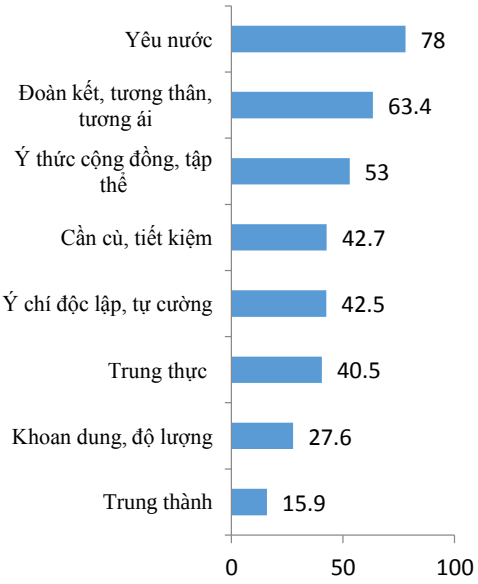
2. Biểu đồ 3b. Tỉ lệ việc làm của thanh niên giai đoạn 2018 – 2022 (%)



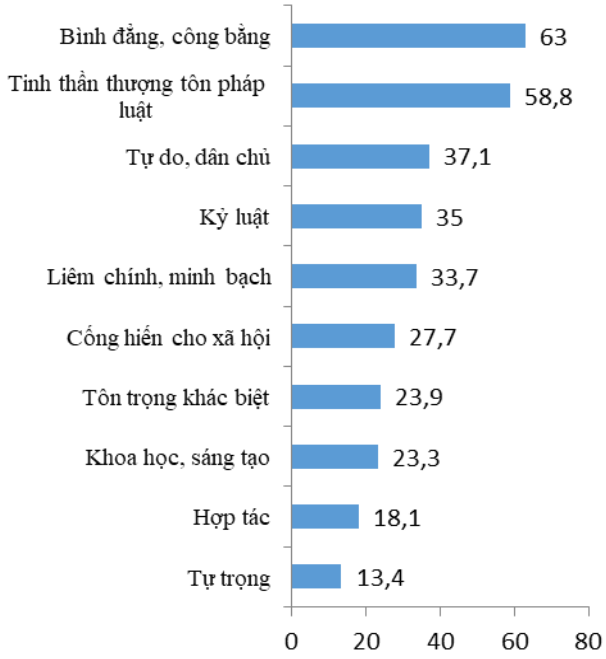
Nguồn: Tổng cục Thống kê [112];[113];[114];[116];[117]

3. Biểu đồ 3c. Quan niệm của TN về các giá trị xã hội cần thiết trong đời sống xã hội hiện nay năm (%)

Quan niệm về giá trị đạo đức xã hội truyền thống

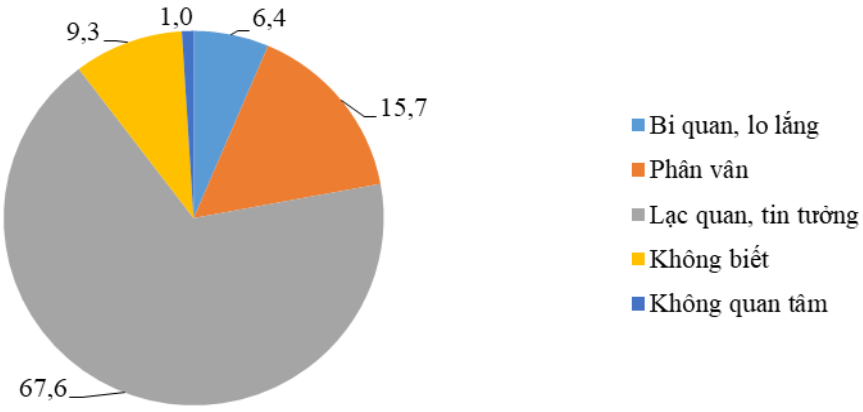


Quan niệm về giá trị đạo đức xã hội gắn với thời đại



Nguồn: Viện nghiên cứu thanh niên [141]

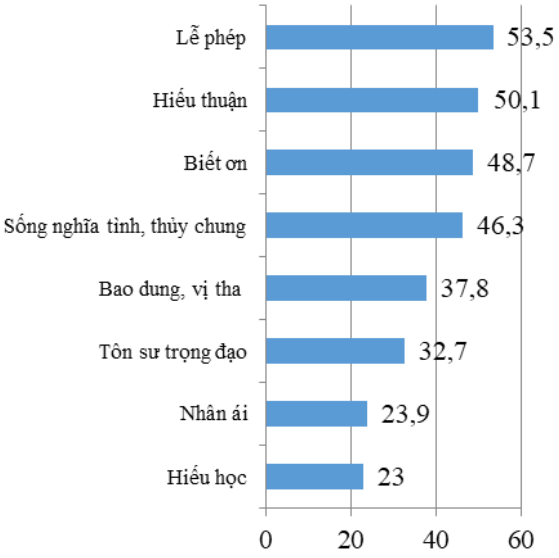
4. Biểu đồ 3d. Cảm nhận của TN về tình hình KT – XH của đất nước năm 2022



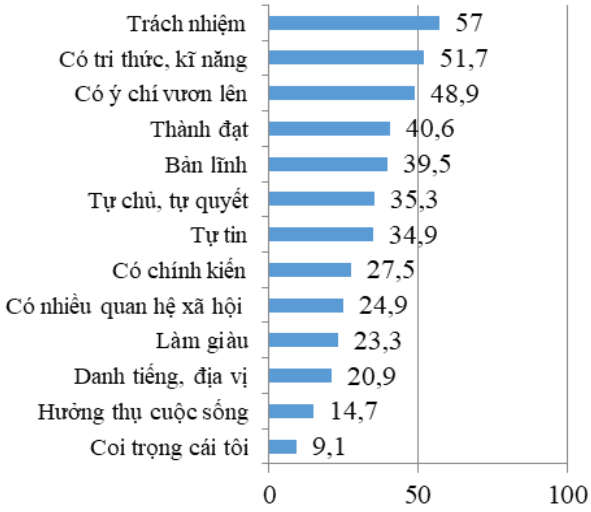
Nguồn: Viện nghiên cứu thanh niên [141]

5. Biểu đồ 3e. Ý kiến của thanh niên về những giá trị cá nhân có ý nghĩa quan trọng trong cuộc sống (%)

Những giá trị cá nhân truyền thống



Những giá trị cá nhân gắn với thời đại



Nguồn: Viện nghiên cứu thanh niên [141]

6. Bảng 3.1. Thống kê tình hình cơ cấu dân số TN Việt Nam (2018 – 2022)

Năm	Tổng (người)	Tỉ lệ so với tổng dân số (%)	Tỉ lệ theo giới tính (%)		Tỉ lệ theo khu vực (%)		Tỉ lệ theo nhóm tuổi (%)		
			Nam	*Nữ*	*Thành thị*	*Nông thôn*	*16 - 19 tuổi*	*20 - 24 tuổi*	*25 - 30 tuổi*
2018	**23,316,036**	**24.4**	**51**	**49**	**36.2**	**63.8**	**22.3**	**32.7**	**45**
2019	**22,898,886**	**23.7**	**51**	**49**	**36.7**	**63.3**	**22.9**	**31.3**	**45.9**
2020	**22,609,812**	**23.2**	**51.1**	**48.9**	**38.8**	**61.2**	**23.5**	**30.5**	**46**
2021	**22,169,712**	**22.5**	**51.2**	**48.8**	**40.2**	**59.8**	**23.8**	**30.3**	**45.8**
2022	**20,720,907**	**20.9**	**51.2**	**48.8**	**39.2**	**60.8**	**25.8**	**30.2**	**44**

Nguồn: Tổng cục Thống kê [112];[113];[114];[116];[117]

7. Bảng 3.2. Dân số thanh niên theo khu vực 2018 - 2024

Năm	*Dân số thanh niên ('000 người)*			*Cơ cấu dân số thanh niên (%)*		
	Tổng số	*Thành thị*	*Nông thôn*	*Tổng số*	*Thành thị*	*Nông thôn*
2018	*23.316.036*	*8.433.488*	*14.882.548*	*100,0*	*36,2*	*63,8*
2019	*22.898.886*	*8.397.709*	*14.501.177*	*100,0*	*36,7*	*63,3*
2020	*22.609.812*	*8.782.881*	*13.826.931*	*100,0*	*38,8*	*61,2*
2021	*22.169.712*	*8.910.007*	*13.259.705*	*100,0*	*40,2*	*59,8*
2022	*20.720.907*	*8.127.516*	*12.593.390*	*100,0*	*39,2*	*60,8*
2023	*20.123.000*	*7.988.000*	*12.135.000*	*100,0*	*39,7*	*60,3*
2024	*20.041.000*	*7.987.000*	*12.054.000*	*100,0*	*39,9*	*60,1*

Nguồn: Tổng cục Thống kê (2018 - 2024) [Theo:144, tr.10-11]

8. Bảng 3.3.Tình trạng học vấn của thanh niên phân theo khu vực

Đặc điểm	Chung (so với dân số thanh niên)		Thành thị		Nông thôn	
	Số lượng (người)	%	Số lượng (người)	%	Số lượng (người)	%
1. Chưa đi học	160.000	0,9	32.000	0,2	128.000	0,7
2. Chưa tốt nghiệp tiểu học	317.000	1,8	81.000	0,4	236.000	1,4
3. Tốt nghiệp tiểu học	1.864.000	10,8	489.000	2,8	1.374.000	8,0
4. Tốt nghiệp THCS	3.901.000	22,5	1.029.000	5,9	2.871.000	16,6
5. Tốt nghiệp THPT	11.069.000	64,0	5.246.000	30,3	5.824.000	33,7

Nguồn: Tổng cục Thống kê (2024) [Theo: 144, tr.10-11]

9. Bảng 3.4. Trình độ chuyên môn kỹ thuật của TN (2018 – 2022) (%)

Trình độ chuyên môn kỹ thuật	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Sơ cấp	**5.4**	**5.1**	**3.0**	**2.9**	**4.6**
Trung cấp	**3.6**	**3.5**	**3.7**	**3.3**	**3.2**
Cao đẳng	**5.3**	**5.2**	**5.8**	**5.6**	**6.1**
Đại học trở lên	**9.3**	**9.4**	**10.4**	**10**	**12.4**

Nguồn: Tổng cục Thống kê [112];[113];[114];[116];[117]

10. Bảng 3.5. Ý kiến của TN về sự biến đổi các giá trị trong các mối quan hệ xã hội (%)

Giá trị	Không còn được coi trọng như trước	Vẫn còn được coi trọng như trước	Được coi trọng nhiều hơn trước
1. Tôn sư trọng đạo	**26,8**	**58,7**	**14,5**
2. Uống nước nhớ nguồn	**14,0**	**67,1**	**18,9**
3. Lá lành đùm lá rách	**12,7**	**51,5**	**35,8**
4. Cần kiệm liêm chính, chí công vô tư	**28,4**	**46,4**	**25,2**
5. Một điều nhịn chín điều lành	**34,0**	**45,7**	**20,3**
6. Gieo gió gặt bão	**23,1**	**59,5**	**17,4**
7. Chữ tín còn quý hơn vàng	**19,0**	**45,6**	**35,4**
8. Đói cho sạch, rách cho thơm	**16,9**	**55,7**	**27,4**

Nguồn: Viện nghiên cứu thanh niên [141]